

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, 8 – 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

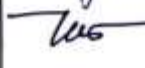
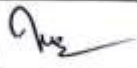
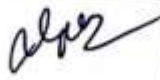
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, 8 - 2024

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	PGS.TS. Trần Quốc Bình	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	PGS.TS. Bùi Quang Thành	Trưởng Khoa Địa lý	Phó Chủ tịch	
4.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thư ký	
5.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
6.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên	
7.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính	Thành viên	
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên	
9.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ	Thành viên	

10.	TS. Lê Hữu Tuyển	Phó Trưởng Phòng Hợp tác và Phát triển, Phụ trách phòng	Thành viên	
11.	ThS. Trần Tùng	Trưởng Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên	
12.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
13.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên	
14.	PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương	Phó Trưởng Khoa Địa lý	Thành viên	
15.	TS. Phạm Sỹ Liêm	Phó Trưởng Khoa Địa lý	Thành viên	
16.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Trưởng Bộ môn Quản lý đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên	
17.	TS. Nguyễn Thị Hà Thành	Trưởng Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch, Khoa Địa lý	Thành viên	
18.	PGS.TS. Mẫn Quang Huy	Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên	
19.	TS. Phạm Thị Phin	Phó Trưởng Bộ môn Quản lý đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên	
20.	TS. Đỗ Thị Tài Thu	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên	
21.	TS. Vũ Phương Lan	Trưởng Bộ môn Bản đồ - Viễn thám, Khoa Địa lý	Thành viên	
22.	TS. Nguyễn Hữu Duy	Phó Trưởng Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch, Khoa Địa lý	Thành viên	

23.	ThS. Phạm Lê Tuấn	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên	
24.	TS. Nguyễn Xuân Linh	Giám đốc Trung tâm CARGIS	Thành viên	
25.	TS. Lê Phương Thúy	Phó Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên	
26.	TS. Trịnh Thị Kiều Trang	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên	
27.	Hà Thị Thu Trang	Sinh viên K65 (Khóa 1), ngành Quản lý phát triển đô thị và BDS	Thành viên	

(Danh sách gồm có 27 người).

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT	9
DANH MỤC BẢNG	11
DANH MỤC HÌNH	11
PHẦN I. KHÁI QUÁT	12
1. Đặt vấn đề.....	12
2. Tổng quan chung	17
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	33
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	33
Tiêu chí 1.1.	33
Tiêu chí 1.2.	38
Tiêu chí 1.3.	43
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	46
Tiêu chí 2.1.	47
Tiêu chí 2.2.	49
Tiêu chí 2.3.	51
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	54
Tiêu chí 3.1.	54
Tiêu chí 3.2.	57
Tiêu chí 3.3.	60
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	64
Tiêu chí 4.1.	64
Tiêu chí 4.2.	65
Tiêu chí 4.3.	69
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	71
Tiêu chí 5.1.	71
Tiêu chí 5.2.	75
Tiêu chí 5.3.	78
Tiêu chí 5.4.	81

Tiêu chí 5.5.	84
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, Nghiên cứu viên	87
Tiêu chí 6.1.	87
Tiêu chí 6.2.	90
Tiêu chí 6.3.	94
Tiêu chí 6.4.	96
Tiêu chí 6.5.	98
Tiêu chí 6.6.	100
Tiêu chí 6.7.	102
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	107
Tiêu chí 7.1.	107
Tiêu chí 7.2.	114
Tiêu chí 7.3.	117
Tiêu chí 7.4.	119
Tiêu chí 7.5.	123
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	125
Tiêu chí 8.1.	126
Tiêu chí 8.2.	128
Tiêu chí 8.3.	130
Tiêu chí 8.4.	132
Tiêu chí 8.5.	136
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	139
Tiêu chí 9.1.	139
Tiêu chí 9.2.	143
Tiêu chí 9.3.	145
Tiêu chí 9.4.	147
Tiêu chí 9.5.	151
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	154
Tiêu chí 10.1.	154
Tiêu chí 10.2.	157

Tiêu chí 10.3.....	161
Tiêu chí 10.4.....	162
Tiêu chí 10.5.....	164
Tiêu chí 10.6.....	168
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	171
Tiêu chí 11.1.....	171
Tiêu chí 11.2.....	176
Tiêu chí 11.3.....	180
PHẦN III. KẾT LUẬN	190
PHẦN IV. PHỤ LỤC	204

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

TT	CỤM TỪ VIẾT TẮT	CỤM TỪ VIẾT TẮT ĐẦY ĐỦ
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CB	Cán bộ
3.	CBVC	Cán bộ viên chức
4.	CĐR	Chuẩn đầu ra/ Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
5.	CLOs	Chuẩn đầu ra các học phần
6.	CNTT	Công nghệ thông tin
7.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	CSGD	Cơ sở giáo dục
10.	CT&CTSV	Chính trị và Công tác sinh viên
11.	CTDH	Chương trình dạy học
12.	CTĐT	Chương trình đào tạo
13.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
14.	ĐH	Đại học
15.	ĐHKHTN-ĐHQGHN	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội
16.	ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
17.	ĐHKHTN	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
18.	ĐT	Đào tạo
19.	GV	Giảng viên
20.	GVC	Giảng viên chính
21.	GVCC	Giảng viên cao cấp
22.	GDDH	Giáo dục đại học
23.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo

24.	GD	Giáo dục
25.	GVCN&CVHT	Giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập
26.	GS	Giáo sư
27.	KHCN	Khoa học công nghệ
28.	KQHT	Kết quả học tập
29.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
30.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
31.	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
32.	KTV	Kỹ thuật viên
33.	NCKH SV	Nghiên cứu khoa học sinh viên
34.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
35.	NVC	Nghiên cứu viên
36.	NVCC	Nghiên cứu viên chính
37.	NH	Người học
38.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
39.	PGS	Phó giáo sư
40.	QTBV	Quản trị Bảo vệ
41.	QLPTĐT&BDS	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản
42.	SV	Sinh viên
43.	TTPC&ĐBCL	Thanh tra Pháp chế và đảm bảo chất lượng
44.	TT CNTT&TT	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
45.	TCCB-HC	Tổ chức cán bộ - hành chính
46.	ThS	Thạc sĩ
47.	TS	Tiến sĩ
48.	TSKH	Tiến sĩ Khoa học

DANH MỤC BẢNG

- Bảng 1.1. Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản
- Bảng 3.1. Phân bổ khối kiến thức trong CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BĐS
- Bảng 4.1. Ma trận hoạt động dạy và học phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
- Bảng 5.1. Bảng quy đổi thang điểm chữ sang điểm số
- Bảng 6.1 Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Khoa Địa lý
- Bảng 6.2. Số lượng sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS trong 4 năm học gần nhất.
- Bảng 6.3. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS trong 4 năm học gần nhất
- Bảng 6.4. Các chỉ số về KH&CN giai đoạn 2019-2024 của Khoa Địa lý
- Bảng 7.1. Nhân viên hỗ trợ đến từ ĐHQGHN
- Bảng 7.2. Nhân viên hỗ trợ đến từ Trường ĐHKHTN [[H07. 07.01.16](#)]
- Bảng 8.1. Thống kê chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn ngành QLPTĐT&BDS
- Bảng 8.2. Hệ thống giám sát học tập của sinh viên
- Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành QLPTĐT&BDS
- Bảng 11.2. Số liệu sinh viên khóa đầu tiên 2020-2024 tốt nghiệp đúng hạn sau 4 năm (được xét công nhận tốt nghiệp tháng 6, 7 năm 2024)
- Bảng 11.3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học được đối sánh để cải tiến chất lượng
- Bảng 11.4. Tỷ lệ sinh viên QLPTĐT&BDS có việc làm sau tốt nghiệp 1 tháng
- Bảng 11.5. Thống kê nghiên cứu khoa học của sinh viên QLPTĐT&BDS

DANH MỤC HÌNH

- Hình 1. Cơ cấu tổ chức về hoạt động ĐBCL bên trong
- Hình 2. Sơ đồ tổ chức Khoa Địa lý
- Hình 10.1. Biểu đồ điểm đánh giá trung bình của sinh viên về học phần của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản từ năm 2020-2023
- Hình 10.2. Biểu đồ số lượng báo cáo NCKH Sinh viên khoa Địa lý và ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản giai đoạn 2021-2024

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Năm 1966, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Đại học Quốc gia Hà Nội) đã thành lập Khoa Địa lý - Địa chất. Đến năm 1995, Khoa Địa lý được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba bộ môn của Khoa Địa lý - Địa chất cũ là Đại mạo, Sinh thái cảnh quan & Môi trường, và Bản đồ. Qua gần 60 năm phát triển, Khoa Địa lý đã trở thành trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu quốc gia về địa lý, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý phát triển đô thị và bất động sản. Khoa hiện quản lý 4 chương trình đào tạo đại học, 5 CTĐT bậc ThS và 4 chương trình đào tạo TS. Khoa cũng đã và đang xây dựng các mối quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới. Khoa Địa lý đã góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Khoa đã vinh dự được phong tặng danh hiệu Huân chương lao động hạng nhì.

Khoa Địa lý và Trường ĐHKHTN luôn quan tâm tới chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và coi chất lượng CTĐT đóng vai trò quan trọng trong việc tồn tại và phát triển của đơn vị. Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) là một giải pháp quản lý nhằm đưa ra những kết quả tin cậy bằng cách kiểm soát các điều kiện, quá trình tổ chức giáo dục thông qua những tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số ở các lĩnh vực cơ bản của hệ thống giáo dục cũng như của các cơ sở giáo dục. Công tác KĐCLGD ở những nơi phát triển đã trở thành hoạt động thường xuyên, quen thuộc, thậm chí trở thành điều kiện tồn tại của nhiều cơ sở giáo dục. Xuất phát từ nhận thức như vậy, Khoa Địa lý đã có 02 CTĐT được kiểm định đạt chất lượng theo Tiêu chuẩn của Hội đồng Kiểm định Chất lượng thuộc Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network

- Quality Assurance (AUN-QA)) bao gồm CTĐT cử nhân Ngành Địa lý tự nhiên (2017) và CTĐT Cử nhân ngành Quản lý đất đai (2020).

Với mục tiêu đánh giá chính xác nhất chất lượng giáo dục hiện có, duy trì, cải tiến và nâng cao hiệu quả đào tạo để từ đó đảm bảo sự minh bạch, khách quan đối với xã hội, Nhà trường và Khoa đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản. Báo cáo là kết quả của quá trình

tự đánh giá theo Bộ Tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 và căn cứ vào các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo” (Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020); “Điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD” (Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD, ngày 10/6/2021); “Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo” (Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 26 tháng 6 năm 2016); “Công văn về việc thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” (Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019).

Việc tự đánh giá CTĐT Quản lý phát triển đô thị và bất động sản đã/sẽ giúp Nhà Trường, Khoa Địa lý tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT góp phần xây dựng triển khai các kế hoạch hành động, nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, là điều kiện cần thiết để Nhà Trường đăng kí đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để hoàn thiện công tác đánh giá CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được thành lập theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN với sự tham gia của Ban Giám hiệu, Trưởng Khoa Địa lý, Lãnh đạo các phòng, ban, trung tâm trong Trường, các phó trưởng Khoa và trưởng các Bộ môn tham gia giảng dạy cho CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản. Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng TTPC&ĐBCL tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật để các Ban Thư ký và Nhóm công tác chuyên trách thống nhất thực hiện. Các phòng, ban, trung tâm của nhà trường phối hợp cung cấp thông tin, minh chứng về công tác đào tạo, sinh viên, NCKH, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất... Khoa Địa lý tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan tới các nhiệm vụ của Khoa. Để công tác tự đánh giá CTĐT được

diễn ra thuận lợi, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá (CV 725/KH-ĐHKHTN ngày 18/3/2024) và điều chỉnh kế hoạch tự đánh giá (CV 928/KH- ĐHKHTN ngày 29/3/2024).

Báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được cấu trúc gồm 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần 1. Khái quát: Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng cấp nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được trình bày theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, ban hành kèm Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14 ngày 3 tháng 2016 của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: TC1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; TC2. Bản mô tả CTĐT; TC3. Cấu trúc và nội dung CTDH; TC4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; TC5. Đánh giá kết quả học tập của người học; TC6. Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV); TC7. Đội ngũ nhân viên (NV); TC8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học; TC9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị; TC10. Nâng cao chất lượng; TC11. Kết quả đầu ra.

Phần 3. Kết luận: Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản của Trường ĐHKHTN (Phụ lục 6a theo Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT).).

Phần 4. Phụ lục: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT; quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá, kế hoạch tự đánh giá, danh mục minh chứng.

Giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo.

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hội minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp);
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên);
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...);

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1 (xem phụ lục).

Mục đích tự đánh giá

Nâng cao chất lượng của CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng chương trình. Đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

Nhà trường, Khoa và các cán bộ viên chức biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT, từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan.

Phạm vi tự đánh giá

Trường ĐHKHTN thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2019 - 2024.

Phương pháp và Công cụ đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH gồm 11 tiêu chuẩn 50 tiêu chí (theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDDT, ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT) và các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: “Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT (Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020); “Điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD” (Công văn số 774/ QLCL-KĐCLGD, ngày 10/6/2021); “Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH” (1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 26/6/2016); Hướng dẫn về mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá và gọi ý minh chứng (Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019).

Mỗi tiêu chí được viết theo trình tự : Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại; Lên kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại trong thời gian tới.

Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng được thành lập theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng. Hội đồng gồm có 27 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có : Ban Thư ký gồm 6 thành viên và 11 nhóm công tác chuyên trách gồm 22 thành viên.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD với các bước chính sau :

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách;
- Bước 3: Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
- Bước 4: Thu thập thông tin, minh chứng, phân tích tiêu chí, mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Xin ý kiến đóng góp của hội đồng TĐG và các chuyên gia KĐCL;
- Bước 8: Hoàn thiện báo cáo TĐG theo các góp ý và báo cáo hội đồng TĐG để thông qua;
- Bước 9: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;
- Bước 10: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá (quy trình gửi báo cáo TĐG để thực hiện đánh giá ngoài).

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Đại học Quốc Gia Hà Nội

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển với tiền thân là Đại học Đông Dương (1906), Đại học Quốc gia Việt Nam (1945), Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956), tháng 12 năm 1993, ĐHQGHN được thành lập trên cơ sở tái cơ cấu tổ chức, hợp nhất Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và một số đại học hàng đầu khác ở Hà Nội. Ngày nay, ĐHQGHN giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống giáo dục đại học và sau đại học ở Việt Nam, hoạt động theo cơ chế đặc biệt được ban hành bởi Nghị định của Chính phủ.

ĐHQGHN có sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Tầm nhìn đến năm 2045: Trở thành đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, trong nhóm các đại học hàng đầu châu Á và thế giới. Giá trị cốt lõi: Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm quốc gia - Phát triển bền vững. Khẩu hiệu hành động: Đạt đỉnh cao dựa vào tri thức (Excellence through Knowledge).

ĐHQGHN có 9 trường đại học thành viên (do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập), 3 trường và 1 khoa trực thuộc, 6 viện nghiên cứu, 2 trung tâm đào tạo, 2 tổ chức khoa học và công nghệ, 20 đơn vị dịch vụ và hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Mục tiêu của ĐHQGHN là phát triển các trường đại học đa ngành chất lượng cao và kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng.

ĐHQGHN hiện được xếp hạng 851-900 trong bảng đánh giá xếp hạng các trường đại học trên thế giới theo tiêu chuẩn QS (QS World University Ranking năm 2025), tăng 100 bậc so với lần xếp hạng trước đó. Liên tục duy trì ở nhóm thứ hạng này trên bảng xếp hạng và điểm xếp hạng của ĐHQGHN ngày càng gia tăng, dẫn tới thứ hạng tuyệt đối trong bảng xếp hạng cũng dần được nâng cao. Cụ thể, ở hai đợt xếp hạng 2019 và 2020, ĐHQGHN đứng trong nhóm 78.5% (2019) và 74.9% (2020) các trường đại học hàng đầu. Ở đợt xếp hạng 2021, ĐHQGHN vươn lên đứng trong nhóm 67.5% các trường đại học hàng đầu thế giới. Năm 2021, trong bảng xếp hạng QS Top 50 Under 50 dành cho các trường đại học có thời gian thành lập dưới 50 năm, ĐHQGHN lần đầu tiên có mặt với vị trí trong nhóm 101 - 150 các trường đại học trẻ tuổi có chất lượng giáo dục hàng đầu trên thế giới. Năm 2023, ĐHQGHN ở vị trí 162, thuộc top 21,3% các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á, ở vị trí 36 khu vực Đông Nam Á.

2.2. Giới thiệu về Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) là cơ sở đào tạo đại học công lập trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân; là trường đại học thành viên và chịu sự quản lý trực tiếp của ĐHQGHN theo Nghị định số 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính

phủ. Trường ĐHKHTN là sự kế thừa truyền thống, kế thừa tư cách pháp nhân của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Trường ĐHKHTN là trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Trường có tầm nhìn trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến ở Châu Á vào năm 2035. Giá trị cốt lõi của Nhà trường là: Chất lượng xuất sắc; Tiên phong, sáng tạo; Trách nhiệm xã hội; Hợp tác thân thiện. Khẩu hiệu hành động: Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội.

Về cơ cấu tổ chức, Trường ĐHKHTN hiện có 9 đơn vị đào tạo (8 khoa và 1 Trường THPT Chuyên), 2 đơn vị nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo, 1 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia và 6 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp ĐHQGHN, 8 phòng chức năng và 2 đơn vị hỗ trợ, dịch vụ. Nguồn nhân lực trình độ cao luôn là ưu thế của Trường so với các cơ sở giáo dục đại học khác trên cả nước. Hiện tại (tháng 6/2024), Trường có 680 cán bộ, viên chức, trong đó có 402 giảng viên (17 giáo sư, 123 phó giáo sư, 208 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học) với 14 nhà giáo nhân dân và nhà giáo ưu tú. Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKHTN được thể hiện bằng sơ đồ có tại địa chỉ trang web: <https://hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc/so-do-to-chuc.html>

Trải qua gần 70 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHKHTN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu thi đua, khen thưởng cao quý: Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; 02 Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Lao động Nhất, Nhì, Ba; Bằng khen Thủ tướng và Cờ thi đua Chính phủ. Nhiều đơn vị trong Trường đạt được danh hiệu Anh hùng Lao động, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động các hạng và các hình thức thi đua, khen thưởng cao quý khác.

Về cơ sở vật chất: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), ĐHQGHN, hiện đang quản lý sử dụng đất tại các cơ sở như sau:

Trụ sở chính tại địa chỉ 334 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội có 16466,17 m² diện tích đất và 28560,81 m² diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

Cơ sở tại 19 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội có 8.883 m² diện tích đất và 6.303,96 m² diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

Cơ sở Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên tại địa chỉ 182 Lương Thế Vinh, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội, có diện tích sàn xây dựng phục vụ công tác đào tạo là 7.533 m²;

Cơ sở tại thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc có 2140 m² diện tích đất phục vụ công tác thực tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Cơ sở nhà trường tại Hoà Lạc với diện tích được quy hoạch là 65.1 ha, bao gồm 25 công trình và hạng mục công trình với tổng diện tích sàn 242.400 m². Hiện tại, ĐHQGHN đã xây dựng xong toà nhà HT1 và HT2 với khoảng 33.000 m² sàn đang giao cho Trung tâm quản lý đô thị đại học quản lý và vận hành phục vụ các đơn vị trong ĐHQGHN.

Về đào tạo:

Trường ĐHKHTN tổ chức đào tạo 4 bậc đào tạo: trung học phổ thông chuyên, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Trường THPT Chuyên KHTN tuyển sinh hàng năm khoảng 550 học sinh phân bổ vào 5 khối: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học và Tin học. Đây là ngôi trường THPT giàu thành tích nhất Việt Nam với hàng chục huy chương vàng tại các kỳ thi Olympic quốc tế.

Đào tạo bậc đại học và sau đại học được triển khai tại 8 khoa: gồm: Toán-Cơ-Tin học; Vật lý; Hoá học; Sinh học; Địa lý; Địa chất; Khí tượng-Thủy văn-Hải dương học; Môi trường. Hiện nay, Trường ĐHKHTN có 28 ngành đào tạo bậc đại học với 39 chương trình đào tạo các hệ: hệ Chuẩn (28 chương trình); hệ Cử nhân khoa học tài năng (4 chương trình); hệ Chất lượng cao (6 chương trình); chương trình Quốc tế (1 chương trình). Đào tạo sau đại học với 29 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 40 chương trình đào

tạo tiến sĩ. Số lượng tuyển sinh hàng năm khoảng 1800 sinh viên, 200 học viên cao học và 50 nghiên cứu sinh. Ngoài các chương trình đào tạo được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, trường ĐHKHTN còn đảm nhiệm tổ chức giảng dạy khối kiến thức A trong các chương trình đào tạo theo mô hình A+B của ĐHQGHN với 2 trường: Đại học Giáo dục và Đại học Y dược. Số lượng sinh viên theo mô hình này khoảng 1000 sinh viên mỗi năm. Tổng quy mô đào tạo của Trường năm 2024 là gần 9400 người học.

Trong 5 năm (2019 – 2024) học sinh sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã đạt được nhiều kết quả xuất sắc. Học sinh THPT Chuyên Khoa học Tự nhiên là thành viên của các đội tuyển Việt Nam tham dự các kì thi Olympic khu vực và quốc tế đã giành 23 Huy chương vàng, 23 Huy chương bạc và 10 Huy chương đồng với các thành viên tiêu biểu như Ngô Quý Đăng (2 Huy chương vàng Olympic Toán học quốc tế), Võ Hoàng Hải (2 Huy chương vàng Olympic Vật lý quốc tế)... đã xuất sắc tiếp bước các cựu học sinh như GS. Ngô Bảo Châu, GS. Đàm Thanh Sơn... giữ vững thành tích truyền thống của các khóa trước. Các đội tuyển sinh viên của Trường liên tục dẫn đầu trong các kì thi Olympic sinh viên toàn quốc các môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học. Học sinh, sinh viên của Trường ĐHKHTN được nhận các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, được nhận học bổng sau đại học từ các trường đại học lớn tại Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... hoặc các học bổng giá trị lớn từ các tổ chức, cá nhân tài trợ như quỹ học bổng Vallet, tập đoàn Vingroup, công ty cổ phần tập đoàn hóa chất Đức Giang...

Về nghiên cứu khoa học, Nghiên cứu khoa học là thế mạnh truyền thống của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây và Trường ĐHKHTN ngày nay. Trường là trụ cột của ĐHQGHN về khoa học và công nghệ, là một trong những đơn vị dẫn đầu cả nước về khoa học cơ bản. Trong 10 lần xét giải thưởng Tạ Quang Bửu – giải thưởng danh giá nhất cho các công trình nghiên cứu cơ bản – các nhà khoa học của Trường ĐHKHTN đã 4 lần được trao giải thưởng, trong đó có 1 giải thưởng dành cho nhà khoa học trẻ.

Hoạt động nghiên cứu khoa học ở Trường ĐHKHTN được tổ chức theo nhiều hình thức đa dạng, từ các đơn vị truyền thống như khoa, trung tâm nghiên cứu đến các

hình thức linh hoạt hơn như nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, doanh nghiệp KH&CN.

Trong giai đoạn 5 năm, từ 2019 đến nay, Trường thực hiện hơn 400 đề tài, dự án khoa học và công nghệ (KH&CN) các cấp, trong đó có 23 đề tài cấp nhà nước, 60 đề tài NAFOSTED, 129 đề tài cấp Bộ và tương đương, 42 đề tài, nhiệm vụ cấp tỉnh, 34 dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế. Hàng năm, các nhà khoa học của Trường công bố gần 600 bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus (trung bình 1,1 bài/cán bộ khoa học), trên 20 đăng ký sở hữu trí tuệ được cấp bằng hoặc được chấp nhận đơn hợp lệ. Bên cạnh thế mạnh về nghiên cứu cơ bản, Trường ĐHKHTN cũng chú trọng phát triển các nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng như các vấn đề về đánh giá và xử lý ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, vật liệu mới và thân thiện với môi trường, quy hoạch không gian lãnh thổ,... Để đẩy mạnh phát triển sản phẩm ứng dụng, Trường ĐHKHTN đã tích cực tham gia các hoạt động kết nối thị trường KH&CN như tham gia triển lãm, hội chợ giới thiệu sản phẩm KH&CN (Techmart, Techfest), ngày hội khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, triển lãm xúc tiến đầu tư.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo khởi nghiệp của người học cũng luôn được quan tâm và khích lệ. Hội nghị khoa học sinh viên được tổ chức thường niên với 500-800 báo cáo của hơn 1000 sinh viên hàng năm. Nhiều báo cáo có kết quả công bố quốc tế tốt hoặc có sản phẩm tiềm năng ứng dụng cao, đã đạt giải thưởng cấp Bộ GD&ĐT và cấp ĐHQGHN.

Về công tác hợp tác Phát triển

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, Trường xây dựng và có quan hệ hợp tác với 50 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế ở các nước trên thế giới như hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với ĐH Leeds (Anh), ĐH Waterloo (Canada), ĐH Monash (Úc), Đại học Tokyo, Đại học Chungnam, ĐH Sư phạm Quảng Tây (Trung Quốc), Đại học Kwansei Gakuin (Nhật Bản), Viện thông tin địa lý quốc gia Hàn Quốc, với Tập đoàn Boway về hợp tác trong hỗ trợ sinh viên và nghiên cứu sản phẩm, Công ty TNHH Bosch Global Software Technologies Việt Nam (BGSV), ĐH Kochi (Nhật Bản), hợp tác đồng hướng dẫn NCS với ĐH Valladolid (TBN), với Công ty TNHH

Agroecouniversum (Hồng Kông) về hợp tác sản xuất thử rượu chuối, ký Biên bản làm việc về Dự án SATREPS (về Phát triển công nghệ cao chế tạo thiết bị phân tích nhanh, dễ sử dụng và tăng cường nguồn nhân lực phục vụ kiểm soát an toàn thực phẩm và chất lượng môi trường) với JICA (Nhật Bản), thỏa thuận về trao đổi sinh viên, với Universidad Católica de Valencia, “San Vicente Mártir” (UCV) (Tây Ban Nha) với Trường Đại học APOLLONIA, IASI (Rumani) về trao đổi cán bộ trong khuôn khổ chương trình Erasmus+. Trường cũng đã triển khai ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài là các trường Đại học và viện nghiên cứu (Tokyo-Nhật Bản, Kitakyushu-Nhật Bản, Kwainsei Gakuin-Nhật Bản, Kumamoto-Nhật Bản, Kochi-Nhật Bản, XAMK-Phần Lan, UCV Valencia-Tây Ban Nha, Valladolid-Tây Ban Nha và Eberswalde-Đức, Viện KIST, Hàn Quốc, Trường Đại học Waseda-Nhật Bản, Công ty AgroEcoUniversum-Hồng Kông, Viện IMT Ecole (IMT Mines Albi)-Pháp, Leonard de Vinci-Pháp, Trường Đại học Quốc lập Giao thông Đài Loan ..., với hơn 50 biên bản thỏa thuận hợp tác. Trong giai đoạn 2019-2024, mặc dù gặp khó khăn do đại dịch Covid19 nhưng Trường vẫn duy trì kết nối phối hợp với các đối tác của Trường quản lý khoảng 15 chương trình/dự án đang thực hiện với tổng kinh phí tài trợ ước tính khoảng 8 triệu đô la Mỹ bao gồm tài trợ nước ngoài và vốn đối ứng của phía Việt Nam. Trường đã tham gia tích cực và hiệu quả trong các dự án, chương trình đào tạo liên kết, trao đổi sinh viên và cán bộ. Trong 05 gần đây Trường đã đào tạo 60 lưu học sinh đã tốt nghiệp các bậc học đại học, thạc sỹ và tiến sỹ cho các nước Lào, Campuchia, Mông cổ, Mozambique, Angolar, Hungari...; đã tiếp nhận 200 sinh viên quốc tế học toàn phần và hơn 800 lượt sinh viên, chuyên gia, cán bộ và nhà khoa học trao đổi đến từ các quốc gia như: Mỹ, Đức, Hà Lan, Nhật Bản, Tây Ban Nha.vv. Số lượng sinh viên đi trao đổi đạt gần 150 sinh viên. Cán bộ, giảng viên đi trao đổi hợp tác nghiên cứu và đào tạo đạt ngưỡng 300. Trường đã xây dựng và triển khai hiệu quả đề án liên kết đào tạo quốc tế bậc thạc sỹ, chuyên ngành công nghệ bán dẫn với Đại học Quốc lập Giao thông Đài Loan. Chương trình nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghệ bán dẫn cũng như công nghệ 4.0 và đáp ứng định hướng nâng cao chất lượng, năng lực đào tạo - nghiên cứu của Trường ĐHKHTN nói riêng và ĐHQGHN nói chung. Bên cạnh đó, hiện nay Trường đang xúc

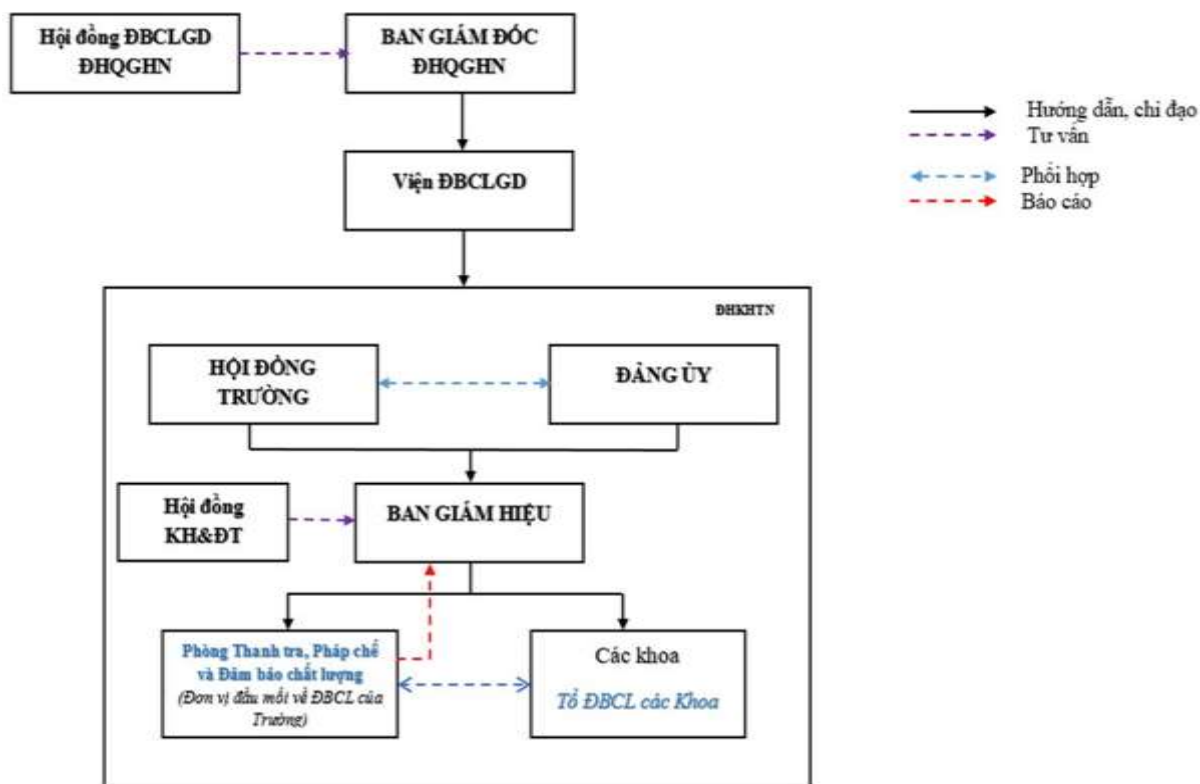
tiến xây dựng chương trình liên kết đào tạo bậc đại học về chuyên ngành này, dự kiến trong năm học 2024-2025 có thể chính thức triển khai tuyển sinh.

Công tác hợp tác trong nước, hợp tác với các địa phương trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cũng được củng cố duy trì. Nhà trường tăng cường hợp tác với hơn 60 đối tác trong nước là các viện nghiên cứu hay các tập đoàn lớn như Vingroup, VinIF, Vinfuture, VinTech, IoTLink, Cục Bản đồ-Bộ tổng tham mưu, Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia, Quỹ Đào Minh Quang, Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường, Viện Công nghiệp Thực phẩm, Tổng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An (Agrimex), Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông. Trường tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án đào tạo Thạc sĩ ngành Khoa học Dữ liệu với Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn, Tập đoàn Vingroup, cũng như đẩy mạnh hợp tác với một số doanh nghiệp như Công ty Med Aid, Mỹ Thanh, Công ty Samsung Việt Nam, Công ty LG Việt Nam, Công ty CTIC VietNam, Tập đoàn Boway, Các công ty SUN Asterisk (SUN*), BOSCH, FECON, Vimax, Đức Minh, Phacogen,...v.v., nhằm triển khai các hoạt động trong đào tạo, NCKH và các kỳ thực tập, thực tế cho sinh viên. Các hoạt động hợp tác trong nước cũng đem lại hàng nhiều chục tỷ đồng hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, học bổng cho cán bộ và sinh viên. Bên cạnh các hoạt động hợp tác nhằm hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường còn triển khai hiệu quả các hoạt động phục vụ cộng đồng như chương trình Trường Hè cho giáo viên các sở giáo dục và đào tạo, giáo viên các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu, và các trường phổ thông khác trên toàn quốc. Đây là một trong các hoạt động lan tỏa tri thức, Trường Hè mở ra nhằm trang bị cho giáo viên phổ thông những kiến thức mới, bổ ích và nhiều tư liệu để xây dựng bài giảng bồi dưỡng học sinh giỏi, huấn luyện đội tuyển học sinh của các địa phương tham gia các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi Olympic quốc tế.

Về hệ thống ĐBCL, công tác ĐBCL và xếp hạng của Trường ĐHKHTN

Trường ĐHKHTN đã xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) bên trong của Trường (Hình 1) nhằm hướng đến sự đánh giá, kiểm soát, duy trì và cải thiện liên tục chất lượng của mọi hoạt động trong Trường bao gồm các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, nhằm đáp ứng tốt nhất mục tiêu chiến lược của Trường như

đã tuyên bố trong Chiến lược phát triển. Trong đó, tất cả các cá nhân và các đơn vị đều có trách nhiệm với công tác ĐBCL bên trong của Trường. Cơ cấu tổ chức về hoạt động ĐBCL bên trong đã được thống nhất từ ĐHQGHN đến Trường ĐHKHTN và đến các đơn vị trực thuộc Trường.



Hình 1. Cơ cấu tổ chức về hoạt động ĐBCL bên trong

ĐHQGHN có Hội đồng Đảm bảo chất lượng ĐHQGHN và Viện ĐBCLGD tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện chiến lược ĐBCL và là đầu mối phối hợp các hoạt động thực hiện Chiến lược này.

Trường ĐHKHTN có Hội đồng Khoa học và Đào tạo có vai trò tư vấn cho Ban Giám hiệu Nhà trường về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đảm bảo chất lượng. Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng (TTPCĐBCL) là đơn vị đầu mối về công tác đảm bảo chất lượng của Trường.

Ở cấp Khoa có Tổ đảm bảo chất lượng đứng đầu là đại diện Ban lãnh đạo Khoa và liên hệ trực tiếp với Phòng TTPCĐBCL để phối hợp trong các công tác liên quan đến ĐBCL của đơn vị. Tổ ĐBCL của Khoa có nhiệm vụ: (i) Triển khai các công tác ĐBCL ở cấp Khoa theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Khoa và theo sự hướng dẫn của Phòng

TTPCĐBCL; (ii) Giúp Ban lãnh đạo Khoa đề ra các biện pháp thực hiện, theo dõi giám sát các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo; và (iii) Quản lý, lưu trữ hồ sơ tự đánh giá của Khoa, thường xuyên cập nhật các minh chứng theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo. Tổ ĐBCL của Khoa nhận được sự hướng dẫn về mặt chuyên môn từ Phòng TTPCĐBCL.

Trường xây dựng hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL bao gồm: Chiến lược phát triển Trường trong đó có chiến lược về ĐBCL, kế hoạch công tác ĐBCL, các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ (KPIs) về công tác ĐBCL và các hướng dẫn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, hướng dẫn về rà soát điều kiện ĐBCL CTĐT, báo cáo cải tiến chất lượng hậu KĐCL CTĐT và CSGD hỗ trợ hiệu quả cho công tác ĐBCL đáp ứng các mục tiêu chiến lược về ĐBCL của Trường ĐHKHTN.

Năm 2017, Trường là cơ sở giáo dục đầu tiên của Việt Nam đã KĐCL và được AUN-QA cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cấp cơ sở giáo dục. Hiện nay, Trường đang tổ chức đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) và dự kiến khảo sát chính thức vào tháng 02 năm 2025. Tính đến thời điểm tháng 01 năm 2024, Trường có 19 CTĐT được kiểm định lần đầu theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của AUN-QA, 06 CTĐT được KĐCL chu kỳ 2 (03 CTĐT được KĐCL theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA và 03 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo) .

Trường ĐHKHTN là đơn vị đóng góp chủ chốt cho ĐHQGHN để giữ vững vị trí xếp hạng cao trong các bảng xếp hạng đại học quốc tế uy tín của QS (Quacquarelli Symonds) và THE (Times Higher Education):

- + Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được nâng 100 thứ hạng từ nhóm 951-1000 năm 2024 lên nhóm 851-900 trong bảng xếp hạng năm 2025 các cơ sở giáo dục đại học tốt nhất thế giới theo tiêu chí của QS World University Rankings.

- + Trong Bảng xếp hạng THE Impact Ranking 2024 (đóng góp cho việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc), ĐHQGHN cũng tiếp tục duy trì thứ hạng trong nhóm 401-600 các cơ sở giáo dục có tầm ảnh hưởng và đóng góp đối với sự phát triển xã hội, phát triển con người, bảo vệ môi trường sống trên thế giới trong tổng số 2.152 trường đại học được đánh giá đến từ 152 quốc gia.

+ Trong Bảng xếp hạng đại học thế giới theo lĩnh vực của QS (QS World University Rankings by Subject 2024), Trường ĐHKHTN là nhân tố chính trong 03 lĩnh vực của ĐHQGHN được QS xếp hạng: Khoa học máy tính và hệ thống thông tin (Computer Science & Information Systems) duy trì ở nhóm 501-550, Toán học (Mathematics) duy trì ở nhóm 351-400, Kỹ thuật dầu khí (Engineering - Petroleum) lần đầu được xếp hạng, trong nhóm 101-150.

+ Trong Bảng xếp hạng đại học thế giới theo lĩnh vực của THE (THE World University Rankings 2024 by Subject), Trường ĐHKHTN đóng góp chính cho 03 lĩnh vực ĐHQGHN được THE xếp hạng: Khoa học sự sống (Life Sciences) trong nhóm 801-1000, Khoa học máy tính (Computer Science) trong nhóm 801-1000, Các lĩnh vực khoa học tự nhiên (Physical Sciences) trong nhóm 801-1000.

2.3. Giới thiệu về Khoa Địa lý

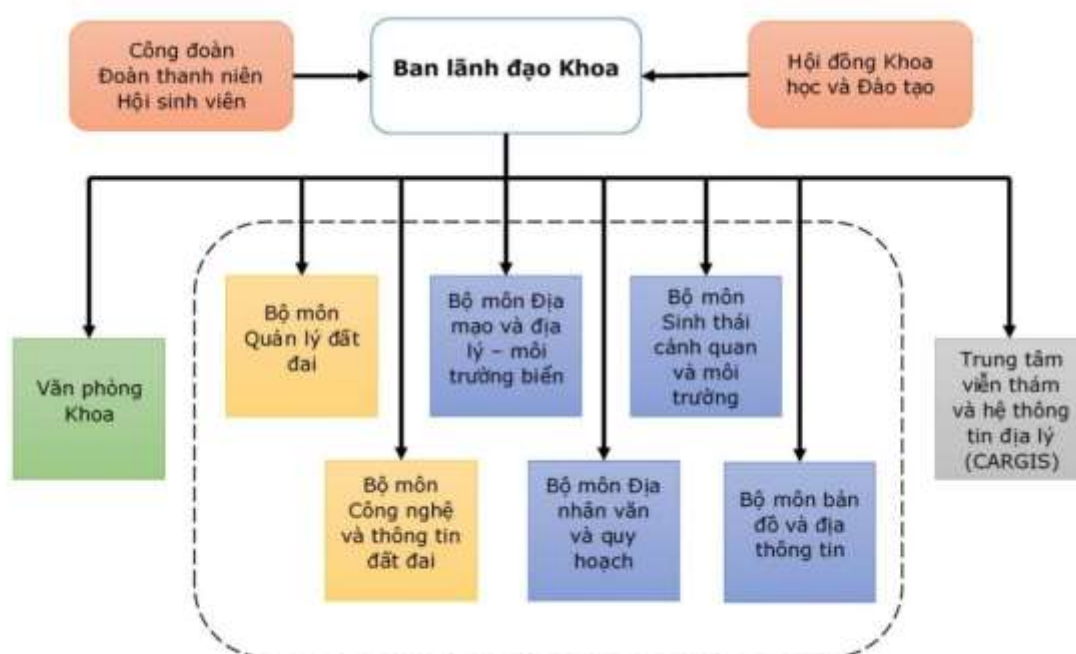
Năm 1966, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Đại học Quốc gia Hà Nội) đã thành lập Khoa Địa lý - Địa chất. Đến năm 1995, Khoa Địa lý được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba bộ môn của Khoa Địa lý - Địa chất cũ là Địa mạo, Sinh thái cảnh quan & Môi trường, và Bản đồ. Qua gần 60 năm phát triển, Khoa Địa lý đã trở thành trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu quốc gia về địa lý, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý phát triển đô thị và bất động sản. Khoa hiện quản lý 4 chương trình đào tạo đại học, 5 CTĐT bậc ThS và 4 chương trình đào tạo TS. Khoa cũng đã và đang xây dựng các mối quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới.

Hàng năm, Khoa có khoảng 80 cử nhân tốt nghiệp. Năm 2024 là khóa sinh viên đầu tiên của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản tốt nghiệp. Mặc dù là ngành đào tạo thí điểm có khóa đầu tiên tốt nghiệp nhưng kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm cao sau khi tốt nghiệp 3 tháng đạt khoảng 40%, khoảng 10% sinh viên tiếp tục học lên bậc sau đại học. Điều đó đã khẳng định nhu cầu xã hội và chất lượng của các chương trình đào tạo.

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu, phát triển và chuyển giao tri thức hiện đại về lĩnh vực Địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển đô thị và bất động sản phục vụ nhu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Tầm nhìn: Phân đầu đưa Khoa Địa lý trở thành đơn vị đào tạo & NCKH về Địa lý, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý phát triển đô thị & bất động sản có uy tín và có lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

Cơ cấu tổ chức: Khoa Địa lý hiện nay gồm 38 cán bộ cơ hữu trong đó có 26 người có trình độ TS trở lên, được chia thành 6 bộ môn và 01 trung tâm nghiên cứu (Hình 2). Lãnh đạo khoa bên cạnh chỉ ủy, bao gồm trưởng Khoa: PGS.TS. Bùi Quang Thành (phụ trách chung và phụ trách nhân sự, hợp tác quốc tế); phó trưởng khoa: PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương (phụ trách Khoa học - Công nghệ và Đảm bảo chất lượng), TS. Phạm Sỹ Liêm (phụ trách đào tạo). Khoa có 6 Bộ môn, trong đó 3 bộ môn liên quan đến lĩnh vực Quản lý đô thị, Quản lý đất đai và bất động sản là: Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch, Bộ môn Quản lý đất đai, Bộ môn Công nghệ và Thông tin đất đai; 4 bộ môn liên quan đến lĩnh vực Địa lý là Bản đồ và Địa thông tin, Địa Nhân văn và Quy hoạch, Địa mạo và Địa lý - Môi trường biển, Sinh thái Cảnh quan và Môi trường phụ trách các học phần liên quan đến hai ngành Địa lý Tự nhiên, Khoa học thông tin địa không gian. Ngoài ra, Khoa có 1 trung tâm nghiên cứu là Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Viễn thám và Hệ thống tin địa lý (CARGIS).



Hình 2. Sơ đồ tổ chức Khoa Địa lý

2.4. Giới thiệu chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản là chương trình đào tạo thí điểm của Khoa Địa lý, được ban hành theo Quyết định 723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020 của Giám đốc ĐHQGHN nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản lý đô thị và bất động sản. Sau 4 năm đào tạo, CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản đã có khóa sinh viên tốt nghiệp đầu tiên vào năm 2024.

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có những định hướng đào tạo rõ ràng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn sâu về quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển đô thị; quản lý dân cư, lao động và nguồn nhân lực; quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên và môi trường trong phát triển đô thị; quản lý các dự án đầu tư, kinh doanh và dịch vụ bất động sản. Song song với việc liên tục cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội, khoa Địa lý còn nâng cao khả năng nghiên cứu của sinh viên thông qua các đợt thực tập, thực tế với thiết bị hiện đại, các hướng nghiên cứu cập nhật với xu hướng quốc tế. Sinh viên thuộc CTĐT Cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản luôn tham gia tích cực, đạt giải cao trong các kì báo cáo khoa học cấp trường KHTN, ĐHQGHN và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Coi kiểm định chất lượng giáo dục là một giải pháp quản lý quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy Khoa Địa lý cùng với Trường ĐH Khoa học Tự nhiên đã tiến hành tự đánh giá chương trình đào tạo thí điểm Cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản trước khi có khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp vào năm 2024. Việc thực hiện tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản để rà soát, nhìn nhận lại những điểm tồn tại, thiếu sót và đề ra kế hoạch cải tiến. Ngoài ra, thông qua đoàn đánh giá ngoài để nhận được những góp ý, nhận xét, đánh giá của các chuyên gia về CTĐT, từ đó đưa ra được những kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo phù hợp với sự thay đổi của hoàn cảnh kinh tế, chính trị, xã hội.

Các đặc điểm chính của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được tóm tắt như sau:

- Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng với các chuẩn đầu ra cụ thể về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan;
- Cấu trúc và nội dung chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra, phản ánh được sứ mạng và tầm nhìn của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường ĐHKHTN là trở thành trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp sản phẩm giáo dục chất lượng cao, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phục vụ cộng đồng;
- Chiến lược dạy và học sử dụng trong chương trình thể hiện triết lý giáo dục của nhà trường, khuyến khích học tập chủ động, học đi đôi với hành, tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp thu và vận dụng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, nâng cao năng lực tự học tập, nghiên cứu và có khả năng học tập suốt đời;
- Việc đánh giá sinh viên được thực hiện xuyên suốt quá trình đào tạo thông qua các học phần cụ thể, với các phương pháp đánh giá đa dạng, các tiêu chí đánh giá được truyền đạt rõ ràng đến sinh viên, giảng viên và nhân viên hỗ trợ. Kết quả đánh giá phản ánh chuẩn đầu ra, mục tiêu và nội dung của chương trình đào tạo;
- Chương trình đào tạo có đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên chất lượng cao, được tuyển dụng trên cơ sở năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, đáp ứng tốt các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu của Trường ĐHKHTN;
- Khoa Địa lý có chiến lược rõ ràng trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Đội ngũ cán bộ hiện tại của Khoa có chất lượng cao, đảm bảo cho việc thực thi chương trình đào tạo;
- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực để hỗ trợ sinh viên và phục vụ chương trình đào tạo. Sinh viên nhận được sự hỗ trợ và tư vấn trong suốt quá trình học tập. Môi trường học tập đáp ứng các nhu cầu về thể chất, xã hội và tâm lý của sinh viên;
- Chất lượng sinh viên được đảm bảo bằng chính sách tuyển sinh rõ ràng, có cải tiến theo ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Sinh viên được tuyển vào trên cơ sở kết quả học tập bậc phổ thông trung học và điểm thi đầu vào. Hệ thống tín chỉ giúp sinh viên chủ động tiến trình học tập;
- Việc đánh giá các hoạt động đảm bảo chất lượng dạy và học của chương trình được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội. Các giảng viên

có trách nhiệm thiết kế và thực hiện các bài giảng có nội dung phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần cũng như chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo;

- Chương trình đào tạo nhận được nhiều ý kiến phản hồi và đóng góp xây dựng từ các bên liên quan. Các ý kiến phản hồi nhìn chung đều đánh giá cao nội dung và chất lượng của chương trình đào tạo;

Thành công của chương trình được ghi nhận qua phản hồi tích cực của các bên liên quan, được khẳng định qua tỷ lệ sinh viên có việc làm cao trước và sau khi tốt nghiệp hoặc tiếp tục học lên bậc sau đại học. Hàng năm, có các giáo sư và chuyên gia từ các trường đại học và công ty danh tiếng đến giảng dạy và trao đổi chuyên môn, tổ chức seminar khoa học ví dụ: Khoa Bất động sản - Địa chính, Trường Đại học Daegu, Hàn Quốc; Hiệp hội địa chính Hàn Quốc; Hiệp hội địa thông tin, trắc địa và bản đồ Hàn Quốc; Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc, nhiều sinh viên được nhận học bổng trong quá trình học tập hoặc được tuyển dụng ngay sau khi tốt nghiệp bởi các doanh nghiệp hoặc các trường đại học, viện nghiên cứu lớn (Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường; Tập đoàn S-Group, Công ty ACUD, Công ty Đất vàng Việt Nam, Công ty Sen Vàng, Công ty Minh Hưng, Công ty Thiên Khôi).

2.5. Các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng

Đại học Quốc gia Hà Nội rất quan tâm đến công tác đảm bảo chất lượng. Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục của ĐHQGHN được thành lập từ năm 1995, đóng vai trò là đơn vị tư vấn hỗ trợ Giám đốc ĐHQGHN trong việc lãnh đạo và quản lý, nhằm đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo của các trường đại học thành viên. Trường ĐHKHTN có phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định và đảm bảo chất lượng đào tạo... Ở cấp Khoa có thành lập tổ đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho thủ trưởng đơn vị về công tác ĐBCL, xây dựng và thực hiện kế hoạch ĐBCLGD đại học, duy trì và phát triển các điều kiện ĐBCL đào tạo tại đơn vị.

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN áp dụng và vận dụng có sự phù hợp với điều kiện của Trường các mô hình và tiêu chuẩn chất lượng chủ yếu, đó là: Tiêu chuẩn chất lượng trường đại học và CTĐT của Bộ GD&ĐT; tiêu chuẩn chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN - QA).

Kết quả tự đánh giá, KĐCL Trường và CTĐT cũng như đối sánh, xếp hạng là cơ sở để Trường thực hiện các hoạt động cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng Trường và CTĐT. Khoa Địa lý trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ĐBCL như sau:

- Xây dựng kế hoạch ĐBCL vào kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị; đề xuất các phương án và hỗ trợ việc thực hiện các biện pháp ĐBCL trong xây dựng và phát triển CTĐT; trong hoạt động dạy học; trong đánh giá sinh viên; trong xây dựng mối quan hệ và lấy ý kiến của các bên có liên quan và trong công tác quản lý đào tạo của đơn vị và của Trường;
- Đề xuất kế hoạch và tham gia thực hiện các hoạt động liên quan đến KĐCL đối với các CTĐT do Khoa quản lý; xây dựng kế hoạch, nội dung cải tiến chất lượng CTĐT sau khi được thực hiện đánh giá theo kế hoạch chung của Trường;
- Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá, bổ sung và điều chỉnh CTĐT phù hợp với điều kiện thực tế cũng như tiến hành KĐCL CTĐT theo quy định, tiêu chuẩn chất lượng và kế hoạch của Trường;
- Xây dựng hệ thống, duy trì và cập nhật thông tin liên lạc với các bên liên quan (sinh viên đang học, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động, các đối tác, nhà khoa học trong và ngoài nước) đáp ứng được yêu cầu khảo sát lấy ý kiến phản hồi định kỳ, riêng đối với sinh viên tốt nghiệp thì thông tin được cập nhật theo từng đợt xét tốt nghiệp của Trường; phối hợp thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường;
- Tổ chức và phân công cán bộ, viên chức phụ trách công tác ĐBCL thường trực và ổn định, làm đầu mối phối hợp thực hiện nhiệm vụ ĐBCL của đơn vị; cử cán bộ, viên chức tham gia các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCL theo kế hoạch của Trường;
- Phối hợp thực hiện hoạt động ĐBCL theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng và sự hướng dẫn của Phòng TTPC&ĐBCL;
- Tổng hợp, thống kê và báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến công tác ĐBCL theo yêu cầu và hướng dẫn của Nhà trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Với truyền thống và kinh nghiệm tích lũy trong quá trình đào tạo và NCKH, Khoa Địa lý nhận thấy mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, cũng như định kỳ rà soát để cập nhật chương trình có ý nghĩa quyết định đến chất lượng. Do đó, chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đã được xây dựng nhằm chỉ rõ các tiêu chuẩn cụ thể mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Năm 2020, khi mở chương trình đào tạo này, Khoa Địa lý đã thực hiện theo công văn số 3109/HD-ĐHQGHN năm 2010 hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, Quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/04/2018 của Giám đốc ĐHQGHN quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại ĐHQGHN. CĐR của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đã được cập nhật và chỉnh sửa theo hướng dẫn của ĐHQG Hà Nội vào năm 2023 trên cơ sở ý kiến đánh giá của các bên liên quan (giảng viên, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động và cựu sinh viên), để phù hợp hơn, đáp ứng những yêu cầu của xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1) Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị là động lực chính dẫn đến sự phát triển của bất động sản. Các đô thị được ra đời, nâng cấp và phát triển đã kéo theo sự dịch chuyển dân cư, gia tăng mật độ dân số, sự tập trung nguồn vốn tài chính,... làm gia tăng nhu cầu đối với đất đai nói riêng và việc xây dựng, cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung, gây biến động giá trị và các mối quan hệ trong sử dụng đất, sử dụng bất động sản. Các mối quan hệ về sở hữu, sử dụng đất, sử dụng bất động sản tại đô thị vì thế cũng trở nên phức tạp. Sự phát triển của thị trường bất động sản vì vậy không thể tách rời quản lý đô thị hợp lý, chặt chẽ, nhằm đáp ứng hài hòa các nhu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng không gian sống của dân cư đô thị. Từ bối cảnh đô thị hóa và quản lý đô thị của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay phát sinh yêu cầu ngày càng cao về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất

đối với những người tham gia quản lý nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong phát triển đô thị và bất động sản để đảm bảo hướng tới phát triển bền vững. Trong khi đó, thực tế cho thấy các chương trình đào tạo có liên quan tới quản lý phát triển đô thị và bất động sản ở một số trường Đại học ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa quản lý đô thị và bất động sản, chưa tiếp cận được tính tổng hợp, liên ngành trong đào tạo. Chiến lược phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường ĐHKHTN đến năm 2025 tầm nhìn 2035 đều xác định mục tiêu mở mới một số chương trình đào tạo thí điểm ở bậc Đại học mang tính liên ngành và ứng dụng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.01.01]. Với thế mạnh là một đơn vị đào tạo khoa học cơ bản và tổng hợp, Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN, ĐHQG HN đã mở ngành thí điểm đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản nhằm phát huy tốt hơn sứ mạng của Trường ĐHKHTN, ĐHQG HN [H1.01.01.01].

Khi soạn thảo và xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản, Khoa Địa lý đã bám sát mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục 2005 và 2012, sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHKHTN [H1.01.01.01 - 02]. Trên cơ sở đó, mục tiêu chung của chương trình đào tạo là *Đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có trình độ chuyên môn sâu về quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển đô thị; quản lý dân cư, lao động và nguồn nhân lực; quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên và môi trường trong phát triển đô thị; quản lý các dự án đầu tư, kinh doanh và dịch vụ bất động sản. Sinh viên đạt chuẩn đầu ra của ngành có kiến thức chuyên môn cơ bản, hiện đại và thực tiễn, có phương pháp tư duy tổng hợp, tiếp cận hệ thống, liên ngành; có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề; có khả năng lập, tư vấn, thẩm định các dự án ở hai lĩnh vực có quan hệ mật thiết là quản lý phát triển đô thị và bất động sản; có kỹ năng ứng dụng công nghệ trong quản lý thông minh đô thị và bất động sản; có kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống xã hội; có khả năng làm việc trong các nhóm chuyên ngành, liên ngành và đa ngành. Đặc biệt, sinh viên theo hướng các chuyên ngành về Bất động sản hay Quản lý phát triển đô thị đều có kiến thức chung, cơ bản của ngành, thấm nhuần mối quan hệ tương hỗ và tính gắn kết không tách rời giữa phát triển Bất động sản và Quản lý đô thị. Chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ cử nhân, có khả năng vận dụng kiến thức khoa học, sáng tạo trong quản lý phát triển đô thị và bất động sản, đáp ứng nhu cầu xã hội cả trong lĩnh vực quản lý nhà nước và tư nhân.*

Mục tiêu chung được chi tiết hóa thông qua các mục tiêu cụ thể:

- *Quản lý nhà nước về phát triển đô thị và bất động sản*: nắm vững chính sách, pháp luật về quản lý đô thị và bất động sản; có kiến thức tổng hợp và chuyên sâu về quản lý kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường đô thị; quản lý bất động sản nhà, đất tại đô thị. Đề xuất các phương án và giải pháp giải quyết các vấn đề trong quản lý đô thị và bất động sản;

- *Quy hoạch phát triển đô thị và bất động sản*: nắm vững các phương pháp đánh giá hiện trạng và dự báo các nguồn lực phát triển đô thị, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường đô thị, đánh giá hiện trạng và nhu cầu phát triển bất động sản; có khả năng lập, thiết kế các phương án quy hoạch phát triển đô thị và phát triển bất động sản;

- *Quản lý các dự án đầu tư phát triển đô thị và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ bất động sản*: nắm vững kiến thức, kỹ năng thực hành quản lý các dự án đầu tư và các nghiệp vụ chuyên môn về kinh doanh, dịch vụ bất động sản (môi giới, tư vấn, định giá, sàn giao dịch bất động sản...);

- *Ứng dụng công nghệ trong quản lý thông minh đô thị và bất động sản*: nắm vững kiến thức và có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ GIS, UAV, công nghệ phân tích dữ liệu trên nền tảng trí tuệ nhân tạo...trong thiết kế, quản lý đô thị thông minh và quản lý đất, nhà thông minh.

Các mục tiêu này được trình bày rõ trong mục 2, phần I của bản mô tả chương trình đào tạo [\[H1.01.01.03\]](#), và được công bố trên website của Khoa và Nhà trường [\[H1.01.01.04\]](#).

Với những mục tiêu trên, người học sau khi tốt nghiệp có trình độ cao để “đảm nhận công việc trong các tổ chức công lập và dân lập theo các lĩnh vực Quản lý tổng hợp đô thị và bất động sản, quy hoạch phát triển đô thị, kinh doanh và dịch vụ bất động sản, công nghệ quản lý đô thị và bất động sản, quản lý và đánh giá các dự án phát triển đô thị, bất động sản, làm việc tại các Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị và các Viện quy hoạch đô thị nông thôn và môi trường, các trung tâm môi giới và doanh nghiệp kinh doanh bất động sản... Sau khi tốt nghiệp đại học, các cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong nghiên cứu cơ bản về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, bất động sản, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Các cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản có thể tiếp tục theo học bậc thạc sĩ và tiến sĩ”.

Như vậy, mục tiêu của chương trình phù hợp với sứ mạng của Nhà trường “có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước” và tầm nhìn của Nhà trường “Trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến ở châu Á vào năm 2035”. Những mục tiêu này cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Địa lý là *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu, phát triển và chuyển giao tri thức hiện đại về lĩnh vực Địa lý, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Phát triển đô thị và bất động sản phục vụ nhu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc”* [H1.01.01.04]. Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Địa lý được đưa ra nhằm góp phần cụ thể hóa đặc thù của các ngành trong Khoa là tính cơ bản, liên ngành và định hướng ứng dụng cũng như thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và khẩu hiệu hành động cụ thể, có tính chất đặc thù riêng của Trường ĐHKHTN (đơn vị cấp 2 của ĐHQGHN).

Mục tiêu của CTĐT cũng phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục được quy định trong Điều 5, Luật Giáo dục Đại học 2012: a) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; b) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân; và mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

Trong quá trình thực hiện, mục tiêu của chương trình đào tạo được định kì lấy ý kiến các bên liên quan nhằm khảo sát yêu cầu của thị trường lao động đối với nguồn nhân lực trong lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản. Các ý kiến tổng hợp đã cho thấy yêu cầu của thị trường lao động về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, năng lực tự học tập và nâng cao trình độ, các mục tiêu cụ thể của CTĐT cần được trình bày rõ hơn theo ba mục tiêu về: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Khoa đã tiếp thu ý kiến của các nhà sử dụng lao động để chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu của chương trình đào tạo vào năm 2023 [H1.01.01.05] nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

2) Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong luật giáo dục 2012, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKHTN và ĐHQG Hà Nội.

3) Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về mục tiêu của CTĐT còn chưa được thường xuyên. Trong giai đoạn giữa lần mở chương trình và điều chỉnh gần nhất từ 2020 đến 2023, các phương thức và tần suất lấy ý kiến các bên liên quan cũng bị hạn chế do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	1. Thường xuyên lấy ý kiến của các tổ chức xã hội, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT. 2. Định kỳ tổ chức gặp gỡ các nhà tuyển dụng lớn, các đối tác quan trọng, sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các lĩnh vực khác nhau để trao đổi, tìm hiểu, cải tiến mục tiêu CTĐT.	1. Phòng TTPC&ĐBCL, Khoa Địa lý 2. Khoa Địa lý	1. Từ năm 2024 2. Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thực hiện cập nhật, cải tiến mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hiệu chỉnh khung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.	Phòng TTPC&ĐBCL, Khoa Địa lý, Tổ đảm bảo chất lượng	Hàng năm	

5) Tự đánh giá tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1) Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đã được xây dựng nhằm cụ thể hóa những mục tiêu mà người học cần đạt được sau khi kết thúc chương trình đào tạo. CĐR được xây dựng đúng theo quy trình hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHQG Hà Nội về việc xây dựng, công bố CĐR của CTĐT. Chuẩn đầu ra được xây dựng theo quy trình CDIO qua bốn bước sau: Bước 1: Hội đồng khoa học xây dựng bản thảo lần 1; Bước 2: Lấy ý kiến các bên liên quan (chuyên gia trong các lĩnh vực đô thị và bất động sản, giảng viên, đơn vị sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên); Bước 3: Phân tích đánh giá ý kiến của các bên liên quan; Bước 4: Hội đồng khoa học chỉnh sửa và hoàn thiện chuẩn đầu ra. Trong quá trình đào tạo, chuẩn đầu ra đã được lấy ý kiến và chỉnh sửa định kì theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể theo Quyết định 3342/QĐ-ĐHKHNT ngày 25/10/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN). Dựa vào sự đóng góp của các bên liên quan, chuẩn đầu ra được cập nhật và hoàn thiện nhằm cụ thể hóa sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHKHTN và các mục tiêu của chương trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo năm 2020 quy định rõ 6 nhóm chuẩn đầu ra gồm: (1) Kiến thức, (2) Kỹ năng, (3) Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, (4) Phẩm chất đạo đức, (5) Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp, và (6) Khả năng học tập nâng cao trình độ [H1.01.02.01]. Nội dung cụ thể các chuẩn đầu ra như bảng dưới đây.

Bảng 1.1. Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản

CHUẨN ĐẦU RA		NỘI DUNG	CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC THEO THANG BLOOM
	1.1. Kiến thức chung	Khái quát hóa và liên kết các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật để vận dụng thực hiện hiệu quả trong hoạt động quản lý phát triển đô thị và bất động sản	3
	1.2. Kiến thức theo lĩnh vực	- Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, khoa học sự sống làm nền	3

CHUẨN ĐẦU RA		NỘI DUNG	CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC THEO THANG BLOOM
Về Kiến thức		tăng lý luận và thực tiễn cho Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản. - Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin và hiểu biết về cách mạng công nghệ 4.0 đáp ứng yêu cầu công việc	
	1.3. Kiến thức theo khối ngành	Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê... làm nền tảng lý luận và vận dụng hiệu quả vào thực tiễn Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	3
	1.4. Kiến thức theo nhóm ngành	- Phân tích được các quy luật địa lý tự nhiên và kinh tế-xã hội đô thị cùng các quy luật của thị trường	4
		- Vận dụng các nguyên tắc và cơ sở của khoa học quản lý trong quản lý đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường đô thị	3
	1.5. Kiến thức ngành	- Luận giải được nguyên nhân và đặc điểm sự biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội đô thị, biến động và sự khác biệt của thị trường bất động sản, giá đất đô thị theo không gian và thời gian	5
		- Vận dụng sáng tạo được phương pháp và kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động quản lý tổng hợp hoặc quản lý từng vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường đô thị và thị trường bất động sản	5
		- Vận dụng các công nghệ kỹ thuật hiện đại về viễn thám và GIS, công nghệ/kỹ thuật mô phỏng/không gian hoá thế giới thực và các sự vật, hiện tượng trên bề mặt Trái đất phục vụ quản lý phát triển đô thị và bất động sản	5
		- Vận dụng các công cụ thu thập, phân tích, xử lý, tổng hợp dữ liệu về đô thị và bất động sản nhằm thực hiện hiệu quả và thông minh quản lý đô thị và bất động sản	5
2. Về Kỹ năng	2.1 Kỹ năng chuyên môn	- Thực hiện được việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động khi tham gia triển khai dự án NCKH, dự án đầu tư phát triển đô thị và bất động sản, các hoạt động	4

CHUẨN ĐẦU RA		NỘI DUNG	CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC THEO THANG BLOOM
		khởi nghiệp, hoạt động quy hoạch và quản lí đô thị	
		- Đánh giá được chất lượng công việc, phản biện, và sử dụng các giải pháp thay thế khi thực hiện triển khai dự án NCKH, dự án đầu tư phát triển đô thị và bất động sản, các hoạt động quy hoạch và quản lí đô thị	5
	2.2 Kỹ năng bổ trợ	- Linh hoạt trong làm việc độc lập và cả phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi khi nghiên cứu hoặc quản lí các hoạt động/dự án phát triển đô thị và bất động sản	4
		- Tư duy sáng tạo, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong các lĩnh vực về phát triển nguồn lực đô thị, đầu tư, tư vấn hoặc kinh doanh bất động sản	4
		- Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, tìm kiếm tài liệu và trình bày vấn đề chuyên môn đạt chuẩn bậc 3/6 Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	3
3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		- Có tư duy nghiên cứu, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong công việc	4
		- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân và với nhóm làm việc; Tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc được giao	4
		- Có ý thức sáng tạo và đổi mới trong công tác chuyên môn nói riêng, trong công việc tập thể nói chung	5
4.Về phẩm chất đạo đức		- Tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của đạo đức nghiên cứu, đạo đức nghề nghiệp	3
		- Kiên trì, chăm chỉ, tự tin và chủ động trong nghiên cứu, phát triển bản thân và sự nghiệp	5
		- Có trách nhiệm công dân và ý thức tuyên truyền, phổ biến các kiến thức đã học trong giải quyết vấn đề xã hội	4
5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp		Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lí phát triển đô thị và Bất động sản có thể đảm nhận công việc trong các tổ chức công lập và dân lập theo các lĩnh vực Quản lí tổng hợp đô thị và bất	

CHUẨN ĐẦU RA	NỘI DUNG	CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC THEO THANG BLOOM
	động sản, quy hoạch phát triển đô thị, kinh doanh và dịch vụ bất động sản, công nghệ quản lý đô thị và bất động sản, quản lý và đánh giá các dự án phát triển đô thị, bất động sản, làm việc tại các Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị và các Viện quy hoạch đô thị nông thôn và môi trường, các trung tâm môi giới và doanh nghiệp kinh doanh bất động sản...	
6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp đại học, các cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong nghiên cứu cơ bản về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, bất động sản, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; Các cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có thể tiếp tục theo học bậc thạc sĩ và tiến sĩ các chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Quản lý đất đai, Địa lý tự nhiên, Bản đồ viễn thám & Hệ thống tin địa lý, Địa lý học tại Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN; thạc sĩ Quản lý Phát triển Đô thị tại Khoa các Khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc tại các trường đại học khác ở trong nước và quốc tế có đào tạo các ngành/chuyên ngành gần hoặc tương ứng: thạc sĩ Quản trị kinh doanh Bất động sản tại Đại học Kinh tế Quốc dân; thạc sĩ Quản lý đô thị tại Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh; thạc sĩ Quản lý đô thị và Công trình tại Đại học Xây dựng...	

Nội dung CTĐT đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được thiết kế để hướng người học đến các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời giúp người học có năng lực giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực đô thị và bất động sản sau khi tốt nghiệp và bắt đầu khởi nghiệp. Vì vậy, CDR bao hàm đầy đủ các phương diện, từ kiến thức đến kỹ năng, từ phẩm chất đạo đức đến năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, từ vị trí nghề nghiệp đến khuyến khích học tập suốt đời [H01.01.02.01]. Các CDR được chi tiết hóa nhằm bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR về kiến thức được chuyên biệt hóa theo cấu trúc CTĐT với các mô đun riêng biệt: kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, kiến thức theo khối ngành, kiến thức nhóm ngành và kiến thức ngành (đây là kiểu cấu trúc CTĐT chung ở ĐHQGHN). CDR về kiến thức được thiết kế với mức độ yêu cầu tăng dần (theo thang phân loại tư duy Bloom). Song hành với các kỹ năng về kiến thức là việc bổ trợ các kỹ năng nghề nghiệp giúp người học phát triển toàn diện hơn.

Nhóm CDR này gồm có 5 kỹ năng cụ thể hướng tới việc hoàn thiện người học một cách toàn diện. Những kỹ năng này được mô tả sẽ góp phần giúp người học tăng cường khả năng tiếp thu kiến thức, có khả năng kết nối kiến thức được học với thực tiễn, có khả năng chuyển hóa, phát triển bản thân để nắm bắt được các cơ hội phát triển nghề nghiệp và sự nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, CTĐT cũng bao gồm cả các CDR về đạo đức (gồm đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp), mức độ tự chủ/chịu trách nhiệm và học tập suốt đời. Những CDR này nhằm hỗ trợ tạo ra một thể hệ người học không chỉ có năng lực chuyên môn tốt, mà còn có kỹ năng bổ trợ, tự chủ, có đạo đức và trách nhiệm xã hội.

Các nội dung chuẩn đầu ra đã được trình bày rõ trong phần II của khung chương trình đào tạo ban hành năm 2020. Sau khi chương trình được ban hành, chuẩn đầu ra được công bố rộng rãi trên trang web của Nhà trường và Khoa, được truyền đạt đến cán bộ trong Khoa và sinh viên thông qua các cuộc họp, các buổi giao lưu giới thiệu chương trình và gặp gỡ các bên liên quan [\[H1.01.02.02\]](#).

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đạt được thông qua việc đạt được chuẩn đầu ra của các học phần chung và các học phần chuyên ngành về kiến thức, kỹ năng, cũng như thái độ. Điều này được thể hiện trong bảng ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình và chuẩn đầu ra của các học phần [\[H1.01.02.03\]](#). Kiến thức được phát triển từ cơ bản đến chuyên sâu theo mạch trong đó yêu cầu sinh viên phải hoàn thành các học phần tiên quyết trước khi đăng ký học các học phần tiếp theo [\[H1.01.02.04\]](#). Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ban hành năm 2020 đạt được khi người học hoàn thành tối thiểu 126 tín chỉ bao gồm: (1) 34 tín chỉ các học phần chung trong ĐHQGHN và các học phần khối ngành, (2) 85 tín chỉ thuộc nhóm ngành và ngành Quản lý phát triển đô thị & bất động sản, và (3) 07 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp. Hoàn thành các học phần chung trong ĐHQGHN và khối ngành khoa học tự nhiên sinh viên sẽ đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức chung và kỹ năng xã hội, nắm được kiến thức khoa học tự nhiên vững chắc. Hoàn thành các học phần nhóm ngành và ngành, sinh viên sẽ có kiến thức sâu về ngành và kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến Quản lý phát triển đô thị và bất động sản.

2) Điểm mạnh:

Chuẩn đầu ra được xây dựng rõ ràng, xúc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, nêu cụ thể được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phẩm chất đạo đức và triển vọng việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

3) Điểm tồn tại:

Các chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng hỗ trợ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong bản Quyết định ban hành chương trình đào tạo còn thể hiện theo cách đưa ra các ý nội dung, nếu nêu rõ được thành tên từng CDR nhỏ thì sẽ rõ ràng hơn

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát các CDR của CTĐT	Khoa Địa lý	Năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	1. Cải tiến quy trình lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chuẩn đầu ra CTĐT; 2. Định kỳ tổ chức gặp gỡ các nhà tuyển dụng lớn, các đối tác quan trọng, sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các lĩnh vực khác nhau để trao đổi, tìm hiểu cơ hội việc làm và các yêu cầu cần thiết của các vị trí việc làm khác nhau.	1. Phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Khoa Địa lý, Tổ đảm bảo chất lượng 2. Khoa Địa lý	1. Hàng năm 2. Hàng năm	

5) Tự đánh giá tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1) Mô tả hiện trạng

Năm 2020, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được xây dựng theo chủ trương và hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội [H1.03.01.01] nhằm cụ thể hóa các tiêu chí mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra được xây dựng qua bốn bước: (1) hội đồng khoa học xây dựng bản thảo lần 1, (2) lấy ý kiến các bên liên quan (chuyên gia trong các lĩnh vực Quản lý đô thị và Bất

động sản, giảng viên, đơn vị sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên), (3) phân tích đánh giá ý kiến của các bên liên quan, (4) hội đồng khoa học chỉnh sửa và hoàn thiện chuẩn đầu ra.

Trong quá trình thực hiện, để đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu mới của xã hội, chuẩn đầu ra của chương trình tiếp tục được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh ít nhất 2-3 năm 1 lần. Kết quả đánh giá được cơ sở đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Lần chỉnh sửa và ban hành chương trình đào tạo mới gần đây nhất được thực hiện vào năm 2023 theo Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03/04/2023, Hướng dẫn số 2324/HD-ĐHQGHN ngày 03/7/2023 [H1.01.03.02]. và hướng dẫn số 2200/HD-ĐHKHTN ngày 18/7/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN [H1.01.03.03]. Trong lần điều chỉnh này, ĐHQG Hà Nội yêu cầu rà soát và cấu trúc lại CĐR CTĐT cho rõ ràng, thiết thực, nhất quán với mục tiêu đào tạo hơn, đáp ứng rõ hơn theo Khung trình độ Quốc gia đối với bậc đại học. Các chuyên gia, nhà tuyển dụng lao động, cũng như cựu sinh viên góp ý CĐR, nhấn mạnh đến khả năng đáp ứng của sinh viên với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển đô thị thông minh. Trước những yêu cầu này, sinh viên sau tốt nghiệp cần thành thạo hơn công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ, khả năng sử dụng thiết bị hiện đại. Ngoài ra, các bên liên quan còn góp ý cần nhấn mạnh khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công việc [H1.01.03.04]. Trên cơ sở đó, Hội đồng khoa học và đào tạo đã có những điều chỉnh và cập nhật chuẩn đầu ra cho khung chương trình đào tạo 2023. Nội dung điều chỉnh cụ thể được trình bày trong phụ lục “So sánh chuẩn đầu ra của các CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị & bất động sản năm 2020 và 2023”. Các nội dung thay đổi chính như sau:

- Đã cấu trúc lại CĐR CTĐT cho rõ từng CĐR theo từng khối về Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Sau khi cấu trúc lại, CTĐT gồm 21 chuẩn đầu ra (11 CĐR về kiến thức, 7 CĐR về kỹ năng, 3 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm)
- Bổ sung yêu cầu kiến thức nền tảng và mức độ thích ứng cao với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào chuẩn đầu ra khối kiến thức (CĐR PK4);
- Bổ sung khả năng vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành trong giải quyết vấn đề Quản lý phát triển đô thị & bất động sản (PK11) nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và các vấn đề thực tế của sinh viên.
- Bổ sung kỹ năng ứng dụng công nghệ, kỹ thuật về bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý trong nhận diện biến đổi không gian đô thị và bất động sản (PS2).

- Bổ sung năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, xây dựng tác phong chuyên nghiệp, giữ vững đạo đức nghề nghiệp (PR2), nhằm nâng cao và phát huy cá nhân trong công việc.
- Nêu rõ hơn từng vị trí việc làm sau khi sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản.

Chuẩn đầu ra CTĐT sau khi được cập nhật và ban hành được phổ biến tới cán bộ thông qua email cá nhân và các bản in được gửi về các Bộ môn/Trung tâm, sinh viên được phổ biến tập trung từ đầu khoá học thông qua giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập. Chuẩn đầu ra CTĐT được công bố qua các kênh thông tin, website của Khoa và Nhà trường giúp các bên liên quan dễ dàng tìm hiểu [\[H1.01.03.05\]](#).

2) Điểm mạnh:

Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đáp ứng nhu cầu các bên liên quan và thực tiễn xã hội. Chuẩn đầu ra của CTĐT được phổ biến rộng rãi.

3) Điểm tồn tại: Cần lấy ý kiến các bên liên quan đa dạng hơn

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần lấy ý kiến các bên liên quan đa dạng hơn	Phòng TTPC, Khoa Địa lý		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường truyền thông, công bố công khai về chuẩn đầu ra CTĐT.	Khoa Địa lý, Tổ đảm bảo chất lượng	định kỳ tối thiểu 3 năm 1 lần	

5) Tự đánh giá tiêu chí đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật

Mục tiêu của CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục

đại học quy định trong Luật giáo dục 2012, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKHTN và ĐHQHN.

Chuẩn đầu ra được xây dựng rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, nêu cụ thể được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, và triển vọng việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được phổ biến rộng rãi và được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đáp ứng nhu cầu các bên liên quan và thực tiễn xã hội.

Tồn tại chủ yếu:

Việc thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về mục tiêu của CTĐT còn chưa được thường xuyên.

Kế hoạch cải tiến:

- Thường xuyên thực hiện cập nhật, cải tiến mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hiệu chỉnh khung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội;
- Thường xuyên cập nhật, cải tiến quy trình và lấy ý kiến của các tổ chức xã hội, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT, chuẩn đầu ra CTĐT. Tiếp tục đa dạng hoá phương pháp lấy ý kiến các bên liên quan và tăng cường truyền thông, công bố công khai về chuẩn đầu ra CTĐT;
- Định kỳ tổ chức gặp gỡ các nhà tuyển dụng lớn, các đối tác quan trọng, sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các lĩnh vực khác nhau để trao đổi, cải tiến mục tiêu CTĐT, tìm hiểu cơ hội việc làm và các yêu cầu cần thiết của các vị trí việc làm khác nhau.

Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1 có cả 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả chương trình đào tạo có tính tổng hợp, cung cấp đầy đủ và chi tiết các thông tin cần thiết cho sinh viên CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và BĐS. Qua đó, người học nắm được tổng thể số tín chỉ, học phần theo các khối kiến thức, các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Dựa vào bản mô tả này, người học hiểu đầy đủ nội dung của chương trình đào tạo, các nội dung tóm tắt của từng học phần, từ đó có thể hình dung và thiết kế lộ trình học phù hợp với

bản thân, đảm bảo khả năng chủ động trong học tập. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT cũng là tài liệu quan trọng, là căn cứ để các nhà tuyển dụng lao động, những người muốn tìm hiểu chương trình nhận định được các chuẩn đầu ra của chương trình có phù hợp với nhu cầu/mong muốn hay không. Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS thể hiện sự thống nhất, logic giữa chuẩn đầu ra và các nội dung học phần trong khung chương trình; đảm bảo tiêu chuẩn chung của ĐHQGHN và trường ĐHKHTN; mang tính liên ngành và tổng hợp, có xu hướng ứng dụng, nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội về quản lý phát triển đô thị, quản lý hoặc tham gia vào thị trường kinh doanh bất động sản.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1) Mô tả hiện trạng

Theo đúng quy định và hướng dẫn của ĐHQGHN [H02.02.01.01], bản mô tả CTĐT cử nhân Quản lý đô thị và bất động sản được xây dựng bởi Nhóm xây dựng chương trình được thành lập bởi Trường Khoa Địa lý vào năm 2019 [H02.02.01.02]. Chương trình đào tạo cùng bản đề án và bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy trình, và đã được phê duyệt vào năm 2020 [H02.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BĐS [H02.02.01.04] có đầy đủ các thông tin, với 3 phần chính: I. *Giới thiệu chung về chương trình đào tạo*. II. *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*. III. *Nội dung chương trình đào tạo*.

Phần I. *Giới thiệu chung về chương trình đào tạo* gồm các mục sau:

- Một số thông tin về chương trình đào tạo (gồm: Tên ngành đào tạo, Mã số ngành đào tạo, Danh hiệu tốt nghiệp, Thời gian đào tạo, Tên văn bằng sau tốt nghiệp);
- Mục tiêu của chương trình đào tạo: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể;
- Thông tin tuyển sinh.

Phần II. *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* gồm các mục sau:

- Chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức (1 CĐR về kiến thức chung; 2 CĐR về kiến thức theo lĩnh vực; 1 CĐR về kiến thức của khối ngành; 2 CĐR về kiến thức của nhóm ngành; và 4 CĐR về kiến thức ngành);
- CĐR về kỹ năng (2 CĐR về kỹ năng chuyên môn, và 3 CĐR về kỹ năng bổ trợ);

- CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm (3 CĐR);
- CĐR về đạo đức/thái độ (3 CĐR).

Các CĐR của học phần được thống kê và trình bày trong Khung ma trận CĐR, được đặt ở đầu phần II, giúp người đọc có thể hiểu được vai trò đóng góp cho CĐR chung của các học phần trong chương trình ở 4 mức độ: 0 = Không đóng góp, 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao.

Ngoài ra, ở phần II, Bản mô tả chương trình cũng nêu rõ: Một số vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Phần III. *Nội dung chương trình đào tạo* được cụ thể hóa thành các mục sau:

- Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo: bao gồm Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo; Khối kiến thức chung; Khối kiến thức theo lĩnh vực; Khối kiến thức theo khối ngành; Khối kiến thức theo nhóm ngành; và Khối kiến thức ngành.
- Khung chương trình đào tạo: được thể hiện ở dạng bảng, liệt kê rõ các học phần thuộc từng khối kiến thức và các thông tin cần thiết: mã học phần, tên học phần, số tín chỉ, khối lượng giờ tín chỉ (giờ lí thuyết, giờ thực hành, giờ tự học) và mã số học phần tiên quyết.

Năm 2023, căn cứ theo Quyết định 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy định mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại ĐHQGHN [H02.02.01.01]; Hướng dẫn 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại ĐHQGHN [H02.02.01.05], [H02.02.01.06], Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Địa lý cũng đã nhiều lần họp lại để thống nhất một số cập nhật, chỉnh sửa đối với ngành Quản lí phát triển đô thị và BĐS [H02.02.01.07]. Bản Chương trình đào tạo điều chỉnh cuối cùng được Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN phê duyệt và ban hành trong Quyết định 3546/QĐ-ĐHKHTN ngày 18 tháng 10 năm 2023 [H02.02.01.08], theo đúng quy định. Về cơ bản, bản mô tả CTĐT năm 2023 mang tính chất kế thừa và giữ nguyên triết lý, quan điểm đào tạo của bản mô tả CTĐT năm 2020, nhưng có sự chỉnh sửa về CĐR theo yêu cầu của ĐHQGHN để làm rõ hơn, thể hiện bổ sung một trong những CĐR quan trọng đối với sinh viên Trường ĐHKHTN, đó là “tự chủ và chịu trách nhiệm” [H02.02.01.08]. Các học phần của khối kiến thức chung, kiến thức lĩnh vực và khối ngành cũng được chỉnh sửa bổ sung để đảm bảo sự thống nhất giữa các chương trình đào tạo của Trường

ĐHKHTN [H02.02.01.05]. Những thay đổi và giải trình về sự thay đổi của CDR đã được làm rõ và chi tiết tại tiêu chuẩn 1. Cấu trúc chương trình chỉ thay đổi nhỏ để phù hợp với yêu cầu của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, được giải trình cụ thể ở tiêu chuẩn 3. Bản CTĐT chỉnh sửa năm 2023 được áp dụng cho sinh viên từ khóa K66 [H02.02.01.08].

Thông tin về CTĐT của ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS được công bố công khai khái quát trên trang web của Trường ĐHKHTN [H02.02.01.09] và chi tiết tại trang web của Khoa Địa lý [H02.02.01.10]. Đến mùa tuyển sinh, Khoa Địa lý cũng tuyên truyền, phổ biến thông tin về tuyển sinh của ngành thông qua các tờ rơi tại các hoạt động quảng bá tuyển sinh ở trường THPT [H02.02.01.11], [H02.02.01.12], ngày hội quảng bá tuyển sinh được tổ chức thường niên ở ĐHKHTN, face book, trực tuyến [H02.02.01.12].

2) Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, logic, giúp người học, các nhà tuyển dụng lao động, cùng xã hội có cái nhìn tổng thể, rõ ràng đối với CTĐT, hiểu được chuẩn đầu ra và các khối kiến thức có thể tích lũy trong suốt quá trình đào tạo.

3) Điểm tồn tại:

Hiện nay, bản mô tả CTĐT mới chỉ có ngôn ngữ tiếng Việt, chưa có bản dịch tiếng Anh, gây khó khăn cho các đối tác nước ngoài nếu muốn tiếp cận hợp tác đào tạo và nghiên cứu.

4) Kế hoạch hành động

Khoa Địa lý sớm có kế hoạch dịch tiếng Anh những thông tin cơ bản về CTĐT.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1) Mô tả hiện trạng

CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS hiện có 77 học phần, trong đó có 28 học phần bắt buộc, 43 học phần tự chọn, 2 học phần lấy chứng chỉ (Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh – quốc phòng), Khóa luận tốt nghiệp hoặc 3 học phần thay thế. Đề cương chi tiết của các học phần đều được thông tin đầy đủ trong Khung CTĐT ngành, theo quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H02.02.02.01].

100% đề cương học phần được thiết kế thống nhất với cấu trúc nội dung như sau:

- Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh);
- Mã học phần;
- Số tín chỉ;
- Học phần tiên quyết;
- Ngôn ngữ giảng dạy;
- Giảng viên;
- Mục tiêu của học phần (gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ);
- Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm);
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá (kiểm tra kiến thức nền, kiểm tra đánh giá thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, thi hết môn);
- Giáo trình;
- Tóm tắt nội dung học phần;
- Nội dung chi tiết học phần;
- Hình thức tổ chức dạy học;
- Điều kiện tiên quyết;
- Liên hệ.

Đề cương chi tiết của học phần với cấu trúc như trên đảm bảo mô tả đầy đủ và chi tiết các thông tin quan trọng của học phần, giúp người học và người đọc hiểu được bản chất nội dung, thời lượng giảng dạy, tỷ trọng các hoạt động kiểm tra, đánh giá cũng như tiến trình học của học phần [H02.02.02.02], [H02.02.02.03].

Đề cương các học phần được công bố cùng bản CTĐT trên website của Khoa Địa lý [H02.02.02.04]; đồng thời được các giảng viên trực tiếp cung cấp cho người học vào đầu mỗi học kỳ [H02.02.02.05]. Cuối mỗi học kỳ các giảng viên sẽ rà soát và cập nhật lại các nội dung học phần và đề xuất điều chỉnh đề cương nếu cần thiết. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của người học cũng sẽ được quan tâm để cải thiện chất lượng [H02.02.02.03]. Phản hồi từ giảng viên và người học sẽ được xem xét, tổng hợp thành các báo cáo tổng kết theo năm [H02.02.02.03].

Các đề cương học phần được giảng viên điều chỉnh nhỏ qua từng năm học, sau khi rút kinh nghiệm qua mỗi năm học, để đảm bảo nội dung giảng dạy phù hợp hơn, tài liệu tham khảo cập nhật hơn [H02.02.02.02]. Cùng với đợt điều chỉnh Khung chương trình năm 2023, các đề cương học phần cũng được cập nhật, chỉnh sửa theo định dạng cấu trúc yêu cầu của ĐHQGHN

[H02.02.02.01], thể hiện rõ hơn phương pháp đo lường để đảm bảo CDR và vai trò của học phần đối với đóng góp cho CDR chung của ngành.

2) Điểm mạnh

Bản đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về nội dung học phần, giúp sinh viên không chỉ hiểu về học phần, mà còn có thể xây dựng lộ trình học tập và phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp. Đề cương chi tiết học phần được cập nhật, bổ sung theo tiến trình thời gian bởi các giảng viên phụ trách học phần, nhằm đảm bảo nội dung tương thích, đáp ứng nhu cầu xã hội, và có tính cập nhật.

3) Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần cần tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa để đảm bảo tính thời sự, phương pháp giảng dạy hiện đại để đáp ứng tốt hơn định hướng ứng dụng của chương trình đào tạo.

4) Kế hoạch hành động

Để khắc phục tồn tại, Khoa Địa lý – thông qua các cố vấn học tập, trợ lý công tác sinh viên – cần chủ động liên hệ và xin ý kiến phản hồi của sinh viên về đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT để có thể chỉnh sửa kịp thời và chi tiết hơn, nâng cao chất lượng giảng dạy ở học kỳ/năm học tiếp theo.

5) Tự đánh giá tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1) Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS được công bố công khai để các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận dưới dạng bản mềm (file pdf) được đăng tải trên hệ thống website của Trường ĐHKHTN [H02.02.03.01] và website của Khoa Địa lý [H02.02.02.02]. Sinh viên cũng có thể tìm hiểu thông tin về bản mô tả chương trình trong tài liệu hướng dẫn kế hoạch học tập hàng năm [H02.02.02.03]. Ngoài ra, trong các hoạt động quảng bá tuyển sinh, bản mô tả CTĐT cũng được cung cấp cho những người quan tâm dưới dạng tờ rơi, quảng cáo với các thông tin cơ bản về chương trình đào tạo [H02.02.02.04].

Các đề cương học phần trong CTĐT cũng được công bố công khai cho người học bằng nhiều hình thức khác nhau: thông qua website của Khoa [\[H02.02.02.02\]](#), được giảng viên cung cấp ngay từ buổi học đầu tiên của học phần [\[H02.02.02.05\]](#).

Trong quá trình triển khai đào tạo, một số nhà tuyển dụng, cơ quan tiếp nhận sinh viên thực tập cũng sẽ được chia sẻ bản mềm (file pdf) thông qua chia sẻ link website, chia sẻ qua các kênh mạng xã hội như Messengers, Zalo,... hoặc bản cứng bản mô tả CTĐT, Khung chương trình, hoặc Đề cương học phần thực tập theo yêu cầu Thông qua đó, các nhà tuyển dụng, cơ quan tiếp nhận sinh viên thực tập sẽ hiểu hơn về nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo [\[H02.02.02.06\]](#). Các bên tiếp nhận sinh viên thực tập khi nắm được đề cương chi tiết học phần thực tập cũng sẽ hiểu hơn nội dung và yêu cầu CDR chung, yêu cầu CDR riêng đối với học phần thực tập, để triển khai các hoạt động thực tập phù hợp hơn đối với sinh viên.

Ngoài ra, Khoa còn có trang Facebook riêng [\[H02.02.02.07\]](#) để cập nhật các thông tin mới nhất về các hoạt động giảng dạy và NCKH. Trang mạng xã hội này là một kênh dẫn truyền và lan tỏa hiệu quả đến mọi bên liên quan, giúp họ dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT theo cách thuận tiện nhất.

2) Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLĐT ĐT BĐS và các đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các nhà khoa học và những người quan tâm,... dễ dàng tiếp cận, truy cập, tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi. Một số kênh truyền thông xã hội hiện đại, phổ biến như Facebook, Zalo đã được Khoa Địa lý tận dụng để thúc đẩy công tác quảng bá tuyển sinh và dẫn truyền mọi thông tin một cách nhanh nhất đến các bên liên quan.

3) Điểm tồn tại

Mức độ tiếp cận đến bản mô tả CTĐT và đề cương học phần chưa được chủ động đánh giá.

4) Kế hoạch hành động

Khoa Địa lý xây dựng chiến lược chủ động định kỳ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, các đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập [\[H02.02.03.06\]](#) về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

5) Tự đánh giá tiêu chí đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

- Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, giúp người học và các bên liên quan có cái nhìn tổng quan, rõ ràng về mục tiêu, nội dung và CDR của toàn bộ CTĐT;
- Bản đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS được thiết kế trong định dạng thống nhất, cung cấp đầy đủ các thông tin quan trọng, cần thiết để người học và các bên liên quan hiểu được bản chất nội dung của học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá, và vai trò của học phần đóng góp trong CDR chung của cả CTĐT.
- Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, từ truyền thống đến hiện đại, cho sinh viên và các bên liên quan để có thể dễ dàng tiếp cận, thu thập, tìm hiểu và đóng góp ý kiến phản hồi.

Tồn tại chủ yếu

- Các hình thức và kế hoạch cung cấp bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS đến các nhà tuyển dụng cần được tiến hành chủ động và sớm hơn, thúc đẩy việc kết nối giữa nhà tuyển dụng và sinh viên sắp tốt nghiệp hiệu quả hơn nữa.
- Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và các đối tác lớn về bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS và đề cương các học phần còn có những hạn chế nhất định, chưa thực sự sát sao và triển khai đồng bộ trong toàn Khoa.

Kế hoạch cải tiến

- Xây dựng kế hoạch cụ thể cung cấp bản mô tả CTĐT cử nhân ngành QLPTĐT&BDS đến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và đơn vị đối tác;
- Có kế hoạch dịch sơ bộ tiếng Anh bản mô tả CTĐT để các đối tác nước ngoài có thể dễ dàng tiếp cận thông tin, hỗ trợ tìm kiếm đối tác hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu;
- Thông qua giáo viên chủ nhiệm, trợ lý công tác sinh viên để chủ động tiếp nhận những ý kiến phản hồi sớm của sinh viên về CDR của học phần, đề cương chi tiết học phần, mức độ công khai về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần,... để có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp;

- Có kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, các đơn vị đối tác về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần;
- Cải tiến công tác truyền thông về các CTĐT của Khoa.

Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 2 có 2 tiêu chí đạt mức 5/7, 1 tiêu chí đạt mức 6/7.

Bản mô tả CTĐT đến sinh viên và các bên liên quan mới chỉ được cung cấp dưới hình thức thụ động. Sinh viên và các bên liên quan có thể truy cập và nhận được file bản mô tả CTĐT khi chủ động tìm kiếm. Nhưng ngược lại, Khoa Địa lý vẫn thiếu chiến lược để chủ động cung cấp thông tin CTĐT cho các bên liên quan.

Để khắc phục điểm tồn tại trên, Khoa Địa lý sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể để chủ động cung cấp thông tin CTĐT cho các bên liên quan, đặc biệt, với những nhà tuyển dụng tiềm năng, có vị trí việc làm phù hợp với chuẩn đầu ra của ngành.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Để đạt được CĐR và mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BDS, CTDH đóng vai trò quan trọng. CTDH chuyên ngành QLPTĐT và BDS của Khoa Địa lý được thiết kế hướng đến việc giúp sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm, phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội. Việc đổi mới, rà soát và điều chỉnh CTDH là việc làm cần thiết và đã được Khoa Địa lý triển khai theo quy định, đợt điều chỉnh gần đây nhất là vào năm 2023. Ngoài ra, hàng năm CTĐT cũng có những điều chỉnh nhỏ theo từng nội dung của học phần. CTDH của chuyên ngành QLPTĐT và BDS được thiết kế với hệ thống phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực, khối kiến thức của khối ngành, khối kiến thức của nhóm ngành và khối kiến thức ngành. Trong đó, mỗi học phần đều có đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BDS. Tiêu chí cụ thể của tiêu chuẩn 3 như sau:

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1) Mô tả hiện trạng.

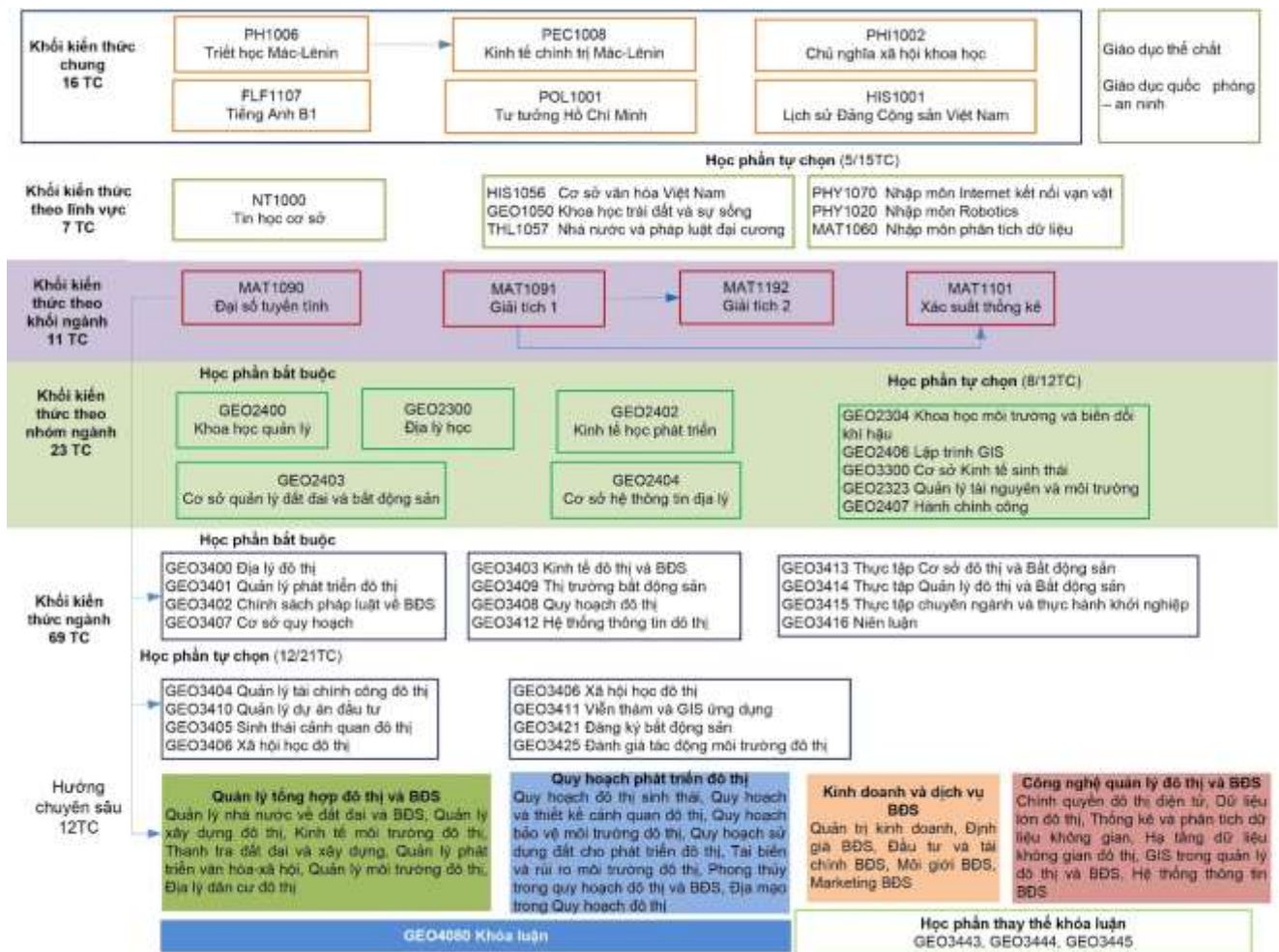
CTDH của CTĐT đại học chuyên ngành QLPTĐT và BDS được thiết kế dựa trên các yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng, đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cấu trúc và nội dung của CTDH được phát triển và thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa Địa lý [H03.03.01.01]; tuân theo quy định về mở mới và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học của ĐHQGHN [H03.03.01.02]. Trong đó, nội dung và cấu trúc của chương trình được tham khảo và đối sánh với CTĐT của trường Đại học tiên tiến trên thế giới (ngoài các học phần theo yêu cầu chung của VNU và yêu cầu chuyên biệt, đặc thù riêng của GEO-HUS, [H03.03.01.03] và đồng thời có tiếp nhận các phản hồi từ các chuyên gia, các bên liên quan [H03.03.01.04] từ đó có cơ sở khoa học và thực tiễn để CTDH đạt được các yêu cầu CĐR và mục tiêu giáo dục đề ra. CTDH được đưa vào đào tạo phát huy thế mạnh từ nguồn lực của Khoa và kế hoạch tổ chức phù hợp và đầy đủ [H03.03.01.05] để đáp ứng các yêu cầu CĐR [H03.03.01.06]. Năm 2023, có sự điều chỉnh CĐR của CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BDS. Việc điều chỉnh này có sự cân đối về tỷ lệ và làm tăng tính chủ động của sinh viên linh hoạt trong áp dụng kiến thức vào thực tế, tăng thời lượng thực hành góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (lấy người học làm trung tâm). Số tín chỉ này được phân bổ phù hợp về kiến thức và kỹ năng, đáp ứng với CĐR (Bảng 3.1.). Nội dung CTDH đã được chỉnh sửa và thiết kế theo theo tiêu chuẩn ĐHQGHN [H03.03.01.02] và theo góp ý của các bên liên quan [H03.03.01.04], có sự gắn kết và lượng hóa rõ ràng trong ma trận kỹ năng đáp ứng các yêu cầu của CĐR [H03.03.01.7]; các học phần trong CTĐT được xác định rõ về thời lượng và kế hoạch giảng dạy, phương pháp giảng dạy theo từng học kỳ giúp SV chủ động sắp xếp và lập kế hoạch học tập phù hợp [H03.03.01.05]; đề cương chi tiết các học phần đã được xây dựng bởi các giảng viên có chuyên môn phù hợp và được điều chỉnh (năm 2023) để bám sát các yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm [H03.03.01.03, H03.03.01.08, H03.03.01.09].

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp, có hệ thống và chặt chẽ, có tích hợp phương pháp giảng dạy với các phương pháp đánh giá để xác định mức độ đạt được so với CĐR. Nhiều học phần trong khối kiến thức C4 và C5 được thiết kế có nội dung thực hành, thực tế để đáp ứng yêu cầu của CĐR cả về kiến thức và kỹ năng [H03.03.01.03, H03.03.01.06]. Các phương pháp giảng dạy trong CTDH được tích hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa Địa lý và tuân theo bố cục, nội dung và ma trận CĐR về kiến thức, kỹ năng

của học phần [H03.03.01.01]. Ngoài ra, thông qua các khóa học kỹ năng mềm, SV cũng được tiếp cận và thực hành một số kỹ năng quan trọng như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, lãnh đạo, quản lý thời gian, sáng tạo và đổi mới [H03.03.01.08].

Khoa Địa lý đã tiến hành rà soát, bổ sung và chỉnh sửa lớn CTĐT trong đó có cấu trúc, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần của chuyên ngành QLPTĐT và BDS được rà soát và điều chỉnh để hỗ trợ đạt hiệu quả các yêu cầu của CDR [H03.03.01.09].

Bảng 3.1. Phân bố khối kiến thức trong CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BDS



2) Điểm mạnh

Khoa Địa lý đã thiết kế và phát triển nội dung CTDH chuyên ngành QLPTĐT và BDS tuân thủ đầy đủ các quy định của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, Bộ GD&ĐT, được thiết kế dựa vào CDR về kiến thức, kỹ năng, đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH được thiết kế đảm

bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và đảm bảo tính liên tục, có sự gắn kết giữa các hoạt động dạy, học và đánh giá.

Các phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV của tất cả các học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp với nội dung, yêu cầu CĐR của học phần. Tất cả các học phần có trong CTĐT đều có một mức độ đóng góp nhất định để đạt được CĐR của CTĐT, đồng thời với việc điều chỉnh cải tiến làm phong phú thêm các học phần tự chọn qua các năm 2023 đã giúp chương trình có tính linh động hơn, sinh viên có tính chủ động hơn, tạo điều kiện sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hơn khi đáp ứng được CĐR của CTĐT.

3) Điểm tồn tại

CTDH cần tiếp tục cập nhật về các phương pháp kiểm tra, đánh giá do có 1 số môn mời giảng chưa được cập nhật đúng với thực tế giảng dạy của giảng viên.

4) Kế hoạch hành động

CTDH cần tiếp tục cập nhật về các phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với các học phần chưa được cập nhật nội dung mới với thực tế giảng dạy của giảng viên.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1) Mô tả hiện trạng

CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BĐS [H03.03.02.01] được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT. Từ CĐR của CTĐT sẽ thiết kế theo các modul khối kiến thức và mỗi khối kiến thức bao gồm các học phần và nội dung của tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và có những đóng góp nhất định cho CĐR của CTĐT ở các mức độ nhất định.

Đề cương chi tiết các học phần do các giảng viên biên soạn theo yêu cầu chặt chẽ, cụ thể và phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa Địa lý [H03.03.02.02; H03.03.02.03] và đều chỉ rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng của học phần trong CĐR của CTDH và được thể hiện trong ma trận CĐR của CTĐT và CĐR mỗi học phần [H03.03.02.01, H03.03.02.04], cụ thể như sau:

Các học phần thuộc khối kiến thức chung và theo lĩnh vực (Triết học Mác -Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tiếng Anh B1, Tin học cơ sở...) đã đạt được mục tiêu *cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin, năng lực ngoại*

ngữ, đáp ứng yêu cầu của chuyên môn trong lĩnh vực chuyên ngành (trọng số lớn đóng góp vào CĐR C1 - C2). Các học phần thuộc khối kiến thức của khối ngành và nhóm ngành đáp ứng mục tiêu cung cấp những kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng về QLPTĐT và BĐS để luận giải các vấn đề lý luận, thực tiễn trong lĩnh vực QLPTĐT & BĐS (đóng góp vào CĐR C3 - C5). Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng đến rèn luyện cho người học năng lực học tập suốt đời qua cung cấp khả năng tư duy, sáng tạo, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng lập luận và giải quyết vấn đề. Nội dung các học phần Thực hành khởi nghiệp, Thực tập thực tế được bổ sung trong CTĐT giúp SV đạt tốt nhất các CĐR về năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực QLPTĐT và BĐS, năng lực tự chủ và trách nhiệm để hội nhập nhanh với môi trường công tác trong tương lai [H03.03.02.01, H03.03.02.02, H03.03.02.04, H03.03.02.05]. Thời lượng cho thảo luận trong các học phần giúp SV có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phản biện... Các học phần chuyên sâu được thiết kế nhằm thúc đẩy khả năng sáng tạo, tư duy cho SV, đồng thời giúp SV có kỹ năng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân theo năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các học phần Tiếng Anh B1; Tin học cơ sở... giúp SV đạt được CĐR về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Đề cương các học phần đều được thẩm định, rà soát kỹ lưỡng về tính phù hợp để đạt được CĐR qua các năm học [H03.03.02.02, H03.03.02.06, H03.03.02.07]. 100% phương pháp dạy học của các học phần và phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp, truyền tải được kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV để đảm bảo việc đạt được CĐR [H03.03.02.08]. Các phương pháp dạy học được giảng viên sử dụng linh hoạt bao gồm: phương pháp thuyết giảng một chiều, thuyết giảng tương tác, thảo luận trực tiếp, hướng dẫn trực tiếp, hướng dẫn có định hướng, dạy học từ tình huống, dạy học theo vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học bằng trực quan, đóng vai và mô phỏng, dạy học bằng thực hành [H03.03.02.08]. Các hoạt động học của SV như nghe giảng, đọc tài liệu, tìm kiếm thông tin liên quan, làm bài tập, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tranh biện... giúp SV đạt các CĐR về kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng giao tiếp, khả năng lập luận và giải quyết vấn đề [H03.03.02.02, H03.03.02.04]. Phương pháp kiểm tra đánh giá đã được cập nhật và bổ sung trong đề cương chi tiết học phần [H03.03.02.02]. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đều tiến hành khảo sát đối với sinh viên về chất lượng và phương pháp dạy học của giảng viên, giúp giảng viên cải thiện phương pháp giảng dạy đảm bảo chất lượng đào tạo, góp phần đảm bảo đạt được CĐR [H03.03.02.09]. Phương pháp

kiểm tra đánh giá trong từng học phần được thiết kế phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất nhằm đảm bảo đạt được CĐR. Các điểm đánh giá cho mỗi học phần gồm 3 loại điểm là điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thi hết học phần (theo thang điểm 10), (*đánh giá CĐR về kiến thức lý thuyết và xử lý các vấn đề chuyên môn về khoa học môi trường, CĐR về kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện...*) [H03.03.02.02]. Phương pháp kiểm tra, đánh giá gồm có kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, thuyết trình, bài tập lớn, báo cáo thu hoạch/thực tập [H03.03.02.08]. Khóa luận tốt nghiệp gồm 7 tín chỉ được tổ chức chấm nhằm *đánh giá kiến thức tổng hợp, xử lý vấn đề chuyên môn trong thực tế, tạo kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tổng hợp, giải quyết vấn đề...*) [H03.03.02.01]. Mẫu phiếu nhận xét của cán bộ hướng dẫn, cán bộ phản biện và mẫu phiếu chấm điểm được thể hiện cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá chất lượng khóa luận tốt nghiệp [H03.03.02.10]. SV được đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ qua các bài tập cá nhân, giờ thảo luận, giờ học trên lớp. Qua việc thuyết trình, trao đổi và bài thảo luận của các nhóm SV, giảng viên có thể đánh giá được kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập. Bài thi cuối kỳ giúp giảng viên đánh giá được đầy đủ các nội dung liên quan đến CĐR như kiến thức, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế [H03.03.02.11]. Các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá được vận dụng khoa học [H03.03.02.08]. Việc hoàn thiện các học phần phù hợp với CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm còn được thực hiện dựa trên cơ sở đóng góp ý kiến từ các bên liên quan đối với CĐR, CTĐT và bản mô tả CTĐT [H03.03.02.01, H03.03.02.05, H03.03.02.06, H03.03.02.07, H03.03.02.09, H03.03.02.12]. Việc tiếp thu ý kiến thể hiện sự gắn kết và tôn trọng ý kiến của các bên liên quan với việc hoàn thiện CĐR qua các học phần [H03.03.02.12]. Đề cương các học phần được rà soát chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan cũng như dựa trên ý kiến khảo sát định kỳ người học vào cuối mỗi học kỳ về nội dung của học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để làm căn cứ điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và nội dung của các học phần [H03.03.02.05, H03.03.02.09]. Khoa chủ trì và các Bộ môn/GV chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức rà soát khối lượng, nội dung kiến thức thể hiện tại đề cương các học phần [H03.03.02.05, H03.03.02.06, H03.03.02.07], đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H03.03.02.13], đồng thời tiến hành phổ biến CTĐT, cập nhật cho quảng bá tuyển sinh [H03.03.02.14].

2) Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp được sử dụng linh hoạt đảm bảo quy định, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được CĐR.

3) Điểm tồn tại

Phương pháp dạy học cần được thể hiện rõ ràng hơn trong đề cương chi tiết học phần.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, tiếp tục thực hiện rà soát CTDH theo kế hoạch của Trường, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện CTĐT theo định kỳ 2 năm/lần nhằm đáp ứng tốt nhất CĐR (đơn vị thực hiện: Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng; Khoa Địa lý; bổ sung thông tin rõ ràng hơn về phương pháp dạy học trong đề cương chi tiết học phần (đơn vị thực hiện: Khoa Địa lý) theo định kỳ 2 năm/lần.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1) Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học trình độ đại học chuyên ngành QLPTĐT và BĐS có cấu trúc logic, bố cục rõ ràng giúp các bên liên quan (sinh viên, cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý giáo dục, người sử dụng lao động,...) có thể dễ dàng theo dõi các khối kiến thức trong chương trình. Cấu trúc CTDH bao gồm kiến thức chung, theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành [H03.03.01]. Các học phần trong CTDH bao gồm cả học phần trên lớn, học phần ngoại khóa và các hoạt động khác được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành [H03.03.02]. Khối kiến thức chung (M1) được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị của ĐHQGHN. Khối kiến thức theo lĩnh vực (M2) được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị có ngành học thuộc cùng lĩnh vực. Khối kiến thức theo khối ngành (M3) được tổ chức giảng dạy ở tất cả các CTĐT của một đơn vị có ngành học thuộc cùng khối ngành. Khối kiến thức theo nhóm ngành (M4) được tổ chức giảng dạy ở một

CTĐT của một đơn vị có các ngành học thuộc cùng nhóm ngành. Khối kiến thức ngành (M5) bao gồm các học phần thuộc khối ngành, các học phần nghiệp vụ, bổ trợ, thực tập, thực tế, khóa luận hoặc các học phần thay thế được tổ chức giảng dạy thuộc một CTĐT. Các kiến thức/học phần bổ trợ có thể chọn và học tập tại Trường hoặc tại một đơn vị liên kết khác [H03.03.03.01]. Tổng số tín chỉ phải tích lũy của CTĐT là 137 tín chỉ, đáp ứng khối lượng kiến thức theo yêu cầu đối với trình độ đại học có thời gian đào tạo 4 năm được quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H03.03.03.03], đồng thời tuân thủ quy định của ĐHQGHN về thời lượng của các CTĐT cử nhân tối thiểu 120 tín chỉ, tối đa 140 tín chỉ tại Quyết định 1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/4/2018 của Giám đốc ĐHQGHN [H03.03.03.04]. Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (Bảng 3.1), trình tự, kế tiếp của quá trình đào tạo và phân bổ theo các khối kiến thức: (i) từ kiến thức cơ bản để kiến thức cốt lõi chuyên ngành; (ii) thực hành, thực tập được tăng dần theo thời gian học tập; và (iii) các khóa học bổ sung, kỹ năng mềm cung cấp cho sinh viên các kỹ năng chuyên môn khoa học, năng lực đạo đức, kỹ năng giao tiếp, trình độ ngoại ngữ và hiểu biết xã hội trước khi tốt nghiệp. Trong mỗi học phần đều mô tả rõ các điều kiện tiên quyết, số tín chỉ cho mỗi học phần, thời lượng cho mỗi nội dung trong học phần [H03.03.03.02] theo nguyên tắc khối kiến thức cơ sở làm nền tảng thuộc học phần bắt buộc cho các học phần ngành/chuyên ngành nâng cao. Sự bố trí, hướng dẫn xây dựng lịch trình đào tạo, cố vấn học tập đảm bảo nguyên tắc các học phần đại cương, bắt buộc, nhập môn được sắp xếp trước, các học phần chuyên sâu, nâng cao được sắp xếp sau một cách logic theo hướng nâng dần kiến thức, kỹ năng cho người học [H03.03.03.05]. Các học phần trong CTDH cũng nêu chi tiết chương trình của mỗi học phần bao gồm học trên lớp, bài tập, thực hành và các hoạt động khác. Kế hoạch giảng dạy mỗi học phần đều đã được mô tả trong bản mô tả CTDH.

Để triển khai kế hoạch giảng dạy, mỗi học kỳ đều có thời khóa biểu cụ thể cho các học phần theo các khối kiến thức và các học phần tiên quyết ở mỗi học phần [H03.03.03.05]. Các học phần thuộc khối kiến thức chung và chuyên ngành QLPTĐT và BĐS được bố trí bắt đầu từ năm thứ hai. Các khóa học tự chọn và khóa học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế với hai mục tiêu: (i) định hướng các sinh viên theo phương pháp tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu chuyên ngành; hoặc/và (ii) hỗ trợ sinh viên với sự phát triển khả năng riêng và mở rộng kiến thức khi tham gia các khóa học có liên quan từ các CTĐT khác [H03.03.03.02].

Để đáp ứng sự thay đổi của nhu cầu xã hội, CTDH thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Khung CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BĐS có điều chỉnh năm 2023 [H03.03.03.06]. Trước khi tiến hành điều chỉnh, Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan và đã nhận các góp ý, phản hồi của các bên liên quan thông qua các phiếu khảo sát để chương trình cập nhật và/hoặc điều chỉnh đáp ứng yêu cầu thay đổi của xã hội [H03.03.03.07].

Chương trình dạy học khi được điều chỉnh đều được tham khảo các CTĐT tiên tiến quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp, để tăng khả năng có thể được trao đổi với chương trình QLPTĐT và BĐS tại trường Đại học khác được xếp hạng cao theo The Higher Education và kiến thức theo lĩnh vực có độ trùng khớp thấp (yêu cầu đặc thù của giáo dục đại học Việt Nam), các khối kiến thức khác thể hiện độ tương đồng cao, bên cạnh việc bổ sung các học phần đặc thù riêng của Trường. Cụ thể các học phần tương đương của 2 chương trình với khối kiến thức theo khối ngành là 11/11 các học phần, khối kiến thức theo nhóm ngành là 4/10 học phần, khối kiến thức ngành là 24/63. Các học phần tương đương của 2 khung chương trình nằm chủ yếu ở các học phần tiên quyết, sự khác biệt chủ yếu nằm ở các môn tự chọn trong CTDH [H03.03.03.08, H03.03.03.01].

2) Điểm mạnh

Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật, đảm bảo sự gắn kết, liên mạch giữa các học phần đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, đảm bảo chương trình là một khối thống nhất, tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN, đảm bảo tường minh, dễ áp dụng, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và đối sánh.

3) Điểm tồn tại

Khung chương trình là đào tạo thí điểm chưa có sự đối sánh, cập nhật với các chương trình của các Đại học xếp hạng cao nên thông tin đối sánh trong CTDH chưa được đa dạng.

4) Kế hoạch hành động

Ngoài việc tiếp tục tham chiếu chương trình đại học QLPTĐT và BĐS, đơn vị đào tạo sẽ tiếp tục tìm hiểu các đại học uy tín khác đồng thời tiếp tục điều tra đánh giá nhu cầu xã hội, các bên liên quan để cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm cải tiến nâng cao chất lượng trong lần điều chỉnh tiếp theo.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH của chuyên ngành QLPTĐT và BĐS có cấu trúc, nội dung các học phần thực hiện đồng độ, thống nhất. Các học phần trong chương trình được cấu trúc hợp lý, tuần tự, tỷ lệ giữa các khối kiến thức phù hợp, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, tạo thành một khối thống nhất, có đối sánh với CTDH tiên tiến trên thế giới. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN với các minh chứng đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên, Tiêu chuẩn 3 vẫn còn một số tồn tại cần được cải tiến như: Đề cương chi tiết các học phần cần tiếp tục rà soát và cập nhật. Phương pháp kiểm tra đánh giá của một số học phần cần được cập nhật.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT chuyên ngành QLPTĐT và BĐS đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phát triển năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Chiến lược dạy và học của chương trình cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đảm bảo triết lý “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên nền tảng kiến thức tổng hợp, liên ngành về Quản lý phát triển đô thị và bất động sản gắn với nhu cầu xã hội” [H.04.01.01]. Triết lý này hoàn toàn phù hợp với Triết lý giáo dục chung của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Điều này được khẳng định trong giá trị cốt lõi của ĐHQGHN “Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm quốc gia - Phát triển bền vững” [H.04.01.02] và của trường ĐHKHTN “Chất lượng xuất sắc, Đổi mới và sáng tạo, Trách nhiệm xã hội cao, Hợp tác và thân thiện” [H.04.01.03]. Triết lý giáo dục của Khoa Địa lý “Học tập chủ động và học đi đôi với hành, chất lượng cao, trách nhiệm xã hội” [H.04.01.04]. Với triết lý giáo dục đã được xác định, chiến lược dạy và học được xây dựng có tính khoa học và sáng tạo.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được trình bày rõ ràng và phổ biến đến tất cả các bên liên quan

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN đã xác định sứ mạng “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước” [H.04.01.05]. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKHTN được xác định rõ “Đào tạo nhân lực trình độ cao; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có tinh thần thái độ tận tâm và sự sáng tạo trong công việc, làm chủ tri thức KH&CN hiện đại, có tư duy sáng tạo, khả năng tự học, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội” [H.04.01.06].

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của ĐHQGHN, của trường ĐHKHTN, của khoa Địa lý và của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được phổ biến rõ ràng đến các bên liên quan bằng các văn bản chính thức: Chiến lược phát triển của ĐHQGHN và tầm nhìn 2045 [H.04.01.07]; Chiến lược phát triển của trường Đại học KHTN tới

năm 2025, tầm nhìn 2035 [H.04.01.06], trên website của Trường và của Khoa [H.04.01.03], [H.04.01.04]. Ngoài ra còn được truyền tải trực tiếp tới các bên liên quan như sau:

Triết lý giáo dục còn được phổ biến tới cán bộ, giảng viên thông qua hội nghị tổng kết cuối năm học [H.04.01.08]. Ngay từ khi xây dựng chương trình đào tạo, cán bộ, giảng viên đã được quán triệt triết lý giáo dục để thiết kế chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của các học phần, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phải phù hợp với triết lý giáo dục đã đặt ra [H.04.01.09].

Triết lý giáo dục được phổ biến tới sinh viên thông qua “tuần sinh hoạt công dân – HSSV” [H.04.01.10]; các buổi đối thoại của ban lãnh đạo khoa, giảng viên chủ nhiệm với sinh viên [H.04.01.11].

Đối với các bên liên quan, triết lý giáo dục được phổ biến qua tờ rơi quảng bá tuyển sinh, Đề án tuyển sinh [H.04.01.12], trên trang mạng xã hội facebook [H.04.01.13].

2) Điểm mạnh

Triết lý và mục tiêu giáo dục của ĐHQGHN, của nhà Trường, của Khoa và của chương trình đào tạo Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được tuyên bố rõ ràng, được công bố và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như đăng lên trang web, bằng văn bản, tờ rơi, đề án tuyển sinh, hội họp...

3) Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến trực tiếp và các kênh truyền thông qua mạng xã hội chưa thường xuyên, thường mới chỉ tập trung cao độ vào thời điểm các mùa tuyển sinh, nhập học đầu khóa của sinh viên.

4) Kế hoạch hành động

Tăng cường hơn nữa công tác truyền thông phổ biến triết lý và mục tiêu giáo dục bằng hình thức tổ chức các buổi tọa đàm trực tiếp, đăng tải thường xuyên trên các trang mạng xã hội như facebook, youtube...

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1) Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được xây dựng và thực hiện tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, với chuẩn đầu ra của từng học phần và phù hợp với quy định của ĐHQGHN (Bảng 4.1) [H.04.02.01].

Bảng 4.1. Ma trận hoạt động dạy và học phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Kiến thức chuẩn đầu ra theo thang Bloom	Phương thức giảng dạy	Phương thức kiểm tra, đánh giá	Phương thức học tập	Yêu cầu đạt được
Nhớ	Giảng bài, trình bày vấn đề để sinh viên ghi nhớ	Kiểm tra miệng Kiểm tra viết, trắc nghiệm Yêu cầu trình bày, trả lời câu hỏi	Nghe giảng Tự học	Đáp ứng yêu cầu của bài kiểm tra, câu hỏi
Hiểu	Giảng giải, giải thích	Kiểm tra trên lớp Bài tập Seminar	Nghe giảng Tự học	Đáp ứng yêu cầu bài kiểm tra, bài tập, Seminar
Áp dụng	Tổ chức học tập theo nhóm, dạy học và hướng dẫn dựa trên vấn đề, tình huống	Kiểm tra viết Báo cáo nhóm Bài tập	Thực hành Tự học Viết báo cáo	Đáp ứng yêu cầu bài kiểm tra, báo cáo, bài tập
Phân tích	Dạy học thông qua nghiên cứu tình huống, phân tích vấn đề, thảo luận nhóm	Kiểm tra viết Báo cáo nhóm Bài tập	Thực hành Tự học Viết báo cáo	Đáp ứng yêu cầu bài kiểm tra, báo cáo, bài tập
Đánh giá	Giảng dạy, sau đó đưa ra chủ đề thảo luận đánh giá vấn đề	Kiểm tra viết Báo cáo Vấn đáp	Nghe giảng Tự học, Viết báo cáo	Đáp ứng yêu cầu bài kiểm tra, báo cáo, câu hỏi

Hoạt động dạy và học được khoa Địa lý, các bộ môn chuyên môn và giảng viên phụ trách học phần thường xuyên rà soát theo đề cương chi tiết học phần trên cơ sở quy định của ĐHQGHN, hướng dẫn của Trường và Khoa để cập nhật những kiến thức mới, phương pháp giảng dạy mới, sáng tạo [H.04.02.02].

Học lý thuyết đi đôi với thực hành được thực hiện xuyên suốt từ khi xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần. Cấu trúc mỗi học phần gồm các giờ lý thuyết, thực hành, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, tự học. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, giảng viên

đưa ra các hoạt động dạy học đa dạng, linh hoạt như giảng dạy trực tiếp trên lớp, hướng dẫn thực hành, làm bài tập, thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tập thực tế, hướng dẫn tự học... [H.04.02.03].

Trên thực tế, các phương pháp giảng dạy được áp dụng phong phú và linh hoạt hơn so với được mô tả trong đề cương học phần [H.04.02.02], [H.04.02.03]. Phương pháp giảng dạy tích cực giúp sinh viên hiểu rõ lý thuyết và áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế, tích lũy kinh nghiệm, hoàn thiện thái độ phẩm chất nghề nghiệp, rèn luyện những kỹ năng học tập và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng học phần theo CDR cũng như rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời của người học [H.04.02.04].

Phương pháp dạy và học theo tín chỉ, lấy người học làm trung tâm [H.04.02.05], giảng viên dẫn dắt, gợi mở vấn đề và khuyến khích sinh viên đưa ra quan điểm, đánh giá, bình luận, đề xuất. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên thường xuyên tương tác hai chiều với sinh viên, khích lệ sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động học tập.

Hình thức giảng dạy đa dạng, học trực tiếp hoặc học trực tuyến để trong trường hợp đặc biệt vẫn hỗ trợ được người học. Trong thời gian dịch Covid 19, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có hướng dẫn cụ thể hình thức giảng dạy trực tuyến để đảm bảo hiệu quả, chất lượng, tiến độ học tập [H.04.02.06].

Sinh viên được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ 2, nhưng có sinh viên năm thứ nhất đã tích cực và mong muốn làm quen với NCKH vẫn được đáp ứng. Kết quả NCKH sinh viên được đánh giá và trao giải, đặc biệt có giải tiềm năng dành cho sinh viên năm nhất hoặc hai để khuyến khích niềm đam mê NCKH đối với sinh viên [H.04.02.07]. Sinh viên được đi thực tập, thực tế, được gửi đến các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước để học tập kiến thức thực tiễn [H.04.02.08].

Bài giảng được thiết kế phong phú, giàu hình ảnh, video, để tăng tính lý thú, hấp dẫn và truyền tải kiến thức tốt hơn đến sinh viên [H.04.02.09]. Ứng dụng công cụ hỗ trợ phục vụ giảng dạy như máy chiếu, các loại máy móc phục vụ chuyên môn khác. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm, viết báo cáo, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình, bài kiểm tra ngắn, kiểm tra miệng. Mỗi học phần được đánh giá bằng 3 đầu điểm, gồm: điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ. Việc đánh giá điểm thường xuyên được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo phù hợp với phương pháp dạy và học, đồng thời đạt được chuẩn đầu ra của học phần [H.04.02.10].

Sinh viên được hỗ trợ tư vấn học tập bởi giáo viên chủ nhiệm và cán phụ trách sinh viên về xây dựng kế hoạch và phương pháp học tập, phương pháp NCKH [H.04.02.11]. Với mỗi học phần, trong buổi học đầu tiên, các giảng viên giới thiệu cho sinh viên biết nội dung của học phần, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần [H.04.02.12]. Sinh viên được hướng dẫn sử dụng hệ thống học liệu phục vụ dạy và học (gồm bài giảng điện tử, danh mục giáo trình, sách tham khảo, các trang web chính thống để tìm kiếm thông tin/tài liệu...). Đặc biệt hệ thống thư viện trực tuyến như thư viện ĐHQG, thư viện pháp luật... đã hỗ trợ rất hiệu quả để sinh viên có nhiều học liệu phong phú phục vụ học tập nhằm đạt được chuẩn đầu ra [H.04.02.13]. Trên cơ sở nguồn học liệu phong phú, giúp sinh viên chủ động học tập, nghiên cứu.

Phương pháp dạy và học được người học đánh giá sau mỗi học kỳ [H.04.02.14]. Những thông tin phản hồi và đánh giá của sinh viên được gửi lại cho giảng viên để làm cơ sở điều chỉnh và cải thiện phương pháp cũng như nội dung giảng dạy trong học kỳ tiếp theo.

Cuối mỗi học kỳ, giảng viên được Nhà trường lấy ý kiến về hoạt động dạy và học, mức độ phù hợp với chuẩn đầu ra, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết giảng viên hài lòng với hoạt động, phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản [H.04.02.15]. Cuối năm học, có bình xét danh hiệu “Giảng viên xuất sắc” để trao cho các giảng viên có thành tích giảng dạy xuất sắc để khích lệ hoạt động sáng tạo, đổi mới trong dạy học [H.04.02.16].

2) Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, đa dạng để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Bài giảng thiết kế hấp dẫn, sử dụng thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm và khuyến khích sinh viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập.

3) Điểm tồn tại

Phương pháp kiểm tra, đánh giá các học phần thực tập, thực tế, chấm điểm khóa luận tốt nghiệp được Khoa và Bộ môn xây dựng theo bảng rubric. Tuy vậy, trường ĐHKHTN chưa có quy định chi tiết về vấn đề này.

4) Giải pháp khắc phục

Ban hành hướng dẫn phương pháp kiểm tra, đánh giá cho các học phần thực tập, thực tế, chấm khóa luận tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, các khoa, ngành học áp dụng có sáng tạo vào đơn vị mình.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1) Mô tả hiện trạng

Để có những thành công lớn, sinh viên không chỉ học tập trên ghế nhà trường, mà cần có kỹ năng, niềm đam mê để không ngừng học tập và rèn luyện ở mọi lúc, mọi nơi. Yêu cầu này được thể hiện rất rõ trong chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần. Cụ thể chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm, sinh viên cần tự chủ trong học tập và nghiên cứu, mỗi học phần đều có giờ tự học [H.04.02.03]. Theo quy chế đào tạo của ĐHQGHN, 1 giờ tín chỉ trên lớp cần có 3 giờ tự học [H.04.03.01]. Giảng viên hướng dẫn, định hướng, gửi tài liệu hoặc chỉ nguồn tài liệu để sinh viên có thể tự học tập, nghiên cứu trong các giờ tự học. Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội, của Trường ĐHKHTN, của Khoa Địa lý có kho tài liệu dạng số và dạng giấy [H.04.03.02]. Sinh viên được cung cấp tài khoản để truy cập [H.04.03.03]. Trong đề cương chi tiết mỗi học phần, đều có danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo [H.04.02.03]. Sinh viên được cung cấp tài liệu hoặc hướng dẫn tìm tài liệu để tự học tập, nghiên cứu.

Trong các hoạt động dạy học và đánh giá như seminar, tiểu luận, trình bày báo cáo làm việc nhóm, ... đã tạo điều kiện cải thiện kỹ năng tự học tập của người học. Bài giảng được thiết kế hấp dẫn [H.04.02.09], để tăng tính lý thú trong học tập, khơi dậy niềm đam mê học tập và hướng đến học tập suốt đời của sinh viên. Đồng thời các giờ tự học cũng được kiểm tra, đánh giá vào điểm thường xuyên để kiểm soát, đánh giá chất lượng của các giờ tự học. Giảng viên làm rõ mục tiêu học tập để sinh viên nỗ lực hướng tới. Đồng thời, giảng viên không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn về giảng dạy, NCKH, phẩm chất nhà giáo để trở thành hình mẫu học tập suốt đời đối với sinh viên [H.04.03.04].

Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm và cán bộ phụ trách học sinh, sinh viên của Khoa có trách nhiệm hỗ trợ phương pháp học tập và nghiên cứu hiệu quả, trong đó có phương pháp và kỹ năng tự chủ, học tập suốt đời [H.04.03.05].

Trong hoạt động NCKH, sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đã phát huy rất tốt tính tự chủ, học tập trong nghiên cứu. Kết quả NCKH của ngành đạt thành tích cao, có sinh viên đam mê và làm NCKH từ năm thứ nhất và đạt giải NCKH tiềm năng [H.04.02.07].

2) Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học của chương trình đào tạo Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đã thúc đẩy và rèn luyện các kỹ năng tự chủ trong học tập và nghiên cứu, hướng tới khả năng học tập suốt đời của người học.

3) Điểm tồn tại:

Hiện nay, vẫn còn một số sinh viên chưa chủ động trong học tập, chưa tham gia tích cực vào các hoạt động của Trường, Khoa, Bộ môn chuyên môn, giảng viên phụ trách học phần để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

4) Kế hoạch hành động

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ sinh viên nỗ lực hơn nữa trong hướng dẫn hoạt động học tập hiệu quả, trong đó có kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu. Giảng viên, chi đoàn cán bộ, hội sinh viên tuyên truyền để sinh viên hiểu rõ mục tiêu học tập để hướng tới thành công. Phương pháp giảng dạy đa dạng hơn và bài giảng thiết kế hấp dẫn, lý thú hơn để khơi dậy niềm đam mê học tập của sinh viên. Giờ tự học được kiểm soát chặt chẽ hơn nữa và thường xuyên đánh giá để rèn luyện trách nhiệm tự học tập của sinh viên.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Triết lý và mục tiêu giáo dục ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan. Phương pháp tiếp cận dạy và học của chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra, lấy người học làm trung tâm, học lý thuyết đi đôi với thực hành. Các hình thức giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá linh hoạt, đa dạng, hiện đại để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập, đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, các hoạt động dạy và học đều hướng tới kỹ năng tự chủ trong học tập và nghiên cứu, hướng tới khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Tuy vậy vẫn còn những hạn chế, quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá có các học phần thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể của nhà trường, vẫn còn một số sinh viên chưa tự chủ trong học tập. Vì vậy, cần có các giải pháp khắc phục, hoàn thiện quy chế đào

tạo, tăng tính hấp dẫn trong các hoạt động dạy và học, truyền đạt mục tiêu học tập để hướng tới thành công, từ đó rèn luyện tính tự giác, tự học tập suốt đời của sinh viên.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí và đều đạt 5/7 điểm

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong chương trình đào tạo (CTĐT) của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ tác động rất lớn đến việc học tập và nghề nghiệp tương lai của người học sau này. Ngoài ra, việc đánh giá kết quả học tập của người học sẽ cung cấp cho Nhà Trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản (QLPTĐT&BDS). Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm mà người học đạt được so với mục tiêu học phần.

Ở Khoa Địa lý nói riêng và trường ĐHKHTN nói chung, các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai cho giảng viên, sinh viên và các bên liên quan trước khi bắt đầu chương trình học. Người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Các phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng học phần, đồng thời được lưu lại để phân tích và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1) Mô tả hiện trạng

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của người học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT và được thực hiện dựa trên quy chế đào tạo của ĐHQGHN cùng hướng dẫn của Trường ĐHKHTN nhằm đo lường các CĐR của người học CTĐT cử nhân Quản lý phát triển

đô thị và Bất động sản (QLPTĐT&BDS) từ khâu tuyển sinh, quá trình học tập, cho đến khi tốt nghiệp của sinh viên [H5.05.01.01-05]. Quy định này được thống nhất trong toàn trường và được cụ thể hóa một phần trong bản mô tả CTĐT, cũng như đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.06-07]. Trường và Khoa Địa lý đã triển khai nhiều hình thức kiểm tra đánh giá mức độ đạt được CDR của người học thể hiện trong từng đề cương học phần [H5.05.01.07]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thống nhất bởi các mẫu phiếu đánh giá theo học phần, trong đó có xây dựng bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm cụ thể để việc đánh giá kết quả học tập của người học được khách quan và công bằng [H5.05.01.08].

Trong suốt quá trình học tập, các CDR của CTĐT nói chung và của học phần nói riêng (bao gồm CDR kiến thức, CDR kỹ năng, CDR năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm) được thực hiện liên tục và đánh giá thông qua tổ hợp đa dạng các phương pháp khác nhau, tương ứng với các hoạt động dạy và học [H5.05.01.06-07]. CDR học phần và CTĐT được thiết kế theo thang đo Bloom [H5.05.01.08]. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đo mức độ đạt được các CDR của CTĐT [H5.05.01.06-08]. Các CDR kiến thức được đo lường thông qua các bài kiểm tra đánh giá học phần. Các CDR kỹ năng chủ yếu được xác định thông qua các giờ thực tập, seminar, các bài tập thực hành, thuyết trình, làm việc nhóm, NCKH,... Các CDR năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm được đánh giá thông qua các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể cũng như ý thức của sinh viên trong quá trình học tập... Các giảng viên trong Khoa được tham gia tập huấn về cách thiết kế và sử dụng các phương pháp đánh giá người học khác nhau [H5.05.01.05], [H5.05.01.09-10] và hiện nay ĐHQGHN ban hành Khung năng lực giảng dạy của giảng viên tại ĐHQGHN có hướng dẫn rõ ràng cho về hoạt động kiểm tra đánh giá người học giúp giảng viên phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập của người học tốt hơn [H5.05.01.11].

- Đánh giá qua học phần thông qua 03 hoạt động chính bao gồm đánh giá thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ [H5.05.01.08]. Các phương pháp đánh giá linh hoạt và phù hợp với các học phần khác nhau [H5.05.01.08]. Các hình thức đánh giá thường xuyên gồm: tham gia lớp học, chuẩn bị bài học, seminar, thảo luận nhóm, bài tập về nhà, kiểm tra viết, trắc nghiệm,... Các hình thức kiểm tra giữa kỳ và kỳ thi cuối kỳ gồm: thi viết, vấn đáp hoặc bài luận, thực hành,... trong đó điểm thi cuối cùng có trọng số đóng góp không ít hơn 60% tổng điểm theo quy định của ĐH KHTN [H5.05.01.12-13].

- Đánh giá qua thực tập thực tế và trao đổi với các học phần thực tập giúp sinh viên ngành QLPTĐT&BDS tăng cường năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. Hình thức đánh giá gồm: thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, vấn đáp, hội thảo và thuyết trình,... [H5.05.01.08], [H5.05.01.14-15]. Ngoài các CDR về kiến thức, học phần thực tập thực tế và trao đổi góp phần rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học.

- Đánh giá thông qua NCKH: được thực hiện qua báo cáo NCKH của sinh viên. Hội nghị NCKHSV được Trường và Khoa tổ chức hàng năm nhằm nâng cao khả năng tổng hợp các kiến thức về QLPTĐT&BDS, toàn diện các kỹ năng, phẩm chất, năng lực đáp ứng CDR và các sinh viên đạt giải cao được khen thưởng và khuyến khích tham dự NCKH các cấp ĐHQGHN, cấp Bộ để khích lệ người học phát huy tinh thần và năng lực sáng tạo [H5.05.01.16 -19].

- Đánh giá thông qua khóa luận hoặc thi tốt nghiệp: Sinh viên năm cuối phải làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp để hoàn thành CTĐT [H5.05.01.09], [H5.05.01.20]. Những sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy trên 2.5 có quyền ưu tiên làm khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.21]. Những sinh viên này phải bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng do Khoa thành lập [H5.05.01.22-24] và được đánh giá với tiêu chí rõ ràng theo rubric. Khoa Địa lý đã ban hành rubric chấm điểm cho KLTN [H5.05.01.25]. Hiệu quả của việc áp dụng rubric chấm điểm đã được thể hiện rõ thông qua điểm đánh giá khóa luận của sinh viên được lượng hoá cụ thể, chính xác và công bằng, đặc biệt hạn chế được các lỗi trình bày (lỗi chính tả, bố cục) trong khóa luận mà sinh viên hay gặp phải. Trong đó có phần điểm khuyến khích cho những sinh viên có kết quả nghiên cứu xuất sắc đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước hoặc những sinh viên tham gia NCKH đạt giải cấp Khoa và cấp Trường [H5.05.01.26]. Những sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2.5 sẽ phải thi tốt nghiệp hoặc trường hợp đặc biệt có thể làm khóa luận tốt nghiệp nếu được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn và xét duyệt ở bộ môn [H5.05.01.21].

Các đánh giá khác về giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ được thực hiện theo quy định trong chương trình đại học tương ứng [H5.05.01.03]. Hoạt động đánh giá của sinh viên còn được thực hiện thường kỳ, thường niên và cuối khóa. Kết quả học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ được đánh giá thông qua điểm trung bình chung tích lũy và điểm rèn luyện [H5.05.01.27]. Điểm rèn luyện cuối mỗi học kỳ là điểm đánh giá tổng hợp các CDR về phẩm chất, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên ở kỳ đó [H5.05.01.27]. Cuối khóa,

sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số học phần của CTĐT; có đủ điều kiện theo quy định về giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ; và có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2.00 trở lên [H5.05.01.03]. Đánh giá về kỹ năng ngoại ngữ yêu cầu sinh viên đạt được khả năng ngôn ngữ tương đương với trình độ B1 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ Châu Âu. Để xác nhận SV đạt CĐR và đủ điều kiện tốt nghiệp, Nhà trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp để đánh giá SV [H05.05.01.28].

Dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong hai năm 2020-2021 và đầu năm 2022, hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên vẫn được duy trì nhằm đo lường được các CĐR trong quá trình học tập (trực tuyến) theo hướng dẫn của Khoa, trường ĐHKHTN và ĐHQGHN [H5.05.01.29-30].

2) Điểm mạnh

- Nhà Trường đã có đầy đủ hệ thống văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR; Đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo tính khách quan, công bằng, luôn bám sát và phù hợp với CĐR; Khoa đã triển khai nhiều hình thức đánh giá khác nhau như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tiểu luận, seminar, bài tập lớn, thuyết trình, giải quyết tình huống,...

3) Tồn tại

Ở một số ít học phần, sự kết hợp đồng thời nhiều hình thức kiểm tra đánh giá trong một học phần chưa được triển khai rộng rãi.

4) Kế hoạch hành động:

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường đa dạng hoá hình thức kiểm tra đánh giá trong cùng 1 học phần hướng tới việc đánh giá đạt CĐR càng chính xác hơn nữa. - Tổ chức các buổi trao đổi học hỏi kinh nghiệm giữa các giảng viên trong Khoa.	Phòng ĐT, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật các hình thức KTĐG nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để kịp thời điều chỉnh cần thiết.	Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1) Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập sinh viên được quy định trong Quy chế Đào tạo Giáo dục Đại học của ĐHQGHN và các hướng dẫn của Trường ĐHKHTN với nhiều hình thức đánh giá khác nhau [H5.05.01.03], [H5.05.01.05]. Các tài liệu, hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan tới đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.02.01].

Đồng thời, việc đánh giá kết quả học tập cụ thể được xác định rõ ràng trong bản đề cương chi tiết của mỗi học phần với các phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số, thang điểm theo CĐR của học phần trong suốt quá trình học tập (bao gồm điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ, điểm cuối kỳ) đã được trường Khoa phê duyệt [H5.05.01.07], [H5.05.02.02]. Điểm đánh giá hệ 10 được quy đổi sang hệ 4 và hệ chữ theo quy chế đào tạo tín chỉ (Bảng 5.1).

Bảng 5.1. Bảng quy đổi thang điểm chữ sang điểm số

Thang 10	<4.0	4.0-4.9	5.0-5.4	5.5-6.4	6.5-6.9	7-7.9	8-8.4	8.5-8.9	9-10
Thang hệ chữ	F	D	D+	C	C+	B	B+	A	A+
Thang 4	0	1	1.5	2	2.5	3	3.5	3.7	4
Phân loại	Không đạt	Đạt							

Các quy định về thi cử và đánh giá kết quả học tập được thông báo công khai tới người học:

+ Quy định chung về kiểm tra, đánh giá: Tất cả sinh viên được phổ biến về các hoạt động học tập và kiểm tra đánh giá trong tuần học chính trị đầu năm, sổ tay sinh viên và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường/Khoa [\[H5.05.02.03-05\]](#).

+ Đánh giá học phần: Trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, giảng viên thông báo nội dung đề cương học phần, thời gian, phương pháp kiểm tra đánh giá, tiêu chí, trọng số thang điểm, cơ chế phản hồi, các CDR của học phần và các nội dung liên quan cho sinh viên. Việc đánh giá được xác định rõ ràng trong bản đề cương chi tiết mỗi học phần đáp ứng được chuẩn đầu ra của học phần [\[H5.05.01.07\]](#). Giảng viên chủ động lựa chọn các phương pháp phù hợp cho đánh giá thường xuyên, kỳ thi giữa kỳ hoặc tổ chức các đánh giá tương đương. Các kết quả đánh giá quá trình (chuyên cần, thường xuyên, định kỳ) được thông báo công khai trước khi kết thúc học phần để có ý kiến phản hồi của sinh viên [\[H5.05.01.07\]](#). Kết quả đánh giá bài thi cuối kỳ được Trường ĐHKHTN thông báo thông qua cổng thông tin đào tạo và email cá nhân trong vòng 2 tuần sau khi thi. SV được quyền nộp đơn phúc khảo chậm nhất 02 tuần sau khi thông báo điểm thi, SV không phải nộp lệ phí phúc khảo [\[H5.05.01.03\]](#), [\[H5.05.01.05\]](#). Qua kết quả khảo sát của người học về đánh giá kết quả học tập cho thấy, đại đa số sinh viên hài lòng về quy trình, cũng như việc công bố cách thức kiểm tra đánh giá [\[H5.05.02.06-07\]](#).

+ Đánh giá thực tập thực tế, trao đổi: Tất cả sinh viên ngành QLPTĐT&BDS được hướng dẫn công khai về thời gian, các tiêu chí, yêu cầu, trọng số, phương pháp đánh giá và cơ chế phản hồi trước khi bắt đầu đợt thực tập [\[H5.05.02.08\]](#).

+ NCKH: Hội nghị NCKH SV là một hoạt động định kỳ hàng năm của Khoa và Trường được thông báo trước 3 tháng tới toàn thể sinh viên, giảng viên với các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm rõ ràng [\[H5.05.01.16\]](#).

+ Thi và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp: Khoa thông báo danh sách các sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp và các sinh viên cần học các học phần thay thế để thi tốt nghiệp [\[H5.05.02.09\]](#). Khoa công khai kế hoạch thực hiện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, danh sách hội đồng và các tiêu chí chấm khóa luận tốt nghiệp [\[H5.05.02.10\]](#).

+ Công nhận tốt nghiệp đại học: Quyết định công nhận sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy được ban hành và công bố công khai vào 4 đợt trong năm [H5.05.02.11].

Bên cạnh việc gửi trực tiếp thông tin liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người qua email cho account của sinh viên, các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn, CTĐT ngành QLPTĐT&BDS được công khai trên web của Nhà trường (<http://hus.vnu.edu.vn/>) và Khoa Địa lý (<https://geography.hus.vnu.edu.vn/>).

2) Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Cổng đào tạo cho phép giảng viên tự nhập điểm cho học phần mình phụ trách.

3) Tồn tại

Mặc dù Khoa Địa lý đã thống nhất dùng rubric chấm điểm bài thuyết trình, thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp, niên luận tuy nhiên tiểu luận chưa thiết kế rubric theo một quy cách chuẩn hóa.

4) Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Địa lý sớm xây dựng mẫu chấm chuẩn hóa cho đánh giá tiểu luận của người học trong năm học 2024 - 2025.	Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp, cải tiến về Cổng đào tạo có thể tích hợp và chiết xuất ra được kết quả phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để kịp thời điều chỉnh cần thiết.	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1) Mô tả hiện trạng

CTĐT sử dụng tích hợp đa dạng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau đã được chuẩn hóa để đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Cán bộ giảng dạy của Khoa sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học như: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận...và kiểm tra đánh giá trực tuyến (áp dụng cho các điều kiện đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh...hoặc các sinh viên gặp hoàn cảnh đặc biệt) [H5.05.01.07-08]. Các giảng viên của mỗi học phần chịu trách nhiệm về phương pháp đánh giá dựa trên các quy định của ĐHQGHN, hướng dẫn của Trường ĐHKHTN và phải thông báo rõ ràng cho tất cả các sinh viên trước khi bắt đầu mỗi học phần [H5.05.01.03], [H5.05.01.05]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường được các mục tiêu và CDR của học phần. Theo đó việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện đối với từng học phần, theo học kỳ và cho toàn khoá học.

Để đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy và tính công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá, Trường ĐHKHTN có các quy định nghiêm ngặt, rõ ràng về quy trình kiểm tra đánh giá bao gồm việc lựa chọn đề thi, in sao đề thi, tổ chức kỳ thi, chấm điểm và thanh tra giám sát việc thực hiện của cán bộ và sinh viên [H5.05.03.01-02]. Bên cạnh đó, trường ĐHKHTN giám sát và đưa các hình thức xử lý đối với những cán bộ không tuân thủ qui định và những sinh viên vi phạm quy chế thi trong kỳ thi [H5.05.03.03-06].

Việc đánh giá và chấm điểm sinh viên trong mỗi học phần được thực hiện thường xuyên và bao gồm 03 hoạt động chính với các phương pháp đánh giá đa dạng và cập nhật thường xuyên, trong đó: đánh giá thường xuyên với các hình thức đánh giá khác nhau (tham gia lớp học, chuẩn bị bài học, thảo luận nhóm, bài tập về nhà,...), kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ (viết, vấn đáp, trắc nghiệm hoặc bài luận,...) [H5.05.01.07-08]. Căn cứ với điều kiện thực tế giảng viên đã đăng ký các phương pháp đánh giá khác nhau và ĐHQGHN đã ban hành Khung năng lực giảng dạy của GV với yêu cầu GV xây dựng các hoạt động kiểm tra đánh giá giúp người học phát huy khả năng sáng tạo trong quá trình thực hiện bài tập [H5.05.01.11]. Để đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy, các giảng viên sẽ quy định về thang điểm đối với từng hình thức đánh giá và các cách thức chấm điểm kiểm tra thành phần này sẽ được công bố công khai trước lớp ngay từ đầu kì

[H5.05.02.02]. Kết quả đánh giá được thông báo tới sinh viên qua cổng thông tin đào tạo. Theo quy chế đào tạo, sinh viên nhận điểm F được coi là chưa đáp ứng được CĐR học phần và phải học lại học phần đó [H5.05.01.03]. Để đảm bảo độ giá trị về mặt khoa học, thực tiễn và tính cập nhật, các giảng viên cần chuẩn bị ít nhất 02 đề thi cho mỗi học phần và nộp cho Trưởng Bộ môn phụ trách học phần để đánh giá trước khi nộp lên Phòng Đào tạo. Việc đổi mới câu hỏi thi dựa trên tham vấn ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy các học phần. Các đề thi được kiểm duyệt độ tin cậy giúp đánh giá năng lực của SV. Trong đó, mỗi đề thi đều có đáp án và thang điểm chi tiết đảm bảo tối đa sự công bằng giữa các đối tượng người học, đem tới nhiều thuận tiện cho GV chấm thi và đảm bảo tiến độ trong công tác khảo thí [H5.05.01.08].

Để đảm bảo tính công bằng, đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi, công tác bốc thăm, in sao đề thi được thực hiện bởi Phòng Đào tạo dưới sự giám sát của Thanh tra đào tạo để đảm bảo sự công bằng và tính bảo mật [H5.05.03.02], [H5.05.01.08]. Bài thi của sinh viên được chấm chi tiết theo đáp án, với quy trình chấm được chuẩn hóa (hai giảng viên cùng chấm, thống nhất điểm, vào điểm trên bài) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Mỗi bài thi kết thúc học phần đều có hai GV cùng chấm để hạn chế tính chủ quan [H5.05.01.12]. Ngoài ra, người học có quyền phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần nếu thấy chưa công bằng theo thông báo chấm phúc tra của Trường ĐHKHTN mỗi học kỳ [H5.05.03.07-08].

Ngoài ra, các kết quả chấm điểm sinh viên sẽ được giảng viên phụ trách học phần đó phân tích và đánh giá để phát hiện những điểm yếu và điểm mạnh của sinh viên, từ đó có những giải pháp phù hợp [H5.05.03.09]. Cuối học kỳ, sinh viên được đánh giá tổng hợp ý thức học tập, chấp hành quy chế, hoạt động tập thể chung thông qua bảng đánh giá rèn luyện với các tiêu chí và thang điểm [H5.05.01.27].

Đối với khóa luận tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường ban hành Hướng dẫn tổ chức làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy [H5.05.01.09]. Trên cơ sở đó, Khoa Địa lý có công văn thông báo yêu cầu cụ thể về việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp với các quy định và biểu mẫu cụ thể [H5.05.01.20-24]. Công cụ Rubrics với các tiêu chí, thang điểm đánh giá được thảo luận kỹ lưỡng đảm bảo công bằng, chi tiết điểm đánh giá và thông qua Hội đồng Khoa học đào tạo [H5.05.01.25], [H5.05.03.10], sau đó được thông báo công khai. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp dưới sự giám sát của cán bộ hướng dẫn có đủ các tiêu chuẩn về trình độ được Khoa và bộ môn phân công [H5.05.03.11]. Một số sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp được tham

gia vào các đề tài của giảng viên nhằm hỗ trợ sinh viên trong thu thập số liệu nghiên cứu, kinh phí thực địa, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn,... [H5.05.03.12]. Hội đồng chấm KLTN gồm các giảng viên, chuyên gia có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm ở trong và ngoài Khoa để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong đánh giá [H5.05.01.22]. Việc chấm Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá khi có sự nhận xét và đồng ý cho phép bảo vệ của GV hướng dẫn. Điểm của khóa luận sẽ do Hội đồng thảo luận, đánh giá và sau đó thông qua ở Hội đồng chung cấp Khoa, công bố công khai cho sinh viên ngay sau đó [H5.05.01.23].

Quá trình thi học kỳ được kiểm tra và giám sát chặt chẽ bởi phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo Chất lượng và cán bộ thanh tra giảng đường [H5.05.03.03-04]. Các trường hợp giảng viên và sinh viên vi phạm được lập danh sách và thông báo tới các Khoa [H5.05.03.05-06].

Các sinh viên không nhất trí với kết quả đánh giá có thể nộp đơn đề nghị phúc tra tại Phòng Đào tạo, kết quả phúc tra được thông báo công khai [H5.05.03.07].

Hàng năm Khoa đều tổ chức hội nghị tổng kết năm học trong đó thảo luận về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/CTĐT từ đó đề xuất điều chỉnh phù hợp cho các năm học sau [H5.05.03.13].

Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của người học với các học phần, trong đó có tiêu chí về mức độ phù hợp và tính công bằng về hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả đánh giá cho thấy hầu hết các học phần đều có kết quả phản hồi ở mức tốt [H5.05.02.06-07].

2) Điểm mạnh

- Công tác đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLPTĐT&BDS được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá ngày càng được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, tin cậy, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng.

3) Tồn tại

- Việc đảm bảo công bằng cho hình thức kiểm tra đánh giá trực tuyến còn khó khăn.
- Việc đánh giá lại phổ điểm thi của sinh viên để có cơ sở điều chỉnh đề thi, thang điểm chưa được quan tâm một cách đồng bộ.

4) Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tập huấn sử dụng các phần mềm và công cụ hỗ trợ hoạt động giảng dạy và đánh giá bằng hình thức trực tuyến cho giảng viên. - Mỗi học kỳ, các giảng viên cùng tham gia giảng dạy học phần trao đổi thống nhất khi tổ chức ra đề thi và đánh giá kết quả người học. Hàng năm sau mỗi kỳ thi, Khoa tổ chức đánh giá lại phổ điểm kết quả của sinh viên để đề xuất điều chỉnh đề thi, thang điểm hợp lý hơn cho các kỳ thi tiếp.	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật các hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN có các quy định rõ ràng về đánh giá sinh viên, trong đó kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện chất lượng học tập [H5.05.01.05]. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố kịp thời, công khai đến giảng viên và người học [H5.05.02.01], [H5.05.02.04-05]. Khoa Địa lý cùng các phòng ban chức năng trong Trường luôn thực hiện phản hồi kịp thời kết quả học tập theo quy định về thời gian báo điểm điều kiện, thời gian báo điểm thi căn cứ trên Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội [H5.05.01.03]. Phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp Trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ,

chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng và được công bố công khai đến từng GV và SV (<https://daotao.vnu.edu.vn>).

Với điểm đánh giá thường xuyên và điểm đánh giá giữa kỳ được giảng viên công bố cho sinh viên, chậm nhất 1 tuần kể từ sau ngày kiểm tra theo đúng quy chế quy định [H5.05.01.03]. Các kết quả đánh giá cuối kỳ được nhà Trường thông báo qua cổng thông tin đào tạo trong vòng 15 ngày kể từ ngày tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.01.03], [H5.05.04.01]. Đối với hình thức vấn đáp, điểm thi được công bố cho sinh viên sau buổi thi để nhận được ngay ý kiến phản hồi của sinh viên (nếu có) và được nộp về Phòng Đào tạo chậm nhất là một tuần kể từ ngày học phần được tổ chức thi [H5.05.03.02]. Danh sách sinh viên không đủ điều kiện để dự thi sẽ được thông báo sau khi kết thúc giảng dạy học phần [H5.05.01.03], [H5.05.03.02], [H5.05.04.02]. Cuối kỳ thi, danh sách sinh viên vi phạm quy chế sẽ được thông báo tới từng Khoa và các phòng ban liên quan [H5.05.01.03], [H5.05.03.05]. Cuối mỗi học kỳ, Trường và Khoa sẽ thực hiện xét học vụ dựa trên kết quả học tập của sinh viên và ra quyết định về xử lý học vụ. Danh sách sinh viên bị xử lý học vụ sẽ được Nhà trường thông báo công khai thông qua hệ thống giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập [H5.05.04.03]. Những sinh viên chưa hài lòng với kết quả đánh giá có quyền phản hồi và nhận kết quả phản hồi theo quy định của Nhà trường [H5.05.01.03]. Vào cuối mỗi học kỳ, sinh viên sẽ gửi phản hồi đánh giá học phần bao gồm đánh giá giảng viên, nội dung khóa học, cũng như đánh giá hoạt động dạy học. Theo kết quả phản hồi được tổng hợp bởi phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo Chất lượng, các sinh viên ngành QLPTĐT&BDS thường hài lòng với các khóa học của chương trình Cử nhân QLPTĐT&BDS, kết quả đánh giá tất cả các lớp trung bình từ 4.3-4.4 trên tổng số 5.0 cho các tiêu chí [H5.05.02.07]. Phản hồi của sinh viên là cần thiết để giúp các giảng viên nâng cao chất lượng các hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá [H5.05.02.07]. Đây là một trong những cơ sở để giảng viên tham khảo, và có sự thay đổi phương thức kiểm tra, đánh giá trên lớp để đáp ứng được sự mong đợi và yêu cầu của sinh viên hơn. Đồng thời cũng là cơ sở để Ban lãnh đạo Khoa, Bộ môn theo dõi và xem xét trong việc phân công nhiệm vụ cho từng giảng viên một cách phù hợp. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội nêu ra bất kỳ thắc mắc của mình (cả về phương pháp đánh giá của giảng viên, hình thức xử lý học vụ...) trong các buổi tọa đàm với lãnh đạo Khoa và Trường vào đầu mỗi năm học [H5.05.04.04].

Kết quả chấm báo cáo khoa học sinh viên và khóa luận tốt nghiệp được công bố công khai ngay trong Hội nghị khoa học và cuối buổi bảo vệ tốt nghiệp [H5.05.01.23], [H5.05.04.05].

Kết quả đánh giá thường xuyên và giữa kỳ giúp sinh viên điều chỉnh phương pháp học tập để kịp thời cải thiện kết quả học tập. Trong các môn học chuyên ngành, sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên sau khi kiểm tra để nắm được điểm mạnh, điểm yếu và có kết quả tốt hơn [H5.05.04.06].

Trường tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên sau mỗi học kỳ. Kết quả này được sử dụng để trao học bổng cho các sinh viên có kết quả học tập tốt tạo động lực cho sinh viên cố gắng hơn nữa [H5.05.04.07]. Đồng thời Nhà trường cũng gửi cảnh báo học vụ tới sinh viên có kết quả học tập yếu kém để sinh viên có kế hoạch cải thiện kết quả học tập [H5.05.04.08]. Sinh viên đạt điểm F sẽ phải học lại học phần, trong khi những sinh viên có điểm D hoặc D+ có thể đăng ký học cải thiện để nâng cao điểm số của mình theo nguyện vọng [H5.05.04.09-10]. Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán sự lớp, Liên chi Đoàn - Hội có trách nhiệm tư vấn kịp thời cho các sinh viên bị cảnh báo học vụ [H5.05.04.11]. Nhiều sinh viên đã thay đổi ý thức và phương pháp học tập để có được kết quả học tốt hơn sau khi bị thông báo xử lý học vụ [H5.05.04.12].

Kết thúc mỗi năm học, tại hội nghị Viên chức và người lao động, Khoa cũng đã tổng kết lại toàn bộ quá trình đào tạo trong năm học vừa qua, những kết quả đã đạt được và những công tác cần rút kinh nghiệm. Từ đó, đưa ra phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ cho năm học tiếp theo với mục tiêu cải thiện việc học tập cho sinh viên [H5.05.03.13], [H5.05.04.13].

2) Điểm mạnh

- Kết quả đánh giá học phần được phản hồi kịp thời tới người học, đúng quy định về thời gian theo Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhà Trường có đầy đủ hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp, phản hồi của người học về kết quả đánh giá và được công bố công khai theo Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả đánh giá được Nhà trường công bố công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời thông qua hệ thống quản lý học tập của sinh viên.

- Ban lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa và các phòng ban chức trong Trường luôn giải đáp, hỗ trợ kịp thời giúp người học cải thiện kết quả học tập một cách tốt nhất.

3) Tồn tại

- Phần mềm quản lý đào tạo có khi còn bị tắc nghẽn khi sinh viên đăng kí học phần, gây khó khăn cho người học và công tác quản lý.

4) Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên cải thiện, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký học phần dễ dàng hơn.	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của Ban lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa và các phòng ban chức trong Trường luôn giải đáp, hỗ trợ kịp thời giúp người học cải thiện kết quả học tập một cách tốt nhất.	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1) Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả kiểm tra, đánh giá các thành phần điểm của học phần cho sinh viên được Khoa thực hiện theo quy định, có tính hợp lý và sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập. Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khoá học (được giới thiệu trong sổ tay sinh viên và được trao đổi qua buổi gặp mặt đầu khoá), học kỳ (được giáo viên chủ nhiệm phổ biến và nhắc nhở), học phần (được giảng viên giảng dạy thông báo tại buổi học đầu tiên). Nếu có bất kỳ khiếu nại về kết quả học tập, sinh viên có thể gửi yêu cầu khiếu nại. Thủ tục khiếu nại được quy định rõ ràng trong Quy chế đào tạo Đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội và hướng dẫn tổ chức của ĐHKHTN [H5.05.01.03], [H5.05.01.05] được công bố trên website của Trường [H5.05.02.04] và đã thông báo cho sinh viên từ đầu năm thứ nhất [H5.05.02.01].

Các điểm đánh giá thường xuyên và giữa kỳ được giảng viên công bố công khai trên lớp. Các sinh viên có thắc mắc về điểm đánh giá có thể trực tiếp trao đổi với giảng viên để làm rõ [H5.05.04.06].

Đối với điểm thi cuối kỳ, các sinh viên có thắc mắc có thể nộp đơn đề nghị phúc khảo theo quy trình hướng dẫn của phòng Đào tạo với mẫu đơn phúc khảo, thời gian, địa điểm nhận đơn và trả kết quả được thông báo rõ ràng [H5.05.03.07], [H5.05.05.01]. Dữ liệu về phúc khảo được tổng hợp và phân tích để phát hiện vấn đề (nếu có) và có giải pháp khắc phục [H5.05.05.02]. Hiện nay, chưa có hình thức tiếp nhận khiếu nại về kết quả học tập qua hệ thống trực tuyến. Tuy nhiên, thống kê nhiều năm trở lại đây, đối với các môn thuộc ngành và chuyên ngành ít có sinh viên khiếu nại về điểm học phần.

Báo cáo khoa học sinh viên và khóa luận tốt nghiệp được chấm bởi Hội đồng chấm báo cáo. Các sinh viên có thắc mắc có thể khiếu nại công khai trước hội đồng để được xem xét trước khi công bố kết quả chính thức [H5.05.01.23], [H5.05.04.05].

Đối với điểm rèn luyện, các sinh viên có quyền khiếu nại nếu thấy việc đánh giá chưa chính xác theo Hướng dẫn triển khai Công tác đánh giá điểm rèn luyện của Trường ĐHKHTN [H5.05.01.27]. Điểm rèn luyện được sinh viên tự đánh giá theo Hướng dẫn của Trường ĐHKHTN và đưa ra bình xét trước tập thể lớp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập. Điểm rèn luyện của cá nhân sinh viên phải được nửa lớp thông qua thì mới được công nhận. Trong quá trình bình xét, sinh viên hoàn toàn được quyền khiếu nại đối với bất kỳ thành phần điểm rèn luyện nào của mình [H5.05.01.27].

Mức độ hài lòng của sinh viên đối với quy trình khiếu nại được thể hiện qua phiếu lấy ý kiến và các buổi gặp mặt đối thoại:

- Hằng năm, trong các buổi gặp mặt đối thoại với Khoa và Trường, sinh viên có thể thể hiện ý kiến của mình đối với quy trình khiếu nại về kết quả học tập [H5.05.05.03].

- Cuối mỗi học kỳ, sinh viên gửi phản hồi đánh giá học phần của mỗi giảng viên bao gồm hoạt động giảng dạy, nội dung học phần, kiểm tra đánh giá [H5.05.02.06]. Kết quả phản hồi sẽ được tổng hợp bởi phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo Chất lượng và gửi về cho từng giảng viên để tham khảo và có sự điều chỉnh thích hợp nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá [H5.05.02.07]. Theo kết quả thống kê, các sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy và kiểm tra đánh giá của các học phần thuộc ngành QLPTĐT&BDS với điểm trung bình 4.3-4.4 trên tổng số 5.0 [H5.05.02.07].

2) Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng về khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học. Người học có thể phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập bằng nhiều hình thức khác nhau. Thủ tục khiếu nại đơn giản, thời gian giải quyết khiếu nại nhanh chóng, thái độ đón nhận khiếu nại cởi mở, công khai, hợp tác.

3) Tồn tại

- Chưa có hình thức tiếp nhận khiếu nại về kết quả học tập qua hệ thống trực tuyến

4) Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên cải thiện, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo.	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì tỉ lệ ít sinh viên khiếu nại về điểm học phần đặc biệt là đối với các môn thuộc ngành và chuyên ngành. - Thường xuyên rà soát các quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý, Các Bộ môn/Phòng Lab	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành QLPTĐT&BDS được các cán bộ giảng viên khoa Địa lý thực hiện một cách nghiêm túc và khoa học, bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, của Nhà trường, đảm bảo tính rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, mang tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng được các CDR. Khoa Địa lý luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học thông qua các kì thi, kiểm tra nhằm đo lường được mức độ đạt được CDR, luôn đa dạng hóa các phương thức đánh giá cũng như phản hồi kết quả học đến người học kịp thời để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đều được đánh giá ở mức đạt, các tiêu chí từ 1 - 5 đều có mức điểm đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, Nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ giảng dạy là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo, NCKH và sự phát triển của các trường đại học. Do đó, việc nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ giảng dạy (giảng viên, nghiên cứu viên) là một định hướng cốt yếu trong chiến lược phát triển của các cơ sở giáo dục. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có năng lực chuyên môn cao, thành thạo kỹ năng giảng dạy, có phẩm chất đạo đức và tích cực tham gia NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Khoa Địa lý.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Khoa Địa lý đã xây dựng các kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên ở cả thời gian dài hạn và ngắn hạn, trong đó có tính đến sự tiếp nối, thăng tiến, bố trí lại nhân sự và việc nghỉ hưu của cán bộ:

- *Kế hoạch phát triển nhân lực dài hạn*: được định hướng trong Chiến lược phát triển của Trường, định hướng và kế hoạch phát triển Khoa Địa lý, kế hoạch nguồn nhân lực gắn với tái cấu trúc các đơn vị [H6.06.01.01, H6.06.01.02]. Hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học đã thể hiện các kết quả đạt được và kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ cho năm học tiếp theo [H6.06.01.03] dựa trên kế hoạch dài hạn của Khoa và Nhà trường, cũng như bối cảnh các nhiệm vụ cần hoàn thành trong năm học.

- *Kế hoạch nhân sự ngắn hạn*: được xây dựng hàng năm trong kế hoạch chỉ tiêu nhiệm vụ của Trường [H6.06.01.01] và trong Phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa [H6.06.01.03].

Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện đáp ứng được nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng NCKH tốt và phục vụ cộng đồng. Để đáp ứng được điều đó Khoa Địa lý có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng và chất lượng. Hiện nay, Khoa Địa lý có tổng số 38 cán bộ cơ hữu (trong đó có 30 giảng viên, 5 NCV và 3 nhân viên văn phòng). Thống kê số lượng cán bộ của Khoa Địa lý trong bảng 6.1.

Bảng 6.1 Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Khoa Địa lý

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu, trong đó:	22	16	38
I.1	Đội ngũ trong biên chế	13	10	23
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	9	6	14
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	22	16	38

Khoa Địa lý có đội ngũ giảng viên trẻ và chất lượng với tỉ lệ giảng viên có trình độ từ TS trở lên là 26 người chiếm 74,3%, trong đó có 19 giảng viên (73%) có trình độ TS có độ tuổi dưới 45 tuổi [H06.06.01.04]. Kết quả cho thấy chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cho Khoa Địa lý là lâu dài và bền vững. Tỉ lệ cán bộ là nữ trong đội ngũ cán bộ của khoa là đáng kể, chiếm hơn 42%. Thống kê này cho thấy phần nào chính sách bình đẳng giới, nâng cao vai trò - vị thế của phụ nữ trong khoa học của Khoa Địa lý cũng như Trường ĐHKHTN đã được phát huy hiệu quả. Có thể thấy, đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên cơ hữu ở Khoa đáp ứng yêu cầu về đào tạo và NCKH cho ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản.

Chương trình còn có sự tham gia giảng dạy của các GV kiêm nhiệm, GV thỉnh giảng là các GV có uy tín từ nhiều trường ĐH, viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước [H06.06.01.04]. Ngoài ra, còn phải kể đến đội ngũ giảng viên gồm nhiều giáo sư, phó giáo sư, và tiến sĩ của các đơn vị khác trong và ngoài Trường ĐHKHTN tham gia giảng dạy ở những học phần thuộc khối kiến thức chung theo lĩnh vực và khối kiến thức chung theo khối ngành.

Chính sách nghỉ hưu được ban hành theo Quyết định của Bộ GD&ĐT về Quy chế làm việc và Nghị định của Chính phủ về thủ tục nghỉ hưu đối với giảng viên [H6.06.01.05]. Nhằm phát huy kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và NCKH, Khoa Địa lý và Trường ĐHKHTN luôn đề nghị, mời các giảng viên ở độ tuổi về hưu gia hạn thêm 10 năm với GS, 7 năm với PGS và 5 năm với giảng viên là TS tiếp tục công tác trong vai trò giảng viên cơ hữu (theo quy định Luật Giáo dục). Hiện nay, Khoa có 03 cán bộ có độ tuổi trên 60 [H06.06.01.04]. Ngoài ra, từ 2019 - 2024 đã có 6 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ nghỉ hưu và 01 chuyển công tác. Vì thế, để đảm bảo công tác

nhân sự, trong giai đoạn 2020 - 2024, Khoa đã tuyển dụng mới, ký hợp đồng với 03 giảng viên và nghiên cứu viên, trong đó có 01 tiến sĩ và 02 học viên cao học [H06.06.01.04], 07 cán bộ bảo vệ thành công luận án TS [H06.06.01.06]. Các giải pháp, chính sách tuyển dụng nhân lực chất lượng cao và đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận đã giúp Khoa ổn định đội ngũ và đáp ứng được nhu cầu đào tạo và NCKH, không bị hụt hẫng khi thiếu đi nguồn lực cán bộ nghỉ chế độ.

Căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng đào tạo, nghiên cứu của Trường và Khoa trong từng giai đoạn, Khoa đã triển khai các kế hoạch và giải pháp tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực khác nhau. Vào mỗi cuối năm học, Ban lãnh đạo Khoa cùng Trường các đơn vị trong Khoa xem xét lại tất cả các vị trí giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu trong Khoa và dự kiến số cán bộ sắp nghỉ hưu, từ đó chuẩn bị kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, tuyển dụng giảng viên mới nếu cần [H06.06.01.02]. Đối với việc tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân sự, Khoa thực hiện chính sách xuyên suốt gồm:

- Thu hút và tuyển dụng ứng cử viên là TS, là ứng cử viên tốt nghiệp từ các trường đại học được xếp hạng cao hoặc ứng viên có tiềm năng cao về NCKH.

- Có chính sách ưu đãi các nhà khoa học trình độ cao, gia tăng nguồn lực tài chính [H6.06.01.01].

2) Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như bố trí công việc rõ ràng, minh bạch, được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức. Kết quả đạt được là đa số đội ngũ cán bộ của Khoa Địa lý là các giảng viên, nghiên cứu viên trẻ, có nhiệt huyết, có khả năng gắn bó và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của chương trình đào tạo. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của khoa Địa lý đều có trình độ chuyên môn cao, hầu hết được đào tạo bài bản ở các cơ sở đào tạo - nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước, có trình độ ngoại ngữ tốt, có tiềm năng phát triển nghiên cứu học cũng như hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa Địa lý đã hỗ trợ cán bộ làm thủ tục và được Nhà nước bổ nhiệm học hàm Giáo sư cho 01 giảng viên và học hàm Phó giáo sư cho 01 giảng viên thuộc Hội đồng Khoa học Trái Đất [Minh chứng – chị sẽ gửi minh chứng].

3) Điểm tồn tại

Một số cán bộ giữ chức danh GS, PGS sắp đến tuổi nghỉ hưu, nên Khoa cần có kế hoạch

cho việc phát triển nguồn nhân lực tương đương thay thế. Sức hút của khoa học cơ bản còn thấp, mức thu nhập của cán bộ không cao, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các trường đại học là một trở ngại cho việc tuyển dụng được những cán bộ giỏi [H6.06.01.01].

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Có kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện hỗ trợ để cán bộ có thể đạt được các chức danh GS và PGS. Thu hút các nhà Khoa học có trình độ cao ở các tổ chức trong nước và quốc tế tham gia đóng góp CTĐT.	Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, xét tuyển dụng đặc cách với cán bộ xuất sắc	Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được Khoa rà soát thường xuyên [H6.06.01.04]. Kết quả cho thấy các chỉ số đều đáp ứng yêu cầu và tốt hơn nhiều so với quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành (Thông tư số 06/2018/TT/BGD&ĐT và Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT) [H6.06.02.01].

Số lượng sinh viên và tỷ lệ giảng viên/sinh viên của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được thống kê trong bảng 6.2 và 6.3 như sau:

Bảng 6.2. Số lượng sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS trong 4 năm học gần nhất

Năm học	Số lượng người học					Tổng số
	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Trên 4 năm	
2020-2021	66	0	0	0	0	66
2021-2022	95	66	0	0	0	161
2022-2023	73	95	60	0	0	228
2023-2024	73	73	89	55	0	290

Bảng 6.3. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS trong 4 năm học gần nhất

Năm học	Tổng FTE giảng viên*	Tổng FTE sinh viên*	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên
2020 – 2021	4,14	42,9	1/10,4
2021 – 2022	6,72	104,7	1/15,6
2022 – 2023	9,28	148,2	1/16
2023 – 2024	11,52	188,5	1/16,4

FTE của giảng viên: là giá trị tương đương toàn thời gian, được tính trên lượng thời gian đầu tư cho chương trình. Theo quy định của ĐHQGHN, thời gian làm việc của một cán bộ là 1760 giờ làm việc/năm hay 40 giờ làm việc/tuần; trong đó 1 FTE của giảng viên đầu tư cho giảng dạy ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS được tính dựa trên tỉ lệ số sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS so với tổng số sinh viên của toàn Khoa. Ví dụ trong năm học 2023-2024, $1 \text{ FTE} = 298/824 = 0,36$; trong năm học 2022-2023, $1 \text{ FTE} = 225/777 = 0,29$; trong năm học 2021-2022, $1 \text{ FTE} = 155/656 = 0,24$; trong năm học 2020-2021, $1 \text{ FTE} = 66/424 = 0,16$. Trong bảng trên có tính đến tải trọng của giảng viên thỉnh giảng trong chương trình đào tạo Quản lý phát triển đô thị và BĐS.*

FTE của sinh viên: được tính theo tổng thời gian để tích lũy đủ tín chỉ cho việc tốt nghiệp, mỗi sinh viên phải tích lũy đủ 130 tín chỉ, trong đó có 84 tín chỉ của khối M4 và M5. Như vậy với ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS, 1 FTE của sinh viên để tích lũy các học phần thuộc khối M4 và M5 là $84/130 = 0,65$. Tổng FTE của sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS trong một năm bằng tổng số sinh viên nhân với FTE của một sinh viên. Chẳng hạn, trong năm học 2023-2024 là $290 \times 0,65 = 188,5$; trong năm học 2022-2023 là $228 \times 0,65 = 148,2$; trong năm học 2021-2022 là $161 \times 0,65 = 104,7$; trong năm học 2020-2021 là $66 \times 0,65 = 42,9$.*

Dựa vào bảng thống kê trên, tỷ lệ giảng viên/sinh viên tại chương trình Quản lý phát triển đô thị và BĐS dao động trong khoảng 1/10,4 đến 1/16,4 (cao hơn so với qui định là 1:20), tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ là 76,5% (cao hơn mức quy định là trên 40%). Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV [H6.06.02.02] với mục tiêu để duy trì ổn định tỉ lệ giảng viên/sinh viên, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ giảng dạy từ đó nâng cao chất lượng đào tạo SV.

Khối lượng công việc và định mức quy đổi số giờ làm việc của cán bộ được xác định rõ ràng theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, NCV tại ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H6.06.02.03]. Các hoạt động đào tạo, NCKH, hỗ trợ cộng đồng và các hoạt động khác sau khi quy đổi về số giờ làm việc chuẩn phải đạt mức 1760 giờ/năm theo quy định của Trường ĐHKHTN [H6.06.02.03, H6.06.02.04]. Các giảng viên được lãnh đạo Bộ môn và Khoa phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, năng lực, đảm bảo quy định [H6.06.02.04].

Nhiệm vụ NCKH và giảng dạy được tiến hành song song giúp giảng viên, nghiên cứu viên của chương trình thường xuyên, liên tục cập nhật những kiến thức, thành tựu và ứng dụng khoa học – kỹ thuật mới [H6.06.02.05]. Đây cũng là cơ sở để nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; thông qua việc cung cấp cho sinh viên những bài giảng chất lượng cũng như hướng và thông tin nghiên cứu mới. Với định lượng trên, tất cả các cán bộ của chương trình đều làm việc tận tụy, hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu định mức giảng dạy và NCKH [H6.06.02.06].

Giờ làm việc quy đổi của giảng viên và nghiên cứu viên luôn được giám sát và sử dụng như một tiêu chuẩn để đánh giá nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ muốn phát triển thể mạnh trong nghiên cứu và các hoạt động học thuật khác thay vì chỉ giảng dạy đơn thuần. Tất cả các công việc của giảng viên cho các hoạt động khác như nghiên cứu hoặc dịch vụ cũng được quy đổi, ghi nhận [H6.06.02.03] đúng theo định hướng đại học nghiên cứu của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên. Ngoài ra các giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa cũng được khuyến khích tham gia vào các hoạt động hướng đến cộng đồng do Đoàn Thanh niên, Công đoàn tổ chức. Tuy nhiên, những hoạt động này còn chưa được định lượng rõ nên công tác đánh giá còn hạn chế. Số giờ qui đổi từ giảng dạy, NCKH và các hoạt động xã hội của giảng viên là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo quy định số 1606/QĐ-ĐHKHTN được ban hành ngày 15/6/2022 [H6.06.02.07]. Việc đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng

công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương [H6.06.02.06]

2) Điểm mạnh

Khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành tốt hoặc xuất sắc nhiệm vụ được giao. Việc có đội ngũ cán bộ vừa có khả năng tham gia NCKH và vừa có khả năng tham gia giảng dạy tại Khoa là thế mạnh của Khoa trong việc tăng cường tính thực tiễn của chương trình đào tạo, đồng thời giúp giảng viên cập nhật sự phát triển của khoa học công nghệ.

Tỉ lệ sinh viên/giảng viên ở mức ổn định và đạt tiêu chuẩn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của GV được đo lường theo quy định rõ ràng, công khai và có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa Địa lý và Nhà trường.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ rất đa dạng, phong phú, nhưng cần có thang đánh giá mức độ đóng góp cụ thể của giảng viên và nghiên cứu viên trong các hoạt động này.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và ban hành các văn bản quy định về các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV, NCV do Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức.	Công đoàn, Đoàn thanh niên Nhà trường, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì sự ổn định của tỉ lệ giảng viên/sinh viên; rà soát, cập nhật quy định giờ làm việc, đánh giá, xếp loại cán bộ.	Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1) Mô tả hiện trạng

ĐHQGHN đã ban hành Quy định về tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học với các tiêu chí về học vị (Tiến sĩ trở lên đối với giảng viên), năng lực chuyên môn, năng lực ngoại ngữ (chứng chỉ B2 trở lên) [H6.06.03.01-04]. Kế hoạch tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện theo sự hướng dẫn của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN, xây dựng dựa trên kế hoạch nhân sự của Khoa cũng như nhiệm vụ cần hoàn thành trong từng năm [H6.06.01.01; H6.06.01.03]. Do yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng ngày càng cao, Khoa Địa lý thường xuyên xem xét và lên kế hoạch tuyển dụng cán bộ mới cho chương trình đào tạo ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản. Từ năm 2019 đến nay, Khoa Địa lý đã tuyển dụng 01 tiến sĩ tốt nghiệp ở các cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới và 02 ThS làm nghiên cứu viên [H6.06.01.04].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai. Mỗi vị trí tuyển dụng phải đáp ứng được yêu cầu công việc với vị trí việc làm tương ứng (độ tuổi, bằng cấp, năng lực...) [H6.06.02.04] và được công bố công khai trên website, trang mạng xã hội của Trường và Khoa cũng như các bản tin tuyển dụng [H6.06.03.05]. Các ứng viên đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm có thể nộp hồ sơ ứng tuyển, sau đó ứng viên đạt yêu cầu sẽ được bộ môn đề xuất lên Khoa, sau đó Khoa đề nghị tuyển dụng lên Trường ĐHKHTN. Nếu được chọn, ứng viên sẽ được Trường ĐHKHTN ký Hợp đồng lao động với thời gian thử việc 1 năm. Trong thời gian đó, Khoa Địa lý chỉ định một cán bộ có thâm niên và kinh nghiệm giúp đỡ, hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên mới làm quen với vị trí làm việc. Hết thời gian thử việc, Khoa và Trường sẽ tiến hành đánh giá cán bộ và nếu đáp ứng thì ứng viên được ký hợp đồng dài hạn [H6.06.03.06]. Tất cả các giảng viên, nghiên cứu viên được giao nhiệm vụ công khai và chính thức đảm bảo tính công bằng, tự do và đạo đức trong công việc và phù hợp với năng lực của từng người.

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa được tạo điều kiện để nâng bậc phù hợp với các quy định của Nhà nước và ĐHQGHN, dựa trên năng lực của từng người ở mỗi vị trí. Tất cả các chương trình nâng bậc được thực hiện công khai, minh bạch. Sau đây là một số chương trình nâng bậc cơ bản cho đội ngũ cán bộ giảng viên:

- Bổ nhiệm GS, PGS: Nhu cầu bổ nhiệm các GS và PGS được tiến hành hàng năm và công khai theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực [H6.06.01.02]. Trong 5 gần đây nhất, có 1 TS được

bổ nhiệm làm PGS [H6.06.03.07, nâng số lượng giảng viên của Khoa giữ chức danh GS, PGS lên 26,5% (9/34) [H6.06.03.08];

- Bổ nhiệm chức danh chuyên môn: Trường ĐHKHTN bổ nhiệm chức danh chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H6.06.03.09]. Giảng viên được Nhà trường bổ nhiệm chức danh PGS, đáp ứng đủ điều kiện sẽ được Bộ Nội vụ uỷ quyền để ĐHQGHN bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp trên cơ sở đề nghị của Trường ĐHKHTN [H6.06.03.10];

- Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp: ĐHKHTN bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, nâng ngạch giảng viên theo quy định của Bộ Nội vụ [H06.06.03.11].

- Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo và quản lý: mỗi chức danh lãnh đạo được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm và không bổ nhiệm một người quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp cho một vị trí quản lý. Việc bổ nhiệm được tiến hành dựa trên việc lập kế hoạch và xem xét năng lực của ứng viên dưới sự giám sát của các bên liên quan [H6.06.03.02-04; H6.06.03.08].

2) Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng được xác định rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai. Giảng viên tham gia giảng dạy đều có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt đáp ứng được yêu cầu của Khoa về đào tạo nguồn nhân lực.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú. Tiêu chí tuyển dụng cao và chưa cụ thể đối với từng chuyên ngành, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tuyên truyền rộng rãi kế hoạch, thông báo và các tiêu chí tuyển dụng qua nhiều kênh thông tin khác nhau.	Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý, Trung tâm CNTT&TT	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV đúng quy định của Nhà trường. Rà soát, cập nhật các tiêu chí tuyển dụng.	Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1) Mô tả hiện trạng

Việc xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực có năng lực cao là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Khoa Địa lý để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Năng lực của đội ngũ GV, NCV (năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTĐT; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng...) được xác định và đáp ứng các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội, của Trường ĐHKHTN và của Khoa Địa lý [H6.06.02.05; H6.06.03.01-04]. Khoa Địa lý chỉ tuyển dụng các giảng viên, nghiên cứu viên có chuyên môn phù hợp, có trình độ ngoại ngữ tốt, có đạo đức tốt. Song song với việc tuyển dụng, khoa Địa lý và Trường ĐHKHTN cũng tạo điều kiện cho các giảng viên được trang bị phương pháp giảng dạy tiên tiến, giảng dạy bằng ngoại ngữ, được bồi dưỡng nghiệp vụ thông qua khóa đào tạo sư phạm, nghề nghiệp [H6.06.04.01-02] và trao đổi học tập ở nước ngoài [H6.06.04.03].

Năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát và đánh giá thường xuyên. Theo quy định của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN [H6.06.02.03, H6.06.02.06] các hoạt động giảng dạy và NCKH của cán bộ được đánh giá thông qua: tự đánh giá, đánh giá bởi các đồng nghiệp, phản hồi của sinh viên, cán bộ quản lý tại cấp Khoa và Trường (thông qua các phòng ban chức năng).

- Ở cấp Khoa: Vào cuối mỗi năm học, năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên sẽ được đánh giá từ cấp Bộ môn đến cấp Khoa với tham chiếu đến báo cáo cá nhân về kết quả thu được so với nhiệm vụ đăng ký cho năm học [H6.06.04.04-05]. Kết quả đánh giá sẽ giúp Khoa phân loại và coi đó là tiền đề để xem xét mức độ hoàn thành công việc [H6.06.04.05] và chế độ khen thưởng/kỷ luật [H6.06.04.06].

- Ở cấp Trường: Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng thu thập phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy, tổng hợp và phân tích, đánh giá và gửi kết quả đến Ban lãnh đạo Khoa và các giảng viên, nghiên cứu viên để cải thiện (nếu được yêu cầu) sau mỗi học kỳ [H6.06.04.07-08]. Việc kiểm tra được tiến hành thường xuyên, đảm bảo quá trình giảng dạy tuân theo các quy định. Theo như kết quả phân tích, 100% cán bộ giảng dạy của Khoa Địa lý đạt yêu cầu và cao hơn mức trung bình của toàn trường ĐHKHTN [H6.06.04.08].

Cụ thể, viên chức và người lao động được xếp loại theo điểm đánh giá (công thức tính điểm có quy định rõ trong Hướng dẫn tổng kết năm học của Nhà trường) dựa trên 3 tiêu chí: công tác giảng dạy, công tác NCKH, hoạt động phục vụ cộng đồng và các công việc chuyên môn khác [H6.06.02.07].

2) Điểm mạnh

Đội ngũ GV, NCV tham gia chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có trình độ cao đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy và NCKH. Đánh giá năng lực của GV, NCV được bộ môn, Khoa, Trường thực hiện hàng năm theo đúng qui định về đánh giá cán bộ, GV một cách công bằng và khách quan theo những tiêu chí cụ thể.

3) Điểm tồn tại

Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV đang học tập nâng cao trình độ còn chưa được hướng dẫn chi tiết. Thang đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV, NCV chưa cụ thể.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng thang đánh giá mức độ đóng góp cho các hoạt động cộng đồng của GV, NCV.	Nhà trường, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài NCKH.	Nhà trường, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (6/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1) Mô tả hiện trạng

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho các giảng viên, nghiên cứu viên được xác định từ kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Khoa [H6.06.01.02] cũng như từ các cuộc khảo sát nhu cầu đào tạo và từ kế hoạch hoạt động hàng năm của giảng viên, nghiên cứu viên [H6.06.02.02]. Dựa trên thông tin tổng hợp, nhiều hoạt động được triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu về đào tạo và phát triển nguồn cán bộ.

Hàng năm dựa trên yêu cầu của các CTĐT nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng viên chức trong nước (viên chức hành chính hạng 1-4 và viên chức chuyên ngành hạng 1-4) [H6.06.05.01]. Phần lớn các chương trình đào tạo được chi trả từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ các quỹ hỗ trợ phát triển. Theo hướng dẫn của Trường ĐHKHTN, Khoa thực hiện việc khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng trực tiếp từ cán bộ, viên chức thông qua: kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Khoa [H6.06.01.02]. Một số chính sách phát triển đội ngũ giảng viên nhằm đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Trường và Khoa như sau:

- *Hỗ trợ các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên sớm đạt học hàm*: Để hỗ trợ các cán bộ của Khoa sớm đạt các tiêu chí về NCKH, giảng dạy, hướng dẫn sau đại học để được xét học hàm PGS và GS, trong giai đoạn 2019 - 2024, các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa đã chủ trì nhiều nhiệm vụ NCKH các cấp: 7 cấp Quốc gia; 6 đề tài Nafoted; 5 cấp bộ; 10 cấp Đại học Quốc gia; 7 nhiệm vụ Hợp tác quốc tế; 4 nhiệm vụ hợp tác với địa phương [H06.06.05.02]; phân công hướng dẫn học viên sau đại học [H06.06.05.03]; tạo điều kiện nâng cao năng lực công bố bài báo quốc tế [H06.06.05.04];

- *Hỗ trợ phát triển cán bộ GV và NCV trẻ*: Các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên mới được ĐHKHTN tuyển dụng về làm việc tại Khoa đều được tạo điều kiện nhận đề tài cấp cơ sở, từ năm 2020 đến năm 2024, Khoa Địa lý đã có 8 đề tài cấp cơ sở được giao cho cán bộ trẻ thực hiện [H06.06.05.05];

- *Nâng cao chuyên môn qua trao đổi nghiên cứu, tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo ở nước ngoài*: Trong giai đoạn 2020-2024, Trường đã cử một số cán bộ giảng dạy của Khoa Địa lý đi công tác nước ngoài để thực hiện luận án TS, sau Tiến sĩ, trao đổi khoa học, tham dự hội thảo khoa học, tham gia các khóa học ngắn hạn... [H06.06.04.03];

- *Hỗ trợ để cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, công bố sản phẩm khoa học:* ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các bài báo của các cán bộ công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín [H06.06.05.04]; áp dụng các chính sách về giảm giờ, điểm thưởng và xét lên lương trước hạn cho cán bộ có thành tích khoa học vượt trội theo quy định của Trường ĐHKHTN [H06.06.02.03, H6.06.05.06];

- *Đào tạo các nghiệp vụ, kỹ năng:* Tổ chức và gửi cán bộ tham dự các chương trình bồi dưỡng kỹ năng viết bài báo; giảng dạy trực tuyến; kỹ năng giảng dạy bằng tiếng Anh; khóa học kiểm định chất lượng... [H06.06.05.07].

100% GV của Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng kế hoạch/tiêu chí của Nhà Trường. Các CB trẻ khi về Khoa, được tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ sư phạm, trình độ ngoại ngữ, tin học, áp dụng công nghệ trong giảng dạy [H6.06.04.01-02, H6.06.05.07]. Đội ngũ GV được tham gia các lớp bồi dưỡng giảng viên chính (GVC), giảng viên cao cấp (GVCC) [H6.06.05.08], bồi dưỡng quốc phòng an ninh, bồi dưỡng chính trị trình độ trung cấp, cao cấp, các khóa học quản lý lãnh đạo... [H6.06.05.09]. Toàn thể GV thường xuyên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực phát triển chương trình, năng lực NCKH, năng lực sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học đại học.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát và đánh giá hàng năm thông qua bản tự đánh giá của cán bộ và hội nghị tổng kết năm học [H6.06.01.03]. Trên cơ sở đó, Khoa và Nhà trường sẽ đưa ra khen thưởng, động viên và định hướng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho năm học tiếp theo.

2) Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa xây dựng được chiến lược bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và các chế độ chính sách, khuyến khích cán bộ tham gia các khóa học để nâng cao trình độ chuyên môn. Quan hệ hợp tác quốc tế rộng giúp Khoa có nhiều điều kiện, cơ hội phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho cán bộ tiếp xúc tốt hơn với cơ hội trao đổi học tập, thực tập nâng cao trình độ.

3) Điểm tồn tại

Kinh phí cho các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và NCKH còn hạn chế.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và NCKH.	Nhà trường, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy. Tăng cường kết nối bền vững lâu dài với các tổ chức, viện, trường đại học ở nước ngoài để tạo điều kiện tốt hơn cho việc nâng cao năng lượng giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với giảng viên, nghiên cứu viên. Với từng chức danh, Trường ĐHKHTN, Đại học Quốc gia Hà Nội có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng CB giảng dạy hàng năm [H06.06.02.03]. Các giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH cũng như tham gia quản lý và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.04.04; H6.06.04.05]. Việc quản lý thời gian làm việc của cán bộ được thực hiện theo Quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, kể cả thời gian tham gia các khóa đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ quản lý khác [H6.06.02.03; H6.06.02.06].

Dựa vào kết quả hoàn thành công việc và thành tích trong năm của cán bộ thông qua bản kê khai công việc cuối năm, Khoa sẽ xếp loại cán bộ theo các mức khác nhau dựa theo quy định của ĐHKHTN [H06.06.02.06]. Hàng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Nhà trường [H6.06.06.01] với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.02]. Đánh giá hoạt động của Giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên 3 tiêu chí: công tác giảng dạy, công tác NCKH, việc phục vụ cộng đồng và các công việc

chuyên môn khác. Trọng số cho mỗi tiêu chí phụ thuộc vào chức danh nghề nghiệp của viên chức/người lao động và được xác định bằng các công thức cụ thể được trình bày trong quyết định 1606/QĐ-ĐHKHTN của Nhà trường [H6.06.02.07]. Việc đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện tại Trường ĐHKHTN theo phương pháp đánh giá “360 độ”, bao gồm: tự đánh giá, đánh giá ngang hàng và đánh giá bởi các bên liên quan và người quản lý [H6.06.04.05]. Các kết quả đánh giá sẽ được thông báo cho cán bộ để họ có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu, đồng thời tạo tiền đề cho việc cân nhắc bổ nhiệm, xét bình bầu thi đua khen thưởng.

Việc triển khai hoạt động đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng được diễn ra minh bạch, công bằng. Các hình thức khen thưởng đều được hỗ trợ tài chính và được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Vì vậy, phần lớn cán bộ của Khoa hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng [H6.06.04.06]. Hàng năm, 100% giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và 30% trong số đó nhận được giấy khen của Hiệu trưởng. 15% cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua, bằng khen của ĐHQGHN, Bộ GD&ĐT và các cấp cao hơn [H6.06.04.06, H6.06.06.03]. Ngoài ra, Những giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc sẽ được Trường ĐHKHTN thực hiện chế độ khen thưởng và lên bậc lương trước hạn và hàng năm có ít nhất 15% tổng cán bộ Khoa Địa lý học nhận được khen thưởng này [H6.06.06.03-04]. Đặc biệt, những cán bộ có thành tích NCKH hay sản phẩm công nghệ xuất sắc như công bố công trình nghiên cứu trên tạp chí uy tín, có impact factor cao... sẽ được Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN khen thưởng và hỗ trợ tài chính [H6.06.06.05].

2) Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của người lao động (được định lượng rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường) đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ.

3) Điểm tồn tại

Dữ liệu thống kê về kết quả thi đua khen thưởng của từng cá nhân, tổ chức chưa được cập nhật thường xuyên, nên công tác đánh giá, đề xuất hình thức khen thưởng phù hợp cho cán bộ, viên chức, tổ chức trong Khoa theo Quy định của Luật Thi đua Khen thưởng đôi lúc còn gặp khó khăn.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa đẩy mạnh việc thống kê về kết quả thi đua khen thưởng, thành lập Tổ thi đua của Khoa để rà soát và tham mưu cho tập thể lãnh đạo Khoa các phương án đề xuất thi đua, khen thưởng phù hợp nhất năm ghi nhận tối đa các đóng góp của các tập thể/cá nhân trong Khoa.	Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát các quy định về đánh giá, chính sách khen thưởng đối với cán bộ để tiếp tục làm tốt công tác đánh giá cán bộ giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Trong cơ sở giáo dục Đại học việc giảng dạy luôn đi kèm với hoạt động NCKH nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện [H6.06.02.03-H6.06.02.07]. Theo đó, hoạt động NCKH bao gồm: xuất bản công trình NCKH trong và ngoài nước, thực hiện các đề tài khoa học, hợp đồng phục vụ khoa học, các chuyển giao khoa học kỹ thuật, hay thương mại hóa sản phẩm công nghệ... [H6.06.02.03]. Trong đó quy định, thời gian cho hoạt động NCKH cho từng đối tượng người lao động và trong vòng 3 năm, kể từ năm 2018 mỗi giảng viên/ nghiên cứu viên cam kết tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín, hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách chuyên khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do nhà xuất bản nước ngoài phát hành [H6.06.02.03]. Đặc biệt, cán bộ có tiềm năng lớn trong lĩnh vực NCKH và hoạt động học thuật khác được khuyến khích phát triển thế mạnh của mình thay vì tập trung giảng dạy.

Nguồn kinh phí cho các hoạt động NCKH của Khoa Địa lý khá đa dạng: từ ĐHKHTN, ĐHQGHN, Bộ KHCN tới các cơ quan, tập đoàn và từ hợp tác quốc tế [H6.06.07.01]. Theo đó, số lượng các công trình xuất bản quốc tế tăng mạnh trong những năm gần đây, đóng góp một phần không nhỏ trong việc nâng cao vị thế của Trường ĐHKHTN trên thế giới. Số công bố trên các tạp chí của ISI-SCOPUS tăng 20-25% mỗi năm, nhiều công bố trên các tạp chí uy tín có impact factor cao [H6.06.02.05] (bảng 6.4). Những kết quả trên cho thấy vị thế dẫn đầu của Khoa Địa lý không chỉ trong Trường ĐHKHTN mà còn trên cả nước trong hoạt động NCKH. Tuy nhiên, số lượng đề tài/dự án hợp tác với doanh nghiệp còn hạn chế.

Bảng 6.4. Các chỉ số về KH&CN giai đoạn 2019-2024 của Khoa Địa lý (chỉ tính cán bộ cơ hữu)

Chỉ số		Đơn vị tính	2019 - 2020	2020 - 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
A. Đề tài NCKH			14	18	23	22	27
Đề tài cấp cơ sở		Đề tài	4	6	9	7	12
Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Nhà nước		Đề tài	6	7	9	10	12
Đề tài hợp tác trong nước, quốc tế		Đề tài	4	5	5	5	3
B. Công bố khoa học		Bài	53	56	63	66	82
Công bố quốc tế thuộc danh mục ISI&SCOPUS		Bài	22	33	26	27	31
Công bố quốc tế ngoài danh mục ISI&SCOPUS		Bài	2	3	1	0	1
Bài báo trong nước (tạp chí)		Bài	4	11	14	11	32
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế		Bài	17	2	9	18	9
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc gia		Bài	8	7	13	16	9
C. Số cán bộ khoa học cơ hữu và kiêm nhiệm		Cán bộ	31	31	31	33	33
Tỷ lệ công bố/cán bộ cơ hữu	Hiện trạng		1.71	1.81	2.03	2.0	2.48
	Chỉ tiêu		1.2	1.2	1.2	1.2	1.2

Các kết quả nghiên cứu đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua các hoạt động nghiên cứu, giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn cho sinh viên làm NCKH và khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có điều kiện được tham gia sâu hơn vào các đề tài, nhóm nghiên cứu trong quá trình học tập, kết quả nghiên cứu của sinh viên có thể được đăng tải trên các ấn phẩm khoa học trong nước và quốc tế có uy tín [H6.06.07.02].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động

NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Hoạt động giám sát việc tiến hành các dự án NCKH đã được thực hiện thông qua đánh giá tiến độ, kiểm tra đa cấp theo quy định của Bộ KH&CN, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H6.06.07.03-05]. Theo các quy định của Trường ĐHKHTN, giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa được yêu cầu cung cấp số liệu thống kê hàng năm về kết quả NCKH trên website “http://qlgg.hus.edu.vn”. Đây là cơ sở để đánh giá hoạt động nghiên cứu và khen thưởng cũng như cải tiến chất lượng NCKH.

Các chỉ số về KH&CN của Khoa Địa lý trong những năm gần đây được thể hiện trong Bảng 6.4 [H6.06.02.05, H6.06.07.01]. Kết quả so sánh cho thấy, số lượng công bố khoa học của Khoa trong những năm 2019-2024 tăng dần theo từng năm, nhất là về công bố ISI/SCOPUS.

2) Điểm mạnh

ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN có các văn bản quy định về loại hình NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. Các hoạt động nghiên cứu được giám sát thường xuyên, định kỳ. Cán bộ giảng dạy Khoa Địa lý có khả năng NCKH và số lượng công bố quốc tế cao hơn so với quy định chung của ĐHQGHN.

3) Điểm tồn tại

Số lượng đề tài/dự án hợp tác với doanh nghiệp còn hạn chế.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, tạo điều kiện hỗ trợ GV, NCV được trao đổi ý tưởng và thực hiện các dự án hợp tác.	Nhà trường, Phòng KHCN, Phòng HTPT, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc gia, quốc tế trong NCKH, khuyến khích cán bộ giảng dạy đề xuất các đề tài và tích cực đăng các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế uy tín.	Nhà trường, Phòng KHCN, Phòng HTPT Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (6/7)

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 6

Điểm mạnh nổi bật

- Nhà trường và Khoa có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực với quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như bố trí công việc rõ ràng, minh bạch, được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức. Kết quả đạt được là đa số đội ngũ cán bộ của Khoa Địa lý là các giảng viên, nghiên cứu viên trẻ, có nhiệt huyết, có khả năng gắn bó và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của chương trình đào tạo. Hầu hết đội ngũ cán bộ của khoa Địa lý đều có trình độ TS và được đào tạo bài bản ở các cơ sở đào tạo – nghiên cứu uy tín trên thế giới, có trình độ ngoại ngữ tốt, có tiềm năng phát triển NCKH cũng như hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV, NCV tham gia chương trình đào tạo Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có trình độ cao đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy và NCKH;

- Tỷ lệ giảng viên/người học cao và được duy trì ổn định đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng;

- Công tác đánh giá năng lực của GV, NCV được Bộ môn, Khoa, Trường thực hiện hàng năm theo đúng qui định về đánh giá cán bộ, GV một cách công bằng và khách quan;

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của người lao động (được định lượng rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường) đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ;

- Nhà trường và Khoa xây dựng được chiến lược bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và các chế độ chính sách, khuyến khích cán bộ tham gia các khoá học để nâng cao trình độ chuyên môn;

- Quan hệ hợp tác quốc tế rộng giúp Khoa có nhiều điều kiện, cơ hội phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho cán bộ tiếp xúc tốt hơn với cơ hội trao đổi học tập, thực tập nâng cao trình độ;

Cán bộ giảng dạy Khoa Địa lý có khả năng NCKH và số lượng công bố quốc tế cao hơn so với quy định chung của ĐHQGHN.

Tồn tại chủ yếu:

- Một số cán bộ giữ chức danh PGS sắp đến tuổi nghỉ hưu, nên Khoa cần có kế hoạch cho việc phát triển nguồn nhân lực tương đương thay thế;

- Hệ thống đánh giá kết quả làm việc của viên chức, người lao động chưa đề cập tới hạng mục công việc do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức;

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú;

- Dữ liệu thống kê về kết quả thi đua khen thưởng của từng cá nhân, tổ chức chưa được cập nhật thường xuyên, nên công tác đánh giá, đề xuất hình thức khen thưởng phù hợp cho cán bộ, viên chức, tổ chức trong Khoa theo Quy định của Luật Thi đua Khen thưởng đôi lúc còn gặp khó khăn;

- Kinh phí cho các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và NCKH còn hạn chế;

- Số lượng đề tài/dự án hợp tác với doanh nghiệp còn hạn chế.

Kế hoạch cải tiến:

- Thường xuyên rà soát kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, xét tuyển dụng đặc cách với cán bộ xuất sắc. Có kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện hỗ trợ để cán bộ có thể đạt được các chức danh GS và PGS. Thu hút các nhà Khoa học có trình độ cao ở các tổ chức trong nước và quốc tế tham gia đóng góp cho CTĐT. Tăng cường tuyên truyền rộng rãi kế hoạch, thông báo các tiêu chí tuyển dụng qua nhiều kênh thông tin khác nhau;

- Duy trì sự ổn định của tỉ lệ giảng viên/sinh viên;

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy định về các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV, NCV do Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức;

- Khoa đẩy mạnh việc thống kê về kết quả thi đua khen thưởng, thành lập Tổ thi đua của Khoa để rà soát và tham mưu cho tập thể lãnh đạo Khoa các phương án đề xuất thi đua, khen thưởng phù hợp nhất nhằm ghi nhận tối đa các đóng góp của các tập thể/cá nhân trong Khoa;

- Tiếp tục rà soát, cập nhật quy định giờ làm việc, đánh giá, xếp loại cán bộ;

- Tăng cường khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài NCKH;

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc gia, quốc tế trong NCKH, khuyến khích cán bộ giảng dạy đề xuất các đề tài và tích cực đăng các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế uy tín; Tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và NCKH;

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, tạo điều kiện hỗ trợ GV, NCV được trao đổi ý tưởng và thực hiện các dự án hợp tác.

Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 6 có 05 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhân sự hỗ trợ cho chương trình đào tạo đại học ngành Địa lý tại Trường ĐHKHTN bao gồm không chỉ các trợ lý đào tạo và nhân viên công tác sinh viên, mà còn các bộ phận khác như Trung tâm CNTT&TT, các phòng ban chức năng như Phòng CT&CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng QT&BV, Phòng HT&PT, Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC, và các cơ sở vật chất như Hệ thống thư viện, Kí túc xá, bệnh viện, và trạm xá. Mặc dù trọng tâm của chất lượng đào tạo đại học nằm ở mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên, sự hỗ trợ từ nhân viên là yếu tố không thể thiếu để đạt được hiệu quả giảng dạy và học tập cao nhất. Do đó, Khoa Địa lý cùng với các đơn vị liên kết đã không ngừng tập trung vào mọi khía cạnh của quy trình nhân sự từ tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đến việc bố trí và tái bổ nhiệm. Điều này nhằm xây dựng một đội ngũ hỗ trợ đồng đẳng, có đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao. Nhà trường đã phát triển các chiến lược và quy hoạch nhân sự toàn diện, thiết lập các tiêu chuẩn tuyển dụng nghiêm ngặt để đảm bảo số lượng và cơ cấu phù hợp, đồng thời liên tục nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của ngành Địa lý. Bên cạnh đó, để đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nhà trường thường xuyên tiến hành các cuộc khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên, qua đó xác định những điểm cần cải thiện để phát triển chương trình một cách hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả hiện trạng

Đại học Quốc gia Hà Nội, cùng với Trường ĐHKHTN, luôn nổi bật với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chất lượng cao cho hoạt động đào tạo và NCKH. Nhân viên hỗ trợ bao gồm các cán bộ tại nhiều phòng ban, trợ lý và các trung tâm chuyên môn như trợ lý khoa, thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Họ đã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phát triển cộng đồng tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý.

Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKHTN, cùng Khoa Địa lý và các đơn vị liên quan đã cam kết phát triển đội ngũ nhân viên để đảm bảo cả số lượng và chất lượng, nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong các công tác chung. Điều này được thể hiện qua nhiều tài liệu chiến lược, bao gồm Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H07.07.01.01]; Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN từ năm 2012 đến 2022, tầm nhìn 2030 [H07.07.01.02]; Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2025, tầm nhìn 2035 [H07.07.01.03]; các chỉ tiêu phát triển nguồn lực từ năm 2015 đến 2020 [H07.07.01.04] và các kế hoạch phát triển nguồn lực hàng năm [H07.07.01.05], [H07.07.01.06], [H07.07.01.07], [H07.07.01.08]. Những phương hướng công tác và kế hoạch chi tiết đã được xác định cho từng năm học của khoa Địa lý [H07.07.01.09] và cho từng đơn vị như thư viện [H07.07.01.10], phòng thí nghiệm [H07.07.01.11], bệnh viện ĐHQGHN [H07.07.01.12], trung tâm CNTT [H07.07.01.13], trung tâm hỗ trợ sinh viên [H07.07.01.14] và các phòng ban chức năng khác [H07.07.01.15].

Nhờ vào việc lập kế hoạch tỉ mỉ và áp dụng các chính sách hấp dẫn trong tuyển dụng và phát triển đội ngũ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc củng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đến 30 tháng 6 năm 2024, khoa Địa lý có 38 cán bộ cơ hữu, 02 cán bộ kiêm nhiệm. Tổng số cán bộ cơ hữu có học hàm, học vị TS, PGS, GS là 25 cán bộ (trên tổng số 34 cán bộ giảng dạy), 8 cán bộ có trình độ Thạc sĩ [H07.07.01.16], [H07.07.01.17], [H07.07.01.18], [H07.07.01.19], [H07.07.01.20], [H07.07.01.21].

Trường ĐHKHTN đã phát triển các mô tả vị trí việc làm chi tiết cho mỗi chức danh trong các đơn vị thuộc và trực thuộc, đặt nền móng cho kế hoạch tuyển dụng và bố trí công việc một cách khoa học cho nhân viên hỗ trợ trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và phát triển cộng đồng [H07.07.01.22].

Khoa Địa lý cũng đã triển khai các chiến lược và hướng phát triển cho đội ngũ cán bộ, bao gồm cả nhân viên hỗ trợ. Các chiến lược này được ghi nhận trong các báo cáo tổng kết hàng năm và các kế hoạch nhiệm vụ cho mỗi năm học mới [H07.07.01.09]. Ngoài ra, Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Địa lý có chức năng hỗ trợ ban lãnh đạo Khoa trong công tác điều hành hoạt động chung và hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên trong việc học tập, rèn luyện và hướng nghiệp. Đội ngũ hỗ trợ cấp Khoa gồm: 03 chuyên viên công tác tại Văn phòng, trong đó có 1 thạc sĩ, 2 cử nhân, thâm niên công tác 5 năm trở lên, cụ thể gồm: 1 trợ lý giáo vụ; 1 cán bộ phụ trách công tác ủy nhiệm chi; 1 cán bộ phụ trách công tác hành chính - văn thư [H07.07.01.23]. 08 giảng viên (4 TS; 3 NCS;

1ThS, trong đó có 01 cán bộ trong ban lãnh đạo khoa) được phân công phụ trách quản lý các hoạt động học tập, hỗ trợ sinh viên và giảng dạy của cán bộ [H07.07.01.24, H07.07.01.25]. Trong đó 01 cán bộ làm trợ lý công tác sinh viên; 01 trợ lý khoa học & thiết bị và 4 giáo viên chủ nhiệm [H07.07.01.26, H07.07.01.27].

Liên chi Đoàn, Chi đoàn Cán bộ, Liên chi Hội sinh viên của Khoa Địa lý hỗ trợ tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, các buổi seminar cho sinh viên [H07.07.01.28]. Liên chi Đoàn gồm 1 bí thư, 1 phó bí thư, 1 ủy viên; Chi đoàn cán bộ gồm 1 bí thư, 1 phó bí thư, 1 ủy viên; Liên chi Hội sinh viên gồm 1 chi hội trưởng, 1 chi hội phó, 1 ủy viên [H07.07.01.28].

Các đơn vị hỗ trợ trực thuộc ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý xây dựng các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, cụ thể như sau:

- Kế hoạch dài hạn: được xây dựng cụ thể trong Văn kiện của các tổ chức đảng, Chiến lược phát triển của các đơn vị, Kế hoạch nguồn nhân lực 5 năm của các đơn vị [H07.07.01.29, H07.07.01.30, H07.07.01.31].

- Các kế hoạch ngắn hạn: được xây dựng hàng năm trong phương hướng nhiệm vụ năm học của các đơn vị [H07.07.01.32].

Theo chỉ đạo của ĐHQGHN, việc thực hiện quy hoạch và rà soát quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện hai năm một lần ở tất cả các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN [H07.07.01.33]. Tiêu chuẩn của vị trí được quy hoạch và quy trình thực hiện được quy định rõ ràng [H07.07.01.34]. Danh sách quy hoạch được cấp trên trực tiếp phê duyệt [H07.07.01.35].

Tại Trường ĐHKHTN, số lượng nhân viên làm việc trong các khối phòng ban luôn đáp ứng nhu cầu về chất lượng chuyên môn, hiện đạt con số 104 người, nhằm hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo thuộc ngành Quản lý phát triển đô thị [H07.07.01.36].

Trung tâm Thông tin Thư viện và Tri thức Số của Đại học Quốc gia Hà Nội có một đội ngũ cán bộ chuyên môn đầy đủ, gồm 105 người, bao gồm ban giám đốc và 11 phòng ban chức năng khác [H07.07.01.37]. Đội ngũ nhân viên thư viện này, với trình độ chuyên môn cao, thường xuyên được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng để đảm bảo cung cấp nguồn dữ liệu điện tử và tài liệu truyền thống phục vụ tốt cho nghiên cứu và học tập trong ngành Khoa học Địa lý.

Trung tâm CNTT&TT của Nhà trường có số lượng nhân sự gồm 06 người có năng lực chuyên môn phù hợp và trình độ từ cử nhân đến PGS CNTT (1 PGS, 04 thạc sĩ, 1 cử nhân) [H07.07.01.38]. Trung tâm đã thực hiện tốt công tác quản lý về công nghệ thông tin phục vụ cho

hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo của Nhà trường; Quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ quản lý, giảng dạy tại các giảng đường; phát triển các hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo tín chỉ; Tổ chức, tư vấn đào tạo các khóa học về tin học, tất cả đã được minh chứng qua hệ thống hạ tầng CNTT [H07.07.01.39].

Đáng chú ý ở ĐHQGHN có Trung tâm hỗ trợ sinh viên, với chức năng [H07.07.01.14] của mình, trung tâm luôn thể hiện vai trò quan trọng trong công tác hỗ trợ người học của Nhà trường. Hiện trung tâm gồm 72 viên chức và người lao động, có trình độ chuyên môn phù hợp với từng vị trí, đáp ứng khung năng lực vị trí việc làm của đơn vị, gồm 11 người có trình độ thạc sĩ, 38 người có trình độ đại học, số còn lại đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo [H07.07.01.40].

ĐHQGHN còn có các Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực; Bệnh viện Đại học Quốc gia... với đội ngũ nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH cũng như PVCĐ của GV, người học [H07.07.01.41], [H07.07.01.42].

Mỗi năm, Trường ĐHKHTN cùng các bộ phận liên quan luôn tiến hành thu thập phản hồi từ người học về chất lượng hỗ trợ của đội ngũ hỗ trợ. Qua đó, nhà trường nhanh chóng điều chỉnh các phương thức làm việc để đảm bảo đáp ứng hiệu quả các yêu cầu trong đào tạo, NCKH và phát triển cộng đồng [H07.07.01.43], [H07.07.01.44], [H07.07.01.45], [H07.07.01.46]. Trong báo cáo kết quả lấy ý kiến về chất lượng hỗ trợ, phục vụ giai đoạn 2017 - 2022 của ĐHQGHN nói chung và của các đơn vị nói riêng cũng đã cho thấy đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tốt việc phục vụ, hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H07.07.01.47], [H07.07.01.48], [H07.07.01.49].

Nhìn chung, chương trình đào tạo đại học trong ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản tại trường luôn được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân lực đầy đủ và chất lượng cao, với các kế hoạch phát triển bền vững và phân đoạn rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu của các hoạt động đào tạo, NCKH và phát triển cộng đồng. Bên cạnh đó, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý đều thường xuyên tổ chức các báo cáo phân tích và đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, qua đó lên kế hoạch và triển khai các chiến lược quy hoạch, phát triển và tuyển dụng mới để luôn đáp ứng hiệu quả các yêu cầu hỗ trợ đào tạo và NCKH. Những phát hiện và kết quả từ các báo cáo này được thể hiện rõ trong các báo cáo tổng kết và hướng phát triển hàng năm của nhà trường và khoa [H07.07.01.50], [H07.07.01.51] và các quy hoạch cụ thể khác của Khoa

Bảng 7.1. Nhân viên hỗ trợ đến từ ĐHQGHN

Trung tâm	Nhiệm vụ	Tổng số
Trung tâm Thư viện và tri thức số	Quản lý thông tin, dữ liệu và thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH, ứng dụng công nghệ trong quản lý tại ĐHQGHN [H07.07.01.10].	105
Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Quản lý và hỗ trợ sinh viên nội trú; tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, đào tạo; cung cấp dịch vụ để cải thiện cuộc sống của sinh viên, hỗ trợ sinh viên trong học tập và NCKH [H07.07.01.14].	72
Bệnh viện ĐHQGHN	Chịu trách nhiệm khám, chữa bệnh; NCKH y tế và chuyển giao kiến thức, cung cấp dịch vụ y tế và công nghệ y tế chất lượng cao [H07.07.01.12]. Bệnh viện chịu trách nhiệm khám chữa bệnh cho cán bộ và sinh viên ĐHQGHN. Bệnh viện bố trí Phòng cấp cứu và cử nhân viên y tế làm việc tại mỗi trường đại học và viện nghiên cứu của ĐHQGHN để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tức thời trong trường hợp khẩn cấp hoặc chăm sóc sức khỏe cho tất cả nhân viên và sinh viên của ĐHQGHN.	203
Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực	Thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, dự báo xu hướng thị trường lao động cho sinh viên ĐHQGHN; tổ chức các hoạt động đào tạo, thông báo cho sinh viên cơ hội việc làm và định hướng nghề nghiệp của thị trường lao động [H07.07.01.15]. Trung tâm hợp tác thiết lập các chương trình hỗ trợ doanh nhân khởi nghiệp, các khóa học khởi nghiệp và đào tạo kỹ năng cho nhân viên và sinh viên...	14

Bảng 7.2. Nhân viên hỗ trợ đến từ Trường ĐHKHTN [H07. 07.01.16]

Đơn vị hỗ trợ sinh viên	Nhiệm vụ	Trình độ chuyên môn liên quan					Tổng số
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Khác	
Phòng Đào tạo	Phụ trách các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, tuyển sinh, giáo trình - học liệu, cấp phát và quản lý văn bằng, trực tiếp theo dõi và tổ chức, quản lý đào tạo đại học hệ chính quy, các chương trình đào tạo thuộc nhiệm vụ chiến lược.	1	9	4	1	0	15
Phòng CT&CTSV	Tham mưu về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của Trường	2	5	2	0	0	9
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý tài chính, kế toán, thanh quyết toán, công tác báo cáo tài chính.	4	3	0	0	0	7
Phòng KH&CN	Tham mưu về công tác khoa học công nghệ và quản lý thiết bị khoa học.	0	3	3	1	0	7
Phòng HT&PT	Tham mưu về công tác quản lý hợp tác quốc tế của Trường.	2	2	2	0	2	8
Phòng QT-BV	Phụ trách xây dựng cơ sở vật chất, điện nước, mua sắm, thanh lý các thiết bị văn phòng, an ninh trật tự, giảng đường, lớp học, vệ sinh môi trường, nhà gửi xe.	8	3	0	0	13	24
Phòng TTPC&ĐBCL	Tham mưu công tác Thanh tra, Pháp chế, Đảm bảo chất lượng, tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm định chất lượng.	0	3	1	1	0	5
Trung tâm CNTT&TT	Tham mưu về công tác hoạch định, phát triển, triển khai, đảm bảo hoạt động các hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành Nhà trường, trong đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu và học tập.	1	5	0	1	0	7
Khoa Địa lý	Hỗ trợ công tác sinh viên, giáo vụ, khoa học thiết bị, đào tạo sau đại học, thư viện, thi đua khen thưởng, phục vụ phòng thí nghiệm, văn thư, kế toán, thủ quỹ...	2	2	4		3	

2) Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo đại học trong ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý tổ chức quy hoạch và phát triển một cách bài bản và khoa học. Quá trình này diễn ra theo một quy trình rõ ràng, với việc rà soát, bồi dưỡng và bổ sung kịp thời hàng năm. Nhờ vậy, cả số lượng và chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn đạt được tiêu chuẩn cao, đáp ứng xuất sắc các yêu cầu của chương trình đào tạo, NCKH và phát triển cộng đồng trong ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản.

3) Điểm tồn tại

Cần thu hút kịp thời cán bộ Văn phòng Khoa, giảm bớt tình trạng kiêm nhiệm.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC và các phòng ban, các đơn vị hỗ trợ khác, Khoa Địa lý cần nâng cao hơn nữa các chế độ, chính sách thu hút và đãi ngộ đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong năm 2023 và các năm tiếp theo.	Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cần tập trung phát huy điểm mạnh hiện có của Khoa, như đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, để tạo sức hút đối với các ứng viên tiềm năng. Đồng thời, Khoa cần đẩy mạnh việc quảng bá những thành tựu đã đạt được và các cơ hội phát triển nghề nghiệp mà môi trường làm việc tại đây mang lại. Bằng cách này, Khoa không chỉ giải quyết vấn đề thiếu hụt nhân sự mà còn nâng cao hiệu quả làm việc, giảm tải gánh nặng kiêm nhiệm cho cán bộ hiện tại.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1) Mô tả hiện trạng

Đại học Quốc gia Hà Nội, cùng với Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý, luôn đặt trọng tâm vào việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên để đảm bảo chất lượng cao trong đội ngũ hỗ trợ. Thực tiễn này được cụ thể hóa qua các văn bản quy định hiện hành, nhằm bảo đảm rằng mọi quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển được tiến hành một cách minh bạch và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của từng đơn vị trong toàn Đại học [H07.07.02.01], [H07.07.02.02]; Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ĐHQGHN [H07.07.02.03], [H07.07.02.04]; Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động [H07.07.02.05]. Tiêu chuẩn năng lực đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường, Khoa đảm bảo tiêu chuẩn khi được tuyển dụng và các tiêu chuẩn theo quy định: 1 - Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên viên, 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, 4 - Có kỹ năng làm việc độc lập, nhóm; 5 - Giao tiếp và tổ chức công việc tốt; 6 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu của vị trí việc làm [H07.07.02.05]. Nhà trường đã đưa ra các tiêu chí rõ ràng và minh bạch cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức tại Trường ĐHKHTN [H07.07.02.04], [H07.07.02.05] và bản mô tả vị trí việc làm cụ thể đối với cán bộ trước khi tuyển dụng của Nhà trường [H07.07.02.06]. Mỗi năm, Nhà trường cùng các đơn vị liên quan đều xây dựng kế hoạch chi tiết cho việc tuyển dụng và bổ sung nhân sự. Những kế hoạch này được phản ánh rõ ràng trong các phương hướng hoạt động hàng năm của cả Nhà trường và từng Khoa [H07.07.02.07], [H07.07.02.08]. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, Nhà trường sẽ thông báo nhu cầu tuyển dụng đến các đơn vị liên quan. Các đơn vị này sẽ xem xét và gửi lại đề xuất chính thức về các vị trí cần tuyển dụng cho Nhà trường [H07.07.02.9].

Cá nhân đăng ký dự tuyển vào vị trí nhân viên tại Trường ĐHKHTN cần tuân thủ các quy định của Luật Viên chức năm 2010 [H07.07.02.10] và các điều khoản sửa đổi, bổ sung vào năm 2019 [H07.07.02.11]; Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng [H07.07.02.12] và các ứng viên đăng ký dự tuyển viên chức của Trường phải đảm bảo các

tiêu chuẩn cụ thể khác của ĐHQGHN và Nhà trường theo Quy định [H07.07.02.01], [H07.07.02.02]. Các ứng viên dự tuyển vào Trường ĐHKHTN cần đảm bảo kiến thức toàn diện về các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng cũng như pháp luật Nhà nước. Ngoài ra, ứng viên cũng cần am hiểu về ngành hoặc lĩnh vực mà họ dự tuyển, bao gồm cả luật viên chức, đạo đức nhà giáo, lịch sử, cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của trường. Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng được ĐHQGHN và trường công bố rõ ràng hàng năm qua thông báo tuyển dụng trên website của trường và tại phòng TCCB-HC [H07.07.02.13]. Đến nay, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ phản hồi nào cho rằng tiêu chí lựa chọn nhân viên hỗ trợ tại Trường ĐHKHTN không minh bạch hoặc không rõ ràng. Mọi ứng viên được tuyển dụng đều tuân thủ quy định ký hợp đồng, và hồ sơ, tương tự như cán bộ giảng viên, được lưu trữ một cách cẩn thận [H07.07.02.14].

Định kỳ 5 năm một lần hoặc khi cần thiết, nhân viên hỗ trợ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và các yêu cầu về phẩm chất, năng lực cho từng vị trí quản lý sẽ được xem xét bổ nhiệm. Quá trình này nhằm đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ lãnh đạo quản lý, đồng thời tạo điều kiện để họ được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện qua thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện nghiêm ngặt theo các quy định hiện hành về bổ nhiệm, điều động và các chế độ phụ cấp dành cho công chức, viên chức tại ĐHQGHN [H07.07.02.03], [H07.07.02.04]. Nhân viên hỗ trợ được tuyển dụng, bổ nhiệm hàng năm được đưa vào báo cáo tình hình nhân sự của Nhà trường và phổ biến công khai cho đội ngũ GV, nhân viên trong Nhà trường được biết [H07.07.02.15], [H07.07.02.16].

Quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm tại Nhà trường đã chứng minh đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, cùng với năng lực quản lý và chuyên môn vững vàng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Đánh giá hiệu quả công việc của nhân sự được thực hiện hàng năm một cách công khai ở hai cấp: Khoa/Phòng và Trường, với kết quả được dùng làm cơ sở cho các quyết định về sắp xếp công việc, bổ nhiệm và điều chỉnh lương. Công tác phân bổ cán bộ hỗ trợ được đánh giá là hợp lý dựa trên phản hồi từ giảng viên và học viên. Từ năm 2017 đến nay, cả Nhà trường và các Khoa đã tiến hành khảo sát ý kiến của người học về quản lý và dịch vụ đào tạo, và kết quả đều rất tích cực [H07.07.02.17], [H07.07.02.18], [H07.07.02.19], [H07.07.02.20].

Các đơn vị khác hỗ trợ người học của ĐHQGHN (trung tâm hỗ trợ người học, bệnh viện ĐHQGHN, Thư viện ...) thì các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm lực lượng cán bộ hỗ

trợ cũng được thực hiện các quy định chung như trên và cũng được công khai rộng rãi qua website đơn vị hoặc chung của ĐHQGHN [H07.07.02.21], [H07.07.02.22], [H07.07.02.23].

2) Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai đảm bảo đúng quy trình và hiệu quả.

3) Điểm tồn tại

Hiện Nhà trường chưa phát hành sổ tay nhân viên theo mẫu nhất định và cho từng vị trí việc làm cụ thể mà chủ yếu do các đơn vị hoặc cá nhân tự xây dựng.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng TCCB-HC cần ban hành sổ tay nhân viên phù hợp hơn trong năm 2023 và các năm tiếp theo.	Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cần phát huy điểm mạnh của các đơn vị và cá nhân trong việc tự xây dựng các tài liệu hướng dẫn công việc. Nhà trường có thể tập hợp và chia sẻ những sổ tay đã được soạn thảo bởi các đơn vị/cá nhân có kinh nghiệm, từ đó xác định các tiêu chuẩn chung và tạo ra một mẫu sổ tay thống nhất. Bằng cách tận dụng sự sáng tạo và hiểu biết thực tế từ đội ngũ nhân sự hiện tại, Nhà trường không chỉ có thể xây dựng sổ tay nhân viên hoàn chỉnh và hiệu quả, mà còn tạo ra một công cụ hữu ích giúp chuẩn hóa quy trình làm việc và nâng cao chất lượng quản lý nhân sự.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1) Mô tả hiện trạng

Như đã được nêu trong các tiêu chí trước, số lượng và chất lượng của đội ngũ chuyên viên và nhân viên hỗ trợ/phục vụ cho các hoạt động của chương trình đào tạo đều được Nhà trường đảm bảo. Cùng với đội ngũ giảng viên, Trường và các Khoa cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các chuyên viên và nhân viên hỗ trợ. Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực và phân loại viên chức một cách định kỳ vào cuối mỗi năm học, dựa trên các quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức và người lao động trong ĐHQGHN [H07.07.03.01], Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động Trường ĐHKHTN [H07.07.03.02], Quyết định ban hành quy định tạm thời về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động của Trường ĐHKHTN [H07.07.03.03]; Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động của Trường ĐHKHTN [H07.07.03.04].

Mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá chất lượng công việc của giảng viên, cán bộ, chuyên viên và nhân viên hỗ trợ, dựa trên các tiêu chí về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc theo quy định của trường. Phòng chức năng được giao nhiệm vụ lập kế hoạch đánh giá năng lực, thông qua việc phát hành thông báo và văn bản hướng dẫn. Những tài liệu này hỗ trợ tổ chức Hội nghị tổng kết năm học, nơi diễn ra quá trình phân loại và đánh giá toàn diện [H07.07.03.05], [H07.07.03.06], đây là căn cứ để các đơn vị sử dụng lao động tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao theo biểu mẫu của Nhà trường [H07.07.03.07] và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến. Lãnh đạo đơn vị đánh giá nhận xét về mức độ hoàn thành công việc cũng như tổ chức bình bầu các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo quy định [H07.07.03.08] cho các cá nhân, nhân viên hỗ trợ. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra xem xét [H07.07.03.09], [H07.07.03.10].

Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trường đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường [H07.07.03.11].

Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H07.07.03.12]. Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Những đóng góp của chuyên viên, nhân viên luôn được sự công nhận của Khoa, Trường. Các chuyên viên và nhân viên hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó một số chuyên viên, nhân viên đạt Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nâng lương trước hạn và có nhiều sáng kiến, cải tiến trong quá trình công tác nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công việc [H07.07.03.13], [H07.07.03.14]. Từ kết quả trên cho thấy, đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ được đánh giá cao có đủ năng lực, phục vụ tốt cho các hoạt động, NCKH và PVCD của Khoa, Trường. Tuy nhiên vẫn còn một số kiến nghị đối với bộ phận phục vụ, thái độ phục vụ của các nhân viên phục vụ hội trường lớp học và mức độ sẵn sàng của các phương tiện, thiết bị trong giảng dạy và học tập. Để khắc phục điều này, từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã tăng cường trong khâu phục vụ hội trường lớp học, đặc biệt là thái độ phục vụ của các nhân viên phục vụ khu vực hội trường, lớp học và đồng thời tăng cường thực hiện quy định văn hóa ứng xử của công chức, viên chức Trường ĐHKHTN.

2) Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định rõ ràng, phù hợp với vị trí việc làm và có kinh nghiệm, gắn bó lâu dài với Khoa, Trường. Trường đã xây dựng được quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá, phân loại công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển nghề nghiệp cho cán bộ hỗ trợ. Hơn nữa, Trường cũng đã tiến hành các cuộc khảo sát các bên liên quan đều cho thấy sự hài lòng về đội ngũ nhân viên.

3) Điểm tồn tại

Cách định lượng công việc của nhân viên hỗ trợ nên được cụ thể hơn để tính hiệu suất công việc như giảng viên và nghiên cứu viên.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng TCCB-HC nên cụ thể hóa thang đánh giá hiệu suất công việc cho các cán bộ hỗ trợ trong năm 2023 và các năm tiếp theo.	TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cần phát huy điểm mạnh về sự đa dạng và phong phú trong các nhiệm vụ mà nhân viên hỗ trợ đang thực hiện. Nhà trường có thể xây dựng một hệ thống đánh giá dựa trên các tiêu chí cụ thể đã được minh chứng là hiệu quả trong các bộ phận khác. Bằng cách tổng hợp và chuẩn hóa các tiêu chí đánh giá từ các đơn vị điển hình, Nhà trường có thể phát triển một công cụ định lượng chi tiết và chính xác cho từng loại công việc của nhân viên hỗ trợ, từ đó không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn đảm bảo công bằng và minh bạch trong đánh giá hiệu suất công việc.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1) Mô tả hiện trạng

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường, Khoa coi trọng và thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu phát triển chung của Nhà trường. Việc tạo điều kiện cho chuyên

viên, nhân viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là một yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, chính trị của Nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn năm 2030 chỉ rõ kế hoạch phát triển đội ngũ có năng lực cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cấp đội ngũ viên chức bộ phận phục vụ đào tạo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 100% đội ngũ chuyên viên được đào tạo nghiệp vụ quản lí hành chính Nhà nước, tin học và ngoại ngữ, chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạn chuyên viên chính [H07.07.04.01].

Hàng năm trong quá trình xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ năm học của Trường, các đơn vị sẽ đề xuất nhu cầu đào tạo - bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên của đơn vị. Các vấn đề này được thể hiện cụ thể trong kế hoạch phương hướng hàng năm của Trường và Khoa Địa lý. Ở các kế hoạch phương hướng năm học này luôn xác định rõ nguồn nhân lực hỗ trợ và định hướng đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ [H07.07.04.02], [H07.07.04.03]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Trường đều có các thông báo về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên hỗ trợ nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H07.07.04.04], [H07.07.04.05]. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu, đăng ký đào tạo bồi dưỡng của cán bộ của nhân viên [H07.07.04.06], Nhà trường sẽ rà soát các điều kiện tiêu chuẩn và cử nhân viên tham gia các khoá đào tạo tập huấn. Có thể tóm lược đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa Địa lý nói riêng luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước, điều này được thể hiện rõ nhất về thống kê số cán bộ được cử đi tham gia các khóa đào tạo qua các năm [H07.07.04.07]. Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.04.08]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Song song với việc cử chuyên viên, nhân viên tham dự các CTĐT - bồi dưỡng tại các tổ chức bên ngoài, Nhà trường cũng tổ chức một số khóa bồi dưỡng về kỹ năng, nghề nghiệp đối với chuyên viên, nhân viên toàn Trường [H07.07.04.09]. Trường luôn tạo mọi điều kiện về thời gian, học phí cho viên chức có nhu cầu đi đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, cụ thể: Cử viên chức đi học các chương trình nâng cao kiến thức chuyên môn, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn [H07.07.04.10].

Trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã cử 30 người đi học ThS; 6 người học nghiên cứu sinh; 167 người đi học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên; 96 người đi học lớp bồi dưỡng chuyên viên chính; 20 người tham gia các lớp ngắn hạn bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; bên cạnh đó còn thường xuyên cử nhiều các cán bộ nhân viên hỗ trợ tham gia các đợt bồi dưỡng về sử dụng E-office, Nghiệp vụ và quản lý,... [H07.07.04.11], [H07.07.04.12].

Từ năm 2019-2024, đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa (chỉ tính 4 chuyên viên văn phòng) có 5 lượt được cử đi học trong đó có 3 lượt đi học các lớp kỹ năng mềm và 2 lượt cán bộ đi học lớp quản lý hành chính chương trình Chuyên viên chính [H07.07.04.13], 1 cán bộ hoàn thành chương trình học thạc sỹ [H07.07.04.14].

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được lấy từ nguồn kinh phí của ĐHQGHN; từ nguồn kinh phí từ các trường đại học, doanh nghiệp, hiệp hội, các quỹ, dự án... ở trong và nước ngoài [H07.07.04.15]. Các lớp bồi dưỡng đã đáp ứng được nhu cầu về việc nâng cao trình độ, năng lực công tác của cán bộ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đều hài lòng về các khóa đào tạo bồi dưỡng [H07.07.04.16].

2) Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, từ đó cử các cá nhân tham gia các đợt bồi dưỡng tập huấn tại đơn vị hoặc bên ngoài đơn vị nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của Khoa và Nhà trường.

3) Điểm tồn tại

Trong thời gian dịch bệnh covid nên các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, chuyên viên của Khoa, Nhà trường chưa được đa dạng, phong phú.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng TCCB-HC nên chủ động linh hoạt hơn trong các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng và đa dạng hoá hình thức trong các đợt dịch bệnh, sự cố bất thường trong năm 2023 và các năm tiếp theo.	TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cần phát huy điểm mạnh về công nghệ và kinh nghiệm đã tích lũy từ việc tổ chức các hoạt động trực tuyến trước đó trong tập huấn, bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và chuyên viên trong thời gian dịch bệnh Covid. Nhà trường có thể đẩy mạnh việc tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo trực tuyến với sự tham gia của chuyên gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau, không chỉ trong nước mà còn quốc tế. Bên cạnh đó, việc sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến và công cụ hỗ trợ giao tiếp đa dạng sẽ giúp tạo ra những chương trình bồi dưỡng phong phú, linh hoạt về thời gian và hình thức, từ đó duy trì và nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ nhân viên ngay cả trong bối cảnh hạn chế do dịch bệnh.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả hiện trạng

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với chiến lược đào tạo và sự phát triển của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên [H07.07.05.01], [H07.07.05.02], [H07.07.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo [H07.07.05.04], [H07.07.05.05]. Hàng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể của từng cấp [H07.07.05.06], [H07.07.05.07], [H07.07.05.08]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H07.07.05.09]. Trên cơ sở các quy định trên, Trường Khoa chịu trách nhiệm phân công, theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác cũng như được quy định rõ trong đề án vị trí việc làm [H07.07.05.04], [H07.07.05.05]. Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ nhân viên của Khoa Địa lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có nhiều cá nhân được nhận danh hiệu thi đua, giấy khen, bằng khen của Hiệu trưởng, của Giám đốc ĐHQGHN, của công đoàn... [H07.07.05.10], [H07.07.05.11], [H07.07.05.12]. Gần đây, Khoa Địa lý có 100% nhân viên hỗ trợ đạt lao động tiên tiến, 01 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và 03 Giấy khen Hiệu trưởng....

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì chuyên viên, nhân viên có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn trong Quy định về nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức, viên chức trong trường ĐHKHTN sẽ được xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.13].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các quy định về nhiệm vụ

của nhân viên, cũng như các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị viên chức hàng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H07.07.05.14]. Quy trình trên đã giúp Nhà trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Tỷ lệ nhất trí cao trong các cuộc họp đánh giá, xếp loại viên chức và thi đua khen thưởng cho thấy sự hài lòng về việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Trường đối với nhân viên. Ngoài ra, thông qua các kỳ hội nghị công chức, viên chức cấp Khoa, đại biểu cấp Trường, viên chức và người lao động được tham gia phát biểu ý kiến và được giải đáp đầy đủ các thắc mắc về các chế độ, chính sách của Nhà trường.

2) Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định, cơ chế khen thưởng cụ thể, rõ ràng và công khai giúp cho việc đánh giá, động viên, khen thưởng đúng người đúng việc đã làm cho tinh thần chuyên viên, nhân viên ngày càng được nâng cao, từ đó tạo động lực và hỗ trợ tốt cho đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3) Điểm tồn tại

Các nhân viên hỗ trợ tích cực trong triển khai các công việc song còn khiêm tốn trong công tác đăng ký sáng kiến làm nền tảng đề xuất các hình thức khen thưởng.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhân viên hỗ trợ cần tích cực, chủ động hơn trong công tác khen thưởng trong năm 2023 và các năm tiếp theo.	TCCB-HC, Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cần phát huy điểm mạnh về tinh thần tích cực và trách nhiệm trong công việc mà đội ngũ nhân viên đã thể hiện. Nhà trường có thể tổ chức các buổi thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, và khuyến khích các nhân viên hỗ trợ đề xuất sáng kiến bằng cách tạo ra môi trường cởi mở, nơi mọi ý tưởng đều được lắng nghe và đánh giá cao. Đồng thời, việc thiết lập các quy trình đơn giản, dễ tiếp cận cho việc đăng ký sáng kiến cũng sẽ giúp thúc đẩy sự tham gia tích cực của nhân viên. Qua đó, không chỉ nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo cơ hội để họ được ghi nhận và khen thưởng xứng đáng.	Phòng TCCB-HC, Phòng Hợp tác phát triển, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý đã phát triển một quy hoạch chiến lược cho đội ngũ nhân viên, nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và phát triển cộng đồng. Quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự được tiến hành một cách minh bạch và hiệu quả, với mục tiêu rõ ràng là đảm bảo sự phù hợp giữa năng lực cá nhân và yêu cầu công việc. Đánh giá và phân loại cán bộ, chuyên viên đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà trường, đảm bảo tính công bằng và công khai.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng có các quy định về khen thưởng và công nhận thành tích nhằm quản lý hiệu quả kết quả làm việc của nhân viên. Tuy nhiên, vẫn cần cải thiện và mở rộng các chính sách thu hút và đãi ngộ cho đội ngũ nhân viên. Việc phát hành sổ tay nhân viên theo một mẫu chuẩn sẽ giúp nhân viên hiểu rõ hơn về nghĩa vụ và quyền lợi của mình. Ngoài ra, cần thiết kế các chương trình đào tạo chuyên môn và bồi dưỡng kỹ năng trong các tình huống khẩn cấp như dịch bệnh, để đảm bảo rằng đội ngũ nhân viên có thể phản ứng linh hoạt và hiệu quả. Cuối cùng, khuyến khích nhân viên chủ động đăng ký sáng kiến và tham gia các cuộc thi đua, làm nền tảng đề xuất các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau.

Cả 5 tiêu chí của tiêu chuẩn 7 đều đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Để đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội, năm 2020 trường ĐHKHTN đã mở mới ngành QLPTĐT&BDS với mong muốn cung cấp nguồn nhân lực chất lượng và trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài góp phần nâng cao năng lực quản lý đội ngũ cán bộ và phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trên thực tế, hoạt động đào tạo nói chung phụ thuộc không nhỏ vào chất lượng tuyển sinh đầu vào. Chính vì vậy, các chính sách liên quan tới người học và hỗ trợ người học có tác động nhất định tới việc thu hút người học cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo. Hàng năm, trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý đều có chính sách tuyển sinh được quy định rõ ràng, được công khai và cập nhật. Để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, Trường và Khoa đã xây dựng các hệ thống giám sát và đánh giá tiến độ, chất lượng của người học cả về khối lượng chất lượng học tập cũng như các động ngoại khóa, tạo môi trường cảnh quan thuận lợi cho quá trình học tập, NCKH cho mỗi sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1) Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHKHTN thực hiện rõ ràng theo các quy chế của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN [[H08.08.01.01](#), [H08.08.01.02](#), [H08.08.01.03](#)].

Căn cứ vào nhu cầu xã hội, năng lực của Khoa và Trường, trên cơ sở đề xuất của Khoa, hàng năm Trường ĐHKHTN xem xét, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho chương trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS [[H08.08.01.04](#), [H08.08.01.05](#)]. Số liệu thống kê được trình bày trong Bảng 8.1.

Bảng 8.1. Thống kê chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn ngành QLPTĐT&BDS

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ tiêu	40	60	65	65	65
Điểm chuẩn	21.4*	25* 80/150**	24.15* 80/150**	22.45* 80/150**	24
Số lượng SV nhập học	66	93	72	73	73
Hình thức thi tuyển	Tốt nghiệp THPTQG	Tốt nghiệp THPTQG/ĐGNL	Tốt nghiệp THPTQG/ĐGNL	Tốt nghiệp THPTQG/ĐGNL	Tốt nghiệp THPTQG/ĐGNL

* Điểm xét tuyển theo kỳ thi THPT Quốc gia

** Điểm xét tuyển theo Bài thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN

Các thông tin tuyển sinh như chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển), tiêu chí xét tuyển, khối thi, hình thức thi tuyển được quy định rõ ràng, phổ biến và cập nhật. Cụ thể các thí sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế sẽ được xét tuyển thẳng. Ngoài ra thí sinh còn được ưu tiên xét tuyển, xét tuyển theo đề án tuyển sinh, xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp A00, A01, B00 và D10 [[H08.08.01.01](#), [H08.08.01.06](#), [H08.08.01.07](#)]. Các thông tin này được thông báo rộng rãi theo nhiều hình thức khác nhau:

- Bằng văn bản, trên website của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN, Khoa Địa lý [[H08.08.01.06](#)].
- Trên các phương tiện thông tin đại chúng [[H08.08.01.08](#)],

- Tại các hoạt động tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT tư vấn cho phụ huynh và các em học sinh [H08.08.01.09].

Trường và Khoa có hệ thống hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho học sinh và phụ huynh học sinh qua đường dây nóng của phòng Đào tạo, văn phòng Đoàn thanh niên, văn phòng Khoa, facebook,... [H08.08.01.10].

2) Điểm mạnh

Trường ĐHKHTN là thành viên của ĐHQGHN và hàng năm Nhà trường đều xây dựng và ban hành chính sách tuyển sinh rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN. Chính sách tuyển sinh được ghi rõ trong Đề án tuyển sinh của Trường, ban hành ngưỡng đảm bảo chất lượng, được cập nhật hàng năm và công bố công khai cho các bên liên quan. Chính sách tuyển sinh hàng năm đều được Hội đồng tuyển sinh Nhà trường rà soát và thống nhất.

3) Điểm tồn tại

Hoạt động tư vấn tuyển sinh chưa được thực hiện một cách thường xuyên mà thường chỉ tập trung vào đầu mùa tuyển sinh.

Nhà trường và Khoa Địa lý chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để làm công tác quảng bá tuyển sinh (các cán bộ đều là kiêm nhiệm), điều này phần nào cũng sẽ hạn chế công tác quảng bá tuyển sinh.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp làm công tác quảng bá tuyển sinh	Phòng ĐT, CT&CTSV, Trung tâm CNTT và Khoa Địa lý	Hàng năm từ 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tích cực tuyên truyền, quảng bá rộng rãi chất lượng CTĐT, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp nhằm thu hút thêm các đối tượng học sinh tham gia xét tuyển	Phòng ĐT, CT&CTSV, Trung tâm CNTT và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí được (5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1) Mô tả hiện trạng

Phương pháp tuyển sinh gồm có 2 hình thức chính là thi tuyển và xét tuyển, trong đó hình thức thi tuyển đã có sự thay đổi qua các thời kỳ theo quyết định của ĐHQGHN [H08.08.01.07]. Cụ thể năm 2020, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý bắt đầu tuyển sinh ngành QLPTĐT&BDS dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia theo các tổ hợp A00, A01, B00, D10. Năm 2021, thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp A00, A01, B00 và D10 và kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức năm 2021. Từ năm 2022 hình thức tuyển sinh đa dạng, gồm 6 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh; (2) Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường ĐHKHTN; (3) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; (4) Thi ĐGNL; (5) Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; và (6) Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển, giúp đa dạng hơn đầu vào và chọn được đúng hơn thí sinh có nguyện vọng đăng ký học chương trình ngành QLPTĐT&BDS [H08.08.01.03, H08.08.02.01].

Hệ thống giám sát hoạt động tuyển sinh được thiết lập chặt chẽ từ ĐHQGHN [H08.08.02.02] đến Trường ĐHKHTN [H08.08.02.03]. Chất lượng của hoạt động tuyển sinh thường xuyên được phân tích, đánh giá [H08.08.02.04].

Để đảm bảo cho các thí sinh trúng tuyển vào CTĐT được nhập học đúng quy định [H08.08.02.02], Trường ĐHKHTN đã kịp thời ban hành các quyết định phê duyệt danh sách các thí sinh trúng tuyển đại học chính quy hàng năm [H08.08.02.05], thông báo kết quả trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học [H08.08.02.06].

Bên cạnh đó, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cũng được đánh giá. Sau mỗi đợt tuyển sinh, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã tiến hành đánh giá về công tác tuyển sinh, chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, từ đó rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời trong phương hướng tuyển sinh năm học tiếp theo [H08.08.02.04]. Ngoài ra, thông qua việc khảo sát chất lượng của CTĐT ngành QLPTĐT&BDS đã tham vấn ý kiến của các bên liên quan (sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng) trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.07].

Hàng năm, nhằm góp phần đảm bảo số lượng và chất lượng đầu vào, Khoa Địa lý và Trường ĐHKHTN đều lên kế hoạch quảng bá, truyền thông cho công tác tuyển sinh như

thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh và phối hợp thực hiện các chương trình tư vấn tuyển sinh của Nhà trường [H08.08.02.08]. Đồng thời, Khoa cũng đã chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về CTĐT ngành QLPTĐT&BDS cho học sinh tại các trường THPT; tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp cho hàng ngàn lượt học sinh, phụ huynh và các đối tượng quan tâm khác về thủ tục đăng ký dự tuyển, CTĐT, cơ hội việc làm [H08.08.02.09].

2) Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN. Đồng thời, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thường xuyên đánh giá và cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3) Điểm tồn tại

- Phương thức tuyển sinh cần linh hoạt hơn nữa nhằm tạo nhiều cơ hội hơn cho các đối tượng có nhu cầu.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phương thức tuyển sinh cần linh hoạt hơn nữa nhằm tạo nhiều cơ hội hơn cho các đối tượng có nhu cầu Xem xét mở rộng phương thức tuyển sinh (bao gồm cả phỏng vấn và thư giới thiệu).	Phòng ĐT, và Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học xác định rõ ràng, cập nhật thường xuyên, phù hợp với CTĐT Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá, so sánh kết quả thi đầu vào và quá trình theo học của sinh viên.	Nhà trường và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí được (5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1) Mô tả hiện trạng

Tiến độ, kết quả và tải trọng học tập của sinh viên ngành QLPTĐT&BDS được giám sát một cách có hệ thống theo các quy định của ĐHQGHN [H08.08.03.01, H08.08.03.02]. Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý đã có tổ chức hệ thống giám sát phù hợp (Bảng 8.2) [H08.08.03.03, H08.08.03.04].

Bảng 8.2. Hệ thống giám sát học tập của sinh viên

Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
Trường ĐHKHTN	
Phòng Đào tạo	Kế hoạch học tập, quản lý điểm, giải quyết học vụ, phúc tra
Phòng Thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng	Thanh tra học đường, thi cử, đánh giá học phần nhằm nâng cao chất lượng dạy và học
Phòng Chính trị và công tác sinh viên	Chế độ chính sách, khen thưởng, hỗ trợ học tập
Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp	Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên các hình thức học bổng, khởi nghiệp
Đoàn thanh niên và Hội sinh viên	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV
Khoa Địa lý	
Ban lãnh đạo Khoa, Trợ lý giáo vụ	Giám sát việc thực hiện kế hoạch học tập theo Bản đặc tả CTĐT
GVCN + CVHT	Giám sát kết quả học tập, Tư vấn cho SV về học tập và rèn luyện
Bộ môn phụ trách học phần	Tư vấn về chuyên môn
Liên chi Đoàn + Liên chi Hội + Chi đoàn cán bộ	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV cấp Khoa
Câu lạc bộ Khoa	Tổ chức các hoạt động chuyên đề cho SV cấp Khoa

Hằng năm, theo tiến trình của CTĐT, kế hoạch đào tạo và công tác HSSV của nhà trường, khoa Địa lý phân công giảng viên giảng dạy các học phần [H08.08.03.05, H08.08.03.06]. Các quy chế, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được phổ biến rộng rãi thông qua các buổi học chính trị vào đầu năm học và các phương tiện thông tin khác [H08.08.03.01, H08.08.03.07, H08.08.03.08]. Hằng năm sinh viên được đối thoại với Ban Lãnh đạo Trường, Khoa [H08.08.03.09]. Lịch tiếp sinh viên và các thông tin khác như danh sách giáo vụ, thanh tra giảng đường, GVCN được công bố công khai [H08.08.03.10, H08.08.03.04].

Sinh viên theo học ngành QLPTĐT&BDS được đào tạo theo hình thức tín chỉ

[H08.08.03.11]. Theo CTĐT hiện hành, để tốt nghiệp và được cấp bằng, SV cần tích lũy đủ 130 TC [H08.08.03.12]. Trung bình mỗi học kỳ, sinh viên cần hoàn thành tối thiểu 14 tín chỉ (trừ học kỳ cuối) [H08.08.03.12]. Kế hoạch học tập này đảm bảo cho các sinh viên có học lực trung bình hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn [H08.08.03.13].

Căn cứ quy định của Trường ĐHKHTN về số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong mỗi học kỳ, vào đầu mỗi học kỳ, Khoa tư vấn cho SV đăng ký học phần phù hợp với tải trọng và tiến trình học tập [H08.08.03.08, H08.08.03.14]. Sau đó, sinh viên tự đăng ký học phần trên cổng thông tin đào tạo của nhà trường [H08.08.03.15].

Việc đánh giá sinh viên được Trường ĐHKHTN thực hiện dựa trên kết quả học tập [H08.08.03.16] và điểm rèn luyện của sinh viên từng học kỳ [H08.08.03.17]. Những sinh viên có điểm học tập trung bình của học kỳ dưới 1.0 sẽ bị cảnh báo học vụ [H08.08.03.18]. Trên cơ sở đánh giá này, lãnh đạo Khoa Địa lý hợp với Giáo vụ khoa, GVCN và cán bộ lớp về từng trường hợp để đưa ra các giải pháp hỗ trợ sinh viên phù hợp [H08.08.03.19]. Việc đánh giá điểm rèn luyện gồm 5 bước: i) Sinh viên tự đánh giá sau mỗi học kỳ; ii) lớp tổ chức bình xét; iii) Hội đồng cấp Khoa xem xét; iv) Hội đồng cấp Trường xem xét và công nhận bằng điểm rèn luyện cho sinh viên; v) Công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết kết quả điểm rèn luyện [H08.08.03.17]. Điểm rèn luyện là tiêu chí quan trọng để xét học bổng cho SV [H08.08.03.02]. Điểm rèn luyện được ghi trên bảng điểm của SV [H08.08.03.16].

2) Điểm mạnh

CTĐT cử nhân QLPTĐT&BDS có cấu trúc phù hợp, phân bổ hợp lý khối lượng học tập theo từng học kỳ, đảm bảo người có học lực bình thường hoàn toàn có khả năng hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Nhà trường có hệ thống các phòng ban chức năng, cán bộ chuyên trách được phân công đa tầng, sát sao và linh hoạt trong việc giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ. Quy trình giám sát được cấu trúc rõ ràng, khách quan và hiệu quả. Có cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3) Điểm tồn tại

Các cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiệm nên việc giám sát kết quả học tập của SV, thời gian sinh hoạt, tiếp xúc trực tiếp của giáo viên chủ nhiệm với lớp học phần

là chưa nhiều, chủ yếu phải hoạt động ngoài giờ hành chính để tránh ảnh hưởng đến sự tham gia của SV do phải tham gia học tập các học phần khác.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng thời lượng, tần suất sinh hoạt, trao đổi tiếp xúc trực tiếp của giáo viên chủ nhiệm với lớp học phần. Tạo kênh liên hệ giữa nhà Trường/Khoa với phụ huynh/người giám sát SV được thông suốt, liên tục.	Phòng và Địa lý ĐT, Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hoạt động xây dựng CTĐT và quy trình giám sát ngày càng hoàn thiện hơn. Tạo cơ chế phân cấp, phân quyền quản lý, giám sát cơ sở dữ liệu, tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ.	Phòng Đào tạo, Phòng CTCTSV và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí được (5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1) Mô tả hiện trạng

Các hoạt động tư vấn học tập cho sinh viên được quy định chi tiết tại Quy chế HSSV [H08.08.03.01]. Các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên được Đoàn thanh niên, Hội sinh viên triển khai và thống nhất theo các cấp từ Trường ĐHKHTN [H08.08.04.01] đến Khoa Địa lý [H08.08.04.02].

Việc hỗ trợ, hướng dẫn kế hoạch học tập, phương pháp học tập và giải đáp các thắc mắc của sinh viên được triển khai qua hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà trường, qua đối thoại trực tiếp giữa Nhà trường với sinh viên, giữa Ban lãnh đạo Khoa, Bộ môn, GVCN với

các lớp khóa học, đối thoại qua email, điện thoại và mạng xã hội [H08.08.03.09].

Hàng năm trường đều tổ chức Tuần sinh hoạt công dân vào học kỳ 1 và tổ chức chuỗi hoạt động sinh hoạt chuyên đề dành cho từng khóa sinh viên vào học kỳ 2 nhằm nâng cao các kỹ năng mềm, kiến thức cho sinh viên trong các lĩnh vực của đời sống sinh viên [H08.08.03.07, H08.08.04.03].

Để giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập phòng Đào tạo và Khoa tổ chức các lớp học phần trong học kỳ hè [H08.08.04.04].

Khoa Địa lý có nhiều chính sách hỗ trợ sinh viên trong NCKH như tạo điều kiện và khuyến khích cho sinh viên đăng ký NCKH, tham gia đề tài NCKH các cấp do cán bộ Khoa và cán bộ cơ quan ngoài phụ trách [H08.08.04.05], hỗ trợ thủ tục tới các cơ quan, địa phương thu thập tài liệu,...[H08.08.04.06]. Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức các buổi seminar về phương pháp NCKH, hướng dẫn trình bày khóa luận [H08.08.04.07].

Khoa Địa lý hiện đang kết hợp với các doanh nghiệp tổ chức các buổi hội thảo, câu lạc bộ, tham gia các đề tài, dự án để sinh viên có thể tham gia, tích lũy kinh nghiệm và ứng dụng kiến thức được học và thực tiễn [H08.08.04.08].

Đối với sinh viên năm cuối, các bộ môn thường xuyên tổ chức báo cáo tiến độ thực hiện khóa luận để giúp sinh viên hoàn thiện và nâng cao chất lượng khóa luận tốt nghiệp [H08.08.04.09].

Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý có hệ thống phòng tự học, phòng đọc giúp cho sinh viên có điều kiện tốt nhất trong suốt quá trình học tập [H08.08.04.10]. Mỗi sinh viên được cấp 01 tài khoản email để sử dụng trong suốt quá trình học tập và sau khi ra trường [H08.08.04.11]. Những thông tin liên quan đến học tập, học bổng, cơ hội việc làm, hoạt động ngoại khóa đều được gửi tới cho sinh viên và cựu sinh viên qua email.

Để hỗ trợ sinh viên học tập, Khoa và Trường luôn có những chính sách để động viên và giúp đỡ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và các sinh viên đạt thành tích cao trong học tập:

- Đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, diện gia đình chính sách, hàng năm được Nhà trường hỗ trợ học phí [H08.08.04.12].

- Quỹ học bổng của các nhà khoa học Khoa Địa lý được thành lập để khen thưởng cho các sinh viên có thành tích cao và sinh viên có triển vọng trong NCKH [H08.08.04.13].

- Quỹ học bổng hợp tác doanh nghiệp CARGIS được thành lập để hỗ trợ các bạn sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và khen thưởng sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba tại Hội nghị

Khoa học sinh viên Khoa Địa lý hàng năm [\[H08.08.04.14\]](#).

Sinh viên có thành tích học tập và kết quả thi đua tốt sẽ được nhận học bổng từ ngân sách và học bổng ngoài ngân sách. Học bổng từ ngân sách được phát cho sinh viên có thành tích cao sau mỗi kỳ học [\[H08.08.04.15\]](#). Học bổng ngoài ngân sách là những học bổng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ cho sinh viên gồm hơn 20 loại học bổng [\[H08.08.04.16\]](#).

Để nâng cao khả năng tìm việc của sinh viên khi ra trường, Trường đã thành lập Văn phòng Hỗ trợ khởi nghiệp vào năm 2018 [\[H08.08.04.17\]](#). Ngoài ra Trường và Khoa tổ chức các hội thảo định hướng nghề nghiệp, các hội chợ việc làm, thiết lập cổng thông tin cựu sinh viên để giới thiệu việc làm và liên kết sinh viên các khóa với nhau, đưa sinh viên đi thực tập tại các cơ sở nghiên cứu, sản xuất, và các doanh nghiệp [\[H08.08.04.18, H08.08.04.19, H08.08.04.20, H08.08.04.06\]](#). Khi sinh viên làm khóa luận, Khoa có mời một số cán bộ bên ngoài và nhà tuyển dụng tham gia hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp [\[H08.08.04.21\]](#). Hàng năm, Khoa Địa lý luôn tổ chức các buổi giao lưu, hội nghị hội thảo, mời các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu giáo chức, cựu sinh viên tham dự [\[H08.08.04.22\]](#).

Việc hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa được Liên chi đoàn khoa Địa lý kết hợp với các câu lạc bộ trong và ngoài khoa giúp cho sinh viên trao đổi, giao lưu nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức xã hội thông qua các cuộc thi: Sinh viên Tự nhiên hướng về biển đảo, Tổ quốc, Giải pháp đổi mới sáng tạo trong thanh niên, Lớp tôi là số 1, Giải bóng đá nam - nữ toàn trường, kịch HUS,... [\[H08.08.04.02\]](#).

Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý có các hoạt động hỗ trợ sinh viên chậm hoàn thành chương trình đào tạo:

- Đối với sinh viên có khó khăn về tài chính, Nhà trường hỗ trợ sinh viên nghèo vượt khó [\[H08.08.04.12\]](#).

- Đối với sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu chuẩn đầu ra tiếng Anh, chưa tích lũy đủ tín chỉ hoặc chưa hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, GVCN kết hợp với các CLB tổ chức các buổi tư vấn, hỗ trợ sinh viên hoàn thiện chương trình [\[H08.08.04.23\]](#).

Ý kiến phản hồi đối với đội ngũ cán bộ về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học được thu thập thông qua hình thức khảo sát trực tuyến [\[H08.08.04.24\]](#). Các kết quả cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên với các hoạt động hỗ trợ của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [\[H08.08.04.24\]](#).

2) Điểm mạnh

Sinh viên ngành QLPTĐT&BDS có kết quả học tập khá cao, đạt được nhiều học bổng khuyến khích học tập và học bổng ngoài ngân sách. Sinh viên tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Khoa và Trường tổ chức và đạt nhiều kết quả cao.

3) Điểm tồn tại

Chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện triển khai hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Hoạt động tổ chức ngày hội việc làm để sinh viên có thể trực tiếp trao đổi với nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thường xuyên các cuộc gặp gỡ, trao đổi với sinh viên, khảo sát về mức độ hài lòng của người học đối với các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua..., từ đó cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động này. Xây dựng quy trình và hướng dẫn cụ thể để thực hiện triển khai hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên. Tăng cường kết nối với các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm để sinh viên có thể trực tiếp trao đổi với nhà tuyển dụng còn hạn chế.	Phòng ĐT, Phòng CT&SV, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa chủ động xây dựng các chương trình ngoại khóa, thực tập thực tế, thiết lập mối quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà tuyển dụng để tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên có cơ hội trải nghiệm trong quá trình học tập cũng như cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.	Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí được (4/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN cũng như chính quyền địa phương luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho sinh viên [H08.08.05.01]. Sinh viên được tự do lựa chọn ngành học, hướng nghiên cứu chuyên sâu phù hợp; được khuyến khích phát huy năng lực sáng tạo trong chuyên môn; được phản ánh các ý kiến cá nhân thông qua nhiều hình thức khác nhau như hội thảo, đối thoại, thư góp ý, email,... [H08.08.05.02, H08.08.05.03, H08.08.03.11]. Sinh viên được tự do sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí ở các khuôn viên chung của trường và của ĐHQGHN [H08.08.05.04].

Theo các yêu cầu về đảm bảo chất lượng của CTĐT, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đời sống học tập cho sinh viên bao gồm: ký túc xá, thư viện, phòng học, khuôn viên cây xanh, diện tích sân tập thể thao,... được bố trí đầy đủ [H08.08.05.05]. Trường có 1 cantin phục vụ ăn uống cho cán bộ và sinh viên, có hệ thống Wifi free phủ khắp toàn trường, có đội ngũ dọn vệ sinh các khu giảng đường và phòng làm việc [H08.08.05.06, H08.08.05.07, H08.08.05.08]. Bên cạnh đó, Khoa cũng có hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH riêng [H08.08.05.09].

Sinh viên được chăm sóc sức khỏe qua hệ thống bảo hiểm y tế bắt buộc, các kỳ khám sức khỏe hàng năm [H08.08.05.10] tại hệ thống phòng trực y tế, bệnh viện ĐHQG [H08.08.05.011]. Các tổ chức Đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên), GVCN cùng ban cán sự lớp quan tâm, giúp đỡ các trường hợp gặp khó khăn về tâm lý, ảnh hưởng đến học tập [H08.08.05.12].

Ý kiến phản hồi của sinh viên về các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu được triển khai qua hình thức khảo sát trực tuyến. Các kết quả đánh giá ngành QLPTĐT&BDS cho phổ điểm trung bình từ 4,25 đến 4,8 trên tổng 5 điểm [H08.08.05.13].

2) Điểm mạnh

Sinh viên ngành QLPTĐT&BDS được học tập trong môi trường làm việc thân thiện, an ninh, an toàn được đảm bảo nhờ sự phối hợp trách nhiệm của Nhà trường, Đoàn Trường, Khoa Địa lý và các cơ quan chức năng trên địa bàn, với Trạm y tế, Trung tâm dịch vụ trường học. Cảnh quan sư phạm của cơ sở đào tạo sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh. Sinh viên có được tâm lý thoải mái trong hoạt động học tập và tích cực tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa.

3) Điểm tồn tại

Do điều kiện về cơ sở hạ tầng nên hiện tại SV thiếu các điều kiện về sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên tại cơ sở chính 334 Nguyễn Trãi.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khi chuyển lên cơ sở mới ở Hoà lạc sẽ khắc phục được tình trạng thiếu sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể; Linh hoạt trong bố trí lịch học tại các cơ sở khác nhau của Nhà trường theo hướng Trước mắt, có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho sinh viên thuê sân thể thao khi có các giải đấu của Trường	Phòng ĐT, ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN	Theo kế hoạch của ĐHQG
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của Nhà Trường, Khoa trong việc tăng cường và đa dạng các hoạt động nhằm tạo môi trường tâm lý, xã hội tốt nhất cho sinh viên. Thường xuyên nâng cấp, hiện đại hoá các giảng đường, PTN, thư viện, kí túc xá...	Nhà trường và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí được (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý xác định là khâu then chốt trọng hoạt động đào tạo. Trong đó có các điểm nổi bật, cụ thể như:

Đề án và Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, được quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh hằng năm; được rà soát, đánh giá hằng năm thông qua Hội đồng tuyển sinh và góp ý của Khoa.

Nhà trường có hệ thống các phòng ban chức năng, cán bộ chuyên trách được phân cụ thể trong việc giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ. Quy trình giám sát được cấu trúc rõ ràng, khách quan và hiệu quả. Có phân mềm theo dõi tiến độ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp

Nhà trường có sự phân công trách nhiệm tới từng đơn vị trong việc hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu và môi trường làm việc. Sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được các đơn vị nhà tuyển dụng bên ngoài đánh giá cao và đồng hành cùng Khoa để hỗ trợ sinh viên thực hành, thực tập, tham quan trải nghiệm, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp,..

Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho NH và CBLQ.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để làm công tác quảng bá tuyển sinh; Việc khảo sát các bên liên quan (BLQ) về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa được thường xuyên, chưa triển khai khảo sát đối tượng các BQL các trường THPT để có đánh giá khách quan hơn. Nhà trường chưa ban hành Quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của NH; Nhà trường chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên. Do điều kiện về cơ sở hạ tầng nên hiện tại SV thiếu các điều kiện về sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên tại cơ sở chính 334 Nguyễn Trãi. Hoạt động tư vấn học đường như tư vấn sức khỏe tâm lý còn hạn chế.

- Kiến nghị đối với CTĐT

Nhà trường cần xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp làm công tác quảng bá tuyển sinh;

Thực hiện khảo sát và thu thập thông tin thường xuyên, từ các nguồn khác nhau như nhà tuyển dụng, học sinh các trường THPT để đưa ra các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với đặc thù của ngành mà vẫn đảm bảo số lượng và chất lượng tuyển sinh. Nhà trường nên ban hành Quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của NH.

Xây dựng quy trình và hướng dẫn cụ thể để thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Tiếp tục đầu tư nâng cao điều kiện về cơ sở vật chất, cải thiện môi trường học tập cho sinh viên. Triển khai thêm nhiều hoạt động tư vấn tâm lý sức khỏe tâm lý học đường cho sinh viên.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, đều được đánh giá ở mức đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt 5/7 và 2 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHKHTN luôn được coi là một trong những trường đào tạo hàng đầu về NCKH cơ bản trên toàn quốc. Nhà trường không ngừng đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho việc giảng dạy và NCKH. Ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản có tính chất liên ngành và có tính ứng dụng cao, liên quan đến nhiều ngành khác trong Trường. Do đó, yêu cầu về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và NCKH cần phải được đầu tư đáng kể. Chính vì vậy, chủ trương và chính sách của Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý luôn đề cao việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị giúp hỗ trợ người học và nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu. Thêm vào đó, việc đầu tư vào Thư viện cũng luôn được ưu tiên với sự hiện đại hóa và đa dạng hóa nguồn tài liệu nhằm phục vụ tốt nhất cho cán bộ và sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin và nghiên cứu.

Ngoài việc đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, Nhà trường cũng đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng các trang thiết bị một cách hiệu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN hiện đang quản lý và sử dụng diện tích 27.440 m², trong đó diện tích mặt sàn xây dựng phục vụ đào tạo và NCKH là 42.397,99 m². Trong tổng diện tích này, trụ sở chính chiếm 28.560,81m², tại 19 Lê Thánh Tông là 6.303,96m², và tại 182 Lương Thế Vinh là 7.533,21 m². Mỗi năm, trường tiếp nhận khoảng 1.500 sinh viên với hơn 9.400 chỗ ngồi, tỷ lệ diện tích đất/tổng số người học là 3,71 m² và tỷ lệ diện tích sàn/tổng số người học là 5,74 m² [H09.09.01.01]; Diện tích sử dụng cho người học tại Nhà trường đã đủ để đáp ứng yêu cầu. Trường ĐHKHTN hiện có tổng cộng 149 giảng đường, lớp học và 02 phòng tự học, với diện tích tổng cộng là 7505 m². Các phòng học này có khả năng chứa từ 30 đến 150 chỗ ngồi, với tỷ lệ sử dụng giảng đường đạt 97%. Diện tích trung bình của mỗi sinh viên trong giảng đường là 0,4 m²/sinh viên [H09.09.01.01], đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo Quyết định số 64/2013/QĐ-TTg ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2013. Hiện tại, Nhà

trường đang tổ chức và quản lý các phòng học chung cho các Khoa trong trường, bao gồm ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản. Ngoài việc đảm bảo diện tích và cơ sở vật chất phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp, các phòng học tiêu chuẩn cũng được trang bị đầy đủ các thiết bị như máy chiếu, phông chiếu, bảng trắng hoặc bảng đen, kết nối internet, điều hòa không khí, và thiết bị âm thanh, ánh sáng để hỗ trợ tối đa quá trình giảng dạy. Đặc biệt, trường đã đầu tư vào các phòng học thông minh tại tầng 3 của nhà T5 để phục vụ các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Các phòng này được trang bị bảng cảm ứng, giảng viên tận dụng hiệu quả hơn các tính năng của bảng để cải thiện quá trình giảng dạy. Ngoài ra, trường còn có các phòng Hội thảo, phòng đọc, và phòng máy tính riêng để đáp ứng yêu cầu của các học phần liên quan đến tin học. Các phòng hội thảo được thiết kế đa dạng và phong phú để phục vụ các nhu cầu seminar nhỏ theo từng bộ môn cũng như hội thảo lớn toàn trường tại tầng 7 của nhà T5. Các phòng hội thảo như P418T1, P301T1, P401T1 được trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị đáp ứng nhu cầu tổ chức hội thảo và họp trực tuyến.

Khoa Địa lý hiện có 6 Bộ môn và 1 Trung tâm nghiên cứu ứng dụng, mỗi Bộ môn và Trung tâm được bố trí 01 phòng làm việc. Ngoài ra, Khoa có 02 phòng chuyên đề (P613T5 và 423T1) phục vụ các hoạt động thực hành, thực tập, thí nghiệm cho các học phần chuyên sâu cũng như được sử dụng để tổ chức các buổi thảo luận, trao đổi học thuật, bảo vệ luận văn, luận án, khóa luận tốt nghiệp [H09.09.01.02]. Các phòng này đều được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ tài liệu, tivi thông minh có kết nối internet, máy in, loa, mic, thiết bị họp trực tuyến, mạng wifi toàn trường... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất tốt nhất cho giảng viên, cán bộ công nhân viên làm việc và giảng dạy. Bên cạnh đó, Khoa còn có 01 phòng thiết bị (P609T5) với diện tích 25m² được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ lưu trữ, quản lý và bảo quản các thiết bị khoa học công nghệ của Khoa như tủ chống ẩm, camera theo dõi, tủ đựng thiết bị, bàn làm việc trung tâm. Khoa cũng có 01 phòng thư viện với diện tích 25m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ nhu cầu tra cứu, tìm kiếm tài liệu cho sinh viên.

Để hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường có 9 phòng ban chức năng khác nhau bao gồm: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Phòng Đào tạo; Phòng hợp tác và Phát triển; Phòng Khoa học - Công nghệ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản trị - Bảo vệ; Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính; Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm

bảo chất lượng; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông [H09.09.01.03]. Các phòng chức năng này đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: máy tính, internet, wifi, điều hòa nhiệt độ, hệ thống ánh sáng và một số phần mềm chuyên dụng như: phần mềm E-office, phần mềm kế toán, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá, phản hồi của sinh viên về chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất và phòng ban phục vụ [H09.09.01.04].

Cùng với các Phòng ban chức năng hỗ trợ công tác đào tạo thì Nhà trường cũng có hệ thống các Trung tâm nghiên cứu để hỗ trợ các Cán bộ trong việc NCKH, triển khai các đề tài trong và ngoài nước giúp nâng cao năng lực nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo cho giảng viên. Các trung tâm này đều được trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng được các nhu cầu NCKH và đào tạo của các ngành trong đó có ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản [H09.09.01.05].

Để quản lý và phản hồi hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị phục vụ đào tạo, tại các khu giảng đường được bố trí các phòng chờ giảng (Nhà T3, T4 và T5), ở đó có cán bộ trực, quản lý và ghi sổ sách tần suất sử dụng các trang thiết bị. Đó cũng là nơi để giảng viên đến nghỉ giải lao giữa các giờ dạy và có các ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy bị hỏng để Nhà trường kịp thời sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và mua sắm mới các thiết bị thay thế [H09.09.01.06]. Hàng năm Nhà trường đều lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người học về cơ sở vật chất như số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị học tập và nghiên cứu có đáp ứng được yêu cầu của người học không; kết quả phản hồi đánh giá qua các năm gần đây có kết quả như sau: năm 2017, 2018, 2019 có điểm trung bình là 4,3/5; năm 2020 điểm trung bình 4,01/5; năm 2021 là 3,91/5; năm 2022 là 4,18/5; năm 2023 là 4,23/5 theo đánh giá của đơn vị kết quả là tốt. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã hỗ trợ kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị phục vụ thực hành, thực tập và NCKH cho các đơn vị thành viên [H09.09.01.06].

2) Điểm mạnh

Phòng làm việc, phòng học, phòng chuyên đề, phòng thư viện đủ đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và NCKH của cán bộ và sinh viên trong Khoa và Trường.

Các phòng ban chức năng và Trung tâm nghiên cứu đủ lớn, đủ mạnh để hỗ trợ cho đào tạo và NCKH trong Khoa và Trường.

Các trang thiết bị phục vụ đào tạo (máy chiếu, internet, wifi, hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hòa, hệ thống thông gió...) đáp ứng yêu cầu giảng dạy và đáp ứng đủ điều kiện làm việc của giảng viên và cán bộ trợ lý.

3) Điểm tồn tại

Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất hiện tại các phòng học tại nhà T5 bố trí đối diện nhau, các giảng đường đối diện nhau còn cách âm chưa tốt, gây ảnh hưởng đến việc giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.

Năm 2020 và 2021 có chỉ số đánh giá thấp hơn so với các năm còn lại, một trong những nguyên nhân chủ yếu là do tình hình dịch bệnh kéo dài dẫn đến suốt một thời gian dài các thiết bị không được sử dụng, khi quay trở lại học tập trực tiếp, nhiều thiết bị điện tử trên giảng đường như: máy chiếu, điều hoà có chất lượng không ổn định; dẫn đến mức độ hài lòng của người học giảm sút.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường ĐHKHTN cần có kế hoạch hàng năm sửa chữa cơ sở vật chất trên giảng đường như máy chiếu, điều hoà và cải tạo hệ thống cách âm trên các giảng đường.	Phòng Quản trị-bảo vệ, Trường ĐHKHTN	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tối ưu hệ thống thiết bị hiện đại và hợp tác với các đơn vị khác trong Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội để nâng cao năng lực nghiên cứu, hỗ trợ đào tạo.	Nhà trường và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả hiện trạng

Trung tâm thư viện của ĐHQGHN có nguồn học liệu phong phú với trên 110.647 đầu sách; được cập nhật hàng năm và lưu trữ các bộ sưu tập đặc biệt thuộc các lĩnh vực về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội [H09.09.02.01]. Phòng đọc, phòng mượn cho cán bộ, GV và sinh viên với tổng diện tích là 6.947 m² gồm: khu vực mượn - đọc, khu vực phục vụ sinh viên tra cứu tài liệu điện tử [H09.09.02.02]. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cả cán bộ thư viện và độc giả trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng thư viện, truy cập cơ sở dữ liệu, thư viện đã ban hành hệ thống hướng dẫn và quy định của thư viện [H09.09.02.03]. Các phòng phục vụ độc giả đều được trang bị hệ thống chiếu sáng phù hợp, hệ thống internet ổn định, tốc độ cao thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc từ: 7h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần đối với thời gian học chính khóa và có thể điều chỉnh vào thời điểm ôn thi; số chỗ ngồi dành cho độc giả tại thư viện: khoảng 200 ghế trong cùng một thời điểm. Ngoài ra, sinh viên Trường ĐHKHTN còn có các phòng tự học được trang bị hệ thống chiếu sáng, internet phục vụ sinh viên các ngày trong tuần từ 7h30 đến 21h00 [H09.09.02.04].

Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQGHN là một trong hệ thống thư viện số hoá của ngành thư viện tại Việt Nam luôn cung cấp dịch vụ thông tin hiện đại cho bạn đọc như: tài liệu, giáo trình dưới dạng Ebook; số hóa tài liệu, phòng đọc tự chọn, phòng đọc điện tử phục vụ khai thác thông tin trực tuyến qua cổng thông tin điện tử của thư viện, hệ thống quản lý học tập (LMS) để tổ chức các hoạt động dạy - học theo tiếp cận dạy học kết hợp. Đặc biệt, 6/2022, kho tài nguyên số nội sinh của ĐHQGHN tăng hạng xếp thứ 48 trong tổng số 3903 thư viện số đại học/học viện (tăng 1 bậc so với tháng 02/2022) và đồng thời tăng hạng xếp thứ 59 trong tổng số 4.039 thư viện số toàn cầu (tăng 1 bậc so với tháng 02/2022) [thu-vien-so-tai-lieu-noi-sinh-dhqghn-dung-thu-48-0](#), điều này đã phản ánh tốc độ chuyển đổi số rất nhanh của ĐHQGHN về lĩnh vực số hóa học liệu và chuyển đổi số thư viện VNU-LIC. Với mức độ số hóa tăng cao của kho tài nguyên số nội sinh ĐHQGHN, mức độ lan tỏa và độ mở về khoa học OPEN SCIENCE của ĐHQGHN với thế giới, mức độ nổi tiếng và tăng mức độ trích dẫn đến các tài nguyên học thuật của ĐHQGHN nên số lượng bạn đọc đến với thư viện ngày càng đông đáp ứng được nhu cầu mở rộng, phát triển các chuyên ngành đào tạo của Khoa và Trường và nhu cầu người học.

Cán bộ và sinh viên của ĐHQGHN hoàn toàn có thể mượn sách tại Trung tâm thông tin và thư viện, hoặc tìm kiếm và tham khảo các tài liệu trên CSDL (ScienceDirect, SpringerLink, MathScinet, Bookboon, Elsevier, Sage, WorldScientific) của Trung tâm qua địa chỉ <http://www.lic.vnu.edu.vn> và [\[H09.09.02.05\]](#) thông qua tài khoản điện tử do Trường cấp [\[H09.09.02.06\]](#). Các tài liệu trên đều được thư viện số hóa và dễ dàng tìm kiếm bằng các phần mềm trên máy tính. Đặc biệt, sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản có thể tra cứu đề cương chi tiết của các học phần tại thư viện Khoa Địa lý để biết được tổng thể nội dung và chương trình đào tạo của ngành [\[H09.09.02.07.\]](#). Số lượng giáo trình và tài liệu tham khảo thuộc lĩnh vực Đô thị và Bất động sản của Thư viện Đại học Quốc gia là 505 bản [\[H09.09.02.08\]](#). Giáo trình tiếng Anh từ khoa Địa lý là trên 95 bản [\[H09.09.02.09\]](#). Các loại sách và giáo trình được phần lớn các giảng viên trong Khoa biên soạn với 243 đầu mục sách tạo thuận lợi cho việc giảng dạy và học trên lớp đặc biệt đối với những cán bộ trẻ và được bổ sung hàng năm [\[H09.09.02.10\]](#). Nhằm phục vụ thuận lợi nhất cho bạn đọc, hàng năm Trung tâm thông tin thư viện luôn được cập nhật bổ sung các nguồn học liệu [\[H09.09.02.11\]](#). Thư viện thường xuyên có dữ liệu theo dõi các hoạt động và các nguồn học liệu để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên [\[H09.09.02.12\]](#).

Nhằm nâng cao chất lượng thư viện và đáp ứng nhu cầu của người đọc, hàng năm thư viện đã triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học, giảng viên về thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu, mức độ đáp ứng nhu cầu mượn - đọc với mức độ hài lòng của bạn đọc trên 90 % [\[H09.09.02.13\]](#).

2) Điểm mạnh

ĐHQGHN, trường ĐHKHTN và khoa TCT có hệ thống thư viện với đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt yêu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện giúp người đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn.

3) Điểm tồn tại

Liên kết với các nhà xuất bản lớn trên thế giới còn hạn chế. Với những ngành học đòi hỏi sự cập nhật thường xuyên như ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, sách giáo trình và danh mục tài liệu tham khảo cần được cập nhật thường xuyên.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh đầu tư, liên kết với các nhà xuất bản lớn. Liên tục cập nhật nguồn tài liệu, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và người học của hệ thống thư viện trong ĐHQGHN, trường ĐHKHTN và khoa Địa lý	Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường truyền thông, tương tác với sinh viên, hỗ trợ cán bộ, sinh viên nắm bắt thông tin và phương thức hoạt động các công cụ tìm kiếm online hiệu quả.	Trung tâm thư viện và tri thức số ĐHQGHN	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả hiện trạng

Trường KHTN được trang bị hệ thống các phòng thí nghiệm phục vụ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, phòng thí nghiệm chuyên sâu theo các hướng nghiên cứu của nhóm ngành, của ngành (được giao cho các Khoa quản lý) cụ thể là: PTN đại cương, PTN chuyên đề (chủ yếu phục vụ giảng dạy), PTN mục tiêu và PTN trọng điểm (chủ yếu phục vụ NCKH) [H09.09.03.01, H09.09.03.06]. Các thiết bị được Trường thống kê và cập nhật hàng năm để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của các đơn vị [H09.09.03.02, H09.09.03.03].

Các thiết bị nghiên cứu của Trường được giao cho các Khoa quản lý và nhà Trường có quy định sử dụng chung các thiết bị trong toàn Trường [H09.09.03.04, H09.09.03.05, H09.09.03.06]. Việc sử dụng trang thiết bị được cán bộ phụ trách theo dõi và ghi nhật ký sử dụng. Sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản được sử dụng các PTN của Trường, của Khoa theo kế hoạch năm học và yêu cầu thực hành của các môn học.

Với đặc thù là ngành Khoa học liên quan đến quan đến hoạt động ngoài thực địa, danh mục thiết bị của Khoa chủ yếu là các thiết bị hiện trường như máy đo GPS, Máy toàn

đặc điện tử, Máy đo phổ thực địa, máy bay không người lái, Máy Scan 3D,... Đi kèm theo đó là hệ thống các phần mềm có bản quyền phục vụ xử lý số liệu [H09.09.03.07]. Bên cạnh đó, các học phần đại cương có thể sử dụng các trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm chung của Trường, của Khối KHTĐ [H09.09.03.05].

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ nghiên cứu và học tập còn chưa thật sự đầy đủ là một trong những điểm hạn chế của Trường ĐHKHTN cũng như Khoa Địa lý. Để khắc phục các hạn chế này và nâng cao hiệu quả gắn với nhu cầu thực tế, Khoa liên kết với các đơn vị ngoài như Cục bản đồ Quân đội, Công ty Anthi, Công ty Đồng Tiến,... để cho sinh viên làm khóa luận, NCKH dưới sự hướng dẫn của cán bộ Khoa và cán bộ của cơ sở đối tác [H09.09.03.03, H09.09.03.02] (sinh viên hàng năm đến các đơn vị để thực tập sản xuất và sử dụng trang thiết bị của đối tác như Hệ thống mô phỏng 3D, Thiết bị quét 3D mặt đất, Hệ thống xử lý đám mây điểm, Hệ thống xử lý ảnh vệ tinh của Bộ TN&MT...). Đồng thời Khoa cũng hợp tác cùng các đơn vị ngoài để triển khai các đề tài NCKH với cán bộ trong Khoa.

Các đối tác quốc tế của Khoa cũng có tài trợ thiết bị và dữ liệu. Khoa đã ký kết hợp tác hỗ trợ đào tạo với đối tác nước ngoài (ESRI Việt Nam) để cung cấp tài khoản miễn phí cho giảng viên toàn trường và sinh viên khai thác toàn bộ giải pháp của ESRI vào năm 2019 và ký kết thỏa thuận trang bị thiết bị quan trắc hiện trường thông qua dự án SERVIR Mekong do USAID tài trợ [H09.09.03.08] vào năm 2019. Song song với các phần mềm thương mại, Khoa cũng đẩy mạnh việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong xử lý dữ liệu [H09.09.03.09, H09.09.03.10].

Để đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị, theo quy định của Trường, hàng năm Khoa thống kê hiệu quả sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu theo các chỉ số khác nhau [H09.09.03.02]. Dựa trên kết quả thống kê và định hướng nghiên cứu của Khoa, Khoa chuẩn bị các đề xuất đầu tư trang thiết bị mới hoặc các dự án mua sắm bổ sung nhằm hoàn thiện và đồng bộ các thiết bị nghiên cứu, giúp phục vụ NCKH và đào tạo hiệu quả hơn [H09.09.03.11]. Các đề xuất này phụ thuộc vào nguồn ngân sách được phân bổ hàng năm của ĐHQGHN và ĐHKHTN.

Trường thường xuyên kiểm tra tất cả hoạt động của các phòng thí nghiệm, đánh giá hiện trạng máy móc và điều kiện làm việc phòng thí nghiệm [H09.09.03.02, H09.09.03.03]. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra, Trường lập kế hoạch bảo trì và sửa chữa các dụng cụ bị hỏng hóc và đầu tư mua mới các thiết bị cần thiết [H09.09.03.11].

Số lượng và chất lượng trang thiết bị NCKH và đào tạo được Giảng viên và sinh viên định kỳ đánh giá. Theo kết quả khảo sát phản hồi, có khoảng 80% sinh viên được hỏi đánh giá tích cực về khả năng đáp ứng của các PTN với quá trình học tập của sinh viên [H09.09.03.03]. Kết quả qua đánh giá định kỳ và kiểm định chất lượng cho thấy cơ sở vật chất của Trường đáp ứng các điều kiện cơ bản cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Tuy vậy, vẫn còn một số PTN chưa đồng bộ, thiếu trang thiết bị hiện đại [H09.09.03.02, H09.09.03.03]. Hàng năm, thông qua cuộc họp tổng kết năm học, Khoa tổng kết các ý kiến góp ý liên quan để báo cáo Trường ĐHKHTN [H09.09.03.11, H09.09.03.12].

2) Điểm mạnh

Nhiều các trang thiết bị lớn, chuyên sâu được đầu tư phục vụ đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị được quản lý và đánh giá hiệu quả khai thác sử dụng thường xuyên.

3) Điểm tồn tại

Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản là khoa học liên ngành có tính ứng dụng cao, dẫn đến nhu cầu sử dụng các thiết bị máy móc phục vụ cho thực hành, thực tập, thực hiện khoá luận tốt nghiệp hay NCKH sinh viên cao và làm gia tăng cho phí vật tư tiêu hao trong khi mức thu học phí còn hạn chế.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thông qua các đề tài dự án để gắn kết sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và qua đó trích được nguồn kinh phí nhất định để duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hợp tác và xây dựng cơ chế sử dụng chung hiệu quả các thiết bị nghiên cứu hiện đại, nâng cao số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu đào tạo thực tế sinh viên.	Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả hiện trạng

Cơ sở vật chất của Nhà trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, có khả năng đáp ứng tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung của Khoa và Nhà trường. Nhà trường đã trang bị đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ cho giảng viên giảng dạy và NCKH cũng như cho SV học tập. Về hệ thống máy tính, toàn trường hiện nay có 1.466 máy tính, 14 phòng tin học với tổng diện tích 700 m², trong đó có 5 phòng tin học với 227 máy tính để phục vụ việc thực hành tin học đại cương [H09.09.04.01]. Nhà trường trang bị đảm bảo 100% GV khi lên lớp được phục vụ máy chiếu.

Về hạ tầng mạng, Trường hiện sử dụng dịch vụ viễn thông băng thông rộng bằng cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng học thông minh, phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường; đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website và thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H09.09.04.02]. Ngoài ra, để thích ứng với tình hình dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã kịp thời nâng cấp một số phòng họp trở thành phòng có đủ điều kiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy trực tuyến, họp online như 418, 301, 401T1 và 405T2. Ngày 10/9/2020, Giám đốc ĐHQGHN đã ký quyết định số 2598/QĐ-ĐHQGHN ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến ở ĐHQGHN. Một số giải pháp chính được sử dụng bao gồm MS-Teams, Zoom, Google Class. ĐHQGHN cũng đã xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) với mục tiêu tích hợp được dữ liệu giảng dạy, học tập với kho dữ liệu thống nhất của ĐHQGHN nhằm tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến theo hướng tiếp cận giáo dục kết hợp tại các đơn vị trong ĐHQGHN, góp phần nâng cao chất lượng và đổi mới hoạt động giảng dạy. Phần mềm LMS tích hợp được với hệ thống quản lý đào tạo của ĐHQGHN và các đơn vị để đảm bảo thông tin về chương trình đào tạo, học phần, lớp học phần, giảng viên, sinh viên được đồng bộ và thống nhất. Đồng thời, kết nối với Trung tâm Thông tin - Thư viện để sử dụng, bổ sung nguồn học liệu số do ĐHQGHN cung cấp. ĐHQGHN cũng chú trọng tăng cường năng lực cho giảng viên sử dụng, khai thác các phần mềm giảng dạy trực tuyến thông qua các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn.

Trong trang web của VNU (<http://www.vnu.edu.vn>), có đầy đủ các thông tin cần thiết cho sinh viên như quy định đào tạo, các giấy tờ, biểu mẫu hành chính... [H09.09.04.03] Thêm vào đó, trang web còn được kết nối với các trang web của Trường ĐHKHTN – ĐHQGHN (<http://hus.vnu.edu.vn>), trang web về thông tin đào tạo (<http://daotao.vnu.edu.vn>)

và trang web của Khoa Địa lý <https://geography.hus.vnu.edu.vn/> [H09.09.04.04]. Những quy định trong việc kết nối internet trong hệ thống mạng nội bộ và hệ thống mạng không dây giúp đảm bảo bí mật thông tin [H09.09.04.05].

Trường ĐHKHTN thực hiện việc tin học hóa trong quản lý đào tạo và trong công tác sinh viên thông qua cổng thông tin điện tử. Việc tin học hóa và hệ thống hóa thông tin đã giúp ích rất nhiều cho các giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học. Hiểu rõ vai trò to lớn của hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ trong đào tạo và nghiên cứu nên Trường ĐHKHTN đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông để giúp các cán bộ và SV giải quyết các vướng mắc khi sử dụng cũng như triển khai mạnh mẽ tin học hóa các công đoạn trong quản lý và đào tạo [H09.09.04.06]. Toàn bộ phòng máy chủ, hệ thống mạng Lan, mạng wifi, hệ thống website Trường và các đơn vị; hệ thống email cho cán bộ và sinh viên, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử cho SV và cựu SV. đều được cán bộ của Trung tâm CNTT&TT hỗ trợ kịp thời [H09.09.04.07].

Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Nhà trường cũng như Khoa. Toàn bộ các phòng máy đều được kiểm tra thường xuyên, ghi chép nhật ký sử dụng nhằm đảm bảo điều kiện học tập công nghệ thông tin cho SV [H09.09.04.08]. Các phần mềm quản lý như phần mềm E-office, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá đã được sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và công tác sinh viên. Hệ thống máy tính dành cho việc quản lý số liệu được sử dụng thường xuyên và luôn luôn được cập nhật, hệ thống mạng internet cũng thường xuyên được nâng cấp [H09.09.04.09]. Bên cạnh đó để đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản, Khoa Địa lý đã được đầu tư cung cấp các phần mềm có bản quyền [H09.09.04.10].

Với mục đích lấy người học làm trung tâm nên sau mỗi kỳ học Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường làm việc và học tập hàng năm trong đó phần trang thiết bị CNTT và internet được đánh giá đạt 4,3/5 [H09.09.04.11]. Khoa Địa lý thường xuyên tiếp thu ý kiến phản hồi của sinh viên thông qua trợ lý Công tác sinh viên ở Khoa và ý kiến phản hồi của cán bộ thông qua các cuộc họp giao ban, đồng thời Khoa có riêng 01 Phó Trưởng Khoa phụ trách Khoa học và thiết bị để kịp thời xử lý hỗ trợ cho người học và cán bộ đảm bảo việc giảng dạy và NCKH.

2) Điểm mạnh

Công nghệ thông tin được Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý ưu tiên đầu tư với chi phí lớn. Hệ thống mạng LAN internet và wifi phủ sóng toàn trường với 116 bộ phát wifi chỉ tính riêng cho cơ sở 334 Nguyễn Trãi, thuận lợi cho đào tạo và NCKH. Trong công tác quản lý của Nhà trường đều được ứng dụng công nghệ thông tin với các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm E-office, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá, phản hồi của sinh viên về chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất và phòng ban phục vụ.

Khoa Địa lý đã trang bị nhiều phần mềm có bản quyền để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH chuyên sâu về mô hình hoá áp dụng trong lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản.

3) Điểm tồn tại

Hệ thống mạng wifi chưa ổn định hoặc bị gián đoạn tại một số các giảng đường và phòng làm việc cách xa router wifi.

Trong giai đoạn đầu mỗi học kỳ, phần mềm đăng ký tín chỉ thường xuyên bị lỗi, nghẽn mạng do quá tải, gây khó khăn cho sinh viên khi đăng ký môn học.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường ĐHKHTN cần tiến hành nâng cấp hệ thống mạng wifi, tăng băng thông đường truyền internet, bổ sung số lượng các router wifi để đảm bảo sự ổn định của hệ thống mạng cho tất cả các phòng học và phòng làm việc. Trường ĐHKHTN cần nâng cấp và bảo trì thường xuyên sever hệ thống và phần mềm đăng ký tín chỉ để cải thiện việc nghẽn mạng trong giai đoạn sinh viên đăng ký môn học.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT, xây dựng kế hoạch sử dụng, khai thác vận hành hiệu quả hệ thống CNTT.	Nhà Trường và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1) Mô tả hiện trạng

Sinh viên và cán bộ Khoa Địa lý đều được kiểm tra sức khỏe tại phòng khám đa khoa 182 Lương Thế Vinh, bệnh viện ĐHQGHN, được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động theo Quyết định số 982/QĐ-TCCB ngày 02/4/2013 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp [H09.09.05.01]. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn như: Chiều sáng, độ ồn, vệ sinh, xử lý rác và nước thải; Các tiêu chuẩn về bàn, ghế, bảng học, phòng thí nghiệm, sân bãi thể dục, thể thao; Các quy định về cung cấp nước uống, nhà tiêu, hố tiêu, hố rác, hệ thống cống nước thải; Các yêu cầu về phòng y tế và công tác y tế trường học đều được đảm bảo theo quy định tại Thông tư số: 1221/2000/QĐ-BYT của Bộ Y tế quyết định về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT, Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học. Nhà trường có quan tâm đến sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật. Nhà ở, nhà ăn đều có nội quy về trật tự, vệ sinh môi trường đúng theo Thông tư 47/2014/TT-BYT hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống [H09.09.05.02, H09.09.05.03, H09.09.05.04]. Đặc biệt khi bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhà trường đã ra nhiều hướng dẫn, chỉ đạo nhằm đảm bảo về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên và cán bộ công nhân viên [H09.09.05.05].

Trường thường xuyên xét nghiệm chất lượng nước và kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm và phun thuốc phòng dịch [H09.09.05.06, H09.09.05.07]. Môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ, GV và SV luôn được đảm bảo an toàn xanh - sạch - đẹp, hàng ngày có đội ngũ dọn vệ sinh do Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị chuyên nghiệp bên ngoài [H09.09.05.08]. Ban chủ nhiệm Khoa luôn tạo ra và duy trì một môi trường học tập, làm việc an toàn và lành mạnh cho các cán bộ và sinh viên; phương án xử lý và sơ tán khi có hỏa hoạn được giả định trước; cung cấp phương án xử lý khi có tai nạn xảy ra; giáo dục về an toàn như một phần trách nhiệm của sinh viên; đảm bảo sức khỏe tốt cho các cán bộ. Hàng năm các chất thải nguy hại trong Nhà trường được thu gom, quản lý riêng và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định [H09.09.05.09]. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm đảm bảo trực 24/24 trong tất cả các ngày kể cả ngày lễ, Tết. Nhà trường đầu

tư hệ thống camera để giám sát tại các hành lang, các lối ra vào trong toàn trường. Tại các hành lang trước cửa phòng thí nghiệm, phòng làm việc và khu giảng đường đều được bố trí các bình phòng cháy, chữa cháy [H09.09.05.10]. Nhà trường luôn có phương án phối hợp chặt chẽ với Công an Thành phố Hà Nội để đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy. Hơn nữa, Nhà trường còn tổ chức Khóa tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Trường [H09.09.05.11]. ĐHQGHN cũng yêu cầu 100% sinh viên có bảo hiểm y tế và được khám sức khỏe đầu khoá học tại bệnh viện ĐHQGHN, 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội. Bệnh viện ĐHQGHN đặt tại Ký túc xá Mễ Trì hoạt động 24 giờ một ngày và 7 ngày trong tuần trong đó có bố trí 01 cán bộ y tế thường xuyên trực tại phòng y tế của Trường để làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên và sinh viên của Trường trong thời gian học tập và làm việc tại Trường [H09.09.05.12]. Trường cũng cung cấp cho các cán bộ bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể và hàng năm Trường và Khoa đều tổ chức và hỗ trợ kinh phí cho việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ [H09.09.05.13, H09.09.05.14]. Đối với những sinh viên khuyết tật được Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp trong chương trình đào tạo như được miễn các học phần giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng, sinh viên khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở ký túc xá tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu. Nhà trường sửa chữa, xây dựng đường đi riêng, phù hợp với các sinh viên khuyết tật [H09.09.05.15].

Hàng năm, Trường có lấy ý kiến phản hồi về môi trường làm việc đối với cán bộ, giảng viên và kết quả từ năm 2020 đến năm 2023 cho thấy, mức độ hài lòng của cán bộ và giảng viên càng ngày càng cải thiện. Năm 2023 mức độ hài lòng đối với dịch vụ Cổng tin đạt 3,6/5 [H09.09.05.16].

2) Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến môi trường xanh - sạch - đẹp. Đội ngũ vệ sinh chuyên nghiệp, làm việc tích cực từ sớm đến muộn luôn thu gom rác tại các thùng chứa và lau dọn mọi chỗ, mọi nơi. Sức khỏe của cán bộ, GV và sinh viên luôn được quan tâm, Công đoàn Nhà trường luôn lựa chọn Bệnh viện Đại học Quốc gia Hà Nội là nơi khám chữa bệnh uy tín để hỗ trợ cán bộ khám bệnh định kỳ.

3) Điểm tồn tại

- Điều kiện cho người khuyết tật còn hạn chế, mới đáp ứng được cho đối tượng khuyết tật nhẹ và đơn giản.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tạo đường lên xuống các giảng đường, PTN hỗ trợ tốt người khuyết tật tự di chuyển.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHKHTN tiếp tục cải thiện điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học	Phòng QTBV, và Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Khoa Địa lý được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH; Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ... với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác NCKH, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của GV và sinh viên; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu... Tuy nhiên, hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực trong Trường chưa được đảm bảo. Năm học 2021 - 2022, Trường ĐHKHTN đang thực hiện việc nâng cấp hệ thống wifi để phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Chất lượng đào tạo là nội dung thể hiện sự uy tín, quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKHTN và khoa Địa lý đã xác định đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những sứ mệnh quan trọng. Để thực hiện được nhiệm vụ này, theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của ĐHQGHN, trường ĐHKHTN, cũng như dựa trên phản hồi của các bên liên quan, chương trình đào tạo nói chung và chương trình dạy học nói riêng của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, khoa Địa lý đã có những điều chỉnh, phát triển nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1) Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được xây dựng mới (mã số thí điểm) năm 2020 và điều chỉnh vào năm 2023 căn cứ vào: (1) nhu cầu xã hội và ý kiến phản hồi của các bên liên quan, (2) tầm nhìn sứ mạng của Trường và Khoa, (3) các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự chỉ đạo của ĐHQGHN và hướng dẫn của ĐHKHTN [H10.10.01.01-05].

Theo quy định của ĐHQGHN, trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT phải lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H10.10.01.01, H10.10.01.03]. Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế các CTĐT và phản hồi của các bên liên quan thông qua các phòng ban chức năng. Hàng năm, trường ĐHKHTN đều có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sử dụng làm căn cứ để thiết kế, điều chỉnh CTĐT với đầu mối là phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng [H10.10.01.06]. Ngoài ra, khi xây dựng/điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Nhà trường sẽ thành lập tổ chuyên gia trên cơ sở đề nghị của Trưởng Khoa Địa lý và Trưởng phòng Đào tạo để thực hiện quy trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.07]. Các bên liên quan được khoa Địa lý lấy ý kiến bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhà tuyển dụng, các nhà khoa học từ các cơ quan ngoài.

Quy trình lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQGHN [H10.10.01.08] và của trường ĐHKHTN [H10.10.01.09]. Mẫu phiếu, thời gian và hình thức lấy ý kiến phản hồi khác nhau theo từng đối tượng. Cụ thể như sau:

- Đối với nhà sử dụng lao động: khảo sát về nhu cầu vị trí việc làm khi xây dựng CTĐT năm 2020 [H10.10.01.10]; khảo sát về chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo khi xây dựng và điều chỉnh [H10.10.01.10 -14]; khảo sát về chất lượng người học tốt nghiệp [H10.10.01.15].

- Đối với sinh viên: khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về học phần, được thực hiện cuối mỗi học kỳ, một năm 2 lần [H10.10.01.16]. Ngoài ra, sinh viên phản hồi qua các buổi đối thoại trực tiếp với Ban Giám hiệu có sự tham dự của Ban lãnh đạo Khoa [H10.10.01.17]. Đặc biệt, góp ý về CTĐT của người học chuẩn bị ra trường là nguồn thông tin rất hữu ích vì họ vừa hoàn thành xong chương trình học. Năm 2023, khoa Địa lý đã tổ chức khảo sát với đối tượng chuẩn bị tốt nghiệp để có những căn cứ điều chỉnh phù hợp [H10.10.01.13, H10.10.01.14].

- Đối với các cán bộ trong Khoa góp ý về CTĐT qua: Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa [H10.10.01.18], hội tổ bộ môn [H10.10.01.19].

Năm 2019, Khoa Địa lý tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng CTĐT ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản bằng hình thức khảo sát trực tuyến [H10.10.01.11, 12]. Kết quả phản hồi cho thấy nhà tuyển dụng và người học cho rằng khối kiến thức chung (như Triết học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng,...) và khối kiến thức theo khối ngành (như Giải tích, Đại số tuyến tính, Cơ-nhiệt,...) hiện còn nặng so với yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản. Còn đối với chuẩn đầu ra và khối kiến thức về nhóm ngành, ngành, và chuyên sâu đều được đánh giá cao, ở mức quan trọng và rất quan trọng [H10.10.01.20].

Năm 2023, Khoa Địa lý đã tiến hành điều chỉnh CTĐT theo định kỳ dựa trên sự chuẩn bị trong cả giai đoạn 2021-2023. Vì là mã ngành thí điểm, chưa có sinh viên tốt nghiệp ra trường làm việc chính thức nên khoa Địa lý đã dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo nói chung của trường ĐHKHTN là cần tăng cường các kỹ năng mềm, thực hành, nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, cũng như tăng cường thực tập với các cơ quan, doanh nghiệp để cải tiến chuẩn đầu ra và khung chương trình [H10.10.01.21].

- Năm 2023, chuẩn đầu ra của CTĐT được cấu trúc lại, tập trung với 3 khối là chuẩn đầu ra về kiến thức, chuẩn đầu ra về kỹ năng, chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm (trên cơ sở gộp phần phẩm chất đạo đức và năng lực tự chủ, trách nhiệm so với năm 2020). Chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng thể hiện rõ hơn nội dung liên quan đến tiếp cận với yêu cầu của chuyển đổi số, thích ứng với công nghệ 4.0 [H10.10.01.22].

- Về khung chương trình đào tạo, bổ sung Kỹ năng bổ trợ (3 tín chỉ) thuộc khối kiến thức chung; Học phần Tin học cơ sở nâng số tín chỉ từ 2 tín chỉ thành 3 tín chỉ (thuộc khối kiến thức chung). Như vậy tổng số tín chỉ tăng từ 126 tín chỉ thành 130 tín chỉ [H10.10.01.20, H10.10.01.22]. Một số học phần liên quan đến Nhập môn Internet kết nối vạn vật, Nhập môn phân tích dữ liệu, nhập môn Robotics chuyển từ hình thức tự chọn sang hình thức bắt buộc. Trong khung chương trình, số giờ tín chỉ được chuyển đổi thành số giờ học tập để thể hiện rõ hơn vai trò của yếu tố thực hành và tự học của sinh viên [H10.10.01.22]. Kết quả phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo điều chỉnh năm 2023 cho thấy:

+ Trung bình 83,5% các bên liên quan đánh giá chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản là phù hợp. Trong đó các Chuẩn đầu ra về kiến thức chung (tự tập luyện nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân và cộng đồng), chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn giải quyết vấn đề, CDR mức tự chủ và trách nhiệm được đánh giá phù hợp trên 90%. Một số CDR liên quan đến yếu tố công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý đô thị và bất động sản vẫn cần nâng lên mức cao hơn [H10.10.01.23].

+ 77,8% đánh giá các học phần là rất cần thiết và cần thiết, 82,4% đánh giá số tín chỉ các học phần là hợp lý [H10.10.01.23].

2) Điểm mạnh

Trường và Khoa có hệ thống thu thập và xử lý thông tin phản hồi của các bên liên quan, làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTĐT. Khoa thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo, chương trình đào tạo đã nhận được sự phản hồi thường xuyên và khá tích cực từ phía các bên liên quan.

3) Tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học tốt nghiệp về năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra, cũng như ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học

tốt nghiệp của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản chưa được thực hiện. Nguyên nhân là CTĐT mã ngành thí điểm với khóa đầu tiên nên hiện chưa có khóa sinh viên ra trường và đi làm chính thức.

4) Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực cho lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	Nhà trường, phòng TTPC&ĐBCL, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan.	Phòng ĐT, Phòng TTPC&ĐBCL; Khoa Địa lý	Định kỳ 2-3 năm/lần

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả hiện trạng

Việc thiết kế và phát triển CTĐT/CTDH được thiết lập theo quy trình, chú trọng đến thành phần cơ bản như: mục tiêu, chuẩn đầu ra, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT/CTDH được xây dựng dựa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H10.10.02.01, H10.10.02.02] và hướng dẫn của ĐHQGHN [H10.10.01.01-4]. Quá trình thực hiện tiếp cận theo định hướng CDIO (Conceive-Design-Implement-Operate nghĩa là hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành), giám sát bởi Hội đồng Khoa học đào tạo ĐHQGHN và Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN.

Quy trình mở mới và điều chỉnh CTĐT/CTDH trình độ đại học được ĐHQGHN ban hành vào năm 2018 theo quyết định 1111/QĐ-ĐHQGHN và sau đó được cải tiến ban hành theo quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN vào năm 2022 [H10.10.01.01, 03].

Quy trình mở ngành đào tạo năm 2022 có sự cải tiến so với quy trình năm 2018 ở điểm:

- Đơn vị đào tạo phải xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo.

Sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị tiến hành thẩm định và có kết luận. Trên cơ sở đó, Hội đồng ĐHQGHN xem xét, phê duyệt. Lúc này, ngành đào tạo đề xuất mở sẽ được bổ sung vào Danh mục ngành đào tạo được quy hoạch cho từng giai đoạn cụ thể của ĐHQGHN. Như vậy bước khảo sát nhu cầu xã hội trước khi xây dựng đề án mở ngành đào tạo theo quy định năm 2018 chỉ là một phần trong nhiệm vụ xây dựng và đề xuất chủ trương của đơn vị đào tạo trong quy định năm 2022.

- ĐHQGHN sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ đề án mở ngành đào tạo và điều kiện tổ chức đào tạo. Trong khi đó, quy định năm 2018 thì đơn vị đào tạo phải tự đánh giá các điều kiện mở ngành và trong trường hợp cần thiết thì ĐHQGHN mới tổ chức kiểm tra các điều kiện mở ngành tại đơn vị.

Về quy trình điều chỉnh chương trình đào tạo, năm 2022 cũng có sự khác biệt so với năm 2018. Quy định năm 2022 không phân mức điều chỉnh theo tỷ lệ 20% kiến thức chuyên môn như năm 2018 mà phân theo loại khối kiến thức điều chỉnh. Cụ thể, ĐHQGHN ủy quyền cho hiệu trưởng các trường đại học thành viên tổ chức thẩm định, và quyết định ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh đối với việc điều chỉnh các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành (khối kiến thức M4) và khối kiến thức ngành (khối kiến thức M5) trong chương trình đào tạo. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên có trách nhiệm báo cáo ĐHQGHN trước khi quyết định ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh. Việc cập nhật, điều chỉnh các học phần thuộc khối kiến thức chung (khối kiến thức M1) và khối kiến thức theo lĩnh vực (khối kiến thức M2), khối kiến thức theo khối ngành (khối kiến thức M3) trong chương trình đào tạo do ĐHQGHN thẩm định và quyết định ban hành.

Chương trình đào tạo của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020 được xây dựng theo quy trình của quyết định 1111/QĐ-ĐHQGHN năm 2018. Chương trình có sự so sánh đối chiếu, tham khảo 02 chương trình đào tạo của Đại học Heriot Watt, Scotland, Vương quốc Anh (chương trình Cử nhân Quy hoạch đô thị và phát triển bất động sản); Đại học Chung Ang, Hàn Quốc (chương trình Cử nhân Quy hoạch đô thị và Bất động sản) [[H10.10.01.20](#)].

Chương trình điều chỉnh năm 2023 của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và hướng dẫn của trường ĐHKHTN [[H10.10.01.03-05](#)]. Những điều chỉnh chủ yếu là sự chuyển dịch một số học phần thuộc khối kiến thức từ M2 lên M1, sự chuyển đổi từ học phần tự chọn sang bắt buộc thuộc khối

M2, M3; 04 học phần được đổi tên thuộc khối M4 và M5 là: “Cơ sở hệ thống tin địa lý” thành “Cơ sở bản đồ và hệ thống tin địa lý”, “Địa lý dân cư đô thị” thành “Dân cư đô thị và phát triển bền vững”, “Hạ tầng dữ liệu không gian đô thị” thành “Đô thị thông minh”, “Quản lý dự án đầu tư” thành “Quản lý và phát triển dự án đầu tư”. Ngoài ra, các môn tiên quyết được rà soát lại tinh giản hơn. Đề cương học phần được bổ sung ma trận liên kết CĐR của học phần với CĐR của CTĐT; mục kiểm tra đánh giá kết quả học tập cũng thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá và CĐR cần đo được; Nội dung chi tiết học phần thể hiện sự liên kết với CĐR [H10.10.01.22, H10.10.02.03].

2) Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTĐT/CTDH của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được thiết lập, được đánh giá và cải tiến thường xuyên theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN. Do đó, CTĐT/CTDH của ngành có tính khoa học, thực tiễn, phù hợp với mục tiêu và CĐR tuyên bố.

3) Điểm tồn tại

Không có

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc cải tiến, bổ sung, điều chỉnh CTĐT phù hợp với CĐR và nhu cầu thực tế.	Phòng ĐT, Khoa Địa lý	Định kỳ 2-3 năm/lần

5) Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

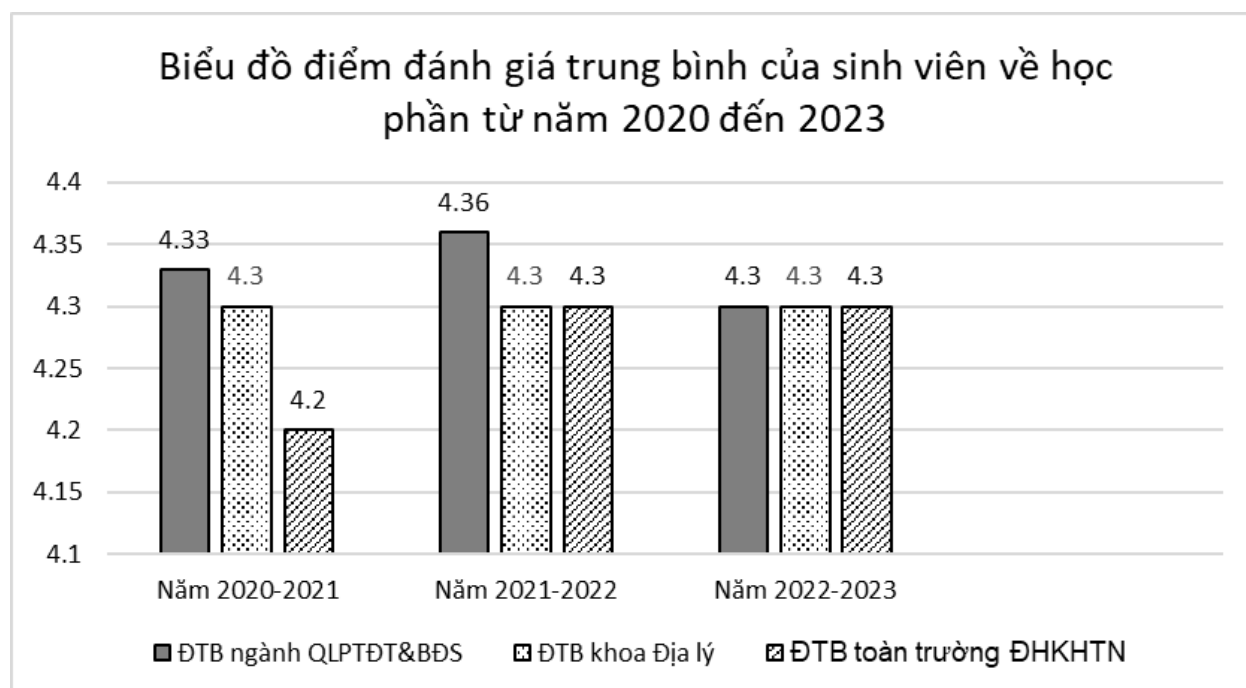
1) Mô tả hiện trạng

Quá trình dạy, học và kiểm tra đánh giá sinh viên được tuân thủ theo quy chế đào tạo của ĐHQGHN, Khung chương trình và đề cương học phần [H10.10.01.02, H10.10.01.20, H10.10.01.22, H10.10.02.03].

Hàng năm, trước khi vào đầu năm học, trường ĐHKHTN đều có công văn về lịch trình đào tạo gửi đến các đơn vị, trong đó thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu dạy và học, thời gian kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ [H10.10.03.01]. Vào đầu năm học, Khoa và

các bộ môn rà soát kế hoạch đào tạo nhằm đảm bảo sự logic và phù hợp nhu cầu người học theo lộ trình học tập để đáp ứng các CDR của chương trình [H10.10.03.02]. Sau đó, Khoa và bộ môn phân công giảng viên phụ trách học phần theo đúng thời khóa biểu [H10.10.03.03]. Cuối năm học, Khoa tiến hành tổng kết và lập kế hoạch cho năm học mới [H10.10.03.04].

Để đánh giá phương pháp và nội dung giảng dạy của giảng viên, Nhà Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học của 100% các học phần thông qua phiếu khảo sát trực tuyến. Các giảng viên trong trường đều được gửi kết quả đánh giá của sinh viên qua email và kết quả được lưu trữ ở nhiều kỳ học [H10.10.03.05]. Theo kết quả thống kê từ Phòng TTTC và ĐBCL, kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy của các học phần thuộc ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản từ năm 2020 đến 2023 cho thấy điểm trung bình năm 2020-2021 và 2021-2022 có xu hướng tăng và cao hơn so mức trung bình toàn trường và khoa. Năm 2022-2023, điểm trung bình về đánh giá chất lượng học phần của ngành ngang bằng so với trường và khoa (Hình 10.1) [H10.10.03.06].



Hình 10.1. Biểu đồ điểm đánh giá trung bình của sinh viên về học phần của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản từ năm 2020-2023

Để đảm bảo sự phù hợp giữa 3 quá trình (dạy, học và kiểm tra đánh giá sinh viên), các giảng viên đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy (giảng bài, thảo luận, thuyết trình, giải bài tập, thực tập thực tế) và cập nhật bài giảng [H10.10.02.03]. Trong thời gian chịu

ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 (năm học 2020-2021, kỳ 1 năm học 2021-2022), ĐHQGHN và trường ĐHKHTN thông báo kế hoạch triển khai công tác dạy – học trực tuyến, kiểm tra đánh giá cuối kỳ trực tuyến, hoặc kết hợp [H10.10.03.07]. Khoa Địa lý đã thực hiện và hướng dẫn cụ thể cho sinh viên về cách tự học, cách sử dụng các nền tảng học trực tuyến như Google Classroom, Google meet [H10.10.03.08]. Để đạt được các chuẩn đầu ra, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau (thi viết, vấn đáp, bài tập, trắc nghiệm online, seminar, tiểu luận, thuyết trình,...) [H10.10.03.09]. Tuy nhiên, với khóa đầu tiên K65 do ảnh hưởng của đại dịch nên hình thức thực tập thực tế bị triển khai chậm so với quy định 1 kỳ. Các khóa sau đều được thực hiện theo đúng lộ trình. Các hình thức kiểm tra đánh giá, cơ cấu các điểm đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ) được ghi trong đề cương học phần và thông báo cho sinh viên khi bắt đầu học phần để sinh viên có kế hoạch học tập phù hợp [H10.10.02.03]. Quá trình rà soát, đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá sinh viên được thực hiện đồng bộ với lần điều chỉnh CTĐT [H10.10.02.03].

Sau mỗi học kỳ, nhà trường đều có thông báo về cảnh báo học vụ với những sinh viên có kết quả học tập yếu kém [H10.10.03.10]. Trên cơ sở đó, Khoa Địa lý tổ chức cuộc họp của lãnh đạo khoa với các giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập để rà soát và có những biện pháp trao đổi, giúp đỡ với các trường hợp sinh viên bị cảnh báo [H10.10.03.11].

Hoạt động NCKH sinh viên được tổ chức ở cấp khoa và cấp trường vào khoảng thời gian giữa học kỳ 2 hàng năm [H10.10.03.12]. Khoa Địa lý thành lập hội đồng chấm NCKH sinh viên [H10.10.03.13]. Những báo cáo đạt kết quả cao, được đưa lên cấp trường để báo cáo. Ngoài ra, những báo cáo đạt giải cao sẽ được cộng điểm trong khóa luận tốt nghiệp [H10.10.03.14].

Để đảm bảo chất lượng thi cử, Nhà trường thành lập các hội đồng tuyển sinh và xét tốt nghiệp, Khoa thành lập các hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.03.15]. Các hội đồng thực hiện đúng quy chế đào tạo.

Ngoài việc đánh giá kết quả học tập, sinh viên còn được đánh giá về điểm rèn luyện sau mỗi kỳ học, nhằm mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc học tập, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống, làm căn cứ đánh giá và xếp loại sinh viên trong từng học kỳ, xét học bổng và các phần thưởng khác. Công việc này luôn được nhà trường, phòng Công tác và chính trị sinh viên, khoa Địa lý quan tâm, đánh giá theo từng học kỳ [H10.10.03.16].

2) Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được Trường và Khoa rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Hệ thống kiểm tra đánh giá chặt chẽ, đa dạng, khoa học, phương pháp giảng dạy của giảng viên có tính linh hoạt, cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với người học.

3) Điểm tồn tại

Hình thức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập bằng thực tập thực tế bị gián đoạn ngăn vào giai đoạn đại dịch Covid.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch thực tập linh hoạt, dự phòng hoặc Cải tiến nội dung thực tập trong môi trường thực tế ảo ứng phó với những điều kiện khó khăn của ngoại cảnh (dịch bệnh, thời tiết cực đoan,...)	Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt đáp ứng CDR	Phòng Đào tạo, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.4. Các thành quả nghiên cứu được sử dụng để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học

1) Mô tả hiện trạng

NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên và sinh viên. NCKH giúp giảng viên có thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm thực tế đưa vào giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của khoa và nhà trường. Bên cạnh đó, sinh viên khi tham gia vào các đề tài NCKH sẽ được tăng cường các kỹ năng tổng hợp tài liệu, lập kế hoạch thực hiện, báo cáo và thuyết trình. Từ năm 2020 đến hết tháng 6/2024, khoa Địa lý đã và đang thực hiện 21 đề tài/dự án khoa học, trong đó: 2 đề tài cấp nhà nước, 4 đề tài Nafosted, 7 đề tài cấp Bộ và tỉnh, 8 đề tài cấp ĐHQG và cấp cơ sở [\[H10.10.04.01\]](#). Các thành quả

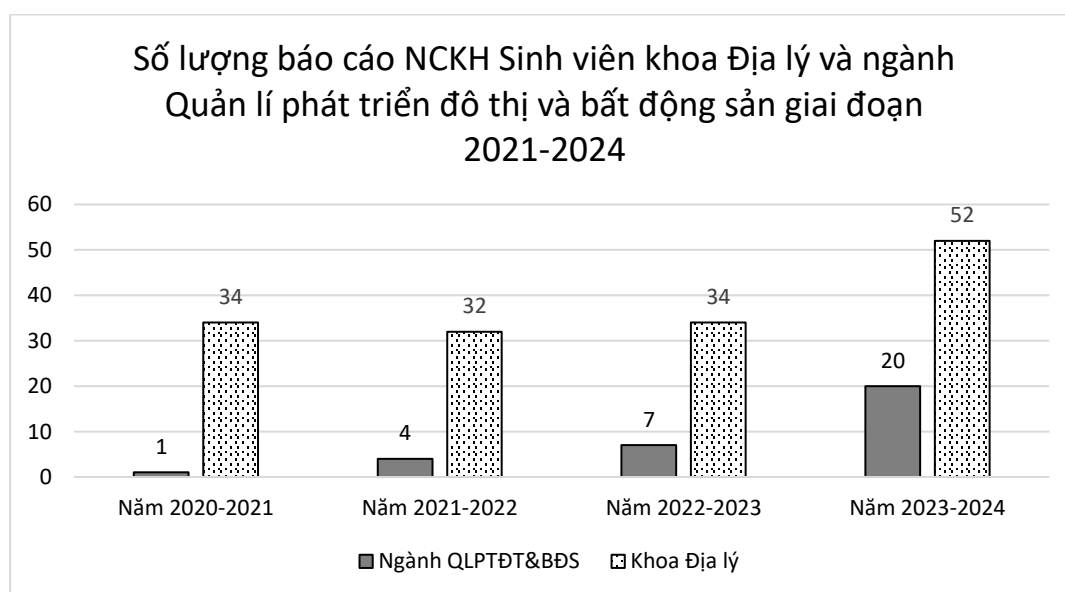
NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học cụ thể như sau:

+ Thành quả NCKH được sử dụng trong hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, NCKH cho sinh viên ngành QLPTĐT&BDS [H10.10.04.02].

+ Các kết quả NCKH như đề tài NCKH, sách chuyên khảo, bài báo, được lấy làm tài liệu tham khảo và được cập nhật vào bài giảng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H10.10.04.03].

+ Một số bài báo khoa học đã được công bố có tên của các sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản [H10.10.04.04].

Phong trào NCKH của sinh viên khoa Địa lý là một hoạt động thường niên, tổ chức vào tháng 4 hàng năm và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2021-2024. Trong đó, số lượng báo cáo NCKH của các sinh viên ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản cũng tăng mạnh theo các năm (Hình 10.2). Đặc biệt năm 2023-2024, số lượng báo cáo NCKH của khoa Địa lý tăng hơn 1,5 lần, và của ngành QLPTĐT&BDS tăng gần gấp 3 lần so với năm 2022-2023 [H10.10.04.05].



Hình 10.2. Biểu đồ số lượng báo cáo NCKH Sinh viên khoa Địa lý và ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản giai đoạn 2021-2024

Nhiều sinh viên của ngành QLPTĐT&BDS được tham gia vào thực hiện đề tài/dự án của các giảng viên để được trau dồi kiến thức và kỹ năng thực hành, NCKH [H10.10.04.06]. Ngoài ra, khoa Địa lý có tổ chức một số buổi seminar khoa học, có sự tham gia của nhà khoa học trong và ngoài nước trao đổi về vấn đề quản lý, quy hoạch phổ

cổ, đô thị và nông thôn. Đó là những kiến thức hữu ích cho sinh viên ngành QLPTĐT&BDS [H10.10.04.07].

2) Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH có tính ứng dụng cao trong lĩnh vực chuyên môn đáp ứng đào tạo ngành QLPTĐT&BDS. Số lượng nghiên cứu KHSV của ngành có xu hướng tăng. Thông qua việc được tham gia NCKH cùng các giảng viên, SV đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế.

3) Điểm tồn tại

Thời gian NCKH của sinh viên chỉ tập trung vào một giai đoạn trong năm phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp hoặc NCKH SV nên còn hạn chế.

Số lượng bài báo có tên sinh viên còn ít.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường khuyến khích sinh viên tham gia nhiều hơn và sớm hơn vào các hoạt động NCKH như tham gia điều tra thực địa các đề tài/ dự án, công bố các công trình khoa học trong nước và quốc tế	Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì động viên các em sinh viên của ngành QLPTĐT&BDS tham gia NCKH	Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, đó là công văn số 581/HD-ĐHQGHN ngày 20/2/2020 về Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan của ĐHQGHN [H10.10.01.08], và công văn số 2250/HD-ĐHKHTN ngày 24/7/2023 về hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của trường ĐHKHTN [H10.10.01.09]. Các loại hình dịch vụ hỗ trợ gồm: Thư viện, phòng thí nghiệm, bệnh viện, ký túc xá, các hoạt động đoàn - hội, trung tâm giới thiệu việc làm,

học bổng,... Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị thường xuyên được đánh giá thông qua các hình thức sau: Thanh tra [H10.10.05.01]; Phiếu lấy ý kiến phản hồi [H10.10.05.02, H10.10.05.03]; Hòm thư góp ý [H10.10.05.04]; Sổ góp ý tại các phòng chờ giảng [H10.05.05]; Đối thoại và các cuộc họp Khoa, Hội nghị cán bộ viên chức [H10.10.03.04].

Thông tin phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị được Phòng TTPC & ĐBCL của Trường xử lý [H10.05.06]. Kết quả xử lý được gửi cho lãnh đạo các khoa, các phòng ban chức năng và Ban giám hiệu để kịp thời xử lý và cải tiến, sau đó báo cáo ĐHQGHN [H10.10.05.07]. Trong giai đoạn 2021-2023, kết quả báo cáo tổng hợp cho thấy:

- Tỷ lệ bạn đọc hài lòng với chất lượng hoạt động phục vụ thư viện được cải thiện qua từng năm: năm 2020 là 91.1%, năm 2021 là 92%, năm 2022 là 92.6%, năm 2023 là 92.8%.

- Chất lượng hoạt động hỗ trợ của Ký túc xá: được đánh giá cao ở tiêu chí an toàn, vệ sinh, chất lượng phòng,... Một số ý kiến về dịch vụ ăn uống, mạng internet bị đánh giá chưa cao nhưng cũng đã cải thiện qua từng năm.

- Chất lượng hoạt động hỗ trợ học tập: Các chỉ tiêu đánh giá năm 2022 cao hơn năm 2021. Năm 2023 có một số chỉ tiêu ngang bằng (như tư vấn học tập và NCKH, xét học bổng) và một số chỉ tiêu giảm nhẹ so với năm 2022 (như hệ thống công nghệ thông tin, hoạt động hướng nghiệp, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ hữu ích, sự thân thiện của cán bộ phụ trách công tác học sinh – sinh viên, phụ trách công tác đào tạo). Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2022-2023, trường ĐHKHTN triển khai cổng thông tin điện tử hỗ trợ thủ tục hành chính một cửa cho sinh viên tại địa chỉ <https://student.hus.vnu.edu.vn/> [H10.10.05.08].

Tại Trường ĐHKHTN có 2 đơn vị phụ trách mảng cơ sở vật chất gồm: Phòng Quản trị-bảo vệ, Phòng KH-CN. Trong đó Phòng Quản trị-bảo vệ phụ trách xử lý các sự cố thông thường về điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc. Phòng KH-CN quản lý các thiết bị KH-CN [H10.10.05.09].

Bên cạnh đó, số lượng và chất lượng trang thiết bị đào tạo được Giảng viên và sinh viên định kì đánh giá [H10.10.01.16, H10.10.05.05]. Phòng TTPC&ĐBCL phối hợp cùng Phòng KH-CN tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất về hiệu quả sử dụng trang thiết bị, công tác đảm bảo an toàn của các PTN [H10.10.05.01].

Việc nâng cấp cơ sở vật chất của các phòng học, phòng thí nghiệm, hạ tầng công

nghệ thông tin, sân chơi,... được thực hiện hàng năm theo kế hoạch và dựa trên các ý kiến phản hồi cũng như yêu cầu về công tác đào tạo và NCKH của Trường, của Khoa [H10.10.05.10]. Các sự cố thông thường về cơ sở vật chất như điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc được Phòng Quản trị bảo vệ tiếp nhận và xử lý kịp thời [H10.10.05.05]. Dựa trên báo cáo sử dụng thiết bị và định hướng nghiên cứu của Khoa dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, hàng năm Khoa Địa lý có đề xuất đầu tư, mua sắm trang thiết bị mới [H10.10.05.11]. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra trang thiết bị, cơ sở vật chất, Nhà trường và ĐHQGHN sẽ cung cấp tài chính để bảo trì và tu sửa các dụng cụ bị hỏng hóc hoặc đầu tư mua mới các thiết bị hoặc xây dựng PTN mới. Trong giai đoạn 2020-2024, Khoa Địa lý được đầu tư thêm một số thiết bị mới phục vụ cho ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản nói riêng và cho các ngành đào tạo khác của khoa nói chung (như máy chủ, máy trạm tính toán xử lý số liệu Dell PowerEdge R750 - 24 X 2.5 INCH, thiết bị bay không người lái Inspire 2 Drone,...) [H10.10.05.12].

Để hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động NCKHSV, các nhà khoa học trong Khoa Địa lý vẫn duy trì quỹ “*Khuyến khích NCKH sinh viên*” từ năm 2012 đến nay. Ngoài ra, năm 2024, Trung tâm CarGIS của khoa còn thành lập thêm nguồn quỹ học bổng “Hợp tác doanh nghiệp - CarGIS” hỗ trợ cho các bạn sinh viên NCKH [H10.10.05.13].

Nhằm giúp sinh viên lựa chọn ngành học phù hợp, sinh viên được tham gia các hội thảo định hướng nghề nghiệp, đối thoại [H10.10.05.14]. Để nâng cao khả năng tìm việc của sinh viên khi tốt nghiệp, Trường và Khoa thành lập mạng lưới cựu sinh viên [H10.10.05.15], thiết lập cổng thông tin tìm việc làm và hợp tác [H10.10.05.16].

Thư viện của Khoa và Trường hiện đang mở cửa trong giờ làm việc từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Các tài liệu và cơ sở dữ liệu của thư viện đã được cập nhật và mua bổ sung để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu [H10.10.05.17].

Để khắc phục sự hạn hẹp về diện tích và cơ sở vật chất, ĐHQGHN đã có kế hoạch xây mới trụ sở của Trường ĐHKHTN tại Hòa Lạc và dự định sẽ chuyển lên địa điểm mới vào thời gian thích hợp [H10.10.05.18].

2) Điểm mạnh

Hầu hết các giảng đường được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, ánh sáng,... Hệ thống thư viện, hệ thống công nghệ thông tin được Nhà trường chú trọng quan tâm, các dịch vụ hỗ trợ việc đọc, tra cứu tài liệu học tập, giảng

dạy nhanh, đáp ứng nhu cầu của người học. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị máy móc phục vụ đào tạo ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản đáp ứng việc học tập của sinh viên và giảng dạy của GV.

Trong quá trình dạy học, Trường ĐHKHTN nói chung và Khoa Địa lý nói riêng, thường xuyên lắng nghe phản ánh của GV và SV về cơ sở vật chất và có sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

3) Điểm tồn tại

Về giảng đường, đôi khi vẫn có sự cố liên quan đến máy chiếu, hệ thống đường truyền mạng internet gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình học và NCKH. Số lượng cũng như giờ mở cửa các phòng tự học còn chưa đủ đáp ứng yêu cầu của sinh viên đặc biệt trong thời gian thi; website hành chính một cửa của nhà trường cần hoạt động ổn định hơn, tốc độ wifi cần ổn định hơn. Giao tiếp giữa một số cán bộ phòng ban và sinh viên chưa được hài lòng.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cần tạo môi trường thân thiện, chuyên nghiệp hơn giữa cán bộ các cấp Bộ môn/Khoa/Trường với người học để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người học. - Cần tăng thêm số lượng cũng như giờ mở cửa các phòng tự học; cải tiến website hành chính một cửa và đăng ký học phần; nâng cấp chất lượng, tốc độ wifi và trang web của trường được ổn định hơn nữa. - Cần duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị liên quan đến phòng học	Trường ĐHKHTN, Khoa Địa lý	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	Phòng TTPC&ĐBCL, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả hiện trạng

Hệ thống thu thập phản hồi của các bên liên quan được quy định theo các đơn vị chuyên trách từ cấp ĐHQGHN (Viện Đảm bảo chất lượng), cấp Trường ĐHKHTN (Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng) đến cấp khoa (Tổ đảm bảo chất lượng và nhóm chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo của khoa) [H10.10.06.01]. Quy trình thu thập, xử lý thông tin được quy định cụ thể trong quy định của ĐHQGHN và của trường ĐHKHTN [H10.10.01.08, H10.10.01.09]. Hàng năm, dựa trên kế hoạch của ĐHQGHN, trường ĐHKHTN đều thông báo tới các đơn vị về kế hoạch đảm bảo chất lượng [H10.10.06.02].

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được quản lý, theo dõi và giám sát và báo cáo bởi Phòng TTPC&ĐBCL trên qui mô toàn trường thông qua các mẫu phiếu đánh giá và báo cáo đánh giá phản hồi [H10.10.06.03]. Dựa trên những ý kiến góp ý của các bên liên quan, trường và khoa sẽ có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp. Cụ thể chương trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS năm 2023 được điều chỉnh trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, như thay đổi học phần tự chọn sang bắt buộc, điều chỉnh tên học phần (nội dung học phần) để phù hợp với hướng chuyên sâu [H10.10.06.04].

Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo thường xuyên được cải tiến thông qua cải tiến mẫu phiếu khảo sát, hình thức khảo sát và cách thức tổ chức thực hiện:

- Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần tập trung vào 4 vấn đề với 22 câu hỏi, thang đánh giá có 5 mức theo thang đo Likert [H10.10.01.16].

- Mẫu phiếu lấy ý kiến giảng viên tập trung vào 02 vấn đề chất lượng các nhiệm vụ đã thực hiện trong năm học; và đánh giá các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy với tổng 31 câu hỏi, thang đánh giá có 5 mức thang đo Likert [H10.10.06.05].

- Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo và NCKH (đối với trung tâm thông tin – thư viện) gồm 17 câu hỏi về 4 vấn đề: cơ sở vật chất và trang thiết bị của thư viện, các nguồn học liệu của thư viện, các quy định của thư viện, chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên thư viện [H10.10.06.06].

- Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học với 30 câu hỏi về chất lượng hoạt động hỗ trợ của Ký túc xá; chất lượng hoạt động hỗ trợ học tập; chất lượng khám chữa bệnh tại các phòng khám của Bệnh viện

ĐHQGHN [H10.10.06.07].

- Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học tốt nghiệp về năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo gồm 10 câu hỏi, trong đó có 3 câu về mức độ quan trọng của các năng lực đối với mỗi cử nhân tốt nghiệp và mức độ mà người học đạt được các năng lực đó khi tốt nghiệp [H10.10.06.08].

- Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp gồm 31 nội dung đánh giá theo thang đo Likert [H10.10.01.15]

Một số cuộc khảo sát do Trường ĐH Khoa học Tự nhiên bổ sung, không nằm trong quy định của ĐHQGHN như

- Phiếu lấy ý kiến về môi trường làm việc: gồm 22 câu hỏi về Chế độ chính sách của Trường, Cảnh quan môi trường làm việc, Hệ thống thông tin, Dịch vụ, Cơ sở vật chất. [H10.10.06.09]

- Khảo sát nhu cầu hỗ trợ đổi mới hoạt động giảng dạy [H10.10.06.10]

- Phiếu lấy ý kiến phản hồi nâng cao chất lượng công việc đối với cán bộ hành chính [H10.10.06.11]

- Phiếu lấy ý kiến phản hồi về Công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo đơn vị đào tạo, nghiên cứu [H10.10.06.12]

- Phiếu lấy ý kiến phản hồi về công tác lãnh đạo, quản lý của Ban Giám hiệu [H10.10.06.13]

- Phiếu lấy ý kiến phản hồi về công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo phòng chức năng [H10.10.06.14]

- Từ năm học 2022-2023, Nhà trường bắt đầu tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập theo hình thức trực tuyến [H10.10.06.15]

- Hình thức khảo sát các mẫu phiếu áp dụng là trực tuyến, thời điểm khảo sát linh hoạt, do đơn vị đào tạo chủ động.

2) Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi trực tuyến nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, Nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục.

3) Điểm tồn tại

Một số đợt báo cáo phản hồi của sinh viên về học phần được chuyển email đến giảng viên tương đối chậm.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tổng hợp kết quả khảo sát nhanh hơn - Đôn đốc sinh viên điền khảo sát nhanh hơn	Phòng TTPC&ĐBCL	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	Hàng năm

6) Tự đánh giá Đạt, mức 5/7

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 10

Khoa Địa lý đã thực hiện bài bản, thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đánh giá, điều chỉnh, cải tiến đáp ứng nhu cầu xã hội, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể: (1) CTĐT được thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới; (2) CTĐT thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2-3 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất; (3) Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT; (4) Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học; (5) Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá, cải tiến phục vụ cho các hoạt động chuyên ngành của giảng viên và sinh viên; (6) Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện có hệ thống, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng của ngành, cần khắc phục một số tồn tại trong thời gian tới: (1) Tăng cường khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực cho lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị và bất động sản; (2) Tiếp tục đẩy mạnh việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT phù hợp với CDR và nhu cầu thực tế, thích ứng với công nghệ 4.0, chuyển đổi số trong đô thị

(3) Rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật; (4) Cải thiện và nâng cao chất lượng các đề tài NCKH, đặc biệt là đề tài phục vụ và ứng dụng cho việc dạy và học; (5) Hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, nhắc nhở và đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp .

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí đạt 5/7

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu cả nước trong đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản. Kết quả đầu ra của cơ sở giáo dục đại học là cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, đây là thông tin giúp Trường và Khoa cải tiến CTĐT, các hoạt động đảm bảo chất lượng và hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm đào tạo sinh viên có chất lượng tốt, có khả năng làm việc tại các viện nghiên cứu, các sở, ban ngành, các doanh nghiệp, đơn vị... có liên quan đến lĩnh vực QLPTĐT&BDS.

Khoa Địa lý đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo ngành QLPTĐT&BDS ở trình độ cử nhân. Khoa và Trường đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Trường và Khoa khuyến khích sinh viên tham gia NCKH trong quá trình học, thể hiện ở hệ thống quy định, các hình thức nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của sinh viên theo học. Xây dựng, quản lý CSDL về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, định kỳ tiến hành khảo sát người học tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan (BLQ); định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở kết quả tuyển sinh, Nhà trường đã giao cho phòng đào tạo xây dựng cơ sở dữ liệu người học tham gia CTĐT qua hệ thống quản lý đào tạo. Trường và Khoa thường xuyên theo dõi, cập nhật kết quả học tập, xác định và phân tích tỉ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp

đúng hạn và thôi học trong từng năm học [H11.11.01.01]. Trường và Khoa có hệ thống đánh giá, phân tích và giám sát quá trình học tập, sinh hoạt của sinh viên như xét cảnh báo học tập, kỷ luật thi cử [H11.11.01.02], theo dõi số lượng sinh viên nhập học, thôi học, bảo lưu kết quả học tập [H11.11.01.03], các chứng chỉ cần thiết để được xét tốt nghiệp [H11.11.01.04]. Hệ thống này được triển khai bằng công nghệ thông tin giúp cho sinh viên và các bên liên quan có thể dễ dàng quản lý, theo dõi tiến độ, kết quả học tập, đảm bảo thời gian tốt nghiệp theo kế hoạch đề ra [H11.11.01.05-06]. Dựa trên hệ thống quản lý trên, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý theo dõi sát sao quá trình học tập, hoạt động của sinh viên, kịp thời đưa ra các cảnh báo về học tập tới sinh viên, giảng viên và đội ngũ cố vấn học tập, vì vậy sinh viên đã kịp thời cải thiện được tình hình học tập và rất ít xảy ra trường hợp sinh viên bị nợ nhiều môn, hoặc không tích lũy đủ số học phần cũng như thiếu các chứng chỉ quy định để hoàn thành chương trình học theo đúng thời gian quy định. Khoa Địa lý phân công 01 phó trưởng Khoa phụ trách công tác Đào tạo, HSSV cùng trợ lý đào tạo, trợ lý HSSV và giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn SV thực hiện tốt quy chế đào tạo; trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc học tập của SV; giám sát kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên [H11.11.01.07]. Hệ thống cán bộ hỗ trợ và tư vấn này chính là thế mạnh của Khoa nhằm nâng cao chất lượng học tập của sinh viên. Sinh viên của CTĐT ngoài việc theo dõi được quá trình học tập tích lũy và các thông tin giáo dục, nghiên cứu trên hệ thống bản tin điện tử của nhà trường [H11.11.01.08], còn được hỗ trợ và tư vấn từ các giáo viên chủ nhiệm để có thể đưa ra những lựa chọn đúng và phù hợp với bản thân. Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo cử nhân QLPTĐT&BDS đóng góp lực lượng lao động chất lượng trong các viện nghiên cứu, công ty và doanh nghiệp Việt Nam cũng như quốc tế, các trường đại học, cao đẳng...

Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành QLPTĐT&BDS

Khóa	Số sinh viên				Tỷ lệ tốt nghiệp (%)		Thời gian TNTB	Tỷ lệ thôi học (%)
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	4 năm	Trên 4 năm		
K65 (2020-2024)	66	64	61	55	74,5	25,5	-	16,7
K66 (2021-2025)	93	89	89	-	-	-	-	4,3
K67 (2022-2026)	73	70	-	-	-	-	-	1,4
K68 (2023-2027)	73	-	-	-	-	-	-	0

“- “ Số liệu chưa xác định vì theo quy chế, sinh viên các khóa học này vẫn đang trong thời gian đào tạo

Bảng 11.2 thể hiện tỷ lệ tốt nghiệp và chưa tốt nghiệp của sinh viên trong chương trình đào tạo cử nhân QLPTĐT&BDS khóa đầu tiên (năm 2024) [H11.11.01.09]. Sinh viên được xét tốt nghiệp sau khi đã tích lũy đủ các tín chỉ cần thiết và đủ điều kiện năng lực ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất. Cơ sở dữ liệu thống kê cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của ngành QLPTĐT&BDS khóa đầu tiên đạt trên 74% sau 4 năm học.

Bảng 11.2. Số liệu sinh viên khóa đầu tiên 2020-2024 tốt nghiệp đúng hạn sau 4 năm (được xét công nhận tốt nghiệp tháng 6, 7 năm 2024)

Tổng số SV	Số SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp	Số SV bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp (tháng 6/2024)	Số SV được xét công nhận tốt nghiệp đúng hạn trong vòng 4 năm (đợt tháng 6, 7/2024)			
			Tổng số	Xuất sắc	Giỏi	Khá
55	41 (74,5%)	41 (100%)	41 (74,5%)	5	22	14

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng 4 năm cao hơn mức trung bình của Khoa và của Trường (30-50%). Đặc biệt khóa SV tốt nghiệp khóa đầu tiên có kết quả học tập rất nổi trội so với các ngành khác trong toàn trường, có tới 65,9% số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt loại Xuất sắc và Giỏi [H11.11.01.09]. Trong bối cảnh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình sau 4 năm của Trường trong mức ~35% các năm gần đây do việc thay đổi về chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình Đào tạo và hình thức công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ của ĐHQGHN, thì đây là một kết quả tích cực của CTĐT QLPTĐT&BDS. Đại dịch COVID từ năm 2019 cũng gây ảnh hưởng lớn đến duy trì số lượng sinh viên theo học và có thể tốt nghiệp đúng hạn, đặc biệt với khóa K65 (2020-2024). Kết quả có được là do sự hỗ trợ và tư vấn kịp thời của Nhà trường và Khoa. Tỷ lệ tốt nghiệp trên 4 năm cũng dự kiến đạt từ 95-100%. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp CTĐT QLPTĐT&BDS nằm trong mặt bằng chung tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên [H11.11.01.09]. Khoa thực hiện đối sánh hàng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT [H11.11.01.10]. Tuy nhiên, việc đối sánh tỷ lệ này với các CTĐT tương tự của các cơ sở giáo dục khác chưa thực hiện được do đây là ngành thí điểm và năm 2024 mới có khóa tốt nghiệp đầu tiên trong Trường và trong cả nước.

Bảng 11.3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học được đối sánh để cải tiến chất lượng*Đơn vị: %*

Khóa	Nội dung	QLPTĐT&BDS, Khoa Địa lý	Quản lí đất đai, Khoa Địa lý	Khoa học và Công nghệ thực phẩm, Khoa Môi trường
K65 (2020-2024)	Tốt nghiệp (4 năm)	74,5	58,1	70
	Thôi học	16,7	15,9	3,3
K66 (2021-2025)	Tốt nghiệp	-	-	-
	Thôi học	4,3	19,8	5,4
K67 (2022-2026)	Tốt nghiệp	-	-	-
	Thôi học	1,4	7,4	2,5
K68 (2023-2027)	Tốt nghiệp	-	-	-
	Thôi học	0	1,2	0

Theo thống kê, tỷ lệ sinh viên thôi học từ năm 2020-2024 dao động từ 0 –16,7 %, tính bình quân trong giai đoạn 2020-2024 chiếm 6,5% tổng số sinh viên của ngành (Bảng 11.1). Dựa trên kết quả thống kê, Khoa Địa lý thường xuyên tìm hiểu, xác định nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên thôi học để đưa ra các giải pháp phù hợp [H11.11.01.11]. Nguyên nhân thôi học của sinh viên do nhiều yếu tố khác nhau. Phần lớn sinh viên thôi học tập trung vào năm thứ nhất, nguyên nhân chủ yếu do chuyển sang các trường khác. Một số SV nghỉ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn hay lý do cá nhân, ốm đau, bệnh tật...[H11.11.01.11]. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid khiến tỉ lệ sinh viên thôi học của khóa K65 (2020-2024) có sự thay đổi đáng kể. Để giảm thiểu tỉ lệ thôi học của SV, Khoa đã giao cho giáo viên chủ nhiệm, trợ lý SV giám sát và quản lí chặt chẽ quá trình học tập của sinh viên; xử lý học vụ và cảnh báo học tập sớm, phân tích nguyên nhân để SV có định hướng cải thiện điểm; tư vấn các học phần phù hợp với năng lực SV; trao đổi, động viên, tháo gỡ những khó khăn trong học tập và cuộc sống; thông báo kịp thời với gia đình sinh viên nghỉ học để cùng tìm biện pháp khắc phục. Xây dựng những kế hoạch xét cấp học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ cho SV dân tộc thiểu số [H11.11.01.12]. Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên có các học bổng ngoài ngân sách do các công ty và các tổ chức quốc tế [H11.11.01.13]. Cho đến hiện tại, tỷ lệ sinh viên thôi học đã giảm dần qua các năm.

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa thường xuyên tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, thôi học của sinh viên giữa các khoá tuyển sinh, giữa các khoa

trong Trường để từ đó dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học tham gia CTĐT nhằm có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp (Bảng 11.3).

Ngoài ra, để thu hút người học, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, Khoa đã đổi mới CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, từ đó điều chỉnh CTĐT theo hướng cập nhật những kiến thức khoa học tiên tiến trên thế giới, tăng cơ hội và thời gian thực hành tập cho sinh viên tại các doanh nghiệp, viện nghiên cứu,... [H11.11.01.14]. Để tạo điều kiện cho SV, Trường tổ chức xét tốt nghiệp 4 lần/năm [H11.11.01.15].

2) Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai chuyển đổi số, với việc triển khai các ứng dụng công nghệ: Mỗi SV có một Mã định danh, email riêng giúp SV dễ dàng theo dõi các thông báo từ Trường/Khoa /GV để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập.

Lãnh đạo Khoa, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, báo cáo kịp thời lên Ban lãnh đạo Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp. Giáo viên chủ nhiệm /Cố vấn học tập và trợ lý sẽ hỗ trợ các sinh viên có nhu cầu tốt nghiệp sớm đồng thời giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng, rèn luyện của sinh viên để tư vấn, cảnh báo các sinh viên có nguy cơ thôi học.

Kết quả học tập, danh sách sinh viên tốt nghiệp và thôi học được cập nhật thường xuyên, kịp thời trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Trường, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo và quản lý SV hiệu quả.

3) Tồn tại

Trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ sinh viên thôi học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, sinh viên học trực tuyến, thiếu đi động lực học tập. Nhiều SV không đi học được nước ngoài nên đăng ký học trong nước, khi dịch bệnh được kiểm soát, SV tiếp tục xin dừng học để đi học nước ngoài hoặc chuyển sang các ngành học, trường khác.

Việc giám sát, đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp với các đơn vị ngoài trường còn gặp nhiều khó khăn do các cơ sở đào tạo khi có kết quả khảo sát thường ít công

bố. Phần Ba công khai hiện nay của các trường có ngành đào tạo tương tự chỉ công bố tỷ lệ tốt nghiệp theo khối ngành chứ không công bố chi tiết theo ngành đào tạo.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	1. Trong các năm học tới, nếu có triển khai hình thức học trực tuyến, Khoa Địa lý sẽ xem xét cải tiến việc giám sát sinh viên để hỗ trợ SV trong quá trình học tập, khắc phục những điểm tồn tại trong đào tạo trực tuyến. 2. Giám sát, đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp với các ngành tương tự của đơn vị ngoài trường để cải tiến chất lượng đào tạo	1. Khoa Địa lý, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên 2. Khoa Địa lý, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	1. Từ năm 2024 2. Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật tình hình sinh viên thông qua GVCN, trợ lý SV để kịp thời báo cáo lên Ban lãnh đạo Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp, giảm tỷ lệ thôi học và đảm bảo tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất có thể của SV các khóa.	Khoa Địa lý, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình là một yếu tố quan trọng được Nhà trường và Khoa quan tâm xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng đào tạo. hiện nay thời gian đào tạo phụ thuộc vào tốc độ tích lũy tín chỉ của mỗi sinh viên. Thời gian học tập của mỗi sinh viên có thể dao động từ tối thiểu 3 năm đến tối đa 8 năm tùy thuộc vào số lượng tín chỉ trong một học kỳ mà sinh viên tích lũy được [H11.11.02.01]. Thời gian đào tạo Cử nhân QLPTĐT&BDS được xây dựng chuẩn là 4 năm (tương đương 8 học kỳ) [H11.11.01.06, H11.11.02.01]. Thời gian học tập như vậy cho phép sinh viên ngoài việc

tích lũy kiến thức chuyên môn còn có thêm thời gian tích lũy các kiến thức khác như chính trị, an ninh quốc phòng, ngoại ngữ để đáp ứng chất lượng đầu ra [H11.11.01.04]. Các sinh viên chưa tốt nghiệp sau 4 năm sẽ tiếp tục hoàn thành chương trình học cho đến khi tích lũy đủ số lượng kiến thức yêu cầu để có thể tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp tối đa là 8 năm theo quy định tại điều 16 quy chế đào tạo của ĐHQGHN (số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014) [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá.

Đến thời điểm đánh giá, khóa đầu tiên của CTĐT thí điểm ngành QLPTĐT&BDS, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN mới xét tốt nghiệp đợt đầu tiên (tháng 6 và 7/2024) với 40/55 sinh viên tốt nghiệp (72,7%) [H11.11.01.09]. Thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QLPTĐT&BDS sẽ cụ thể hơn sau khi có kết quả xét tốt nghiệp các đợt tiếp theo. Trung bình, khóa đầu tiên 2020-2024 có 72,7% sinh viên tốt nghiệp trong 4 năm, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của ngành QLPTĐT&BDS (K65) tương đồng và ở mức trung bình cao hơn so với mặt bằng chung của toàn Trường ĐHKHTN tốt nghiệp đúng hạn sau 4 năm [H11.11.02.02]. Một số trường hợp kéo dài thời gian học trên 4 năm (27,3%), chủ yếu do chưa tích lũy đủ tín chỉ hoặc thiếu chứng chỉ chuẩn đầu ra [H11.11.02.03]. Tuy nhiên, Khoa Địa lý chưa thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT do đây là chương trình thí điểm đầu tiên ở Việt Nam.

Khi tìm hiểu, phân tích nguyên nhân tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ nhằm đảm bảo sinh viên có thể tốt nghiệp đúng hạn, giảm tối đa thời lượng học tập, Nhà trường và Khoa Địa lý nhận thấy các nguyên nhân chủ yếu hiện nay: Sinh viên chưa tích lũy đủ tín chỉ các học phần đại cương (đại số tuyến tính, xác suất thống kê, triết học...), thiếu chứng chỉ chuẩn đầu ra ngoại ngữ, giáo dục thể chất [H11.11.02.03].

Để giúp sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp, Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý theo dõi tiến độ học tập của sinh viên thường xuyên và kịp thời để lọc ra những sinh viên chưa tích lũy đủ tín chỉ hoặc chưa đủ tiêu chuẩn về năng lực tiếng Anh hoặc các kỹ năng khác [H11.11.02.04]. Ngoài ra, Trường cũng tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong việc nâng cao trình độ tiếng Anh thông qua sự phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN, giúp sinh viên có thể hoàn thành chuẩn đầu ra tiếng Anh đúng hạn. Khoa Địa lý cũng luôn tạo điều kiện và cơ hội nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp thông qua việc

thành lập tổ đảm bảo chất lượng, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập [H11.11.01.07], phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các CLB để hỗ trợ sinh viên học tập để đảm bảo rằng họ có đủ điều kiện và tốt nghiệp đúng thời gian [H11.11.02.05]. Kết hợp học giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất tại Hòa Lạc để đạt các chứng chỉ chuẩn đầu ra về quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất [H11.11.02.06]. Thêm vào đó, sinh viên có thể cải thiện kết quả học tập thông qua học kỳ hè: đăng ký học vượt để tích lũy đủ tín chỉ, hoàn thành chương trình học tập trước hạn hoặc hoàn thiện các học phần có điểm F, cải thiện các học phần với điểm D, D + theo các quy định [H11.11.02.07]. Khoa Địa lý đã tổ chức các buổi giới thiệu chương trình đào tạo, gửi khung chương trình và kế hoạch học tập đến sinh viên vào năm thứ nhất để sinh viên có thể lên kế hoạch học tập phù hợp với nhu cầu, năng lực của bản thân [H11.11.02.08]. Sau mỗi năm học, Khoa đều tổ chức họp để đánh giá chất lượng học tập và tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên, tỉ lệ tốt nghiệp đạt hay không đạt kì vọng, từ đó Khoa sẽ đưa các giải pháp để nâng cao chất lượng học tập và điều chỉnh khung chương trình đào tạo để phù hợp với khả năng học tập của sinh viên [H11.11.01.01].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổng kết đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học. Nhờ các biện pháp hỗ trợ kịp thời từ Nhà trường và Khoa nên thời gian tốt nghiệp trung bình có xu hướng giảm. Do ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19 nên thời gian sinh viên học tập bị gián đoạn, có thể dẫn đến kéo dài thời gian tích lũy tín chỉ và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của sinh viên khóa 2020-2024 và 2021-2025. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo yêu cầu của CTĐT cần được đẩy mạnh hơn nữa như tăng cường các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh, tăng tần suất tổ chức các kỳ thi chứng chỉ ngoại ngữ...

2) Điểm mạnh:

Sinh viên ngành QLPTĐT&BDS phần lớn mong muốn tốt nghiệp đúng thời gian theo quy định và có tỷ lệ tốt nghiệp trong vòng 4 năm cao hơn so với mặt bằng chung của Trường ĐHKHTN. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát thường xuyên thông qua cơ sở dữ liệu về người học, có đối sánh với các ngành cùng khối khoa học trái đất trong Trường. Trường và Khoa Địa lý đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ đồng thời để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

3) Tồn tại:

Khoa Địa lý chưa có dữ liệu để thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT do là đơn vị đầu tiên trong cả nước đào tạo thí điểm ngành học này. Từ năm học 2024-2025 sẽ có thêm một số cơ sở đào tạo có ngành đào tạo tương tự để đối sánh (Đại học Mở - Địa chất).

Hệ thống giám sát sinh viên tốt nghiệp hiện nay theo dõi đến năm thứ 4 mới xác định được khả năng tốt nghiệp của sinh viên dẫn đến chậm trễ trong hỗ trợ sinh viên lên kế hoạch cải thiện học tập để rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	1. Cải tiến việc giám sát sinh viên trong quá trình học tập, có định hướng kế hoạch tích lũy tín chỉ và tốt nghiệp từ những năm thứ 2, 3 để tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. 2. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các ngành tương tự của đơn vị ngoài trường để cải tiến chất lượng đào tạo	1. Khoa Địa lý, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên 2. Khoa Địa lý, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	1. Từ năm 2024 2. Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp thông qua các hình thức theo dõi, hỗ trợ, khuyến khích học tập của Khoa và Trường (học bổng của Doanh nghiệp, học bổng của các nhà khoa học cho sinh viên xuất sắc, sinh viên khó khăn...)	Khoa Địa lý, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, đối tác doanh nghiệp...	Hàng năm	

5) Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp là một trong những thước đo về sự thành công và chất lượng của CTĐT. Trường và Khoa Địa lý thường xuyên quan tâm, theo dõi, phân tích, đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp thông qua đánh giá tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Trường ĐHKHTN thực hiện khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm dựa trên văn bản hướng dẫn số 3469/ĐHQGHN-CTHSSV ngày 12/9/2017 của ĐHQGHN về việc triển khai khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.03.01], Quyết định số 3374/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/07/2024 về Ban hành Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan [H11.11.03.02]. Nhà trường (phân công đầu mối chính là Phòng TTPC&ĐBCL và Phòng CT&CTSV) thực hiện việc khảo sát, thống kê, phân tích tình trạng việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác... của sinh viên sau khi tốt nghiệp (3 tháng, 6 tháng, 12 tháng...) [H11.11.03.01]. Phiếu khảo sát được gửi đến từng sinh viên tại các mốc thời gian sau khi tốt nghiệp theo quy định (thông qua dữ liệu thông tin liên lạc của sinh viên bao gồm họ và tên, ngày sinh, giới tính, nơi sinh, điểm trung bình tích lũy, ngành, chương trình đào tạo, khoá, ngày cấp bằng, số quyết định, email và điện thoại). Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp được thống kê, phân tích, lưu trữ và báo cáo lên ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN, các Khoa và công bố trên cổng thông tin ba công khai của Nhà trường (<http://hus.vnu.edu.vn/ba-cong-khai.html>).

Tháng 6/2024 vừa qua ngành QLPTĐT&BDS mới có khóa SV đầu tiên tốt nghiệp, tuy chưa có số liệu cụ thể về tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp theo khảo sát của Trường, Khoa Địa lý đã tiến hành khảo sát sơ bộ. Thực tế, trong bối cảnh nhu cầu nhân lực về QLPTĐT&BDS rất cao, sinh viên của ngành đào tạo trong quá trình học tập từ năm thứ nhất, thứ hai đã đi thực tập, tập sự và làm nhân viên chính thức tại nhiều công ty, doanh nghiệp về lĩnh vực quản lý phát triển đô thị, bất động sản: Công ty Sen Vàng Group, Công ty cổ phần đầu tư Minh Hưng, Công ty Bất động sản Thiên Khôi, Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản và Công nghệ Đất vàng Việt Nam... [H11.11.03.03]. Kết quả khảo sát sau 1 tháng tốt nghiệp cho thấy, tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT cử nhân QLPTĐT&BDS có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo sau khi tốt nghiệp trong vòng 1 tháng đạt 40%. Khoảng 10,5% số sinh viên ra trường lựa chọn làm việc trong các cơ quan nhà nước, 73,7%

sinh viên tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, công ty tư nhân về phát triển đô thị và BĐS (Bảng 11.4). Một phần sinh viên tiếp tục theo học các bậc học cao hơn, một số ít sinh viên hoạt động tự do [H11.11.03.04].

Bảng 11.4. Tỷ lệ sinh viên QLPTĐT&BĐS có việc làm sau tốt nghiệp 1 tháng

Năm	Số phiếu	Tỷ lệ đang có việc làm (kể cả đang đi học) (%)	Khu vực làm việc của các sinh viên có việc làm (%)				
			Nhà nước	Tư nhân	Có yếu tố nước ngoài	Tự tạo việc làm	Loại hình khác
7/2024	30	84,2	10,5	63,2	10,5	5,3	10,5

Về trí trí việc làm của cựu sinh viên có 42,1% tập sự/thử việc, 41,1% là nhân viên, 5,3% ở vị trí quản lí [H11.11.03.04]. Nguyên nhân là do phần lớn cựu SV mới vào làm trong thời gian dưới 3 tháng nên phần lớn ở vị trí tập sự/thử việc. Một số trường hợp đã đi làm từ khi còn đi học nên ngay khi tốt nghiệp đã ở vị trí quản lí.

Do SV ngành QLPTĐT&BĐS mới tốt nghiệp khóa đầu tiên trong vòng 1 tháng nên chưa thể thực hiện đối sánh với các CTĐT khác hoặc cùng ngành đào tạo tại các cơ sở đào tạo khác. Tuy nhiên, dựa trên kết quả khảo sát sơ bộ tỉ lệ có việc làm sau 1 tháng ra trường thì có thể thấy kết quả SV có việc làm và làm đúng/liên quan đến ngành được đào tạo khá cao và triển vọng [H11.11.03.04]. Đối sánh tỉ lệ người học có việc làm sau tốt với ngành gần là Bất động sản của ĐH Kinh tế Quốc dân (kết quả công khai trên cổng thông tin ba công khai của Nhà trường), cho thấy, tỉ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp CTĐT QLPTĐT&BĐS, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN còn thấp hơn [H11.11.03.05]. Điều này có thể được giải thích là do đặc thù ngành đào tạo mới và do nhu cầu nguồn nhân lực cao trong lĩnh vực BĐS giảm sút trong 2 năm gần đây do thị trường BĐS có xu hướng trầm lắng và giảm số lượng giao dịch.

Mặc dù hiện nay mới là khóa SV đầu tiên tốt nghiệp ngành QLPTĐT&BĐS, Trường và Khoa đã chú trọng tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp, phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm. Để nâng cao tỷ lệ sinh viên được tuyển dụng trong các cơ quan và các doanh nghiệp , Khoa đã thiết lập và mở rộng mạng lưới kết nối với nhiều Công ty, Doanh nghiệp, các Trường Đại học và Viện nghiên cứu khác nhau nhằm giới thiệu cho sinh viên những lựa chọn công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.06]. Chương trình đào tạo được xem xét, điều chỉnh 2-3 năm một lần nhằm đáp

ứng nhu cầu thực tế công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H11.11.01.06]. Khoa Địa lý có những đối tác hàng năm đều gửi nhu cầu tuyển dụng như các Công ty, Doanh nghiệp, Viện nghiên cứu về đô thị, bất động sản [H11.11.03.07].

Khoa Địa lý đã có khảo sát nguyện vọng việc làm của các sinh viên năm thứ 2 (bắt đầu làm nghiên cứu khoa học), để cung cấp thông tin quan trọng giúp cán bộ hướng dẫn nghiên cứu định hướng được nghiên cứu phù hợp cho nguyện vọng nghề nghiệp của các sinh viên [H11.11.03.08]. Đồng thời, để bắt kịp xu hướng 4.0, các sinh viên cũng được hướng dẫn để tạo hồ sơ cá nhân trên các trang mạng tuyển dụng nhằm nâng cao tương tác với các doanh nghiệp cũng như các tổ chức kết nối việc làm vì vậy mở rộng cơ hội tiếp cận và tuyển dụng việc làm của các sinh viên ngành Địa lý. Bên cạnh đó, thông qua tương tác giữa các giảng viên và các nhà tuyển dụng cũng là một kênh để sinh viên có thể tiếp cận được với các vị trí việc làm phù hợp. Các sinh viên chuẩn bị ra trường và cựu sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với cơ hội việc làm thông qua các kênh thông tin tuyển dụng của Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý như thư điện tử, mạng xã hội [H11.11.03.09]. Câu lạc bộ Realcom Junior là kênh kết nối sinh viên với các doanh nghiệp trong lĩnh vực quy hoạch, phát triển đô thị và BĐS để SV tiếp cận với lĩnh vực nghề nghiệp trong tương lai và các doanh nghiệp có khả năng tiếp nhận sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.03.10]. Để nâng cao tỉ lệ có việc làm cho người học tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa cần đẩy mạnh hoạt động khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường [H11.11.03.07]. Từ số liệu thống kê về khả năng tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp, Khoa thường xuyên có các cuộc họp trao đổi về định hướng ngành học, những thay đổi trong nhu cầu của xã hội, từ đó cập nhật chương trình đào tạo [H11.11.03.11], nâng cao khả năng áp dụng thực tế, kỹ năng ngôn ngữ và tăng cường kỹ năng mềm thông qua các phần thực hành, thực tế, thực tập chuyên ngành [H11.11.03.12], ngoại khóa và các câu lạc bộ [H11.11.03.10]. Hàng năm, Trường tổ chức Ngày hội việc làm kết nối giữa nhà trường và nhà tuyển dụng, nơi nhà tuyển dụng và sinh viên có thể tương tác, giúp sinh viên tìm kiếm các cơ hội việc làm. Khoa Địa lý cũng tổ chức các hội thảo về triển vọng nghề nghiệp trong lĩnh vực Bất động sản [H11.11.03.13].

2) Điểm mạnh

Kết quả khảo sát sau tốt nghiệp 1 tháng cho thấy sinh viên tốt nghiệp ngành QLPTĐT&BDS tại Trường ĐHKHTN có việc làm với tỷ lệ cao, phù hợp nhu cầu thị trường. Sinh viên ngành đào tạo có cơ hội việc làm từ những năm thứ nhất, thứ hai và nhanh chóng trở thành nhân viên chính thức sau khi tốt nghiệp. Điều này khẳng định chất lượng đào tạo của Trường và Khoa Địa lý và CTĐT đáp ứng nhu cầu thị trường.

Nhà trường thường xuyên thực hiện khảo sát tình hình sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp để có cơ sở đối sánh và điều chỉnh chỉ tiêu, cách thức tuyển sinh phù hợp. Khoa Địa lý có hệ thống kết nối nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, cán bộ và sinh viên hiệu quả, hỗ trợ người học tiếp cận với cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

3) *Tồn tại*

Đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp với các ngành tương tự ở cơ sở đào tạo khác gặp nhiều khó khăn do các Trường chủ yếu công bố số liệu theo Khối ngành chứ không chi tiết theo ngành đào tạo cụ thể.

Trường và Khoa chưa thực hiện thường xuyên việc điều tra khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, số lượng buổi đối thoại trực tiếp giữa doanh nghiệp, nhà tuyển dụng với sinh viên còn hạn chế.

4) *Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	1. Đối sánh tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo trong nước để đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo 2. Tăng cường kết nối và thực hiện khảo sát nhu cầu thị trường lao động đối với lĩnh vực QLPT&ĐT&BDS, tăng cường giao lưu, đối thoại giữa doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và sinh viên, cơ sở đào tạo	1. Khoa Địa lý, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng 2. Khoa Địa lý, Phòng Hợp tác và Phát triển.	1. Từ năm 2024 2. Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên đánh giá, khảo sát tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp theo quy trình và công bố công khai để đối sánh và cải tiến chất lượng đào tạo, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động để điều chỉnh chỉ tiêu, phương án tuyển sinh nếu cần thiết.	Khoa Địa lý, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Hàng năm	

5) *Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (5/7)*

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả thực trạng

Theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN thì trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS, Khoa đã lồng ghép hoạt động NCKH của sinh viên dưới nhiều hình thức và cấp độ khác nhau [H11.11.04.01]: bài tập nhóm của học phần, thực tập chuyên ngành, nghiên cứu niên luận, khóa luận tốt nghiệp, nghiên cứu thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên trong một số học phần, nghiên cứu khoa học sinh viên... Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên được quan tâm thông qua các nội dung nằm trong khung chương trình đào tạo [H11.11.01.06]..

Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu Khoa học từ sớm. Thông thường, sinh viên CTĐT QLPTĐT&BDS bắt đầu làm nghiên cứu khoa học từ cuối năm thứ 2 dưới sự hướng dẫn của giảng viên do mình lựa chọn. Hằng năm Khoa tổ chức hội nghị NCKHSV vào tháng 4, tháng 5 đều thu hút nhiều sinh viên ngành QLPTĐT & BDS tham gia [H11.11.04.02]. Thông qua thực địa, thực tế nghiên cứu, sinh viên sẽ định hình rõ hơn sự liên quan chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, cũng như có định hướng cơ bản trong sự lựa chọn việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.04.03]. Với các kỹ năng và kiến thức tích lũy khi làm nghiên cứu khoa học từ sớm, khi chuyển sang năm cuối, sinh viên rất chủ động và độc lập khi thực hiện niên luận, khóa luận tốt nghiệp của mình dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Sinh viên có cơ hội tham gia các đề tài và các công bố của nhóm nghiên cứu [H11.11.04.04]. Ngoài ra sinh viên còn được nâng cao kỹ năng NCKH và làm các dự án thực tế khi tham gia câu lạc bộ Realcom Junior [H11.11.04.05]

Nhà trường thông qua Phòng KHCN và các Khoa theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học. Hàng năm, Trường và Khoa tổ chức hội nghị Khoa học sinh viên để tạo diễn đàn cho sinh viên trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học và học hỏi kinh nghiệm. Quy trình tổ chức hội nghị Khoa học sinh viên được thực hiện theo các bước như sau: sinh viên đăng kí tham gia nghiên cứu khoa học cấp bộ môn, những sinh viên có kết quả tốt sẽ được tham gia NCKH cấp Khoa, các báo cáo xuất sắc sẽ được lựa chọn để tham gia hội nghị khoa học sinh viên cấp Trường ĐHKHTN và các cấp cao hơn [H11.11.04.06]. Báo cáo tóm tắt NCKH sinh viên từ cấp bộ môn được Nhà trường tập hợp và in thành cuốn báo cáo tóm tắt NCKH sinh viên để làm tài liệu tham

khảo cũng như thống kê, giám sát số lượng, hình thức và chất lượng NCKH của sinh viên [H11.11.04.07]. Bên cạnh đó, hàng năm các Khoa có thực hiện báo cáo khoa học công nghệ trong đó có thể hiện số lượng sinh viên tham gia các đề tài, công bố khoa học [H11.11.04.04].

Nhà trường và Khoa thực hiện việc giám sát và đối sánh các loại hình, số lượng các hoạt động NCKH sinh viên. Thực tế cho thấy, sinh viên khoa Địa lý có truyền thống tích cực trong NCHK, đối sánh với các ngành thuộc khối Khoa học trái đất trong trường. Trong 4 năm từ 2020-2024, Khoa Địa lý đã có trên 250 đề tài NCKH sinh viên được báo cáo tại hội nghị Khoa học Sinh viên, trung bình có 35-50 đề tài NCKH SV/năm được thực hiện [H11.11.04.08], đây là tỉ lệ khá cao và ổn định so với các ngành đào tạo Khoa học Trái đất trong nhà trường [H11.11.04.09]. Tuy nhiên, việc đối sánh về loại hình, số lượng các hoạt động NCKH sinh viên với các cơ sở giáo dục ngoài Trường ĐHKHTN chưa được triển khai thực hiện do khó khăn trong tiếp cận số liệu thống kê.

Kết quả đánh giá đề tài NCKH sinh viên cho thấy, trên 70% đề tài đều có chất lượng, đạt loại giỏi trở lên, trong đó có khoảng 20% đề tài đạt loại xuất sắc [H11.11.04.10] Các hướng nghiên cứu khá đa dạng, thể hiện các định hướng nghiên cứu chính theo định hướng phát triển của Khoa [H11.11.04.02, H11.11.04.10]. Một số kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên được công bố trên các Tạp chí khoa học, Hội thảo khoa học [H11.11.04.11]. Số lượng sinh viên tham gia NCKH và giải thưởng của sinh viên CTĐT QLPTĐT&BDS được trình bày trong Bảng 11.5.

Bảng 11.5. Thống kê nghiên cứu khoa học của sinh viên QLPTĐT&BDS

Năm	Số báo cáo KH/số SV NCKH	Tổng số báo cáo NCKH	Báo cáo có SV năm 1,2	Số lượng báo cáo đạt giải cấp Khoa	Số lượng báo cáo đạt giải cấp Trường	Cáo cáo NCKH được đề tài hỗ trợ	Bài báo khoa học được công bố
2021	1/2	34	1	0	0	0	0
2022	4/10	32	4	1	0	1	2
2023	7/18	34	2	1	1	0	0
2024	14/26	52	2	4	3	1	2

Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học và các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố của sinh viên trên các tạp chí được trình bày trong Bảng 11.5. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và kỹ năng nghiên cứu của sinh viên.

Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có điều kiện được tham gia sâu hơn vào giải quyết các vấn đề khoa học, bước đầu xây dựng phương pháp luận nghiên cứu khoa học cũng như rèn luyện các kỹ năng thực nghiệm chuyên sâu phục vụ công việc sau này [H11.11.04.04, H11.11.04.11].

Các hỗ trợ của Trường và Khoa giúp hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên luôn hoạt động tốt và có kết quả rất cao [H11.11.04.12]. Nhà trường cũng luôn hỗ trợ khuyến khích các giảng viên đăng ký đề tài ở các cấp, thông qua đó trực tiếp hỗ trợ sinh viên tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học. Sinh viên của CTĐT QLPTĐT&BDS được tham gia vào một số đề tài nghiên cứu các cấp [H11.11.04.04]. Thông qua việc tham gia các đề tài NCKH, sinh viên được hỗ trợ một phần kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, được sử dụng kết quả và tham gia các hội thảo và các công bố Khoa học, cộng điểm ưu tiên trong xét học bổng, điểm rèn luyện, khóa luận tốt nghiệp và chuyển tiếp lên các bậc học cao hơn [H11.11.04.13].

2) Điểm mạnh:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT cử nhân QLPTĐT&BDS được tổ chức triển khai theo qui định của Nhà Trường, có sự giám sát chặt chẽ, đa dạng về loại hình, thu hút đông đảo sinh viên tham gia nghiên cứu và đạt nhiều giải thưởng NCKH cao ở các cấp. Trường và Khoa có nguồn kinh phí hỗ trợ cho NCKH của sinh viên với hỗ trợ ngày càng cao [H11.11.04.12]. Kết quả NCKH có kết hợp với các đề tài, nhóm nghiên cứu và có tính thực tiễn, ứng dụng cao. Sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tế nghề nghiệp, kết quả nghiên cứu còn có thể đưa vào niên luận, khóa luận tốt nghiệp, công bố khoa học. Thông qua hoạt động NCKH sinh viên vừa thu nhận được nhiều kiến thức, kinh nghiệm và được khuyến khích cộng điểm thưởng trong nhiều nội dung [H11.11.04.13].

3) Tồn tại:

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH sinh viên với các đơn vị ngoài trường Đại học Khoa học Tự nhiên do khó khăn về số liệu. Mặc dù có nhiều hỗ trợ và khuyến khích NCKHSV nhưng số lượng sinh viên ngành QLPTĐT&BDS đăng ký NCKH trong Hội nghị Khoa học sinh viên vẫn chưa cao (chỉ chiếm dưới 30% tổng số SV ngành QLPTĐT&BDS).

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	1. Đối sánh tỉ lệ sinh viên NCKH với các cơ sở đào tạo trong nước để đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo 2. Có các phương thức tiếp cận sớm hơn để khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các nguồn hỗ trợ, kết nối nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, viện nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan	1. Khoa Địa lý, Phòng KH-CN, Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng 2. Khoa Địa lý, Phòng Hợp tác và Phát triển.	1. Từ năm 2024 2. Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ hoạt động NCKH SV về chính sách và kinh phí, công bố công khai các kết quả và ưu tiên để thúc đẩy số lượng, chất lượng SV NCKH	Khoa Địa lý, Phòng KH-CN	Hàng năm	

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả thực trạng

Trường ĐHKHTN thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (Cán bộ, nhân viên, giảng viên, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,...theo hướng dẫn 581-HD ĐHQGHN ngày 20/2/2020 về hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan [H11.11.05.01]. Phòng TTPC&ĐBCL, CT&CTSV và tổ đảm bảo chất lượng các Khoa là đầu mối thực hiện nội dung này [H11.11.05.01-02]. Sau khi thu thập đánh giá phản hồi của các bên liên quan, các đầu mối được phân công lập báo cáo tổng kết của từng đối tượng được khảo sát hàng năm và gửi kết quả tổng hợp lên ĐHQGHN, Ban giám hiệu trường ĐHKHTN, Ban chủ nhiệm các Khoa [H11.11.05.03-05].

Kết quả phản hồi thu được với CTĐT cho thấy: Sinh viên hiện tại được đánh giá cao về kiến thức chuyên môn cũng như sự sáng tạo. Kỹ năng mềm của sinh viên được đào tạo để đáp ứng yêu cầu của các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Các ý kiến phản hồi từ sinh viên đánh giá cao môi trường học tập với chất lượng tốt và các cơ sở nâng cấp liên tục cùng với các giảng viên thân thiện và nhiệt tình, phương pháp đánh giá đa dạng và hợp lý [H11.11.05.03]. Các cựu sinh viên đánh giá Khoa Địa lý đang đi đúng hướng trong đào tạo các khối kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm rất hữu ích cho họ trong công việc [H11.11.05.05]. Cán bộ giảng viên hài lòng với môi trường làm việc ở Khoa Địa lý, nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học từ ban lãnh đạo Khoa. Cơ sở vật chất đã được nâng cấp và hiện đại hóa hàng năm [H11.11.05.03-04]. Tuy nhiên cơ sở vật chất của Khoa vẫn cần tiếp tục nâng cấp để tương xứng với mức độ phát triển của khoa học công nghệ như hiện nay. Các nhà tuyển dụng lao động hài lòng với nền tảng kiến thức của sinh viên [H11.11.05.05]. Theo nhận xét của họ, sinh viên tốt nghiệp khoa Địa lý có kiến thức sâu, rộng, có kỹ năng giao tiếp tốt, linh hoạt trong việc áp dụng kiến thức có được vào thực tiễn, có tư duy tổng hợp, có khả năng nghiên cứu, có thể tổ chức, phát triển, thực hiện và tổng quát các vấn đề khoa học, có khả năng tự học cao. Nhiều người trong số họ đã chiếm giữ các vị trí quản lý chủ chốt trong các tổ chức của họ. Tuy nhiên, một số phản hồi chưa thực sự hài lòng với khả năng sử dụng tiếng Anh của sinh viên.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan luôn được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các năm trước đó của CTĐT để giúp Nhà trường và Khoa Địa lý đánh giá được độ hiệu quả của các cải tiến, nâng cấp về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV-NH, cơ sở vật chất. Dựa trên các kết quả khảo sát và góp ý của các bên liên quan từ năm 2019 đến nay Nhà trường đã cải tiến hiệu quả các hoạt động hỗ trợ như nâng cấp, cập nhật hệ thống thư viện, giảng đường, hệ thống mạng internet. Những thay đổi này đã nhận được những phản hồi tích cực từ người học, mức độ hài lòng qua mỗi năm được cải thiện, chất lượng của sinh viên được các nhà tuyển dụng đánh giá ngày càng cao, nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp mong muốn được học sau đại học [H11.11.05.06].

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan và việc đối sánh, Khoa và Nhà Trường đã từng bước tiến hành cải tiến chất lượng đào tạo như: thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT [H11.11.01.06]; Đẩy mạnh việc cải tiến, bổ sung,

điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với CĐR và nhu cầu thực tế (bản cập nhật mới nhất là năm 2023 trong đó nâng tính chủ động của sinh viên, tăng cường các học phần tiếng Anh, học phần NCKH, bổ sung các học phần theo nhu cầu của xã hội) [H11.11.01.06]. Phát huy ý thức chủ động, tích cực tham gia NCKH của GV và SV, vận dụng để cải tiến việc dạy và học. Nâng cao số lượng kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành một nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTĐT, giáo trình, sách chuyên khảo... [H11.11.01.07].

2) Điểm mạnh:

Trường và Khoa thực hiện tốt công tác khảo sát, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan theo đúng quy trình đã được quy định, có bộ phận chuyên trách, quy trình, công cụ và phương pháp tiếp cận phản hồi từ các bên liên quan. Kết quả khảo sát được phân tích, tích hợp vào kế hoạch cải tiến chất lượng, lập kế hoạch đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm của Khoa. Phiếu khảo sát luôn được rà soát và đa dạng hóa các kênh thu thập thông tin từ các bên liên quan.

3) Tồn tại:

Quy trình, phương pháp, công cụ thu thập phản hồi từ các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên, số lượng đợt khảo sát và số người được khảo sát chưa nhiều. Kết quả sau khảo sát chưa có cơ chế giải trình, phản hồi cho các bên liên quan.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	1. Tăng cường số lượng khảo sát lên mỗi năm 10% so với các năm trước 2. Mở rộng các hình thức góp ý, đa dạng và tích cực hơn. Có cơ chế giải trình, phản hồi ý kiến đối với cán bộ, giảng viên và người học. Mở rộng kênh góp ý, phản hồi ý kiến thông qua đối thoại. Thực hiện đối sánh kết quả khảo sát với các cơ sở giáo dục ngoài trường ĐHKHTN	1. Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Khoa Địa lý 2. Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Khoa Địa lý	1. Từ năm 2024 2. Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, mở rộng đối tượng và số lượng người lấy ý kiến phản hồi để nâng cao, cải tiến chất lượng CTĐT	Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Khoa Địa lý	Hàng năm

5) Tự đánh giá tiêu chí Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường ĐHKHTN và Khoa Địa lý về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân cấp nhiệm vụ rõ ràng trong việc theo dõi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng đã có những quy định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng), đồng thời có sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, cần tăng cường giám sát đối với sinh viên trong quá trình học tập, đặc biệt trong các trường hợp đặc biệt như bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, sinh viên phải học online; Cần thay đổi cơ chế và phương thức liên hệ với nhà tuyển dụng để SV có cơ hội làm việc đúng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; Cần có phương pháp tốt để tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong các cơ sở giáo dục có cùng hình thức đào tạo, đối sánh cùng ngành/chuyên ngành đào tạo trong nước/quốc tế.

Qua bản báo cáo tự đánh giá lần này, Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN và các đơn vị chức năng sẽ rút ra được những điểm hạn chế để có chiến lược xây dựng kế hoạch hành động một cách hiệu quả, thiết thực hơn trong công tác quản lý, giám sát và nâng cao chất lượng đầu ra của chương trình học và sinh viên được đào tạo từ ngành QLPTĐT&BDS, Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN.

Trong 5 tiêu chí của tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá CTĐT Cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, chúng tôi rút ra các kết luận sau:

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong luật giáo dục 2012, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKHTN và ĐHQG Hà Nội. Chuẩn đầu ra được xây dựng rõ ràng, xúc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, nêu cụ thể được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, và triển vọng việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động

sản được phổ biến rộng rãi và được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đáp ứng nhu cầu các bên liên quan và thực tiễn xã hội.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp người học nhà tuyển dụng lao động và xã hội có cái nhìn tổng quan về toàn bộ CTĐT; Bản đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có mục tiêu, nội dung rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật cho sinh viên theo học; Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau cho sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các nhà khoa học... dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi.

Tiêu chuẩn 3: CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản đã phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CDR của ngành và có sự cập nhật, bổ sung điều chỉnh theo yêu cầu của thực tế. Các học phần trong CTĐT của ngành Cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung và kiến thức ngành. Trong các khối kiến thức đều có các học phần tự chọn giúp sinh viên có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu linh hoạt của xã hội và nhà tuyển dụng; Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTĐT thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy, học và đánh giá đạt được mục tiêu của chuẩn đầu ra.

Tiêu chuẩn 4: Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản phù hợp với mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN, được tuyên bố một cách rõ ràng, phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, đa dạng để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Luôn coi sinh viên là trung tâm trong các hoạt động dạy và học. Các hoạt động dạy và học của chương trình đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, chú trọng việc học tập chủ động “học đi đôi với hành” và khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chuẩn 5: Trường đã có đầy đủ hệ thống văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp, phản hồi của người học về kết quả đánh giá) ; Đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo tính khách quan, công bằng, luôn bám sát và phù hợp với CĐR và thông báo công khai tới người học; Cán bộ giảng dạy CTĐT đã triển khai, thực hiện nhiều hình thức đánh giá khác nhau như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tiểu luận, seminar, bài tập lớn,... Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu về độ tin cậy, tính công bằng và đo lường được các yêu cầu cũng như CĐR của học phần. Trường có quy định rõ ràng về khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học. Người học có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT bằng nhiều hình thức khác nhau. Thủ tục khiếu nại đơn giản, thời gian giải quyết khiếu nại nhanh chóng, thái độ đón nhận khiếu nại cởi mở, công khai, hợp tác.

Tiêu chuẩn 6:

- Nhà trường và Khoa có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như bố trí công việc rõ ràng, minh bạch, được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức. Kết quả đạt được là đa số đội ngũ cán bộ của Khoa Địa lý là các giảng viên, nghiên cứu viên trẻ, có nhiệt huyết, có khả năng gắn bó và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của chương trình đào tạo. Đội ngũ cán bộ của khoa Địa lý đều có trình độ TS, hầu hết được đào tạo bài bản ở các cơ sở đào tạo – nghiên cứu uy tín trên thế giới, có trình độ ngoại ngữ tốt, có tiềm năng phát triển nghiên cứu học cũng như hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV, NCV tham gia chương trình đào tạo cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản có trình độ cao đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy và NCKH;

- Tỷ lệ giảng viên/người học thấp và được duy trì ổn định đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng;

- Đánh giá năng lực của GV, NCV được Bộ môn, Khoa, Trường thực hiện hàng năm theo đúng qui định về đánh giá cán bộ, GV một cách công bằng và khách quan;

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của người lao động (được định lượng rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường) đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ

cộng đồng của cán bộ;

- Nhà trường và Khoa xây dựng được chiến lược bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và các chế độ chính sách, khuyến khích cán bộ tham gia các kQuản lí phát triển đô thị và bất động sản để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Quan hệ hợp tác quốc tế rộng giúp Khoa có nhiều điều kiện, cơ hội phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho cán bộ tiếp xúc tốt hơn với cơ hội trao đổi học tập, thực tập nâng cao trình độ;

- ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN có các văn bản quy định về loại hình NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. Các hoạt động nghiên cứu được giám sát thường xuyên, định kỳ. Cán bộ giảng dạy Khoa Địa lý có khả năng NCKH và số lượng công bố quốc tế cao hơn so với quy định chung của ĐHQGHN.

Tiêu chuẩn 7: Khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Nhà trường và Khoa có kế hoạch đào tạo, phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên định kỳ hàng năm dựa trên việc khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và thực tế yêu cầu đối với CTĐT. Việc tuyển dụng, lựa chọn bổ nhiệm, điều chuyển công tác đều đã có đầy đủ các tiêu chí, quy trình đánh giá rõ ràng, được công bố công khai. Nhà trường có quy định cụ thể về việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên. Kết quả công việc của nhân viên được đánh giá theo đúng quy định, được công nhận và khen thưởng. Từ đó, tạo động lực làm việc cho đội ngũ nhân viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 8:

- Nhà trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai, theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, thường xuyên điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu xã hội và ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Có sự kết hợp đa dạng trong phương án tuyển sinh, từ đó tạo thêm cơ hội cho sinh viên nhập học (đặc biệt là các sinh viên quốc tế). Đánh giá thường xuyên các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ phù hợp với CTĐT. Thông tin tuyển sinh được phổ biến rộng rãi, chi tiết qua nhiều kênh thông tin tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tìm hiểu và lựa chọn ngành học phù hợp.

- Có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên chặt chẽ. Hoạt động này dành được sự quan tâm thường xuyên của Ban giám hiệu, Các phòng ban, và Khoa Địa lý. Các giáo viên chủ nhiệm chủ động, tích cực và quan tâm tới sinh viên. Sự tiến bộ của mỗi sinh viên được đánh giá đầy đủ, khách quan và thông báo để người học kịp thời điều chỉnh.

- Đa dạng trong các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác từ đó cải thiện học tập và khả năng có việc làm của sinh viên. Nhà trường dành nhiều sự quan tâm tới việc phát triển toàn diện của sinh viên cả trình độ chuyên môn và các kỹ năng mềm. Khoa chủ động xây dựng các chương trình ngoại khóa, thực tập thực tế, thiết lập mối quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà tuyển dụng để tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên có cơ hội trải nghiệm trong quá trình học tập cũng như cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Sinh viên được học tập trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi, không gian xanh, sạch, an toàn, khuôn viên nhiều cây xanh, có hệ thống phòng học, phòng tự học, thư viện, phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ trang thiết bị, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ sinh viên trong học tập và NCKH. Đa dạng các hoạt động hỗ trợ tâm lý, xã hội giúp sinh viên phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần.

Tiêu chuẩn 9: Nhà trường và Khoa có hệ thống phòng học, giảng đường và phòng thí nghiệm... với đầy đủ các trang thiết bị và được bố trí hợp lý tại các cơ sở, hệ thống CNTT tốt, hệ thống thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt yêu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Nhà trường triển khai và thực hiện tốt các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Công tác phòng chống cháy nổ, quản lý và sử dụng chất, an toàn phòng thí nghiệm, bảo vệ môi trường được triển khai, thực hiện một cách bài bản.

Tiêu chuẩn 10:

- Trường và Khoa có hệ thống thu thập và xử lý thông tin phản hồi của các bên liên quan, làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTĐT. Khoa thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo, thiết kế và phát triển CTĐT dựa trên phản hồi

của các bên liên quan. Do đó CTĐT có tính khoa học, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Nhà Trường có cơ chế phản hồi của các bên liên quan, có tính hệ thống, hoạt động hiệu quả, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

- Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được Trường và Khoa rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Hệ thống kiểm tra đánh giá chặt chẽ, đa dạng, khoa học, phương pháp giảng dạy của giảng viên có tính linh hoạt, cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với người học.

- Giảng viên và sinh viên của Khoa Địa lý tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học một cách hiệu quả.

Tiêu chuẩn 11:

- Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được Nhà trường và Khoa theo dõi, đánh giá thường xuyên làm cơ sở để cải tiến và đổi mới CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ đồng thời để giúp sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.

- Nhà trường đã tiến hành thống kê tỉ lệ có việc làm của NH sau tốt nghiệp định kỳ 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng. Từ kết quả thống kê tỉ lệ việc làm của NH sau tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường đã đưa ra những điều chỉnh phù hợp.

- Hoạt động NCKH của sinh viên CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được tổ chức triển khai theo qui định của Nhà Trường, có sự giám sát chặt chẽ, đa dạng về loại hình, thu hút đông đảo sinh viên tham gia nghiên cứu và đạt nhiều giải thưởng NCKH cao ở các cấp.

- Trường và Khoa thực hiện tốt công tác khảo sát, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, trên cơ sở đó lập kế hoạch đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn 1: Việc thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về mục tiêu của CTĐT còn chưa được thường xuyên.

Tiêu chuẩn 2: Các hình thức và kế hoạch cung cấp bản mô tả CTĐT cử nhân Quản lí phát triển đô thị và bất động đến các nhà tuyển dụng và đơn vị đối tác chưa được chủ động; Sinh viên chưa nắm bắt rõ về chuẩn đầu ra của học phần và mối liên quan với chuẩn đầu ra của CTĐT, nên việc đóng góp ý kiến của sinh viên về đề cương chi tiết học phần chưa thật hiệu quả; Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và các đối tác lớn về bản mô tả CTĐT cử nhân Quản lí phát triển đô thị và bất động sản và đề cương các học phần còn có những hạn chế.

Tiêu chuẩn 3: Phương pháp kiểm tra đánh giá còn có hạn chế ở một số học phần; Sự hiểu biết của sinh viên về CDR học phần và sự đóng góp cụ thể vào chuẩn đầu ra của CTĐT còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CDR của ngành cần được thực hiện một cách hiệu quả hơn; Việc lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp về CTĐT được thực hiện chưa thương xuyên và còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 4: Việc tuyên truyền phổ biến triết lý giáo dục một cách chủ động đến các nhà tuyển dụng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau còn hạn chế. Phương pháp đánh giá (Rubric) của một số học phần như thực tập hướng nghiệp, phương pháp NCKH, niên luận,... còn có những hạn chế nhất định. Thời gian sinh viên tham gia và số đơn vị tiếp nhận sinh viên trong học phần thực tập hướng nghiệp còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 5: Việc kết hợp đồng thời nhiều hình thức kiểm tra đánh giá trong một học phần chưa được triển khai rộng rãi; Còn gặp một số khó khăn trong việc đảm bảo công bằng cho hình thức kiểm tra đánh giá trực tuyến; Công đào tạo chưa cho phép giảng viên tự nhập điểm cho học phần mình phụ trách; Phần mềm quản lí đào tạo có khi còn bị tắc nghẽn (khi sinh viên đăng kí học phần), gây khó khăn cho công tác quản lí và người học.

Tiêu chuẩn 6: Một số cán bộ giữ chức danh GS đã đến tuổi nghỉ hưu, nên Khoa cần có kế hoạch cho việc phát triển nguồn nhân lực tương đương thay thế; Hệ thống đánh giá kết quả làm việc của viên chức, người lao động chưa đề cập đến các hạng mục công việc do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức; Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú; Dữ liệu thống kê về kết quả thi đua khen thưởng của từng cá nhân, tổ chức chưa được cập nhật thường xuyên, nên công tác

đánh giá, đề xuất hình thức khen thưởng phù hợp cho cán bộ, viên chức, tổ chức trong Khoa theo Quy định của Luật Thi đua Khen thưởng đôi lúc còn gặp khó khăn; Kinh phí cho các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và NCKH còn hạn chế; Số lượng đề tài/dự án hợp tác với doanh nghiệp còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên làm việc tại Khoa, tại các phòng ban, trung tâm của Trường, của ĐHQGHN ở cách xa nhau nên sự phối hợp giúp đỡ sinh viên và cán bộ trong trường còn bị hạn chế, sinh viên và cán bộ phải di chuyển khá xa để đến nơi mình cần nhận sự hỗ trợ. Quá trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên có số lượng ứng viên còn ít nên tính cạnh tranh, khách quan trong quá trình tuyển dụng còn chưa cao. Chưa có đánh giá mức độ hài lòng của người học đối với chất lượng chuyên môn đội ngũ nhân viên phục vụ phòng thí nghiệm trong khoa. Đội ngũ nhân viên còn khó khăn trong việc đáp ứng đủ các tiêu chí để đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua và bằng khen cấp bộ trở lên.

Tiêu chuẩn 8: Số lượng các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT, hình thức quảng bá hình ảnh, tư vấn tuyển sinh qua các kênh thông tin đại chúng còn hạn chế Việc tổ chức ngày hội việc làm để sinh viên có thể trực tiếp trao đổi với nhà tuyển dụng còn hạn chế. Thiếu sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể lớn cho sinh viên..

Tiêu chuẩn 9: Nguồn kinh phí để bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, thay thế thường xuyên trang thiết bị, liên kết với các nhà xuất bản lớn trên thế giới còn hạn chế; Các hạ tầng hỗ trợ người khuyết tật, phòng y tế còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 10: Việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản trong xã hội chưa được triển khai thường xuyên. Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo còn chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 11: Khoa chưa tiến hành đối sánh với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thời học, thời gian tốt nghiệp trung bình, loại hình, số lượng các hoạt động NCKH và mức độ hài lòng của các bên liên quan; Chưa thực hiện thường xuyên việc điều tra khảo sát nhu cầu của thị trường lao động. Các buổi đối thoại trực tiếp giữa doanh nghiệp, nhà tuyển dụng với sinh viên còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT:

- Hàng năm, Khoa định kì lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (người học, người học đã tốt nghiệp, cán bộ, giảng viên, đối tác và nhà tuyển dụng) cho mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần chú trọng đến kỹ năng cũng như vị trí việc làm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội;
- Chính sửa hàng năm theo yêu cầu của ĐHQG, tiến tới hoàn thiện CDR của chương trình, các học phần theo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt quan tâm đến ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đối tác và người sử dụng lao động;
- Định kỳ tổ chức gặp gỡ các nhà tuyển dụng lớn, các đối tác quan trọng, sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các lĩnh vực khác nhau để trao đổi, cải tiến mục tiêu CTĐT, tìm hiểu cơ hội việc làm và các yêu cầu cần thiết của các vị trí việc làm khác nhau;
- Thông qua giáo viên chủ nhiệm, trợ lý công tác sinh viên để nâng cao hiểu biết của sinh viên về chuẩn đầu ra của học phần, của CTĐT và mối liên quan để sinh viên phản hồi chính xác khi đóng góp ý kiến về đề cương chi tiết học phần;
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cải tiến các hoạt động dạy - học, cập nhật nội dung chi tiết của từng học phần và tổng thể CTDH, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp theo hướng tiệm cận với các chương trình tiên tiến trong khu vực và ý kiến của các bên liên quan nhằm nâng cao tính tích hợp và khả năng liên thông với các CTĐT của khu vực và quốc tế;
- Tăng cường giám sát, đánh giá các phương pháp kiểm tra của các học phần nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn CTĐT. Có kế hoạch cải tiến các thang đánh giá của các học phần khó định lượng chuẩn đầu ra;
- Có kế hoạch phổ biến rộng rãi và thường xuyên hơn nữa mục tiêu giáo dục thông qua tổ chức các buổi tọa đàm và các kênh truyền thông khác để tất cả các nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận. Tiếp tục cải tiến quy trình quảng bá, giới thiệu và thực hiện Triết lý giáo dục của CTĐT;
- Thường xuyên rà soát, cải tiến các hoạt động dạy và học của chương trình để hướng tới mục tiêu phát triển năng lực khoa học chuyên ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Nhà trường và Khoa có kế hoạch

tăng cường hợp tác với các đối tác, các doanh nghiệp sản xuất nhằm đa dạng hoá loại hình thực tập hướng nghiệp cho sinh viên. Khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động lựa chọn và tham gia thực tập thực tế;

- Tăng cường rà soát, cập nhật, đổi mới và đa dạng hoá hình thức kiểm tra đánh giá trong cùng 1 học phần hướng tới việc đánh giá đạt CDR chính xác và phù hợp với các đối tượng; Tập huấn sử dụng các phần mềm và công cụ hỗ trợ hoạt động giảng dạy và đánh giá bằng hình thức trực tuyến cho giảng viên; Thường xuyên cải thiện, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo; Rà soát, nâng cao chất lượng quy trình giải quyết khiếu nại KQHT; Đảm bảo phát triển đa kênh phản ánh các khiếu nại về KQHT của người học;

- Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên nhu cầu thực tế (duy trì sự ổn định của tỉ lệ giảng viên/sinh viên), xét tuyển dụng đặc cách với cán bộ xuất sắc. Có kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện hỗ trợ để cán bộ có thể đạt được các chức danh GS và PGS. Thu hút các nhà Khoa học có trình độ cao ở các tổ chức trong nước và quốc tế tham gia đóng góp CTĐT. Tăng cường tuyên truyền rộng rãi kế hoạch, thông báo và các tiêu chí tuyển dụng qua nhiều kênh thông tin khác nhau;

- Tăng cường khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài NCKH. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc gia, quốc tế trong NCKH, khuyến khích cán bộ giảng dạy đề xuất các đề tài và tích cực đăng các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế uy tín; Tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và NCKH. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, tạo điều kiện hỗ trợ GV, NCV được trao đổi ý tưởng và thực hiện các dự án hợp tác;

- Xây dựng có lộ trình kế hoạch làm việc và học tập tại Khu đô thị Hòa Lạc để sinh viên và cán bộ có thể nhận được sự hỗ trợ đồng bộ, thuận tiện từ đội ngũ hỗ trợ.

- Tích cực tuyên truyền, quảng bá rộng rãi chất lượng CTĐT, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp nhằm thu hút thêm các đối tượng học sinh tham gia xét tuyển; Tổ chức công tác tư vấn tuyển sinh hiệu quả bằng cách kết hợp nhiều phương thức khác nhau;

- Tăng cường sự tiếp xúc, giao lưu trực tiếp của người học với nhà tuyển dụng. Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm của cựu sinh viên với người học; Tăng số lượng và chất lượng các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khoá, thực tập thực tế. Khuyến khích sinh

viên tự tìm cơ sở để thực hiện hoạt động thực tập thực tế; Tìm và tạo điều kiện để sinh viên có cơ hội đi học tập/trao đổi ngắn hạn ở nước ngoài. Tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học tập/trao đổi tại Khoa;

- Tiếp tục phát huy vai trò của Nhà Trường, Khoa trong việc tổ chức và đa dạng các hoạt động nhằm tạo môi trường tâm lý, xã hội tốt nhất cho sinh viên. Linh hoạt trong bố trí lịch học tại các cơ sở khác nhau của Nhà trường theo hướng ưu tiên tối đa cho sinh viên. Thường xuyên nâng cấp, hiện đại hoá các giảng đường, PTN, thư viện, kí túc xá,... Sớm hoàn thiện cơ sở mới ở Hoà lạc để tạo nhiều không gian tổ chức các hoạt động tập thể, sân chơi thể thao....;

- Tối ưu hệ thống thiết bị hiện đại và hợp tác với các đơn vị khác trong Trường ĐHKHTN và các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội để nâng cao năng lực nghiên cứu, hỗ trợ đào tạo. Tăng cường các nguồn kinh phí cho hoạt động bảo dưỡng, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị thường xuyên, liên kết với các nhà xuất bản lớn;

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT, xây dựng kế hoạch sử dụng, khai thác vận hành hiệu quả hệ thống CNTT. Nâng cấp hệ thống máy chủ của ĐHQGHN để hoạt động đăng ký học phần và quản lí sinh viên không bị quá tải;

- Cải tạo đường lên xuống các giảng đường, PTN hỗ trợ tốt người khuyết tật tự di chuyển. Xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống an toàn tới tất cả các PTN;

- Nâng cao số lượng kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành một nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH, giáo trình, sách chuyên khảo;

- Thực hiện đối sánh định kỳ với các cơ sở trong và ngoài như Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học KHTN – ĐHQG Tp.HCM và một số trường trong khu vực Đông Nam Á về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, loại hình, số lượng các hoạt động NCKH và mức độ hài lòng của các bên liên quan;

- Đẩy mạnh công tác thu thập phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan. Tiếp tục thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở dữ liệu thu được và nhu cầu xã hội.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Mã: QHT

Tên CTĐT: Cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản

Mã CTĐT: Mã thí điểm

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 2.1						6				
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,28	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4						6				
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7						6				
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						

Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,02	50/50	100,00

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Quốc Bình

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7)
2. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá (Phụ lục 1)
3. Kế hoạch TĐG (Phụ lục 2)
4. Bảng so sánh chuẩn đầu ra của hai CTĐT cử nhân Quản lí phát triển đô thị và bất động sản năm 2020 và 2023
5. Danh mục minh chứng (Phụ lục 9).

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 14/8/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tiếng Anh: VNU - University of Science

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: KHTN

Tiếng Anh: HUS

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (Quyết định 2183/TC ngày 04/6/1956 của Chính phủ).

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Quốc gia Hà Nội

5. Địa chỉ: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

Họ và tên: PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Chức vụ: Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng.

Địa chỉ: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Email: nguyenthihoanglien@hus.edu.vn Số điện thoại: 0936234533

Website: <http://hus.vnu.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1956 (QĐ: 2183/TC ngày 04/6/1956)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 15/10/1956

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Cuối năm học 1958-1959

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Địa lý

Tiếng Anh: Faculty of Geography

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KĐL

Tiếng Anh: FoG

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: Thí điểm

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ: (84)2438581420; Email: khoadialy@hus.edu.vn

Website: <https://geography.hus.vnu.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1966

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1966

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Cuối năm học 2023-2024

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Năm 1966, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Đại học Quốc gia Hà Nội) đã thành lập Khoa Địa lý - Địa chất. Đến năm 1995, Khoa Địa lý được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba bộ môn của Khoa Địa lý - Địa chất cũ là Địa mạo, Sinh thái cảnh quan & Môi trường, và Bản đồ. Qua gần 60 năm phát triển, Khoa Địa lý đã trở thành trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu quốc gia về địa lý, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý phát triển đô thị và bất động sản. Khoa hiện quản lý 4 chương trình đào tạo đại học, 5 CTĐT bậc ThS và 4 chương trình đào tạo TS. Khoa cũng đã và đang xây dựng các mối quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới.

Hàng năm, Khoa có khoảng 80 cử nhân tốt nghiệp. Năm 2024 là khóa sinh viên đầu tiên của ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao sau khi tốt nghiệp đã khẳng định nhu cầu xã hội và chất lượng của các chương trình đào tạo, với hơn 90% sinh viên có việc làm trong vòng 6 tháng, khoảng 10% sinh viên tiếp tục học lên bậc sau đại học.

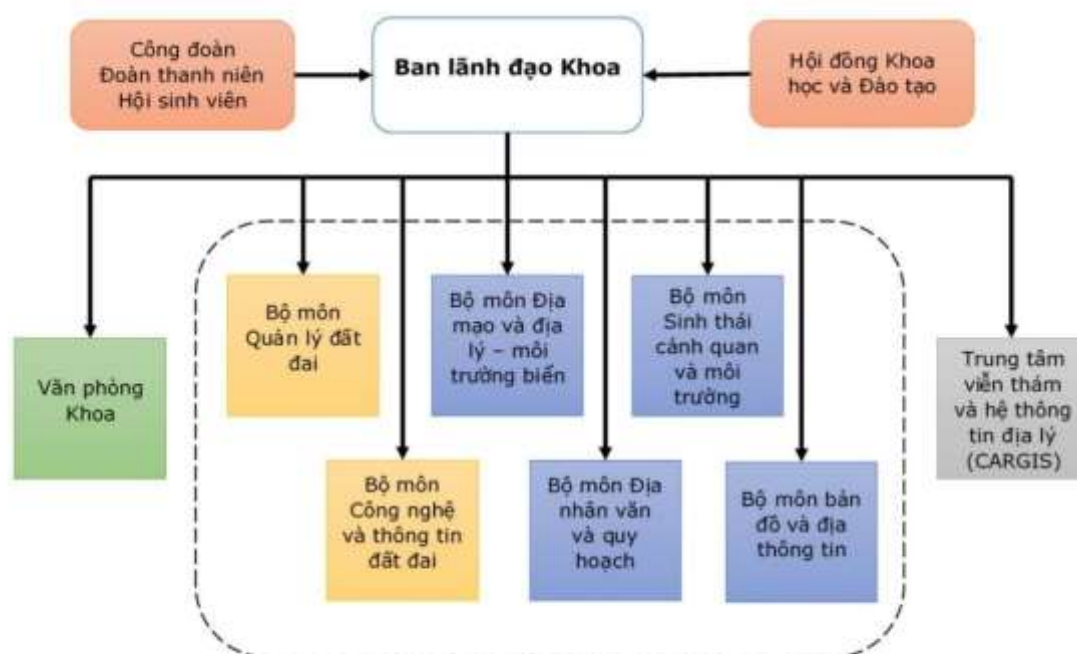
Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu, phát triển và chuyển giao tri thức hiện đại về lĩnh vực Địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển đô

thị và bất động sản phục vụ nhu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Tầm nhìn: Phân đấu đưa Khoa Địa lý trở thành đơn vị đào tạo & NCKH về Địa lý, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý phát triển đô thị & bất động sản có uy tín và có lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

Cơ cấu tổ chức: Khoa Địa lý hiện nay gồm 38 cán bộ cơ hữu trong đó có 26 người có trình độ TS trở lên, được chia thành 6 bộ môn và 01 trung tâm nghiên cứu (Hình 1). Lãnh đạo khoa bên cạnh chỉ ủy, bao gồm trưởng Khoa: PGS.TS. Bùi Quang Thành (phụ trách chung và phụ trách nhân sự, hợp tác quốc tế); phó trưởng khoa: PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương (phụ trách Khoa học - Công nghệ và Đảm bảo chất lượng), TS. Phạm Sỹ Liêm (phụ trách đào tạo). Khoa có 6 Bộ môn, trong đó 3 bộ môn liên quan đến lĩnh vực Quản lý đô thị, Quản lý đất đai và bất động sản là: Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch, Bộ môn Quản lý đất đai, Bộ môn Công nghệ và Thông tin đất đai; 4 bộ môn liên quan đến lĩnh vực Địa lý là Bản đồ và Địa thông tin, Địa Nhân văn và Quy hoạch, Địa mạo và Địa lý - Môi trường biển, Sinh thái Cảnh quan và Môi trường phụ trách các học phần liên quan đến hai ngành Địa lý Tự nhiên, Khoa học thông tin địa không gian. Ngoài ra, Khoa có 1 trung tâm nghiên cứu là Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Viễn thám và Hệ thống tin địa lý (CARGIS).

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



Hình 1. Sơ đồ tổ chức Khoa Địa lý

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm s	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Vũ Hoàng Linh	1968	GS.TSKH	0913062989	linhvh@vnu.edu.vn
2	Phó hiệu trưởng	Lê Thanh Sơn	1970	GS.TS	0903236282	lethanhson@hus.edu.vn
3	Phó hiệu trưởng	Trần Quốc Bình	1969	PGS.TS	0912856926	tranquocbinh@hus.ed
4	Phó hiệu trưởng	Ngạc An Bang	1971	PGS.TS	0912445352	ngacanbang@hus.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	<i>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</i>					
1	Trưởng Khoa	Bùi Quang Thành	1981	PGS.TS	0943672345	qthanh.bui@gmail.com
2	Phó Trưởng Khoa	Hoàng Thị Thu Hương	1980	PGS.TS	0912989783	huonghtt@hus.edu.vn
3	Phó Trưởng Khoa	Phạm Sỹ Liêm	1983	TS	0902222142	phamsyliem@gmail.com
II.	<i>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</i>					
1	Chi bộ Đảng	Trần Văn Tuấn	1968	PGS.TS, Bí thư chi bộ	0904233294	tranvantuan@hus.edu.vn
2	Công đoàn	Lê Phương Thúy	1985	TS, Chủ tịch công đoàn	0989398596	lephuongthuy@hus.edu.vn
3	Liên chi Đoàn	Phạm Viết Thành	1996	Bí thư liên chi đoàn Khoa Địa lý	0966504366	Pvthanh996@gmail.com
III.	<i>Các bộ môn/PTN/Trung tâm</i>					
1	Bộ môn Quản lí đất đai	Trần Văn Tuấn	1968	PGS.TS. Trưởng bộ môn	0904233294	tranvantuan@hus.edu.vn
2	Bộ môn Công nghệ và thông tin đất đai	Mẫn Quang Huy	1973	PGS.TS. Trưởng bộ mô	01294975205	mqhuy@hus.edu.vn
3	Bộ môn Địa nhân văn và qui hoạch	Nguyễn Thị Hà Thành	1983	TS. Trưởng bộ mô	0912624802	nguyenthiahathanh@hus.edu.vn
4	Bộ môn bản đồ	Vũ Phương	1982	TS. Trưởng	0858606298	lanvuphuongrsc@gmail.c

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm s	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	và địa không gian	Lan		bộ môn		om
5	Bộ môn Địa mạo và địa lý môi trường biển	Ngô Văn Liêm	1981	TS, Trưởng bộ môn	0912731981	liemnv@hus.edu.vn
6	Bộ môn sinh thái cảnh quan và môi trường	Trần Văn Trường	1983	TS, Trưởng bộ môn	0888124868	tranvantruong@hus.edu.vn
7	Trung tâm viễn thám và hệ thống tin địa lý (CARGIS)	Nguyễn Xuân Linh	1989	TS, Giám đốc	0986937886	thayninh@gmail.com
8	Văn phòng khoa	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	CN, Tổ trưởng	0915334298	nguyenthithanhhuyen@hus.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Ngành đào tạo: Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, Quản lý đất đai, Địa lý tự nhiên, Khoa học thông tin địa không gian

Các chuyên ngành:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 4

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 5

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 4

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	X	☐
Không chính quy	☐	X
Từ xa	☐	X
Liên kết đào tạo với nước ngoài	X	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	X

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 4

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	22	16	38
I.1	Đội ngũ trong biên chế	13	10	23
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	9	6	15
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	22	16	38

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lí		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	9	3	0	5	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	25	2	6	12	5	0
5	Thạc sĩ	8	8	8	0	0	0
6	Đại học	2	0	2	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	45	5	16	17	7	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 38 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 78,9%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1	0	0	0	1	0	1
2	Phó Giáo sư	3,0	9	3	0	5	1	0	14,1
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	25	2	6	12	5	0	25,2
5	Thạc sĩ	1,0	8	8	8	0	1	0	16,2
6	Đại học	0,3	2	2	2	0	0	0	1,2
	Tổng		43	15	15	16	8	0	57,7

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	8	22,2	6	2			3	2	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	20	50	9	9	0	11	7	0	0
5	Thạc sĩ	8	22,2	7	1	3	3	2	0	0
6	Đại học	2	5,5	1	1	2	0	0	0	0
	Tổng	38	100	22	16	6	15	12	2	3

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: ~42 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 73,6%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 21,1%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	16,67	91,67
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	38,88	5,55
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	36,12	2,78
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	8,33	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2024-2025	250	78	3,2	72	24	24,17	0
2023-2024	240	80	3,0	73	22,45	23,8	0
2022-2023	191	76	2,5	73	24,15	24,89	0
2021-2022	194	97	2,0	93	25,0	25,6	0
2020-2021	100	66	1,5	66	21,4	23,18	0
2019-2020 (Chưa mở CTĐT)	-	-	-	-	-	-	-

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020 (Chưa mở CTĐT)	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
3. Sinh viên đại học Trong đó:	-	66	93	73	73	78
Hệ chính quy	-	66	93	73	73	78
Hệ không chính quy	-	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây (Đơn vị: người)

	Năm học					
	2019-2020 (Chưa mở CTĐT)	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
Số lượng (người)	-	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	-	0	0	0	0	0

41. Người học của cơ sở đào tạo (Trường ĐHKHTN) có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)*	16593	16593	16593	16593	16593	16593
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1690	2150	1970	1970	1970	1970
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	338	430	358	358	358	358
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)*	8,94	8,94	8,94	8,94	8,94	8,94

* Số liệu tính chung cho toàn ĐHQGHN

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	Chưa mở CTĐT	0 (sinh viên năm 1 chưa tham gia NCKH)	10	47	42
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	Chưa mở CTĐT	0 (Tổng số SV là 54)	7% (Tổng SV: 143)	22% (Tổng SV: 212)	15% (Tổng SV: 285)

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây (Đơn vị: người)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Sinh viên tốt nghiệp đại học	Chưa có sv tốt nghiệp	Chưa có sv tốt nghiệp	Chưa có sv tốt nghiệp	Chưa có sv tốt nghiệp	39
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	39
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	KHOÁ HỌC
	2020-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	39
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	59,1%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:	
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	90
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	10
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:	
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	40% (thống kê sau 1 tháng tốt nghiệp của sv Khóa đầu tiên)
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	10,5
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:	
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	

**Số liệu thống kê tính trên số lượng sinh viên trả lời khảo sát*

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2	0	1	2	3	4	20
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1	5	7	11	14	16	53
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	2	1	2	4
	Tổng		7	9	15	18	18	77

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8); * Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước. **Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 73

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $73/39 = 1,97$

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	5.230	85,6%	134,1
2	2021	10.103	92,6%	259,1
3	2022	13.311	90,9%	341,3
4	2023	17.676	91,2	453,2
5	2024	16.100	86,7%	412,8

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia*			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	15	16	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	2	3	0	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	17	19	3	

* Tính cho số lượng cán bộ của Khoa tham gia CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	-	2	1	1	-	8
2	Sách giáo trình	1,5	-	-	-	-	-	0
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	-	-	-	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	0
	Tổng		-	2	1	1	-	8

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 8

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,21

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách*			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	10	-	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	10	-	-	-

* Tính cho số lượng cán bộ của Khoa tham gia CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	22	36	27	27	31	214,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	11	14	11	32	72
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	-	10	-	19	14,5
	Tổng		26	47	51	38	82	301

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 301

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,7

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí*	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	17	22	19
Từ 6 đến 10 bài báo	5	4	-
Từ 11 đến 15 bài báo	6	1	-
Trên 15 bài báo	4	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	32	27	19

* Tính cho số lượng cán bộ của Khoa tham gia CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2020	2021	2022	2023	2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	2	2	7	9	21
2	Hội thảo trong nước	0,5	8	7	13	16	19	31,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	9	0	10	4,75
	Tổng		8	9	15	23	38	57,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 57,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,47

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo*	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	26	26	19
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	4	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	1	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	26	31	19

** Tính cho số lượng cán bộ của Khoa tham gia CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản*

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2023-2024	-
2022-2023	-
2021-2022	-
2020-2021	-
2019-2020	-

** Tính cho số lượng cán bộ của Khoa tham gia CTĐT cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản*

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia**			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	31	-
Tổng số người học tham gia	-	-	99	-

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

*** Chỉ tính cho người học tham gia CTĐT Cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản*

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH*	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	-	-	3	7	20
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	-	1	1

** Chỉ tính cho người học tham gia CTĐT Cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản*

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 27.440

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 16.466,17
(tính cho cơ sở 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội)

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 2220 Nơi học: 24.510. Nơi vui chơi giải trí: 710

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích sàn phòng học/PTN/ Hội trường/Thư viện...: 24.510

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5,74 m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thư viện- Tri thức số: 23

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học học tập: 127

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: ~1:10

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây tính cho đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa Địa lý):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 30

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 78,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 86,7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 13,3%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 711 sinh viên

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên (qui đổi): 1:18,7

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 41/66=62,1% (tính cho khoá QHT.2020)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): > 90%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): < 10%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): >90%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): < 10%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 12

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 95

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 5

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,97

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 320 triệu đồng

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,21

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,7

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,47

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,1

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5,74 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 8,94 m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Số: 661/QĐ-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 2068/QĐ-ĐHKHTN ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên;

Căn cứ Kế hoạch số 616/ĐHKHTN-TTPCĐBCL ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về kế hoạch triển khai các hoạt động đánh giá và kiểm định chất lượng năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Địa lý và Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm

các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng Khoa Địa lý, Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông (Bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(20)



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quốc Bình	Phó Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng Trường, Ủy viên thư ký Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch
3.	PGS.TS. Bùi Quang Thành	Trưởng Khoa Địa lý, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch
4.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thư ký
5.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên
7.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính, Thư ký Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng Phòng Đào tạo, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
9.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
10.	TS. Lê Hữu Tuyến	Phó Trưởng Phòng Hợp tác và Phát triển, Phụ trách phòng	Thành viên
11.	ThS. Trần Tùng	Trưởng Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên
12.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên

13.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên
14.	PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương	Phó Trưởng Khoa Địa lý	Thành viên
15.	TS. Phạm Sỹ Liêm	Phó Trưởng Khoa Địa lý	Thành viên
16.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Trưởng Bộ môn Quản lý đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên
17.	TS. Nguyễn Thị Hà Thành	Trưởng Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch, Khoa Địa lý	Thành viên
18.	PGS.TS. Mẫn Quang Huy	Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên
19.	TS. Phạm Thị Phin	Phó Trưởng Bộ môn Quản lý đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên
20.	TS. Đỗ Thị Tài Thu	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
21.	TS. Vũ Phương Lan	Trưởng Bộ môn Bản đồ - Viễn thám, Khoa Địa lý	Thành viên
22.	TS. Nguyễn Hữu Duy	Phó Trưởng Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch, Khoa Địa lý	Thành viên
23.	ThS. Phạm Lê Tuấn	Giảng viên Khoa Địa lý, Trợ lý công tác sinh viên	Thành viên
24.	TS. Nguyễn Xuân Linh	Giám đốc Trung tâm CARGIS	Thành viên
25.	TS. Lê Phương Thúy	Phó Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai, Khoa Địa lý	Thành viên
26.	TS. Trịnh Thị Kiều Trang	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
27.	Hà Thị Thu Trang	Sinh viên K65 (Khóa 1), ngành Quản lý phát triển đô thị và BĐS	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người).

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Trưởng ban
2.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	ThS. Đinh Thị Hương	Chuyên viên chính, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	ThS. Bùi Minh Đức	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
5.	ThS. Vũ Hải Uyên	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	CN. Đồng Vũ Hà	Nghiên cứu viên, trung tâm CARGIS, Khoa Địa lý Thành viên tổ Đảm bảo chất lượng Khoa Địa lý	Thành viên

(Danh sách gồm có 6 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ
THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Thực hiện tiêu chuẩn 1		
1.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Trưởng Bộ môn Quản lý đất đai	Trưởng nhóm
2.	ThS. Vũ Khắc Hùng	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
3.	ThS. Phạm Viết Thành	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
4.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 2	Thực hiện tiêu chuẩn 2		
5.	TS. Nguyễn Thị Hà Thành	Trưởng Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch	Trưởng nhóm
6.	TS. Dương Thị Thủy	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
7.	CN. Nguyễn Phương Bắc	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
8.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 3	Thực hiện tiêu chuẩn 3		
9.	PGS.TS. Mẫn Quang Huy	Trưởng Bộ môn Công nghệ và thông tin đất đai	Trưởng nhóm
10.	ThS. Bùi Ngọc Tú	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
11.	CN. Nguyễn Phương Bắc	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
12.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 4	Thực hiện tiêu chuẩn 4		
13.	TS. Phạm Thị Phìn	Phó Trưởng Bộ môn Quản lý đất đai	Trưởng nhóm
14.	ThS. Vũ Khắc Hùng	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
15.	ThS. Phạm Lê Tuấn	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
16.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 5.	Thực hiện tiêu chuẩn 5		
17.	TS. Đỗ Thị Tài Thu	Giảng viên Khoa Địa lý	Trưởng nhóm
18.	CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giáo vụ Khoa Địa lý	Thành viên
19.	TS. Nguyễn Xuân Linh	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
20.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 6	Thực hiện tiêu chuẩn 6		
21.	TS. Vũ Phương Lan	Trưởng Bộ môn Bản đồ -	Trưởng nhóm

		Viễn thám	
22.	TS. Trịnh Thị Kiều Trang	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
23.	ThS. Dư Vũ Việt Quân	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
24.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 7	Thực hiện tiêu chuẩn 7		
25.	TS. Nguyễn Hữu Duy	Phó Trưởng Bộ môn Địa nhân văn & Quy hoạch	Trưởng nhóm
26.	ThS. Bùi Ngọc Tú	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
27.	ThS. Phạm Viết Thành	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
28.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 8	Thực hiện tiêu chuẩn 8		
29.	ThS. Phạm Lê Tuấn	Giảng viên Khoa Địa lý, Trợ lý công tác sinh viên	Trưởng nhóm
30.	CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giáo vụ Khoa Địa lý	Thành viên
31.	CN. Nguyễn Phương Bắc	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
32.	TS. Lê Phương Thúy	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 9	Thực hiện tiêu chuẩn 9		
33.	TS. Nguyễn Xuân Linh	Giám đốc Trung tâm CARGIS	Trưởng nhóm
34.	CN. Đồng Vũ Hà	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
35.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
36.	CN. Nguyễn Phương Bắc	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 10	Thực hiện tiêu chuẩn 10		
37.	TS. Lê Phương Thúy	Phó Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin đất đai	Trưởng nhóm
38.	ThS. Dư Vũ Việt Quân	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
39.	ThS. Bùi Ngọc Tú	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
40.	ThS. Phạm Viết Thành	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
Nhóm 11	Thực hiện tiêu chuẩn 11		
41.	TS. Trịnh Thị Kiều Trang	Giảng viên Khoa Địa lý	Trưởng nhóm
42.	TS. Phạm Văn Mạnh	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
43.	TS. Dương Thị Thủy	Giảng viên Khoa Địa lý	Thành viên
44.	ThS. Nguyễn Quang Minh	Nghiên cứu viên Khoa Địa lý	Thành viên

(Danh sách gồm có 22 người).

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN
THEO TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn:

Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH,

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng,

Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo,

Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản được thành lập theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hội đồng gồm có 27 thành viên (có danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 661/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (có danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

Tư vấn và giúp Hội đồng tự đánh giá triển khai các công việc theo kế hoạch tự đánh giá.

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhóm 1 (PGS.TS. Trần Văn Tuấn - Trưởng nhóm)	Tháng 4 - 7/2023	
2.	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Nhóm 2 (TS. Nguyễn Thị Hà Thành - Trưởng nhóm)		
3.	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 3 (PGS.TS. Mẫn Quang Huy - Trưởng nhóm)		
4.	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 4 (TS. Phạm Thị Phấn - Trưởng nhóm)		
5.	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 5 (TS. Đỗ Thị Tài Thu - Trưởng nhóm)		
6.	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 6 (TS. Vũ Phương Lan - Trưởng nhóm)		
7.	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 7 (TS. Nguyễn Hữu Duy - Trưởng		

		nhóm)		
8.	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nhóm 8 (ThS. Phạm Lê Tuấn - Trưởng nhóm)		
9.	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 9 (TS. Nguyễn Xuân Linh - Trưởng nhóm)		
10.	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 10 (TS. Lê Phương Thúy - Trưởng nhóm)		
11.	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 11 (TS. Trịnh Thị Kiều Trang - Trưởng nhóm)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: ngày 21 tháng 3 năm 2024

2. Thành phần:

- Hội đồng tự đánh giá,
- Ban thư ký,
- Các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá; hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng; chia sẻ kinh nghiệm KĐCL CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	Thu thập minh chứng và viết báo cáo TĐG theo sự phân công	* Về nhân lực: - Các nhóm công tác thu thập minh chứng từ các đơn vị trong và ngoài Trường ĐHKHTN và viết báo cáo TĐG. - Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHKHTN cung cấp minh chứng liên quan cấp Trường. - Các đơn vị thuộc ĐHQGHN cung cấp minh	Tháng 4 - 6/2024	

			chứng liên quan cấp ĐHQGHN. * Về Cơ sở vật chất: Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường trong trường hợp cần thiết các đơn vị có thể bổ sung thêm để đảm bảo đủ phục vụ công tác. * Về tài chính: Kinh phí dành cho các hoạt động này được lấy từ kinh phí KĐCL CTĐT của Trường ĐHKHTN		
2	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	Chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của chuyên gia KĐCLGD	Các nhóm công tác tiếp tục thu thập thông tin, minh chứng và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT	Tháng 6 - 7/2024	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ phối hợp cung cấp các thông tin, minh chứng cần thu thập để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Các đơn vị ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ cung cấp thông tin, minh chứng để thực hiện đối sánh chất lượng.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN cử chuyên gia tư vấn, hỗ trợ các CTĐT đọc thẩm định và góp ý Báo cáo TĐG CTĐT: 02 chuyên gia.

Kinh phí bồi dưỡng lấy từ kinh phí KĐCL CTĐT của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 - 2 (ngày 04 - 15/3/2024)	- Họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo Khoa Địa lý để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 - 4 (ngày 18 - 29/3/2024)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); - Họp Hội đồng TĐG các CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG. - Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 5 - 8 (ngày 01- 26/4/2024)	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 (ngày 29/4 - 14/6/2024)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (ngày 17 - 21/6/2024)	Hội đồng TĐG các CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 17-18 (ngày 24/6-5/7/2024)	1. Hội đồng TĐG các CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 (ngày 8/7 - 26/7/2024)	Trường ĐHKHTN công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ...) trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến phản biện của các bên liên quan về báo cáo TĐG.
Tuần 22-23 (ngày 29/7-9/8/2024)	1. Hội đồng TĐG các CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG các CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 (ngày 12/8 - 16/8/2024)	1. Trường ĐHKHTN gửi hồ sơ TĐG các CTĐT và công văn cho ĐHQGHN và Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT để báo cáo và đề nghị Cục cập nhật tên Trường ĐHKHTN vào danh sách các cơ sở giáo dục đã hoàn thành báo cáo TĐG CTĐT (nếu báo cáo TĐG đáp ứng các quy định). 2. Trường ĐHKHTN bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Khoa Địa lý, các phòng chức năng, TT CNTT&TT (để th/h);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(20)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Quốc Bình

Số: 928/KH-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật điện tử và tin học, ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm, ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ vào tiến độ thực hiện của Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo (CTĐT) và các nhóm công tác chuyên trách cũng như các quy định liên quan đến công tác đánh giá chất lượng giáo dục, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên điều chỉnh Kế hoạch tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Kỹ thuật điện tử và tin học, ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm, ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản (Kế hoạch số 724/KH-ĐHKHTN ngày 18 tháng 3 năm 2024, Kế hoạch số 725/KH-ĐHKHTN ngày 18 tháng 3 năm 2024, Kế hoạch số 734/KH-ĐHKHTN ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên) tại Mục X.

Thời gian và nội dung hoạt động tự đánh giá theo Phụ lục đính kèm công văn.

Trân trọng./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Khoa Vật lý, Khoa Địa lý, Khoa Môi trường;
các phòng chức năng, TT CNTT&TT (để th/h);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(30)



PGS.TS. Trần Quốc Bình

Phụ lục

(Kèm theo công văn số 928/KH-ĐHKHTN ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 - 2 (ngày 11 - 22/3/2024)	- Họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo Khoa Vật lý, Khoa Địa lý, Khoa Môi trường để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT cử nhân ngành Kỹ thuật điện tử và tin học, ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm, ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT. - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT)
Tuần 3 - 4 (ngày 25/3 - 05/4/2024)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng TĐG các CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG. - Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 5 - 8 (ngày 08/4 - 03/5/2024)	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 16 (ngày 06/5 -)	Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

Thời gian	Nội dung hoạt động
30/6/2024)	2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 17 (ngày 01 - 05/7/2024)	Hội đồng TĐG các CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 18 (ngày 08 - 12/7/2024)	1. Hội đồng TĐG các CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 (ngày 15/7 - 04/8/2024)	Trường ĐHKHTN công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ...) trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến phản biện của các bên liên quan về báo cáo TĐG.
Tuần 22-23 (ngày 05 - 16/8/2024)	1. Hội đồng TĐG các CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG các CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 (ngày 19 - 23/8/2024)	1. Trường ĐHKHTN gửi hồ sơ TĐG các CTĐT và công văn cho ĐHQGHN và Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT để báo cáo và đề nghị Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT cập nhật tên Trường ĐHKHTN vào danh sách các cơ sở giáo dục đã hoàn thành báo cáo TĐG CTĐT (nếu báo cáo TĐG đáp ứng các quy định). 2. Trường ĐHKHTN bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Phụ lục Bảng so sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân QLPT ĐT & BDS năm 2022 và 2023

CDR Khung CTĐT năm 2020	CDR Khung CTĐT năm 2023	Nhận xét sự cải tiến
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức		
1. Khái quát hóa và liên kết các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật để vận dụng thực hiện hiệu quả trong hoạt động quản lý phát triển đô thị và bất động sản 2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, khoa học sự sống làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản; 3. Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin và hiểu biết về cách mạng công nghệ 4.0 đáp ứng yêu cầu công việc. 4. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê... làm nền tảng lý luận và vận dụng hiệu quả vào thực tiễn Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản. 5. Phân tích được các quy luật địa lý tự nhiên và kinh tế, xã hội đối với từng các quy luật của thị trường; 6. Vận dụng được nguyên tắc và cơ sở của khoa học quản lý trong quản lý đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường đô thị. 7. Luận giải được nguyên nhân và đặc điểm sự biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội đô thị, biến động và sự khác biệt của thị trường bất động sản, giá đất đô thị theo không gian và thời gian;	1. Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh trong nghề nghiệp và cuộc sống. 2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn. 3. Vận dụng kiến thức cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tự tập luyện để nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân và cộng đồng. 4. Vận dụng các kiến thức về phân tích dữ liệu, Internet kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo trong học tập, nghiên cứu và sản xuất, thích ứng cao với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. 5. Vận dụng các kiến thức cơ bản về Khoa học Trái đất và sự sống cũng như các giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc của Việt Nam để rèn luyện và phát triển bản thân. 6. Vận dụng kiến thức về Khoa học tự nhiên để hình thành tư duy logic, nhận thức bản chất vấn đề trong quản lý, quy hoạch, kinh doanh và công nghệ 7. Vận dụng các kiến thức về các quy luật địa lý tự nhiên, kinh tế, xã hội để hiểu bối	Chương trình 2020: Trọng tâm là kiến thức chuyên sâu liên quan đến khoa học chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, xã hội và kỹ thuật số như viễn thám và GIS. Kiến thức này hỗ trợ cho việc quản lý phát triển đô thị và bất động sản với khả năng phân tích các quy luật tự nhiên và xã hội, biến động thị trường bất động sản, và vận dụng các phương pháp khoa học quản lý. Chương trình 2023: Có sự mở rộng về các kiến thức cơ bản và ứng dụng vào cuộc sống, như khoa học xã hội, thể dục thể thao, và văn hóa dân tộc. Vẫn giữ nguyên các yêu cầu về kiến thức kỹ thuật số, nhưng có thêm sự nhấn mạnh vào công nghệ 4.0 như IoT và AI. Kiến thức quản lý, quy hoạch, và kinh doanh đô thị cũng được cụ thể hóa hơn, nhằm thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số đô thị và bất động sản.

CDR Khung CTĐT năm 2020	CDR Khung CTĐT năm 2023	Nhận xét sự cải tiến
8. Vận dụng được các phương pháp và kĩ thuật thích hợp để đề xuất lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong quản lí tổng hợp hoặc quản lí từng vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường đô thị và thị trường bất động sản; 9. Vận dụng các công nghệ Kỹ thuật hiện đại về viễn thám và GIS, công nghệ/kỹ thuật mô phỏng/không gian hoặc đo đạc hiện trạng các sự vật, hiện tượng trên bề mặt Trái đất phục vụ quản lí phát triển đô thị và bất động sản. 10. Vận dụng các công cụ thu thập, phân tích, xử lý, tổng hợp dữ liệu về đô thị và bất động sản nhằm thực hiện hiệu quả và thông minh quản lí đô thị và bất động sản.	cảnh, nền tảng sự phát triển, thay đổi đô thị, đất đai và thị trường bất động sản. 8. Vận dụng các nguyên tắc và cơ sở của khoa học quản lí trong hoạt động quản lí nguồn lực đô thị và bất động sản. 9. Phân tích các nguồn lực phát triển trong quản lí, quy hoạch, chuyển đổi số đô thị và bất động sản. 10. Phân tích đặc điểm và nguyên nhân biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội đô thị, biến động đất đai và thị trường bất động sản theo không gian và thời gian. 11. Vận dụng các kiến thức ngành và chuyên ngành về pháp luật, quy hoạch, kinh tế, hành chính và công nghệ trong giải quyết các vấn đề về quản lí phát triển đô thị và bất động sản.	
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (PS - Program Skill)		
1. Thực hiện được việc lập kế hoạch, điều phối, quản lí có hiệu quả nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động khi tham gia triển khai dự án nghiên cứu khoa học, dự án điều tra phát triển đô thị và bất động sản, dự án hoặc công trình nghiên cứu hoạt động quy hoạch và quản lí đô thị; 2. Đánh giá được các hoạt động công việc, phân biện, và sử dụng các giải pháp thay thế khi thực hiện triển khai dự án nghiên cứu khoa học,	1. Thu thập, tổng hợp các tài liệu, dữ liệu cần thiết phục vụ công tác quản lí phát triển đô thị và bất động sản. 2. Ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật về bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý trong nhận diện biến đổi không gian đô thị và bất động sản. 3. Thiết kế, triển khai thực hiện và giải quyết được các vấn đề trong dự án nghiên cứu khoa học, dự án đầu tư phát triển đô thị	Chương trình 2020: Nhấn mạnh khả năng lập kế hoạch, điều phối, và quản lí hiệu quả nguồn lực, cùng với khả năng làm việc độc lập và trong nhóm. Kỹ năng lãnh đạo, sáng tạo trong giao tiếp, và khả năng tư duy phản biện cũng là những yếu tố quan trọng. Chương trình 2023: Bên cạnh các kỹ năng quản lí, còn bổ sung khả năng ứng dụng công nghệ, thiết kế và triển khai

CDR Khung CTĐT năm 2020	CDR Khung CTĐT năm 2023	Nhận xét sự cải tiến
dự án đầu tư phát triển đô thị và bất động sản, các hoạt động quy hoạch và quản lý đô thị. 3. Linh hoạt trong làm việc độc lập và tập thể, có phẩm chất lãnh đạo theo nhóm trong điều kiện làm việc khi đối mặt với thách thức trong các dự án hoặc công tác đầu tư phát triển đô thị và bất động sản; 4. Có khả năng phân tích, tổng hợp, nhận diện, tạo việc làm cho mình và cho người khác thông qua các hoạt động nghề nghiệp, tìm kiếm và trình bày vấn đề chuyên môn đạt chuẩn bảo vệ luận văn tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, đầu tư, tư vấn hay các kế hoạch doanh bất động sản; 5. Thể hiện và sáng tạo trong phát ngôn về giao tiếp, tìm kiếm và trình bày vấn đề chuyên môn đạt chuẩn bảo vệ luận văn tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, đầu tư, tư vấn hay các kế hoạch doanh bất động sản; 6. Thể hiện và sáng tạo trong phát ngôn về giao tiếp, thuyết phục, có trách nhiệm xã hội với các chuẩn bảo vệ luận văn tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, đầu tư, tư vấn hay các kế hoạch doanh bất động sản.	và bất động sản, hoạt động quy hoạch và quản lý đô thị. 4. Sử dụng cơ bản ngoại ngữ để giao tiếp, tìm kiếm và trình bày vấn đề chuyên môn đạt chuẩn bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. 5. Biểu hiện sự thông thạo trong trình bày về lĩnh vực chuyên môn bằng các phương tiện truyền thông, hiện đại; thể hiện tốt khả năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn. 6. Tổ chức và sắp xếp công việc hợp lý, khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác trong các lĩnh vực về phát triển nguồn lực đô thị, đầu tư, tư vấn hoặc kinh doanh bất động sản. 7. Thích ứng với các yêu cầu làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, thúc đẩy hoạt động nhóm và phát triển nhóm làm việc, chịu trách nhiệm với nhóm.	dự án, kỹ năng ngoại ngữ, và khả năng trình bày chuyên môn bằng phương tiện hiện đại. Kỹ năng khởi nghiệp và tổ chức công việc cũng được nhấn mạnh, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.
3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm (PR - Program Responsibility)		
1. Có tư duy nghiên cứu, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong công việc;	1. Tự chủ trong học tập và nghiên cứu; chịu trách nhiệm cá nhân; tự định hướng, bảo vệ được quan điểm cá nhân và đưa ra kết luận	Chương trình 2020: Tập trung vào trách nhiệm cá nhân trong công việc, khả năng bảo vệ quan điểm chuyên môn

CDR Khung CTĐT năm 2020	CDR Khung CTĐT năm 2023	Nhận xét sự cải tiến
2. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân và với nhóm làm việc; tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc được giao; 3. Có ý thức sáng tạo và đổi mới trong công tác chuyên môn nói riêng, trong công việc tập thể nói chung.	chuyên môn; sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể. 2. Tuân thủ các chủ trương, chính sách và quy định của tổ chức; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định; xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp; giữ vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý phát triển đô thị và bất động sản. 3. Nhận thức chuẩn xác vai trò và trách nhiệm của ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản đối với sự phát triển của xã hội.	và sáng tạo trong chuyên môn, với tinh thần trách nhiệm cao trong các nhiệm vụ được giao. Chương trình 2023: Vẫn giữ yếu tố tự chủ và trách nhiệm cá nhân, nhưng thêm vào yêu cầu tuân thủ các chủ trương, chính sách của tổ chức và giám sát, hướng dẫn người khác. Cũng nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của ngành đối với xã hội, cũng như xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.
Về phẩm chất đạo đức		
1. Tinh thần trách nhiệm với các nguồn lực của bản thân hoặc doanh nghiệp, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của nhân loại; 2. Kiên trì, chăm chỉ, tự tin và chủ động trong nghiên cứu, phát triển bản thân và sự nghiệp; 3. Có trách nhiệm công dân và ý thức tuyên truyền, phổ biến các kiến thức đã học trong giải quyết vấn đề xã hội.		
So sánh chung		
Chuẩn đầu ra 2020 có xu hướng tập trung vào việc trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết cho nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực quản lý đô thị và bất động sản, với sự nhấn mạnh vào việc tự chủ, trách nhiệm cá nhân, và sáng tạo.	Chuẩn đầu ra 2023 mở rộng phạm vi kiến thức và kỹ năng, bao gồm cả những yếu tố như công nghệ 4.0, ngoại ngữ, và văn hóa, cùng với sự nhấn mạnh vào vai trò tuân thủ quy định của tổ chức, giám sát và hướng dẫn người khác. Chuẩn này thể hiện một tầm nhìn rộng hơn, kết hợp giữa tự chủ cá nhân với trách nhiệm xã hội và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.	

Phụ lục 9. BẢNG DANH MỤC MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHKHTN	Cập nhật trên website 7/2022	Trường ĐHKHNT	
	2	H1.01.01.02	Điều 5, luật giáo dục đại học 2012	08/2012/QH2013, ngày 18/6/2013	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam	
	3	H1.01.01.03	Chương trình đào tạo của nhân Quản lí phát triển đô thị và bất động sản 2020	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020	ĐHQGHN	
	4	H1.01.01.04	Web của Trường và web của Khoa công bố bản mô tả CTĐT, Sứ mạng-tầm nhìn của Khoa	Hình ảnh chụp từ website của Trường và Khoa 2024	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	
	5	H1.01.01.05	CTĐT 2023	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020	ĐHQGHN	
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Quản lí phát triển đô thị và bất động sản 2020	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020	ĐHQGHN	
	2	H1.01.02.02	Website Trường và Khoa công bố công khai CĐR CTĐT 2020	Hình ảnh chụp từ website của Trường và Khoa 2024	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	
	3	H1.01.02.03	Ma trận CĐR 2020	...2020	Khoa Địa lý	
	4	H1.01.02.04	Danh mục học phần tiên quyết	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020 3546/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/10/2023	ĐHQGHN	
Tiêu chí 1.3	1	H1.01.03.01	Hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội về xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra	3109/HD-ĐHQGHN ngày 29/10/2010	ĐHQG Hà Nội	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	H1.01.03.02	Hướng dẫn 1144 năm 2023 của ĐHQGHN về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo Hướng dẫn 2324 năm 2023 của ĐHQGHN	Hướng dẫn 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03/4/2023	ĐHQG Hà Nội	
	3	H1.01.03.03	Hướng dẫn 2200 năm 2023 của ĐHKHTN	HD 2200/HD-ĐHKHTN ngày 18/07/2023	Trường ĐHKHTN	
	4	H1.01.03.04	Góp ý của các bên liên quan về CĐR 2023	2023	Khoa Địa lý	
Tiêu chuẩn 2	2					
Tiêu chí 2.1	1	H02.02.01.01	Các tài liệu Quy định mở ngành đào tạo thí điểm	Số: 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015	Bộ Giáo dục Đào tạo	
				Số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ Giáo dục Đào tạo	
				Số 3109/HD-ĐHQGHN, ngày 29 tháng 10 năm 2010	Đại học Quốc gia Hà Nội	
				Số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 12 năm 2022	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	2	H02.02.01.02	Danh sách chuyên gia tham gia xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020	Đề án mở ngành Chương trình đào tạo thí điểm trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	H02.02.01.03	Ban hành chương trình đào tạo	Số 723/QĐ-ĐHQGHN, ngày 06 tháng 03 năm 2020	ĐHQGHN	
	4	H02.02.01.04	Mô tả chương trình đào tạo (Chương trình đào tạo và Đề cương học phần ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản)	Đề án mở ngành Chương trình đào tạo thí điểm trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020	Trường ĐHKHTN	
	5	H02.02.01.05	Hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo: + Quyết định về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội + Hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại đại học quốc gia hà nội	Số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 12 năm 2022 Số 1144/HD-ĐHQGHN, ngày 03 tháng 04 năm 2023	ĐHQGHN	
	6	H02.02.01.06	Quyết định thành viên tham gia điều chỉnh chương trình đào tạo	Số 2674/QĐ-ĐHKHTN ngày 17 tháng 8 năm 2023	Khoa Địa lý	
	7	H02.02.01.07	Biên bản họp điều chỉnh Chương trình đào tạo năm 2023	15/12/2022 26/6/2023 1/8/2023 14/8/2023 .../2023	Khoa Địa lý	
	8	H2.02.01.08	Đề cương học phần chương trình đào tạo thí điểm trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	Năm 2023	Trường ĐHKHTN	
	9	H02.02.01.09	Chương trình đào tạo được công khai trên web Trường ĐHKHTN	Năm 2024	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	10	H02.02.01.10	Chương trình đào tạo được công khai trên web Khoa Địa lý	Năm 2024	Khoa Địa lý	
	11	H02.02.01.11	Tờ rơi quảng bá tuyển sinh 2020, 2021, 2022, 2023	2020, 2021, 2022, 2023	Khoa Địa lý	
	12	H02.02.01.12	Công tác tuyển sinh online và tại HUS	Giai đoạn 2022- 2024	Trường ĐHKHTN	
Tiêu chí 2.2	1	H02.02.02.01	Quy định về xây dựng CTĐT của ĐHQG và HUS: + Quyết định về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội + Hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại đại học quốc gia hà nội	Số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 12 năm 2022 Số 1144/HD-ĐHQGHN, ngày 03 tháng 04 năm 2023	ĐHQGHN	
	2	H02.02.02.02	Đề cương chi tiết học phần năm 2023	Năm 2023	Trường ĐHKHTN	
	3	H02.02.02.03	Ý kiến phản hồi của sinh viên về môn học: + Số 2343/KHTN-TTr,PC & ĐBCL về Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2020 + Số 3797/KHTN-TTr, PC & ĐBCL về Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng năm 2020 + Số 2036/BC-ĐHKHTN, Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm học 2021 – 2022. + Phiếu thu thập thông tin về khung chương trình đào tạo đại học ngành quản lý phát triển đô thị và bất động sản, khoa địa lý	Ngày 5 tháng 8 năm 2020 Ngày 15 tháng 12 năm 2020 Ngày 26 tháng 07 năm 2022 Năm 2023	Trường ĐHKHTN	
	4	H02.02.02.04	Chương trình đào tạo được công khai trên web Khoa Địa lý	Hình ảnh chụp từ website của Khoa 2024	Khoa Địa lý	
	5	H02.02.02.05	Đề cương môn học công khai cho sinh viên đầu năm học	Hình ảnh chụp từ classroom của sinh viên 2024	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01	Chương trình đào tạo được công khai trên web Trường ĐHKHTN	Năm 2024	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	H2.02.03.02	Chương trình đào tạo được công khai trên web Khoa Địa lý	Năm 2024	Trường ĐHKHTN	
	3	H2.02.03.03	Sổ tay sinh viên đầu năm học	2020-2024	Trường ĐHKHTN	
	4	H2.02.03.04	Đề cương chi tiết học phần năm 2023	Năm 2023	Trường ĐHKHTN	
		H2.02.03.05	Tờ rơi quảng bá tuyển sinh 2020-2023	Năm 2020 đến 2023	Khoa Địa lý	
	5	H2.02.03.06	Đề cương môn học công khai cho sinh viên đầu năm	Năm 2023	Trường ĐHKHTN	
	6	H02.02.03.07	Ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên	Kèm theo công văn số 3635/ĐHKHTN-TTPC ĐBCL ngày 2 tháng 11 năm 2022.	Trường ĐHKHTN	
	7	H02.02.03.08	Hình ảnh facebook khoa Địa lý quảng bá tuyển sinh	Năm 2021 đến 2024	Khoa Địa lý	
Tiêu chuẩn 3	3					
Tiêu chí 3.1	1	H03.03.01.01	Triết lý giáo dục, sứ mệnh và tầm nhìn của Địa lý	Website của Khoa	Khoa Địa lý	
	2	H03.03.01.02	Quy định về mở mới và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học tại ĐHQGHN	QĐ 1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/04/2018 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2022 1144/HD-ĐHQGHN	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	H03.03.01.03	- Đề án mở ngành CTĐT thí điểm trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020 - Quyết định số 723/QĐ-ĐHQGHN về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo CTĐT trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản (ngành thí điểm) ngày 06/03/2020 - Quyết định ban hành CTĐT ngành QLPTĐT & BĐS năm 2023 (điều chỉnh) - Đề cương chi tiết học phần cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020 - Đề cương chi tiết học phần cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2023	2020 3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023 2020	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	
	4	H03.03.01.04	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, ...) về CTDH; chất lượng hoạt động hỗ trợ dạy học; đánh giá của SV đối với hoạt động dạy học của GV	- 384/KHTN-TTr,PC&ĐBC, ngày 16/01/2020 - 3797/KHTN-TTr,PC&ĐBC, ngày 15/12/2020 - 3498/KHTN-TTr,PC&ĐBC, ngày 16/12/2021 - 2102/KHTN-TTr,PC&ĐBC, ngày 03/07/2019 - 2343/KHTN-TTr,PC&ĐBC, ngày 05/08/2020	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				- 1904/KHTN-TTr,PC&ĐBC, ngày 30/06/2021 - 2022 - 2023		
	5	H03.03.01.05	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH: 1. Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2020 – 2021 2. Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 – 2022 3. Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2023 – 2024 4. Hướng dẫn triển khai công tác HS-SV năm học 2020-2021 5. Hướng dẫn triển khai công tác HS-SV năm học 2021-2022 6. Lịch trình đào tạo năm học 2021-2022 6. Lịch trình đào tạo năm học 2022-2023	1. 30/6/2020 2. 30/6/2021 3. 30/6/2022 4. HD2685/ĐHKHTN 7/9/2020 5. HD2456/ĐHKHTN ngày 15/09/2021 6. CV2279/ĐHKHTN 16/08/2021	Khoa Địa lý Khoa Địa lý Khoa Địa lý ĐHKHTN ĐHKHTN ĐHKHTN	
	6	H03.03.01.06	Mô tả CDR của CTĐT được mô tả trong CTĐT ban hành năm 2020, 2023	3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023	Trường ĐHKHTN	
	7	H03.03.01.07	Ma trận kỹ năng năm 2020	2020	Khoa Địa lý	
	8	H03.03.01.08	Các khóa tập huấn/hội thảo kỹ năng mềm (thuyết trình, làm việc nhóm, học Tiếng Anh hiệu quả...)	21/06/2022; 01/03/2022	Trung tâm Dự báo và Phát triển	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					nguồn, ĐHQGHN	
	9	H03.03.01.09	Biên bản Hợp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Địa lý về mở ngành đào tạo mới năm 2019, 2020 và điều chỉnh CTĐT năm 2023	22/9/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
Tiêu chí 3.2	1	H03.03.02.01	Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành QLPTĐT&BDS ban hành các năm 2020, 2023 (điều chỉnh)	Quyết định số 723/QĐ-ĐHQGHN 06/03/2020 Quyết định 3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023	ĐHQGHN Trường ĐHKHTN Trường ĐHKHTN	
	2	H03.03.02.02	Đề cương chi tiết các học phần CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành QLPTĐT&BDS năm 2020, 2023	2020, 2023	Trường ĐHKHTN	
	3	H03.03.02.03	Triết lý giáo dục của Khoa Địa lý	Website của Khoa	Khoa Địa lý	
	4	H03.03.02.04	Ma trận kỹ năng của các học phần thuộc CTĐT ngành QLPTĐT&BDS năm 2020	2020	Khoa Địa lý	
	5	H03.03.02.05	Bản mô tả CTDH của CTĐT năm 2020 và 2023 QĐ ban hành CTĐT kèm CTĐT và đề cương chi tiết các học phần năm 2020, 2023	3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	
	6	H03.03.02.06	Các biên bản họp/tài liệu liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH - Biên bản họp HĐKH&ĐT Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo điều chỉnh	14/8/2023 22/9/2023	Khoa Địa lý Trường ĐHKHTN	
	7	H03.03.02.07	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần	23/3/2022	Trường ĐHKHTN	
	8	H03.03.02.08	Ví dụ về phương pháp giảng dạy học phần		Khoa Địa lý	
	9	H03.03.02.09	Báo cáo kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng viên hàng năm từ 2020-2023	2020-2023	Khoa Địa lý	
	10	H03.03.02.10	Mẫu phiếu nhận xét của cán bộ hướng dẫn, phản biện, rubric phiếu chấm điểm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên	10/6/2022	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	11	H03.03.02.11	Ví dụ về đề kiểm tra đánh giá cuối kỳ học phần trong CTĐT đại học ngành QLPTĐT&BDS		Khoa Địa lý	
	12	H03.03.02.12	Góp ý của các bên liên quan về CDR CTĐT 2023	2023	Khoa Địa lý	
	13	H03.03.02.13	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH: 1. Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2020 – 2021 2. Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 – 2022 3. Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2023 – 2024 4. Hướng dẫn triển khai công tác HS-SV năm học 2020-2021 5. Hướng dẫn triển khai công tác HS-SV năm học 2021-2022 6. Lịch trình đào tạo năm học 2021-2022	1. 30/6/2020 2. 30/6/2021 3. 30/6/2022 4. HD2685/ĐHKHTN 7/9/2020 5. HD2456/ĐHKHTN ngày 15/09/2021 6. CV2279/ĐHKHTN 16/08/2021	Khoa Địa lý Khoa Địa lý Khoa Địa lý ĐHKHTN ĐHKHTN ĐHKHTN	
	13	H03.03.02.14	Đề án tuyển sinh đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023 Đề án tuyển sinh, Tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về khóa học	- 27/5/2020 - 738/ĐHKHTN-ĐT ngày 30/3/2021 - 1833/ĐHKHTN-ĐT ngày 8/7/2022	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	
Tiêu chí 3.3	1	H03.03.03.01	Bản mô tả CTDH và bản mô tả các học phần năm 2023 (điều chỉnh)	3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023	Trường ĐHKHTN	
	2	H03.03.03.02	Đề cương chi tiết các học phần CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành QLPTĐT&BDS năm 2020 và 2023	3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023	Trường ĐHKHTN Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	H03.03.03.03	Thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ GD&ĐT	Bộ GD&ĐT	
	4	H03.03.03.04	Quy định về mở mới và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học tại ĐHQGHN	QĐ1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/04/2018 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2022 1144/HD-ĐHQGHN	ĐHQGHN	
	5	H03.03.03.05	Thời khóa biểu của khoa Địa lý các năm 2021-2024	2021-2024	Khoa Địa lý	
	6	H03.03.03.06	Bản mô tả CTDH và bản mô tả các học phần năm 2023 (điều chỉnh)	3546/QĐ-ĐHKHTN, ngày 18/10/2023	Trường ĐHKHTN	
	7	H03.03.03.07	Phiếu khảo sát của Phòng TTPC&ĐBCL, Phiếu phỏng vấn các bên liên quan: - Phiếu góp ý công tác lãnh đạo ban giám hiệu - Phiếu góp ý cán bộ hỗ trợ khối phòng ban - Phiếu khảo sát về môi trường làm việc - Phiếu khảo sát tự đánh giá của GV - Phiếu khảo sát người học tốt nghiệp về CTĐT - Phiếu khảo sát SV về học phần - Phiếu khảo sát SV về chất lượng các hoạt động hỗ trợ	10/6/2022 10/6/2022 10/6/2022 10/6/2022 10/6/2022 10/6/2022 10/6/2022 10/6/2022	Phòng TTPC&ĐBCL Phòng TTPC&ĐBCL Phòng TTPC&ĐBCL Phòng TTPC&ĐBCL	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					Phòng TTPC&ĐBCL Phòng TTPC&ĐBCL Phòng TTPC&ĐBCL Phòng TTPC&ĐBCL	
	8	H03.03.03.08	CTĐT đối sánh	2020-2023	Khoa Địa lý	
Tiêu chuẩn 4	4	H4.04.01.01.	Trang web của Khoa	Hình ảnh chụp từ website của Khoa 2024	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 4.1	1	H4.04.01.02.	Trang web ĐHQGHN công bố giá trị cốt lõi	Hình ảnh chụp từ website của ĐHQGHN 2024	ĐHQGHN	
	2	H4.04.01.03.	Giá trị cốt lõi, sứ mạng của trường ĐHKHTN	Hình ảnh chụp từ website của Trường 2024	Trường ĐHKHTN	
	3	H4.04.01.04.	Trang web của Khoa	Hình ảnh chụp từ website của Khoa 2024	Khoa Địa lý	
	4	H4.04.01.05.	Sứ mạng của Trường (trang web)	Hình ảnh chụp từ website của Trường 2024	Trường ĐHKHTN	
	5	H4.04.01.06.	Chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN			
	6	H4.04.01.07.	Chiến lược phát triển của ĐHQGHN	Hình ảnh chụp website ĐHQGHN công khai Chiến lược phát triển của ĐHQGHN	ĐHQGHN	
	7	H4.04.01.08.	Văn bản hội nghị tổng kết năm học		Khoa Địa lý	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	8	H4.04.01.09.	Văn bản hợp xây dựng, điều chỉnh CTĐT		Khoa Địa lý	
	9	H4.04.01.10.	Tài liệu phổ biến sinh viên đầu khóa có nội dung phổ biến triết lý giáo dục		Trường ĐHKHTN	
	10	H4.04.01.11.	Văn bản/Hình ảnh đối thoại với sinh viên của lãnh đạo nhà trường	Hình ảnh chụp trên Facebook của Khoa và Trường	Trường ĐHKHTN Khoa Địa lý	
	11	H4.04.01.12.	Đề án tuyển sinh mà hàng năm, tờ rơi quảng bá tuyển sinh	Hình ảnh chụp website Trường công bố đề án tuyển sinh	Trường ĐHKHTN	
	12	H4.04.01.13.	Thông tin tuyển sinh đăng trên facebook	Hình ảnh đăng trên Facebook của Khoa địa lý	Khoa địa lý	
Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01.	Mô tả CDR của CTĐT theo quyết định ban hành CTĐT ngành QLPTĐT&BDS năm 2020 và 2023 Ma trận CDR tích hợp vào các học phần năm 2020, 2023	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020 3546/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/10/2023	ĐHQGHN	
	2	H4.04.02.02.	Đề cương chi tiết học phần của một số học phần có cập nhật kiến thức mới			
	3	H4.04.02.03.	Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020 3546/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/10/2023	ĐHQGHN	
	4	H4.04.02.04.	Bài giảng và chuẩn đầu ra của một số học phần		Khoa địa lý	
	5	H4.04.02.05.	Văn bản học tập theo tín chỉ	Số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 12 năm 2022	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	6	H4.04.02.06	Tài liệu khóa học các phương pháp đánh giá người học LMS Danh sách giảng viên tham gia khóa học LMS		Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	7	H4.04.02.07.	Bản tổng hợp kết quả và giải nghiên cứu khoa học của sinh viên		Khoa địa lý Trường ĐHKHTN	
	8	H4.04.02.08.	Danh sách sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp	Danh sách sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp	Khoa địa lý	
	9	H4.04.02.09.	Bài giảng được thiết kế phong phú, nhiều hình ảnh, video			
	10	H4.04.02.10.	Thông tư số 08 ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, ngày 18 tháng 03 năm 2021	Số: 08/2021/TT-BGDĐT	BGDĐT	
	11	H4.04.02.11.	Quyết định GVCN các lớp Hình ảnh GVCN gặp mặt các lớp đầu năm, hình ảnh trao đổi của GVCN với sinh viên	Danh sách GVCN các lớp cập nhật ngày 15/08/2024	Khoa địa lý	
	12	H4.04.02.12.	Bài giảng mẫu thể hiện nội dung của học phần, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần		Khoa Địa lý	
	13	H4.04.02.13.	Hình ảnh website thư viện ĐHQGHN	Hình ảnh website thư viện ĐHQGHN	ĐHQGHN	
	14	H4.04.02.14.	Kết quả phản hồi sinh viên về giảng viên	Hình ảnh kết quả sinh viên phản hồi về giảng viên	Trường ĐHKHTN	
	15	H4.04.02.15.	Mẫu phiếu lấy ý kiến giảng viên	Hình ảnh mẫu lấy ý kiến giảng viên	Trường ĐHKHTN	
	16	H4.04.02.16.	Kết quả bình xét danh hiệu giảng dạy xuất sắc		Trường ĐHKHTN	
Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01.	Quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN	Số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 12 năm 2022	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	2	H4.04.03.02.	Website thư viện ĐHQGHN Hình ảnh trụ sở Thư viện	Hình ảnh website thư viện ĐHQGHN	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	H4.04.03.03	Minh chứng về cung cấp tài khoản cho sinh viên vào thư viện của ĐHQG, Trường	Danh sách tài khoản thư viện ĐHQGHN	Trường ĐHKHTN	
	4	H4.04.03.04.	Kết quả nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ.	Danh sách cán bộ đi công tác, học tập	Trường ĐHKHTN	
	5	H4.04.03.05.	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm cố vấn học tập, hình ảnh trao đổi của GVCN với sinh viên	Danh sách GVCN các lớp cập nhật ngày 15/08/2024	Khoa địa lý	
Tiêu chuẩn 5	5					
Tiêu chí 5.1	1	[H5.05.01.01]	Thông tư và Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo 26/2/2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo	03/2015/TT-BGDĐT 05/2017/TT-BGDĐT, ngày 25/1/2017	Bộ GD&ĐT	
	2	[H5.05.01.02]	Quy chế giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo	08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021	Bộ GD&ĐT	
	3	[H5.05.01.03]	Quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN	5115/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/12/2014	ĐHQGHN	
	4	[H5.05.01.04]	Phương án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên qua các năm 2019-2024 Thông báo tuyển sinh trên trang web thông tin của trường Điểm chuẩn tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ngành QLPT&ĐT&BDS qua các năm)	4/6/2024	ĐHKHTN	
	5	[H5.05.01.05]	Hướng dẫn, tổ chức quản lý giảng dạy, học tập của Trường ĐHKHTN	2169/HD-ĐHKHTN, ngày 31/8/2020	ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2495/HD-ĐHKHTN, ngày 31/8/2022		
	6	[H5.05.01.06]	Khung chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành QLPTĐT&BDS	3546/QĐ-ĐHKHTN	ĐHKHTN	
	7	[H5.05.01.07]	- Bộ đề cương chi tiết môn học của CTĐT - Bảng ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ma trận chuẩn đầu ra của các học phần - Bảng ma trận CĐR CTĐT và phương pháp đánh giá	10/8/2024	Khoa Địa lý	
	8	[H5.05.01.08]	Tiêu chí chấm điểm, đề thi, đáp án và điểm bộ phận một số học phần	10/7/2023	Khoa Địa lý	
	9	[H5.05.01.09]	Hướng dẫn thực hiện khoá luận, chấm khoá luận tốt nghiệp của sinh viên	162/HD-ĐHKHTN ngày 19/1/2021	ĐHKHTN	
	10	[H5.05.01.10]	Tài liệu khóa học các phương pháp đánh giá người học LMS Danh sách giảng viên tham gia khóa học LMS	Nội dung và hướng dẫn tham dự tập huấn về PP và CN dạy học mới tại ĐHQGHN năm 2022 Danh sách cán bộ khoa Địa lý tham dự lớp tập huấn LMS 2022	ĐHQGHN Khoa Địa lý	
	11	[H5.05.01.11]	Khung năng lực giảng dạy, đào tạo của GV đánh giá người học			
	12	[H5.05.01.12]	Quy định về ra đề thi, chấm thi học kỳ của Trường ĐHKHTN	921/HD-ĐHKHTN, ngày 09/04/2019	ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				1328/ ĐHKHTN-ĐT, ngày 26/5/2020 1615/HD-ĐHKHTN, ngày 11/6/2021 29/10/2021 1350 /ĐHKHTN-ĐT, ngày 23/5/2022		
	13	[H5.05.01.13]	Hướng dẫn tổ chức thi học kỳ	1346/HD-ĐHKHTN ngày 23/5/2022; 3340/HD-ĐHKHTN ngày 3/12/2021.	ĐHKHTN	
	14	[H5.05.01.14]	Quyết định thành lập các đoàn thực tập, thực tế	421/QĐ-ĐHKHTN ngày 22/2/2024; 422/QĐ-ĐHKHTN ngày 22/2/2024; 423/QĐ-ĐHKHTN ngày 22/2/2024.	ĐHKHTN	
	15	[H5.05.01.15]	Báo cáo thực tập một số học phần cùng với ảnh thực hành thực tập	24/3/2024 8/7/2023	Khoa Địa lý	
	16	[H5.05.01.16]	Thông báo hội nghị khoa học sinh viên	810/ĐHKHTN-KHCN 22/3/2024; 895/TB-ĐHKHTNv28/3/2024.	ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	17	[H5.05.01.17]	Thống kê số đề tài NCKHSV của ngành QLPTĐT&BDS các năm 2020-2024	2021, 2022, 20232024	Khoa Địa lý	
	18	[H5.05.01.18]	Thống kê số đề tài đạt giải NCKHSV của ngành QLPTĐT&BDS các năm 2020-2024	2021, 2022, 20232025	Khoa Địa lý	
	19	[H5.05.01.19]	Thống kê số đề tài NCKHSV theo hướng đề tài, dự án của giảng viên	2021, 2022, 20232026	Khoa Địa lý	
	20	[H5.05.01.20]	Quy định về tổ chức làm khóa luận tốt nghiệp, chấm điểm khóa luận tốt nghiệp và giảng dạy các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đại học chính quy của VNU-HUS	308/HD-ĐHKHTN ngày 26/1/2024	ĐHKHTN	
	21	[H5.05.01.21]	Quy định của Khoa về tiêu chuẩn sinh viên được xét làm KLTN	2024	Khoa Địa lý	
	22	[H5.05.01.22]	Quyết định thành lập Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp	31/5/2024	Khoa Địa lý	
	23	[H5.05.01.23]	Hình ảnh buổi bảo vệ KLTN của Khoa Địa lý	8/7/2023	Khoa Địa lý	
	24	[H5.05.01.24]	Thống kê số đề tài KLTN/tổng sinh viên năm cuối của ngành	2024	Khoa Địa lý	
	25	[H5.05.01.25]	Phiếu chấm điểm khóa luận sinh viên (rubric)	2024	Khoa Địa lý	
	26	[H5.05.01.26]	Danh sách sinh viên ngành QLPTĐT&BDS bảo vệ khóa luận tốt nghiệp được điểm khuyến khích	2024	Khoa Địa lý	
	27	[H5.05.01.27]	Hướng dẫn triển khai công tác đánh giá điểm rèn luyện và kết quả tổng hợp điểm rèn luyện của các lớp	2836-ĐHKHTN-CTSV ngày 6/9/2029	ĐHKHTN	
	28	[H5.05.01.28]	Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên	31/5/2024	Khoa Địa lý	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	29	[H5.05.01.29]	Hướng dẫn thực hiện giảng dạy online	871/TB-ĐHKHTN ngày 9/3/2020	ĐHKHTN	
	30	[H5.05.01.30]	Hướng dẫn hình thức tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến	1615/HD-ĐHKHTN ngày 11/06/2021	ĐHKHTN	
Tiêu chí 5.2	1	[H5.05.02.01]	Tài liệu sinh viên	2020-2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	2	[H5.05.02.02]	Tài liệu sinh viên	2020-2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	3	[H5.05.02.03]	Ví dụ phần đầu slide bài giảng của một số học phần được khoa phê duyệt	2024	Khoa Địa lý	
	4	[H5.05.02.04]	Thông báo học chính trị đầu năm học	2897/ĐHKHTN-CTSV ngày 21/8/2018; 2498/ĐHKHTN-CTSV ngày 9/8/2019; 2813/ĐHKHTN-CTSV ngày 18/9/2020;...	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	5	[H5.05.02.05]	Trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo Trường ĐHKHTN có các qui định về đánh giá người học	2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	6	[H5.05.02.06]	Trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo Khoa Địa lý có các qui định về đánh giá người học	2024	Khoa Địa lý	
	7	[H5.05.02.07]	Mẫu phiếu đánh giá phản hồi về học phần của người học	Trích trong QĐ 5077/HD-ĐHQGHN ngày 23/12/2014	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	8	[H5.05.02.08]	Kết quả tổng hợp phản hồi đánh giá học phần của người học qua các năm 2019-2024	2343/KHTN-TTr, PC&ĐBCL ngày 5/8/2020; 1904/BC-ĐHKHTN ngày 30/6/2021; 2022; 2159/BC-ĐHKHTN ngày 14/7/2023.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	9	[H5.05.02.09]	Kế hoạch thực tập và hình ảnh họp hướng dẫn các đoàn thực tập trước khi đi thực tập	3/8/2024	Khoa Địa lý	
	10	[H5.05.02.10]	Thông báo danh sách sinh viên ngành QLPTĐT&BDS đủ điều kiện làm KLTN và sinh viên học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	2024	Khoa Địa lý	
	11	[H5.05.02.11]	Thông báo kế hoạch bảo vệ KLTN của Khoa Địa lý (thông báo, hướng dẫn, trình tự chấm khóa luận, phiếu chấm khóa luận, rubric)	2024	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 5.3	1	[H5.05.03.01]	Quy chế công tác học sinh sinh viên tại ĐHQGHN	32/QĐ-ĐHQGHN ngày 5/1/2017	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H5.05.03.02]	Hướng dẫn tổ chức thi học kỳ của VNU-HUS: - Hướng dẫn công tác thi học kỳ - Quy định trách nhiệm của sinh viên trong kỳ thi - Quy định trách nhiệm của cán bộ coi thi trong kỳ thi - Quy định về ra đề thi, chấm thi, nhận đề thi, công bố kết quả thi - Trách nhiệm thanh tra giám sát công tác thi học kỳ	1615/HD-ĐHKHTN ngày 11/6/2021; 3340 /HD-ĐHKHTN ngày 3/12/2021	ĐHKHTN	
	3	[H5.05.03.03]	Thông báo về tình hình tổ chức thi học kỳ của phòng Đào tạo	1989/ĐHKHTN-ĐT ngày 2/7/2024	ĐHKHTN	
	4	[H5.05.03.04]	Báo cáo công tác thanh tra thi học kỳ của VNU-HUS	1269/BC-ĐHKHTN ngày 14/5/2021; 1447/BC-ĐHKHTN ngày 1/6/2022.	ĐHKHTN	
	5	[H5.05.03.05]	Thông báo về việc kỷ luật vi phạm quy chế thi của VNU-HUS			
	6	[H5.05.03.06]	Quyết định về việc kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi của VNU-HUS			
	7	[H5.05.03.07]	Thông báo chấm phúc khảo của VNU-HUS (công văn thông báo, mẫu đơn phúc khảo, thông báo qua email, ví dụ về đơn phúc khảo của sinh viên)	725/TB-ĐHKHTN ngày 30/3/2021	ĐHKHTN	
	8	[H5.05.03.08]	Hướng dẫn của Khoa Địa lý về quy trình phúc khảo bài thi	2021, 2022, 2023, 2024	Khoa Địa lý	
	9	[H5.05.03.09]	Phân tích, đánh giá của giảng viên đối với kết quả học tập sinh viên			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	10	[H5.05.03.10]	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đạo tạo của Khoa về tiêu chí, thang điểm đánh giá KLTN			
	11	[H5.05.03.11]	Danh sách cán bộ hướng dẫn KLTN sinh viên	2024	Khoa Địa lý	
	12	[H5.05.03.12]	Thống kê số đề tài KLTN theo hướng đề tài, dự án của giảng viên	2024	Khoa Địa lý	
	13	[H5.05.03.13]	1) Hướng dẫn tổng kết năm học của VNU-HUS. 2) Biên bản hội nghị tổng kết Khoa trong đó có thảo luận về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/CTĐT			
Tiêu chí 5.4	1	[H5.05.04.01]	Cổng thông tin đào tạo của VNU-HUS	https://daotao.vnu.edu.vn/dkmh/login.asp	ĐHKHTN	
	2	[H5.05.04.02]	Thông báo danh sách sinh viên không đủ điều kiện dự thi		ĐHKHTN	
	3	[H5.05.04.03]	Danh sách sinh viên xét học vụ của ngành QLPTĐT&BDS	31/3/2023	ĐHKHTN	
	4	[H5.05.04.04]	Tọa đàm sinh viên với Trường	3413/DDHKHTN-CTSV ngày 1/11/2019	ĐHKHTN	
	5	[H5.05.04.05]	Hình ảnh sinh viên được trao giải trong Hội nghị sinh viên NCKH cấp Khoa	16/4/2024	Khoa Địa lý	
	6	[H5.05.04.06]	Phản hồi của sinh viên sau khi công bố điểm đánh giá bộ phận của học phần	2021, 2022, 2023, 2024	ĐHKHTN	
	7	[H5.05.04.07]	Danh sách sinh viên được học bổng khuyến khích học tập giai đoạn 2020-2024	2021, 2022, 2023, 2024	ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	8	[H5.05.04.08]	Quyết định cảnh báo học tập đối với sinh viên ngành QLPTĐT&BDS của VNU-HUS	950/QĐ-KHTN ngày 31/3/2023	ĐHKHTN	
	9	[H5.05.04.09]	Thời khóa biểu sinh viên học cải thiện một số học phần	2024	Sinh viên	
	10	[H5.05.04.10]	Bảng điểm của một số sinh viên bị điểm D và D+	2024	Sinh viên	
	11	[H5.05.04.11]	Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của VNU-HUS	QĐ 2694/ĐHKHTN-CTSV ngày 8/9/2020	ĐHKHTN	
	12	[H5.05.04.12]	Điểm của sinh viên bị thông báo xử lý học vụ ở các kỳ sau so với kỳ bị xử lý học vụ	2024	Sinh viên	
	13	[H5.05.04.13]	Hội nghị Đào tạo hàng năm do Phòng Đào tạo tổ chức của Trường ĐHKHTN			
Tiêu chí 5.5	1	[H5.05.05.01]	Kết quả chấm thi sau phúc khảo thi cuối học kỳ	725/TB-ĐHKHTN	ĐHKHTN	
	2	[H5.05.05.02]	Tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo Sổ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên			
	3	[H5.05.05.03]	Gặp mặt đối thoại với sinh viên của VNU-HUS (thông báo, biên bản, hình ảnh buổi gặp mặt)	3614/ĐHKHTN-CTSV ngày 27/10/2017; 3200/ĐHKHTN-CTSV ngày 11/9/2018; 3413/ĐHKHTN-CTSV ngày 1/11/2019;	ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 6	6					
Tiêu chí 6.1	1	H6.06.01.01	Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2025, tầm nhìn 2035	2018	Trường ĐHKHTN	
	2	H6.06.01.02	Báo cáo tóm tắt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa Địa lý		Khoa Địa lý	
	3	H6.06.01.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 khoa Địa lý	30/6/2020	Khoa Địa lý	
			Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 khoa Địa lý	30/6/2021	Khoa Địa lý	
			Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 khoa Địa lý	30/6/2022	Khoa Địa lý	
			Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 khoa Địa lý	30/6/2023	Khoa Địa lý	
	4	H6.06.01.04	Danh sách cán bộ Khoa ĐL tham gia CTĐT 2019-2023	2024	Khoa Địa lý	
			Hợp đồng lao động (Đồng Vũ Hà, Nguyễn Phương Bắc, Nguyễn Hữu Duy)			
	5	H6.06.01.05	Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
			Quy định về tuổi nghỉ hưu	Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020	Chính phủ	
	6	H6.06.01.06	Bằng TS của 7 cán bộ bảo vệ từ năm 2020-2024			
			Bằng TS Đỗ Thị Tài Thu	Số hiệu bằng: QT 002082 ngày 16/03/2020	ĐHQGHN	
			Bằng TS Phạm Văn Mạnh	Số hiệu bằng: QT 002469 ngày 28/12/2021	ĐHQGHN	
			Bằng TS Nguyễn Quốc Huy	Số hiệu bằng: P0767233	Feng Chia University	
			Bằng TS Lê Phương Thúy	Số hiệu bằng: QT 002697 ngày 30/12/2022	ĐHQGHN	
			Bằng TS Đặng Thị Ngọc	Số hiệu bằng: QT 002706 ngày 30/12/2022	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Bảng TS Đỗ Trung Hiếu	Số hiệu bảng: QT 002721 ngày 30/12/2022	ĐHQGHN	
			Bảng TS Hoàng Thị Thúy	Số hiệu bảng: QT 002704 ngày 30/12/2022	ĐHQGHN	
Tiêu chí 6.2	1	H6.06.02.01	Quy định chuẩn quốc gia đối với các cơ sở giáo dục đại học	Thông tư 24/2015/TT/BGD&ĐT ngày 23/9/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
			Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Thông tư số 06/2018/TT/BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
			Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	Thông tư 32/2015/TT/BGD&ĐT ngày 16/12/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	2	H6.06.02.02	Phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV			
			Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức, người lao động và tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Trường ĐHKHTN, ĐHQG Hà Nội	Số 409/ĐHKHTN-TCCB ngày 25/02/2021	Trường ĐHKHTN	
			Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2021 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2022	Số 361/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 21/02/2022	Trường ĐHKHTN	
			Báo cáo về công tác phát triển đội ngũ giáo sư, phó giáo sư	Số 3142/BC-ĐHKHTN ngày 31/10/2022	Trường ĐHKHTN	
	3	H6.06.02.03	Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 1819/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/6/2017	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 4326/QĐ-ĐHQGHN ngày 27/12/2021	ĐHQGHN	
			Quy định về chế độ làm việc đối với nghiên cứu viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 3089/QĐ-ĐHQGHN ngày 14/9/2022	ĐHQGHN	
			Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	Quyết định số 3122/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/10/2022	Trường ĐHKHTN	
			Quy định về chế độ làm việc đối với nghiên cứu viên tại Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	Quyết định số 3123/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/10/2022	Trường ĐHKHTN	
			Sửa đổi, bổ sung Quy định tạm thời về chế độ làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên tại Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	Quyết định số 1240/QĐ-ĐHKHTN ngày 26/04/2024	Trường ĐHKHTN	
	4	H6.06.02.04	Bản mô tả vị trí việc làm của GV/NCV		Khoa Địa lý	
			Bản mô tả công việc Giảng viên Kèm theo công văn số 3063/ĐHKHTN-TCCB ngày 8/10/2020	Công văn số 3063/ĐHKHTN-TCCB ngày 8/10/2020	Trường ĐHKHTN	
			Bản mô tả công việc Nghiên cứu viên	02/12/2022	Trường ĐHKHTN	
	5	H6.06.02.05	Thống kê về công bố KH của cán bộ Khoa Địa lý	2019-2023		
	6	H6.06.02.06	File thống kê công việc và đánh giá giảng viên cuối năm			
			Phiếu đánh giá cán bộ cuối năm			
	7	H6.06.02.07	Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động trong Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.	Quyết định số 1606/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/6/2022	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, người lao động trong Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 3768/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/10/2014	ĐHQGHN	
	2	H6.06.03.02	Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức quản lý trong Đại học Quốc Gia Hà Nội	Quyết định số 3668/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/10/2014	ĐHQGHN	
	3	H6.06.03.03	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức quản lý trong Đại học Quốc Gia Hà Nội	Quyết định số 2468/QĐ-ĐHQGHN ngày 27/8/2020	ĐHQGHN	
	4	H6.06.03.04	Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với viên chức quản lý trong Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 3268/QĐ-ĐHKHTN ngày 26/10/2020	Trường ĐHKHTN	
	5	H6.06.03.05	Thông tin tuyển dụng được công bố trên các trang thông tin			
			Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2022	Thông báo số 1698/TB-ĐHKHTN ngày 24/6/2022	https://hus.vnu.edu.vn/thong-bao/thong-bao-chung/truong-dai-hoc-khoa-hoc-tu-nhien-thong-bao-tuyen-dung-vien-chuc-nam-2022-89497.html	
			Thông báo tuyển dụng Nghiên cứu viên Trung tâm nghiên cứu Ứng dụng Viễn thám và Hệ thông tin địa lý, khoa Địa lý	02/12/2022	https://hus.vnu.edu.vn/thong-	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					bao/thong-bao-tuyen-dung-nghien-cuu-vien-100686.html	
			Thông báo tuyển dụng - Nghiên cứu viên bộ môn Bản đồ và Địa thông tin, Khoa Địa lý	20/6/2023	https://hus.vnu.edu.vn/thong-bao/thong-bao-chung/thong-bao-tuyen-dung-nghien-cuu-vien-bo-mon-ban-do-va-dia-thong-tin-khoa-dia-ly-truong-dai-hoc-khoa-hoc-tu-nhien-dhqghn-121970.html	
			Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2024	Thông báo số 1290/TB-ĐHKHTN ngày 06/5/2024	https://hus.vnu.edu.vn/thong-bao/thong-bao-chung/thong-bao-tuyen-dung-vien-chuc-nam-2024-144403.html	
	6	H6.06.03.06	QĐ ban hành Quy định về hợp đồng lao động	Quyết định số 3485/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/9/2015	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			QĐ ban hành Quy định về ký kết hợp đồng thử việc và hợp đồng lao động trong Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	Quyết định số 1607/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/6/2022	Trường ĐHKHTN	
			QĐ Ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, người lao động trong ĐHQGHN Quy định về hợp đồng lao động của Trường ĐHKHTN	Quyết định số 3768/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22/10/2014	ĐHQGHN	
			QĐ V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức quản lý trong ĐHQGHN	Quyết định số 2468/QĐ-ĐHQGHN, ngày 27/08/2020	ĐHQGHN	
	7	H6.06.03.07	Quyết định bổ nhiệm PGS (Hoàng Thị Thu Hương)	Quyết định số 4828/QĐ-ĐHKHTN ngày 25/12/2023	Trường ĐHKHTN	
	8	H6.06.03.08	Danh sách giảng viên, NCV được bổ nhiệm, điều động từ năm 2019-2024			
		H6.06.03.09	QĐ bổ nhiệm viên chức quản lý 2020	Quyết định số 2197/QĐ-ĐHKHTN ngày 23/7/2020	Trường ĐHKHTN	
		H6.06.03.10	QĐ bổ nhiệm viên chức quản lý 2022	Quyết định số 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248/QĐ-ĐHKHTN ngày 27/01/2022	Trường ĐHKHTN	
			QĐ bổ nhiệm viên chức quản lý 2024	Quyết định số 1752/QĐ-ĐHKHTN ngày 12/6/2024	Trường ĐHKHTN	
			QĐ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp GVCC	Quyết định số 191/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/01/2024	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			QĐ tiếp nhận viên chức năm 2021	Quyết định số 2613, 2614, 2615, 2616, 2617/QĐ-ĐHKHTN ngày 30/9/2021	Trường ĐHKHTN	
			QĐ tiếp nhận và tuyển dụng viên chức năm 2022	Quyết định số 3345, 3346, 3358, 3364/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/11/2022	Trường ĐHKHTN	
			Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
			Minh chứng về: Giảng viên được Nhà trường bổ nhiệm chức danh PGS, đáp ứng đủ điều kiện sẽ được Bộ Nội vụ uỷ quyền để ĐHQGHN bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp trên cơ sở đề nghị của Trường ĐHKHTN	4828/QĐ-ĐHKHTN ngày 25/12/2023 191/QĐ-ĐHKHTN ngày 18/01/2024	Trường ĐHKHTN	
Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Công văn cử VC&NLĐ tham gia Khoá bồi dưỡng nghiệp vụ sự phạm năm 2017	Công văn số 3776/ĐHKHTN-TCCB ngày 9/11/2017	Trường ĐHKHTN	
	2	H6.06.04.02	Công văn cử cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I)	545/ĐHKHTN-TCCB ngày 11/3/2021	Trường ĐHKHTN	
			Danh sách cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học năm 2022	Giấy triệu tập số 3193/GTT-ĐHKHTN ngày 04/11/2022	Trường ĐHKHTN	
			Danh sách cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học năm 2024	Công văn số 1483/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 22/5/2024	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	H6.06.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, trao đổi ở nước ngoài			
			Cử cán bộ đi học tập, trao đổi ở nước ngoài năm 2022 (Hoàng Thị Thu Hương)	Quyết định số 502/QĐ-ĐHKHTN ngày 14/03/2022	Trường ĐHKHTN	
			Cử cán bộ đi học tập, trao đổi ở nước ngoài năm 2023 (Nguyễn Thị Hà Thành, Đặng Kinh Bắc)	Quyết định số 498/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/02/2023; 540/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/02/2023	Trường ĐHKHTN	
			Cử cán bộ đi học tập, trao đổi ở nước ngoài năm 2024 (Trần Văn Trường, Hoàng Thị Thu Hương, Bùi Quang Thành, Nguyễn Quốc Huy)	Quyết định số 740/QĐ-ĐHKHTN ngày 19/03/2024; 877/QĐ-ĐHKHTN ngày 27/03/2024; 1311/QĐ-ĐHKHTN ngày 07/05/2024; 1658/QĐ-ĐHKHTN ngày 05/06/2024;	Trường ĐHKHTN	
	4	H6.06.04.04	Ví dụ về phiếu đánh giá; bảng kê khai công việc; phiếu đánh giá, xếp loại giảng viên/nghiên cứu viên; đăng kí danh hiệu thi đua của cán bộ giảng dạy	năm 2024	Khoa Địa lý	
	5	H6.06.04.05	Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với NC&NLĐ năm học 2019-2020	Quyết định số 2141/QĐ-ĐHKHTN ngày 20/07/2020	Trường ĐHKHTN	
			Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với NC&NLĐ năm 2021	Quyết định số 95/QĐ-ĐHKHTN ngày 12/01/2022	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
6			Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với NC&NLĐ năm 2022	Quyết định số 66/QĐ-ĐHKHTN ngày 09/01/2023	Trường ĐHKHTN	
			Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với NC&NLĐ năm 2023	Quyết định số 31/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/01/2024	Trường ĐHKHTN	
		H6.06.04.06	Danh sách cán bộ được khen thưởng, kỷ luật hàng năm			
			Khen thưởng năm học 2019-2020	Quyết định số 2789/QĐ-ĐHKHTN ngày 17/9/2020	Trường ĐHKHTN	
			Công nhận danh hiệu thi đua và tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho các tập thể, cá nhân thuộc trường ĐHKHTN đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Quyết định số 2862/QĐ-ĐHQGHN ngày 02/10/2020	ĐHQGHN	
			Khen thưởng năm học 2020-2021	Quyết định số 2561/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/9/2021	Trường ĐHKHTN	
			Khen thưởng danh hiệu Giảng viên xuất sắc và Nghiên cứu viên xuất sắc năm học 2020-2021	Quyết định số 3126/QĐ-ĐHKHTN ngày 12/11/2021	Trường ĐHKHTN	
			Công nhận danh hiệu thi đua và tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho các tập thể, cá nhân thuộc trường ĐHKHTN đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Quyết định số 2950/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/10/2021	ĐHQGHN	
			Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho các tập thể và cá nhân của Trường ĐHKHTN nhân dịp kỷ niệm năm thành lập đơn vị	Quyết định số 3961/QĐ-ĐHQGHN ngày 02/12/2021	ĐHQGHN	
			Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho 29 tập thể và 80 cá nhân thuộc ĐHQGHN đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021.	Quyết định số 232/QĐ-BGDĐT ngày 13/01/2022	Bộ GD&ĐT	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Khen thưởng năm học 2021-2022	Quyết định số 2402/QĐ-ĐHKHTN ngày 26/8/2022	Trường ĐHKHTN	
			Khen thưởng danh hiệu Giảng viên xuất sắc và Nghiên cứu viên xuất sắc năm học 2021-2022	Quyết định số 3176/QĐ-ĐHKHTN ngày 22/11/2022	Trường ĐHKHTN	
			Công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc trường ĐHKHTN đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2021-2022	Quyết định số 3362/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/10/2022	ĐHQGHN	
			Công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” cho 186 cá nhân đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021 - 2022	Quyết định số 3105/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2022	Bộ GD&ĐT	
			Khen thưởng năm học 2022-2023	Quyết định số 3322/QĐ-ĐHKHTN ngày 29/9/2023	Trường ĐHKHTN	
			Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho 75 nhà khoa học đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2022	Quyết định số 540/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/02/2023	ĐHQGHN	
			“Guong mặt trẻ tiêu biểu cấp Đại học Quốc gia Hà Nội” năm 2023	Quyết định số 4609/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/12/2023	ĐHQGHN	
7		H6.06.04.07	Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	Công văn số 5077/HD-ĐHQGHN ngày 23/12/2014; 581/HD-ĐHQGHN ngày 20/2/2020	ĐHQGHN	
			Mẫu phiếu khảo sát của sinh viên về học phần		Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	8	H6.06.04.08	Thống kê kết quả đánh giá của sinh viên về GV và đội ngũ hỗ trợ	2019- 2023	Trường ĐHKHTN	
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.05.01	Kế hoạch và kết quả bồi dưỡng viên chức trong nước của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên			
	2	H6.06.05.02	Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu của cán bộ Khoa Địa lý, (Minh chứng phân công đề tài QG, TN cho cán bộ của Khoa, Các qđ phê duyệt đtai KC, Nafosted, hợp tác qte, đtai cấp địa phương...)			
			Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu của cán bộ Khoa Địa lý	2019-2023		
			QĐ phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp ĐHQGHN năm 2020	Quyết định số 1053/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/04/2020	ĐHQGHN	
			QĐ phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp ĐHQGHN năm 2021	Quyết định số 907/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/04/2021	ĐHQGHN	
			QĐ phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp ĐHQGHN năm 2022	Quyết định số 1984/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/5/2022	ĐHQGHN	

			QĐ phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp ĐHQGHN năm 2023	Quyết định số 1471/QĐ-ĐHQGHN ngày 27/04/2023	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			QĐ phê duyệt danh mục kinh phí đề tài Nafosted năm 2020 - đợt 1	Quyết định số 133/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 21/9/2020	NAFOSTED	
	3	H6.06.05.03	Minh chứng phân công hướng dẫn cao học; NCS các năm từ 2019-2024	2019-2024	Trường ĐHKHTN	
	4	H6.06.05.04	Quy định hỗ trợ bài báo quốc tế			
			Hướng dẫn hỗ trợ bài báo quốc tế tại ĐHQGHN 2020	Công văn số 3115/HD-ĐHQGHN ngày 22/10/2020	ĐHQGHN	
			Thông báo hỗ trợ công trình công bố quốc tế tại ĐHQGHN năm 2022	Công văn số 1433/ĐHQGHN-KHCN ngày 25/4/2023 Công văn số 1300/ĐHKHTN-KHCN ngày 28/4/2023	ĐHQGHN Trường ĐHKHTN	
			Hướng dẫn hỗ trợ công bố quốc tế tại ĐHQGHN 2024	Công văn số 26122/HD-ĐHQGHN ngày 14/6/2024	ĐHQGHN	
	5	H6.06.05.05	Quyết định phê duyệt đề tài TN			
			Quyết định phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở năm 2020	Quyết định số 2177/QĐ-ĐHKHTN ngày 21/7/2020	Trường ĐHKHTN	
			Quyết định phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở năm 2021	Quyết định số 3971/QĐ-ĐHKHTN ngày 25/12/2020	Trường ĐHKHTN	
			Quyết định phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở năm 2022	Quyết định số 2862/QĐ-ĐHKHTN ngày 03/10/2022	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Quyết định phê duyệt đề tài và chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở năm 2023	Quyết định số 2364/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/7/2023; Quyết định số 3057/QĐ-ĐHKHTN ngày 08/9/2023	Trường ĐHKHTN	
	6	H6.06.05.06	Thông tư Hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013	Bộ Nội vụ	
			QĐ ban hành Quy định nâng bậc lương trước hạn do lập thành tích xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	Quyết định số 4535/QĐ-ĐHKHTN, ngày 24/10/2013	Trường ĐHKHTN	
	7	H6.06.05.07	Các công văn về việc tổ chức các khoá đào tạo kỹ năng cho GV, NCV			
			Đào tạo sở hữu trí tuệ cho cán bộ, GV ĐHQGHN	Công văn số 141/CV-CSK ngày 10/9/2019	TT chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp	
			Tổ chức lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học năm 2024; Lớp bồi dưỡng Quản trị văn phòng, lễ tân hành chính và kỹ năng phòng cháy chữa cháy	Công văn số 108/TTDB&PTNNL-ĐT ngày 14/5/2024	TTDB&PTNNL	
	8	H6.06.05.08	Minh chứng về: Danh sách GV được tham gia các lớp bồi dưỡng giảng viên chính (GVC), giảng viên cao cấp (GVCC)			
	9	H6.06.05.09	Danh sách GV được tham gia các lớp bồi dưỡng quốc phòng an ninh, bồi dưỡng chính trị trình độ trung cấp, cao cấp, các khoá học quản lý lãnh đạo	3551/GTT-ĐHKHTN ngày 30/12/2021	Trường ĐHKHTN	
	Tiêu chí 6.6	H6.06.06.01	Hướng dẫn Hội nghị Viên chức, Người lao động và Tổng kết năm học 2020-2021	Số 1626/ĐHKHTN-TCCB ngày 14/06/2021	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Hướng dẫn Hội nghị Công chức, Viên chức, Người lao động và Tổng kết năm học 2021-2022	Số 1628/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 16/06/2022	Trường ĐHKHTN	
			Hướng dẫn Hội nghị Viên chức, Người lao động và Tổng kết năm học 2022-2023	Số 1839/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 16/06/2023	Trường ĐHKHTN	
			Báo cáo Tổng kết năm học 2019-2020 Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2019-2020	Số 2286 /ĐHKHTN-TCCB ngày 31/7/2020	Trường ĐHKHTN	
			Báo cáo Tổng kết năm học 2020-2021 và kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021-2022	Số 2385/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 30/8/2021	Trường ĐHKHTN	
			Báo cáo Tổng kết năm học 2021-2022 và kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023	Số /ĐHKHTN-TCCBHC ngày / /2022	Trường ĐHKHTN	
			Báo cáo Tổng kết năm học 2022-2023, Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023	Số 2963/BC-ĐHKHTN ngày 31/8/2023	Trường ĐHKHTN	
	2	H6.06.06.02	Quy định công tác thi đua, khen thưởng tại ĐHQGHN	Quyết định số 1595/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/5/2021	ĐHQGHN	
	3	H6.06.06.03	Danh sách cán bộ được khen thưởng hàng năm			
			Kết quả bình bầu thi đua, khen thưởng năm học 2020-2021 (cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN và cấp Bộ GD&ĐT)	Thông báo số 2227/ĐHKHTN-TB, ngày 06/08/2021	Trường ĐHKHTN	
			Kết quả bình bầu thi đua, khen thưởng năm học 2021-2022 (cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN và cấp Bộ GD&ĐT)	Thông báo số 2109/TB-ĐHKHTN ngày 01/8/2022	Trường ĐHKHTN	
			Kết quả bình bầu thi đua, khen thưởng năm học 2022-2023 (cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN và cấp Bộ GD&ĐT)	Thông báo số 2337/TB-ĐHKHTN ngày 27/7/2023	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	H6.06.06.04	Các quyết định nâng lương trước hạn của cán bộ giảng dạy Khoa Địa lý			
			Nâng lương trước hạn của cán bộ giảng dạy Khoa Địa lý năm 2023	Quyết định số 970, 977, 978, 981/QĐ-ĐHQGHN ngày 14/3/2024	ĐHQGHN	
	5	H6.06.06.05	Các quyết định về hỗ trợ công bố Khoa học Quốc tế của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường ĐHKHTN			
			Hỗ trợ kinh phí cho các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS các năm 2018, 2019	Quyết định số 1200/QĐ-ĐHKHTN ngày 19/5/2020	Trường ĐHKHTN	
			Hỗ trợ kinh phí cho các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS các năm 2019, 2020	Quyết định số 1000/QĐ-ĐHKHTN ngày 16/4/2021	Trường ĐHKHTN	
			Hỗ trợ công bố quốc tế đối với nghiên cứu sinh và cán bộ khoa học tiềm năng ở ĐHQGHN năm 2020	Quyết định số 1388/QĐ-ĐHQGHN ngày 13/5/2021	ĐHQGHN	
Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu của cán bộ Khoa Địa lý	2019-2023		
	2	H6.06.07.02	Các bài báo của sinh viên được đăng tải trên các ấn phẩm khoa học trong nước và quốc tế có uy tín			
	3	H6.06.07.03	Quy định về quản lý nhiệm vụ KHCN cấp ĐHQG	Quyết định số 3839/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/10/2014	ĐHQGHN	
	4	H6.06.07.04	Hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước	Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 8/5/2009	Bộ KHCN	
	5	H6.06.07.05	Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015	Bộ KHCN-Bộ TC	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 7	7					
Tiêu chí 7.1	1.	H07.07.01.01	Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030	28/11/2014	ĐHQGHN	
	2.	H07.07.01.02	Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN giai đoạn 2012-2022, tầm nhìn 2030	22/7/2015	Trường ĐHKHTN	
	3.	H07.07.01.03	Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035	05/9/2018	Trường ĐHKHTN	
	4.	H07.07.01.04	Chỉ tiêu phát triển nguồn lực giai đoạn 2015 – 2020 Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hàng năm của trường ĐHKHTN	6/10/2015	Trường ĐHKHTN	
	5.	H07.07.01.05	Công văn số 4301/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/12/2016 ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học 2017 của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên/trực thuộc	4301/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/12/2016	ĐHQGHN	
	6.	H07.07.01.06	Công văn số 478/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/01/2018 ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học 2018 của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên/trực thuộc	478/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/01/2018	ĐHQGHN	
	7.	H07.07.01.07	Công văn số 270/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/01/2019 ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học 2019 của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên/trực thuộc	270/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/01/2019	ĐHQGHN	
	8.	H07.07.01.08	Công văn số 227/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/01/2020 ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học 2020 của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên/trực thuộc	227/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/01/2020	ĐHQGHN	
	9.	H07.07.01.09	Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2019 – 2024 của Khoa Địa lý	30/06/2020 30/06/2021 30/06/2022 30/06/2023	Khoa Địa lý	
	10.	H07.07.01.10	Chức năng của Trung tâm Thư viện và trí thức số	12/10/2015	https://lic.vnu.edu.vn/vi/content/c	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					huc-nang-nhiem-vu" \h	
	11.	H07.07.01.11	Chức năng, cơ cấu và nguồn lực, định hướng phát triển của Phòng thí nghiệm		Khoa Địa lý	
	12.	H07.07.01.12	Chức năng của Bệnh viện ĐHQGHN	30/5/2022	https://vnu.edu.vn/home/?C1711/N14729/BeNH-VIeN-daI-HoC-QUoC-GIA-Ha-NoI.htm" \l "':~:~text=B%E1%BB%87nh%20vi%E1%BB%87n%20c%C3%B3%20ch%E1%BB%A9c%20n%C4%83ng%20kh%C3%A1m%2C%20ch%E1%BB%AFa%20b%E1%BB%87nh%3B%20ngh%C3%AAn%20c%E1%BB%A9u,quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20c%E1%BB%A7a%20ph%C3%A1	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					p%20lu%E1%B A%ADt." \h	
	13.	H07.07.01.13	Chức năng, nhiệm vụ của trung tâm CNTT	3099/QĐ-ĐHKHTN ngày 26/8/2016	Trường ĐHKHTN	
	14.	H07.07.01.14	Chức năng, cơ cấu và nguồn lực của trung tâm hỗ trợ sinh viên của VNU	3/12/2020	https://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C1711/N90/TRUNG-TaM-Ho-TRo-SINH-VIeN.htm " \h	
	15.	H07.07.01.15	Chức năng của các phòng ban của Nhà trường	2200/QĐ-ĐHKHTN ngày 2/8/2021	Trường ĐHKHTN	
	16.	H07.07.01.16	Quyết định về việc tạm phê duyệt Đề án vị trí việc làm năm 2014 của Trường ĐHKHTN	4741/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/12/2014	Trường ĐHKHTN	
	17.	H07.07.01.17	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung vị trí việc làm và số người làm việc của Trường ĐHKHTN	25/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/6/2016	ĐHQGHN	
	18.	H07.07.01.18	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung vị trí việc làm và số người làm việc của Trường ĐHKHTN	1055/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/3/2017	ĐHQGHN	
	19.	H07.07.01.19	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung vị trí việc làm và số người làm việc của Trường ĐHKHTN để thực hiện nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp ĐHQGHN	1304/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/4/2017	ĐHQGHN	
	20.	H07.07.01.20	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung vị trí việc làm và số người làm việc của Trường ĐHKHTN để thực hiện nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Enzym và Protein	5031/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/12/2017	ĐHQGHN	
	21.	H07.07.01.21	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung vị trí việc làm và số người làm việc của Trường ĐHKHTN	3886/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/11/2018	ĐHQGHN	
	22.	H07.07.01.22	Bản mô tả công việc nhân viên của Trường ĐHKHTN	8/8/2014	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	23.	H07.07.01.23	Quyết định phân công công tác của chủ nhiệm Khoa với cán bộ Văn phòng	5/9/2012	Khoa Địa lý	
	24.	H07.07.01.24	Danh sách đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Địa lý		Khoa Địa lý	
	25.	H07.07.01.25	Biên bản họp phân công công tác của Ban Chủ nhiệm Khoa	27/7/2020	Khoa Địa lý	
	26.	H07.07.01.26	Quyết định cử trợ lý của Khoa Địa lý		Khoa Địa lý	
	27.	H07.07.01.27	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm và cố gắng học tập	Quyết định của Trường Khoa ngày 22/8/2023 Danh sách đội ngũ hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập hệ chính quy, năm học 2023-2024 (22/8/2024)	Khoa Địa lý	
	28.	H07.07.01.28	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Khoa Địa lý	10/6/2020	Khoa Địa lý	
	29.	H07.07.01.29	Báo cáo tổng kết Chi Bộ Khoa Địa lý	2020 -2022	Khoa Địa lý	
	30.	H07.07.01.30	Chiến lược phát triển của các đơn vị	28/11/2014	Trường ĐHKHTN	
	31.	H07.07.01.31	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của các đơn vị	6/10/2015	Trường ĐHKHTN	
	32.	H07.07.01.32	Kế hoạch, phương hướng năm học của Khoa Địa lý	2020-2023	Khoa Địa lý	
	33.	H07.07.01.33	Hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ	09/11/016 28/10/2016		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	34.	H07.07.01.34	Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức quản lý trong ĐHQGHN	3668/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/10/2014	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	35.	H07.07.01.35	Phê duyệt quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý	2015-2020	Trường Đại học khoa học tự nhiên	
	36.	H07.07.01.36	Danh sách cán bộ của các phòng ban chức năng Trường ĐHKHTN năm 2022	19/5/2022	Website: Trường ĐHKHTN	
	37.	H07.07.01.37	Danh sách cán bộ, quy hoạch đội ngũ nhân viên và kế hoạch phát triển nguồn lực của trung tâm Thư viện và trí thức số - ĐHQGHN từ 2017 - 2022, ĐHQGHN	23/6/2022	Trung tâm Thư viện và trí thức số - ĐHQGHN	
	38.	H07.07.01.38	Danh sách cán bộ trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	18/6/2022	http://hus.edu.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc/phong-ban-chuc-nang/trung-tam-cong-nghe-thong-tin-va-truyen-thong.html \h	
	39.	H07.07.01.39	Hệ thống hạ tầng CNTT	19/6/2022	Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT	
	40.	H07.07.01.40	Báo cáo nguồn lực của Trung tâm hỗ trợ sinh viên	9/5/2022	http://css.vnu.edu.vn/gioi-thieu-chung \h	
	41.	H07.07.01.41	Danh sách cán bộ của Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực ĐHQGHN	23/6/2022	Trung tâm dự báo và phát triển	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					nguồn nhân lực ĐHQGHN	
	42.	H07.07.01.42	Báo cáo nguồn nhân lực cán bộ của Bệnh viện ĐHQGHN	23/6/2022	Bệnh viện ĐHQGHN	
	43.	H07.07.01.43	Phiếu lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trung tâm thư viện và trí thức số	15/4/2022	Trung tâm thư viện và trí thức số	
	44.	H07.07.01.44	Phiếu lấy góp ý cho Trường ĐHKHTN Ban Giám hiệu, các Phòng ban, trung tâm	1. 12/5/2017 2. 16/5/2018 3. 4/5/2019 4. 10/5/2020 5. 12/5/2021	Trường ĐHKHTN	
	45.	H07.07.01.45	Phiếu lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường ĐHKHTN	1. 12/5/2017 2. 16/5/2018 3. 4/5/2019 4. 10/5/2020 5. 12/5/2021	Trường ĐHKHTN	
	46.	H07.07.01.46	Phiếu lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan của bệnh viện, ĐHQGHN	1. 12/5/2017 2. 16/5/2018 3. 4/5/2019 4. 10/5/2020 5. 12/5/2021	Bệnh viện ĐHQGHN	
	47.	H07.07.01.47	Báo cáo đánh giá phản hồi của các bên liên quan đến chất lượng đào tạo sinh viên của Trường ĐHKHTN 2017 -2021	3990/TT-PC&ĐBCL ngày 29/11/2017	Trường ĐHKHTN	
	48.	H07.07.01.48	Báo cáo đánh giá phản hồi của các bên liên quan của ĐHQGHN	3272/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/10/2021	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	49.	H07.07.01.49	Kết quả lấy ý kiến phản hồi về chất lượng phục vụ bạn đọc của TT Thư viện và trí thức số	29/6/2021	TT Thư viện và trí thức số	
	50.	H07.07.01.50	Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác năm học giai đoạn 2017-2022 của Nhà trường	30/8/2021	Trường ĐHKHTN	
	51.	H07.07.01.51	Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác năm học giai đoạn 2019-2023 của Khoa Địa lý	30/06/2020 30/06/2021 30/06/2022 30/06/2023	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 7.2	1.	H07.07.02.01	Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, người lao động trong ĐHQGHN	3768/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/10/2014	ĐHQGHN	
	2.	H07.07.02.02	Công văn Hướng dẫn một số điểm mới trong công tác tuyển dụng viên chức tại ĐHQGHN	2645/QĐHQGHN-TCCB ngày 27/8/2019	ĐHQGHN	
	3.	H07.07.02.03	Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ĐHQGHN	3668/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/10/2014	ĐHQGHN	
	4.	H07.07.02.04	Quyết định Ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong Trường ĐHKHTN	3268/QĐ-ĐHKHTN ngày 26/10/2020	Trường ĐHKHTN	
	5.	H07.07.02.05	Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động	3485/QĐ-ĐHKHT ngày 15/9/2015	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	6.	H07.07.02.06	Bản mô tả vị trí việc làm của cán bộ khối phục vụ	3274/KHTN-TCCB ngày 08/08/2014	Trường ĐHKHTN	
	7.	H07.07.02.07	Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2019 – 2024 của Khoa Địa lý	30/06/2020 30/06/2021 30/06/2022 30/06/2023	Khoa Địa lý	
	8.	H07.07.02.08	Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2017 – 2022 của trường ĐHKHTN	- 2385/ ĐHKHTN-TCCBHC ngày 30/8/2021 - 2286/ ĐHKHTN-TCCB ngày 31/7/2020 - 1885/ ĐHKHTN-TCCB ngày 18/6/2019 - 3674/BC-ĐHKHTN ngày 26/10/2018	Trường ĐHKHTN	
	9.	H07.07.02.09	Công văn thông báo về đăng ký nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị	456/ĐHKHTN-TCCB-HC ngày 04/03/2022	Trường ĐHKHTN	
	10.	H07.07.02.10	Luật Viên chức 2010	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	Quốc hội	
	11.	H07.07.02.11	Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi 2019	52/2019/QH14 ngày 25/11/2019	Quốc hội	
	12.	H07.07.02.12	Nghị định 115/2020/NĐ-CP tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	Chính phủ	
	13.	H07.07.02.13	Thông báo tuyển dụng công khai (email nội bộ,...) của Trường	6/4/2021	Trường ĐHKHTN	
	14.	H07.07.02.14	Hồ sơ nhân viên hồ mới được tuyển dụng: Hợp đồng, quyết định tuyển dụng... 1. Chuyên viên Nguyễn Hữu Duy	1/5/2020 1/6/2021	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			2. Chuyên viên Trịnh Kiều Trang 3. Phạm Văn Mạnh			
	15.	H07.07.02.15	Quyết định bổ nhiệm cán bộ Phòng Quản trị bảo vệ	2828/QĐ-ĐHKHTN ngày 21/9/2020	Trường ĐHKHTN	
	16.	H07.07.02.16	Quyết định bổ nhiệm cán bộ Phòng Kế hoạch – tài chính	2686/QĐ-ĐHKHTN ngày 07/09/2020	Trường ĐHKHTN	
	17.	H07.07.02.17	Phiếu lấy góp ý cho các cán bộ hành chính	12/5/2017; 6/5/2018; 4/5/2019; 10/5/2020; 12/5/2021	Trường ĐHKHTN	
	18.	H07.07.02.18	Phiếu lấy góp ý cho Ban Giám hiệu	12/5/2017; 16/5/2018; 4/5/2019; 10/5/2020; 12/5/2021	Trường ĐHKHTN	
	19.	H07.07.02.19	Phiếu lấy góp ý cho các cán bộ phòng Đào tạo	12/5/2017; 16/5/2018; 4/5/2019; 10/5/2020; 12/5/2021	Trường ĐHKHTN	
	20.	H07.07.02.20	Phiếu lấy góp ý cho lãnh đạo phòng và cán bộ Trung tâm CNTT&TT	12/5/2017; 16/5/2018; 4/5/2019; 10/5/2020; 12/5/2021	Trường ĐHKHTN	
	21.	H07.07.02.21	Thông báo tuyển dụng của Bệnh viện ĐHQGHN công khai trên website của ĐHQGHN	26/6/2022	https://www.vnu.edu.vn/home/?C2108 \h	
	22.	H07.07.02.22	Thông báo tuyển dụng công khai trên website của Trung tâm hỗ trợ sinh viên, ĐHQGHN	43/TB-HTSV-TCCB ngày 18/5/2022	http://css.vnu.edu.vn/thong-bao/trung-tam-ho-tro-sinh-vien-tuyen-dung-hop-dong-lao-dong	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	23.	H07.07.02.23	Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức của TT hỗ trợ sinh viên, ĐHQGHN	7/12/2021	TT phát triển nguồn nhân lực	
Tiêu chí 7.3	1.	H07.07.03.01	Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, người lao động trong ĐHQGHN	3768/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/10/2014	ĐHQGHN	
	2.	H07.07.03.02	Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động	3485/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/09/2015	ĐHQGHN	
	3.	H07.07.03.03	Quyết định ban hành quy định tạm thời về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động	1641/QĐ-ĐHKHTN ngày 16/6/2021	Trường ĐHKHTN	
	4.	H07.07.03.04	Ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động	1606/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/6/2022	Trường ĐHKHTN	
	5.	H07.07.03.05	Phiếu đánh giá năng lực về chất lượng thực thi công việc của các cán bộ thuộc khối hành chính Trường ĐHKHTN	31/7/2021	Trường ĐHKHTN	
	6.	H07.07.03.06	Hướng dẫn Hội nghị viên chức, người lao động và tổng kết năm học 2020-2021 trong Trường ĐHKHTN	1626/ĐKHTN-TCCB ngày 14/6/2021	Trường ĐHKHTN	
	7.	H07.07.03.07	Hướng dẫn Hội nghị viên chức, người lao động và tổng kết năm học 2021-2022 trong Trường ĐHKHTN	1628/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 16/6/2022	Trường ĐHKHTN	
	8.	H07.07.03.08	Phiếu tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của cá nhân dành cho cán bộ quản lý, hành chính và phục vụ giảng dạy	17/05/2018	Trường ĐHKHTN	
	9.	H07.07.03.09	Quyết định số 1595/QĐ-ĐHQGHN Quy định Về công tác thi đua, khen thưởng tại ĐHQGHN	1595/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/5/2021	ĐHQGHN	
	10.	H07.07.03.10	Phiếu và bảng tổng hợp lấy ý kiến của các bên liên quan	16/6/2018; 4/6/2019; 10/6/2020	Trường ĐHKHTN	
	11.	H07.07.03.11	Phiếu đánh giá góp ý cho cán bộ thư viện	187/BC-TTTV ngày 29/6/2021	Thư viện ĐHQGHN	
	12.	H07.07.03.12	Biên bản hội nghị công chức viên chức và tổng kết năm học của Khoa Địa lý	30/06/2020 30/06/2021	Khoa Địa lý	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				30/06/2022 30/06/2023		
	13.	H07.07.03.13	Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, người lao động của Trường	2227/ĐHKHTN-TB ngày 6/8/2021	Trường ĐHKHTN	
	14.	H07.07.03.14	Báo cáo tổng kết thi đua khen thưởng của trường ĐHKHTN	3674/BC-ĐHKHTN ngày 26/10/2018	Trường ĐHKHTN	
Tiêu chí 7.4	1.	H07.07.04.01	Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ của Trường ĐHKHTN giai đoạn 2016-2021, tầm nhìn 2030	22/7/2015	Trường ĐHKHTN	
	2.	H07.07.04.02	Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2019 – 2024 của Khoa Địa lý	30/06/2020 30/06/2021 30/06/2022 30/06/2023	Khoa Địa lý	
	3.	H07.07.04.03	Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2017 – 2022 của trường ĐHKHTN	- 2385/ ĐHKHTN-TCCBHC ngày 30/8/2021 - 2286/ ĐHKHTN-TCCB ngày 31/7/2020 - 1885/ ĐHKHTN-TCCB ngày 18/6/2019 - 3674/BC-ĐHKHTN ngày 26/10/2018	Trường ĐHKHTN Trường ĐHKHTN Trường ĐHKHTN	
	4.	H07.07.04.04	Thông báo đề xuất tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên viên chính	1713/ĐHKHTN-TCCB-HC ngày 27/6/2022	Trường ĐHKHTN	
	5.	H07.07.04.05	Các văn bản liên quan tới thông báo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, khảo sát nhu cầu cán bộ của ĐHQGHN 1. Công văn 2226/ĐHQGHN-TCCB về việc báo cáo thực trạng số lượng, cơ cấu hạng CDNN và nhu cầu dự thi thăng hạng viên chức		ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			chuyên ngành KH&CN và xét bổ nhiệm đặc cách viên chức chuyên ngành KH&CN ở hạng cao hơn. 2. Công văn 1869/BKHCN-TCCB về việc báo cáo thực trạng, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức KH&CN và nhu cầu thi thăng hạng viên chức KH&CN. 3- Công văn 5077/HD-ĐHQGHN hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan. 4- Công văn 4103/KHTN-TTrPC&ĐBCL về việc góp ý triển khai lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan online. 5- Công văn 2426/ĐHKHTN-TCCB về việc nhu cầu dự thi thăng hạng viên chức chuyên ngành KH&CN và xét bổ nhiệm đặc cách viên chức chuyên ngành KHCN ở hạng cao hơn 6- Công văn 2156/ĐHQGHN-TCCB về việc khảo sát nhu cầu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II.	1. Công văn 2226/ĐHQGHN-TCCB ngày 4/7/2018 2. Công văn 1869/BKHCN-TCCB ngày 20/6/2018 3. Công văn 5077/HD-ĐHQGHN ngày 23/12/2014 4. Công văn 4103/KHTN-TTrPC&ĐBCL ngày 27/10/2015 5. Công văn 2426/ĐHKHTN-TCCB ngày 10/7/2018	Bộ KH&CN Trường ĐHKHTN Trường ĐHKHTN Trường ĐHKHTN ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				6. Công văn 2156/ĐHQGHN-TCCB ngày 24/7/2020		
	6.	H07.07.04.06	Phiếu ý kiến khảo sát của GV, chuyên viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên		Khoa Địa lý	
	7.	H07.07.04.07	Bảng tổng hợp các lượt cán bộ tham gia các khoá đào tạo tập huấn	10/6/2022	Trường ĐHKHTN	
	8.	H07.07.04.08	Kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	186/QĐ-ĐHKHTN ngày 21 tháng 01 năm 2021	Trường ĐHKHTN	
	9.	H07.07.04.09	Các CTĐT, bồi dưỡng tại trường: - Tham dự khóa tập huấn Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT và AUN-QA - Tổ chức khóa tập huấn Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT và AUN-QA. - Cử cán bộ tham dự tập huấn Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT - Thành lập BTC Hội nghị tập huấn Tự đánh giá và viết BCDG CTĐT	-3654/ ĐHQGHN-ĐBCL ngày 30/10/2018 - 72/QĐ-ĐBCL ngày 18/11/2018 - 671/KHTN-TTr, PC&ĐBCL ngày 26/02/2020 - 1125/QĐ-ĐHKHTN về việc 29/4/2022	Trường ĐHKHTN	
	10.	H07.07.04.10	Các quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; các văn bằng chứng chỉ của nhân viên được cử đi học của Nhà trường - Quyết định số 12/QĐ-ĐHKHTN ngày 05/02/2016 cử cán bộ tham dự khóa đào tạo Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp. - Công văn số 4490 và 4491/KHTNTTr,	- 3654/ ĐHQGHN-ĐBCL ngày 30/10/2018 - 72/QĐ-ĐBCL ngày 18/11/2018 - 671/KHTN-TTr, PC&ĐBCL ngày 26/02/2020	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			PC&ĐBCL ngày 23/12/2016 triệu tập cán bộ tham gia Hội nghị tập huấn các bên liên quan về kiểm định chất lượng giáo dục cấp Trường ĐHKHTN theo tiêu chuẩn AUN năm 2017. - Công văn số 3654/ĐHQGHN-ĐBCL ngày 30/10/2018 về việc tham dự khóa tập huấn Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT và AUN-QA. - Quyết định số 72/QĐ-ĐBCL ngày 18/11/2018 về việc tổ chức khóa tập huấn Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT và AUN-QA. - Công văn số 671/KHTN-TTr, PC&ĐBCL ngày 26/02/2020 về việc cử cán bộ tham dự tập huấn Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT	- 20/9/2018 (chứng chỉ của LTKD) - 22/4/2022 (Chứng nhận)		
	11.	H07.07.04.11	Báo cáo tổng kết năm học giai đoạn 2019 – 2023 của Khoa Địa lý	30/06/2020 30/06/2021 30/06/2022 30/06/2023	Khoa Địa lý	
	12.	H07.07.04.12	Báo cáo tổng kết năm học giai đoạn 2017 – 2022 của trường ĐHKHTN	1. Số 1185/ĐHKHTN-TCCB ngày 18/6/2019	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2. Số 2286/ĐHKHTN-TCCB ngày 31/7/2020		
	13.	H07.07.04.13	Quyết định cử đi học kỹ năng mềm, bồi dưỡng nghiệp vụ	14/11/2016	Trường đại học khoa học tự nhiên	
	14.	H07.07.04.14	Quyết định học Thạc sỹ của cán bộ văn phòng Khoa	Quyết định số 4327/QĐ-ĐHKHTN	Trường đại học khoa học tự nhiên	
	15.	H07.07.04.15	Tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	2015	Trường đại học khoa học tự nhiên	
	16.	H07.07.04.16	Phản hồi về các khóa đào tạo, bồi dưỡng	6/3/2020	Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục	
Tiêu chí 7.5	1.	H07.07.05.01	Quyết định ban hành quy định tạm thời về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động	1641/QĐ-ĐHKHTN ngày 16/6/2021	Trường ĐHKHTN	
	2.	H07.07.05.02	Ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động	1606/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/6/2022	Trường ĐHKHTN	
	3.	H07.07.05.03	Các tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ phục vụ của Trường	17/05/2018; 08/05/2019; 02/06/2020; 05/06/2021	Trường ĐHKHTN	
	4.	H07.07.05.04	Đề án vị trí việc làm của Nhà trường đối với nhân viên hỗ trợ	- 4741/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/12/2014 - 1725/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/6/2016 - 1055/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/3/2017 - 1304/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/4/2017	ĐHQGHN Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				- 3886/QĐ-ĐHQGHN ngày 9/11/2018 - 408/ ĐHKHTN-TCCB ngày 25/2/2021		
	5.	H07.07.05.05	Bản mô tả vị trí việc làm của cán bộ khôi phục vụ	08/08/2014	Trường ĐHKHTN	
	6.	H07.07.05.06	Quyết định số 1595/QĐ-ĐHQGHN Quy định Về công tác thi đua, khen thưởng tại ĐHQGHN	1595/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/5/2021	ĐHQGHN	
	7.	H07.07.05.07	Hướng dẫn tổng kết và bình bầu thi đua khen thưởng của Công đoàn	12/HD-ĐHKHTN ngày 22/6/2022	Công đoàn trường ĐHKHTN	
	8.	H07.07.05.08	Hướng dẫn tổng kết và bình bầu thi đua khen thưởng của Bộ GD&ĐT	21/2020/TT-BGDDT ngày 31/7/2020	Bộ GD&ĐT	
	9.	H07.07.05.09	Quy định nâng lương trước thời hạn cho cán bộ 3051/ĐHKHTN-TCCBHC V/v nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2021	3051/ĐHKHTN-TCCBHC ngày 04/11/2021	Trường ĐHKHTN	
	10.	H07.07.05.10	Khen thưởng, kỷ luật hằng năm của chuyên viên, nhân viên hỗ trợ trong trường	- 33/QĐ-KT-CDĐHKHTN ngày 23/6/2016 - 45/QĐ-KT-CDĐHKHTN ngày 5/7/2017 - 28/QĐ-KT-CDĐHKHTN ngày 12/7/2019 - 24/QĐ-KTCD ngày 28/7/2020	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	11.	H07.07.05.11	Biên bản hội Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, người lao động về bình xét thi đua	17/06/2018; 08/06/2019; 08/07/2020; 05/07/2021	Trường ĐHKHTN	
	12.	H07.07.05.12	Danh sách nhân viên được khen thưởng hằng năm của chuyên viên, nhân viên hỗ trợ trong trường	- 33/QĐ-KT-CDĐHKHTN ngày 23/6/2016 - 45/QĐ-KT-CDĐHKHTN ngày 5/7/2017 - 28/QĐ-KT-CDĐHKHTN ngày 12/7/2019 - 24/QĐ-KTCD ngày 28/7/2020	Trường ĐHKHTN	
	13.	H07.07.05.13	Quyết định khen thưởng về Hỗ trợ phòng chống dịch Covid 19	- Số:3078/QĐ-ĐHQGHN ngày 11/10/2021	Trường ĐHKHTN	
	14.	H07.07.05.14	Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công Đoàn	QĐ số 25/QĐ-KTCD ngày 24/8/2021	Trường ĐHKHTN	
Tiêu chuẩn 8	8					
Tiêu chí 8.1	1	H08.08.01.01	Thông báo tuyển sinh ngành QLDT&BDS			
	2	H08.08.01.02	Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo			
	3	H08.08.01.03	Quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN			
	4		Đề án tuyển sinh của ĐHQG, ĐHKHTN			
	5	H08.08.01.04	Kế hoạch, nhiệm vụ năm học của khoa Địa lý			
	6	H08.08.01.05	Chỉ tiêu tuyển sinh ngành QLDT&BDS			
	7	H08.08.01.06	Thông tin tuyển sinh qua hệ thống Website			
	8	H08.08.01.07	Hướng dẫn tuyển sinh			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	9	H08.08.01.08	Thông tin tuyển sinh qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng			
	10	H08.08.01.09	Tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT			
	11	H08.08.01.10	Hệ thống hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho học sinh, sinh viên			
	12					
Tiêu chí 8.2	1	H08.08.02.01	Thông báo hình thức thi ĐGNL ở ĐHQG			
	2	H08.08.02.02	Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học chính quy ở Đại học Quốc gia Hà Nội các năm			
	3	H08.08.02.03	Hội đồng tuyển sinh đại học, Ban coi thi, Đoàn thanh tra các năm			
	4	H08.08.02.04	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học			
	5	H08.08.02.05	Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển			
	6	H08.08.02.06	Hướng dẫn sv nhập học			
	7	H08.08.02.07	Kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan			
	8	H08.08.02.08	Kế hoạch quảng bá tuyển sinh của khoa địa lý			
	9	H08.08.02.09	Hoạt động quảng bá tuyển sinh hàng năm			
Tiêu chí 8.3	1	H08.08.03.01	Quy chế đào tạo của ĐHQG năm 2014			
	2	H08.08.03.02	Quy chế công tác Học sinh sinh viên của ĐHQG các năm			
	3	H08.08.03.03	Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các Phòng, Ban chức năng của Trường ĐHKHTN			
	4	H08.08.03.04	Danh sách giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập .			
	5	H08.08.03.05	Hướng dẫn đào tạo, công tác Học sinh sinh viên của VNU-HUS			
	6	H08.08.03.06	Phân công giảng dạy các học phần ngành QLDT&BDS			
	7	H08.08.03.07	Kế hoạch Học chính trị đầu năm			
	8	H08.08.03.08	Sổ tay Sinh viên đầu khóa			
	9	H08.08.03.09	Đối thoại giữa lãnh đạo trường với Sinh viên			
	10	H08.08.03.10	Lịch tiếp Sinh viên của Khoa Địa lý			
	11	H08.08.03.11	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	12	H08.08.03.12	Chương trình đào tạo ngành QLDT&BDS 2020, 2023			
	13	H08.08.03.13	Quyết định công nhận tốt nghiệp			
	14	H08.08.03.14	Minh chứng số môn học trong 8 kỳ			
	15	H08.08.03.15	Hướng dẫn đăng ký học phần qua cổng đào tạo			
	16	H08.08.03.16	Kết quả học tập của sinh viên			
	17	H08.08.03.17	Hướng dẫn triển khai công tác đánh giá điểm rèn luyện và kết quả tổng hợp			
	18	H08.08.03.18	Danh sách Sinh viên xét học vụ			
	19	H08.08.03.19	Biên bản họp lãnh đạo khoa với GVCN			
	20	H08.08.04.01	Kế hoạch hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên			
	1	H08.08.04.02	Kế hoạch hoạt động của liên chi Đoàn khoa Địa lý			
Tiêu chí 8.4	2	H08.08.04.03	Tuần sinh hoạt chuyên đề học kỳ 2			
	3	H08.08.04.04	Thông báo học kỳ hè			
	4	H08.08.04.05	Danh sách Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học			
	5	H08.08.04.06	Giấy giới thiệu Sinh viên đi về địa phương xin số liệu			
	6	H08.08.04.07	Hướng dẫn sinh viên làm khóa luận			
	7	H08.08.04.08	CLB BDS			
	8	H08.08.04.09	Báo cáo tiến độ Khóa luận			
	9	H08.08.04.10	Danh sách hệ thống phòng học của VNU-HUS			
	10	H08.08.04.11	Công văn cấp tài khoản email/internet cho Sinh viên			
	11	H08.08.04.12	Quyết định hỗ trợ Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn			
	12	H08.08.04.13	Quỹ học bổng của các nhà khoa học Khoa Địa lý			
	13	H08.08.04.14	Quỹ học bổng CARGIS - Doanh nghiệp			
	14	H08.08.04.15	Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên			
	15	H08.08.04.16	Quyết định cấp học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên			
	16	H08.08.04.17	Quyết định thành lập văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp			
	17	H08.08.04.18	Các hội thảo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	18	H08.08.04.19	Tổ chức hội chợ việc làm cho sinh viên			
	19	H08.08.04.20	Cổng thông tin cựu sinh viên			
	20	H08.08.04.21	Danh sách cán nhà khoa học, nhà tuyển dụng đến dự lễ bảo vệ khóa luận tốt nghiệp			
	21	H08.08.04.22	Giấy mời các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu giáo chức, cựu Sinh viên			
	22	H08.08.04.23	Hoạt động hỗ trợ Sinh viên đạt chuẩn Tiếng anh của hội Sinh viên			
	23	H08.08.04.24	Phiếu lấy ý kiến các hoạt động hỗ trợ người học			
Tiêu chí 8.5	1	H08.08.05.01	Hình ảnh SV hoạt động vui chơi ở khuôn viên của trường và ĐHQG			
	2	H08.08.05.02	Sinh viên đăng ký chuyên ngành năm thứ 4			
	3	H08.08.05.03	Hòm thư góp ý của sinh viên			
	4	H08.08.05.04	Các hoạt động tập thể của sinh viên			
	5	H08.08.05.05	Danh mục cơ sở vật chất, thiết bị dùng chung của ĐHQG, VNU-HUS,			
	6	H08.08.05.06	Cantin trường KHTN			
	7	H08.08.05.07	Hệ thống wifi trường KHTN			
	8	H08.08.05.08	Ảnh chụp đội ngũ dọn vệ sinh			
	9	H08.08.05.09	Bảng thông kê trang thiết bị Khoa Địa lý, Danh sách phòng tự học			
	10	H08.08.05.10	Thông báo khám sức khỏe cho sinh viên			
	11	H08.08.05.11	Danh sách phòng trực, cơ sở bệnh viện ĐHQG			
	12	H08.08.05.12	Hoạt động tư vấn hỗ trợ tâm lý Sinh viên			
	13	H08.08.05.13	Kết quả lấy ý kiến các hoạt động hỗ trợ người học			
Tiêu chuẩn 9	1	H09.09.01.01	Bảng thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, và tính toán tỷ lệ diện tích/người học (Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học)	2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
Tiêu chí 9.1	2	H09.09.01.02	Danh mục các phòng học tiêu chuẩn, phòng học thông minh, phòng Hội thảo của trường (334 Nguyễn Trãi, 19 Lê Thánh Tông)	2024	Trường Đại học Khoa học Tự	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					nhiên	
	3	H09.09.01.03	Thông tin về Phòng chức năng và đơn vị hỗ trợ, dịch vụ	2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	4	H09.09.01.04	Công cụ hỗ trợ các phòng chức năng và đơn vị hỗ trợ	2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	5	H09.09.01.05	Danh mục các trang thiết bị chính tại trường ĐHKHTN	2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	6	H09.09.01.06	Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng và Kinh phí dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	7					
Tiêu chí 9.2	1	H09.09.02.01	Cơ sở dữ liệu của Thư viện ĐHQGHN có trên ... đầu sách và thường được cập nhật hàng năm và lưu trữ các bộ sưu tập đặc biệt thuộc các lĩnh vực về khoa học tự nhiên	2024	Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN	
	2	H09.09.02.02	Diện tích thư viện	10/6/2024	Trường ĐHKHTN https://vnu.edu.vn/home/?C2039	
	3	H09.09.02.03	Các văn bản về nội quy thư viện; quy định quản lý, vận hành, sử dụng thư viện, truy cập cơ sở dữ liệu, thư viện đã ban hành hệ thống hướng dẫn và quy định của thư viện	26/8/2016	Trường ĐHKHTN	
	4	H09.09.02.04	Phòng tự học	4/8/2015	P.QTBV	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	H09.09.02.05	Cơ sở dữ liệu (CSDL) điện tử ScienceDirect hoặc CSDL điện tử của Trung tâm thông tin thư viện ĐHQGHN	7/2024	Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN	
	6	H09.09.02.06	Tài khoản điện tử do trường cấp	17/5/2024	Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN	
	7	H09.09.02.07	Đề cương chi tiết của các học phần thuộc ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	2019	Khoa Địa lý	
	8	H09.09.02.08	Danh mục số lượng giáo trình và tài liệu tham khảo của thư viện Khoa địa lý	10/7/2024	Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN	
	9	H09.09.02.09	Danh mục giáo trình tiếng Anh	10/6/2024	Thư viện Khoa Địa lý	
	10	H09.09.02.10	Danh mục sách, giáo trình do Khoa biên soạn	10/6/2024	Thư viện Khoa Địa lý	
	11	H09.09.02.11	Danh mục học liệu được bổ sung theo chu kỳ		Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN	
	12	H09.09.02.12	Dữ liệu theo dõi các hoạt động và các nguồn học liệu để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	Số 340/TVTTS 30/12/2022	Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN	
	13	H09.02.02.13	Ý kiến phản hồi của người học, giảng viên về thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu		Trung tâm Thông	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					tin - Thư viện ĐHQGHN	
Tiêu chí 9.3	1	H09.09.03.01	Ảnh giảng đường, Phòng thí nghiệm	10/6/2024		
	2	H09.09.03.02	Báo cáo hiệu quả sử dụng thiết bị bảng A	2021,2022,2023	Khoa Địa lý	
	3	H09.09.03.03	Đánh giá của các bên liên quan về chất lượng PTN, thiết bị	5/8/2020 30/6/2021 14/7/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	4	H09.09.03.04	Các thông tin về Phòng cháy chữa cháy	10/6/2024		
	5	H09.09.03.05	Quy định sử dụng PTN chung toàn Trường, ĐHQG	2238/QĐ-TCCB CV 2796/KHTN-KHCN	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	6	H09.09.03.06	Sổ tay an toàn PTN của Trường	Số 4107/QĐ-ĐHKHTN 6/12/2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	7	H09.09.03.07	Danh sách các thiết bị bảng A và phần mềm chuyên dụng của khoa Địa lý	16/5/2024	Khoa Địa lý	
	8	H09.09.03.08	Thỏa thuận tài trợ mua trang thiết bị theo chương trình SERVIR Mekong do USAID tài trợ	22/10/2019		
	9	H09.09.03.09	Bản quyền phần mềm chuyên ngành khoa Địa lý	9/4/2017		
	10	H09.09.03.10	Danh mục phần mềm mã nguồn mở đang được sử dụng	4/7/2024		
	11	H09.09.03.11	Đề xuất tăng cường năng lực, dự án đầu tư mới	4/7/2024	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 9.4	1	H09.09.04.01	Thống kê số lượng phòng máy tính, phòng tin học của trường	4/8/2015	Trường ĐHKHTN	
	2	H09.09.04.02	Hạ tầng mạng, biên bản nghiệm thu lắp đặt hệ thống mạng Lan, Wifi	5/12/2022	Trường ĐHKHTN	
	3	H09.09.04.03	Website của cổng thông tin, trang Web của E-office của Đại học quốc gia	5/12/2022	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	H09.09.04.04	Website của trường ĐHKHTN	10/6/2024	Trường ĐHKHTN	
	5	H09.09.04.05	Sử dụng các thiết bị tin học ứng dụng trong công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lí	12/06/2024	Khoa Địa lý	
	6	H09.09.04.06	Quyết định thành lập TT công nghệ thông tin		Trường ĐHKHTN	Chờ TTC NTT gửi
	7	H09.09.04.07	Chức năng nhiệm vụ TT công nghệ thông tin	12/6/2024	Trường ĐHKHTN	
	8	H09.09.04.08	Minh chứng về nhật ký sử dụng phòng tin học		Trường ĐHKHTN	Không có, nhật ký sử dụng phòng Tin học giao các Khoa quản lí
	9	H09.09.04.09	Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm trong chu kỳ đánh giá	12/6/2024	Trường ĐHKHTN	
	10	H09.09.04.10	Phần mềm tin học Khoa Địa lý (các loại phần mềm hiện nay)		Khoa Địa lý	Trong

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						MC 9.4.6
	11	H09.09.04.11	Đánh giá/phản hồi của NH, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu		Trường ĐHKHTN	Đang thu thập từ phòng TTP C
Tiêu chí 9.5	1	H09.09.05.01	Quyết định số 982/QĐ-TCCB ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	Quyết định số 982/QĐ-TCCB 2/4/2013	ĐHQGHN	Không có trên hệ thống của VNU . Đang hỏi Phòng TCC B
	2	H09.09.05.02	Thông tư số: 1221/2000/QĐ-BYT của Bộ Y tế quyết định về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học	Thông tư số: 1221/2000/QĐ-BYT 18/4/2000	Bộ Y tế, Bộ GDĐT	Kiểm tra cập nhật

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						mới nhất
	3	H09.09.05.03	Thông tư số 04/1998/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 23/3/1998 hướng dẫn thực hiện quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trong kinh doanh, dịch vụ và phục vụ ăn uống	Thông tư số 04/1998/TT-BYT 23/3/1998	Bộ Y tế	Kiểm tra cập nhật mới nhất
	4	H09.09.05.04	Thông tư số 04/1998/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 23/3/1998 hướng dẫn thực hiện quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trong kinh doanh, dịch vụ và phục vụ ăn uống Thay bằng Thông tư 47/2014/TT-BYT hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Thông tư số 04/1998/TT-BYT 23/3/1998	Bộ Y tế	Kiểm tra cập nhật mới nhất
	5	H09.09.05.05	Hướng dẫn, chỉ đạo nhằm đảm bảo vệ về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên và cán bộ công nhân viên trong dịch Covid-19	12/06/2024	Trường ĐHKHTN	Kiểm tra cập nhật mới nhất (Đang check lại với phòng CTC

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						TSV)
	6	H09.09.05.06	Kết quả xét nghiệm chất lượng nước và kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm	12/6/2024	Trường ĐHKHTN	Chi có năm 2020
	7	H09.09.05.07	Phun thuốc phòng dịch	Số 87/YHTH-BV 20/7/2023	Trường ĐHKHTN	
	8	H09.09.05.08	Hợp đồng với đơn vị chuyên nghiệp dọn vệ sinh	12/6/2024	Trường ĐHKHTN	
	9	H09.09.05.09	Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại trong Nhà trường		Trường ĐHKHTN	Chưa có. Phòng KHC N
	10	H09.09.05.10	Ảnh các bình phòng cháy, chữa cháy	12/6/2024	Trường ĐHKHTN	Đã có
	11	H09.09.05.11	CV của Trường về tổ chức Khóa tập huấn PCCC		Trường ĐHKHTN	Mới có 2021 · Đang check lại với phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						QTB V
	12	H09.09.05.12	Thời gian làm việc của bệnh viện ĐHQGHN (Quyết định thành lập bệnh viện ĐHQGHN Quyết định thành lập phòng khám đa khoa 182 Lương Thế Vinh)		ĐHQGHN	Chưa có. Check lại với phòng TCC B. QĐ 3168
	13	H09.09.05.13	Hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe của Khoa	12/6/2024	Khoa Địa lý	Tự chế
	14	H09.09.05.14	Hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe của Trường	Số 23/TB/CĐĐHKHTN 8/7/2021 Số 25/TB-CĐĐHKHTN 1149/2022 Số 3287/TB-ĐHKHTN 28/9/2023	Trường ĐHKHTN	2021; 2023 Thiếu 2022
	15	H09.09.05.15	Hình ảnh đường đi cho người khuyết tật	12/6/2024	Trường ĐHKHTN	Đã có
Tiêu chuẩn 10	10					
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Quyết định về việc ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học	1111/QĐ - ĐHQGHN ngày 4/4/2018	Đại học Quốc Gia Hà Nội	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	H10.10.01.02	Quy chế đào tạo ĐHQGHN	5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014	Đại học Quốc Gia Hà Nội	
			Quy chế đào tạo Đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội	3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022	Đại học Quốc Gia Hà Nội	
	3	H10.10.01.03	Quyết định về việc ban hành quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội	4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2022	Đại học Quốc Gia Hà Nội	
	4	H10.10.01.04	Hướng dẫn điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 03/04 năm 2023	1144/HD-ĐHQGHN ngày 3/4/2023	Đại học Quốc Gia Hà Nội	
	5	H10.10.01.05	Công văn về việc triển khai nhiệm vụ rà soát điều chỉnh, cập nhật và mở mới chương trình đào tạo của trường Đại học Khoa học Tự nhiên	1032/ĐHKHTN-ĐT ngày 11/4/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	6	H10.10.01.06	Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKHTN các năm 2020	345/KHTN-Ttr,PC&DBCL ngày 14/1/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKHTN các năm 2021	383 /KH-ĐHKHTN ngày 23/2/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKHTN các năm 2022	2444/KH-ĐHKHTN ngày 30/8/2022	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKHTN các năm 2023	2987/KH-ĐHKHTN ngày 31/8/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	7	H10.10.01.07	Quyết định về việc thành lập tổ chuyên gia soạn thảo chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản ngày 24 tháng 5 năm 2019	1530/QĐ-ĐHKHTN	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Quyết định về việc thành lập tổ chuyên gia điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản ngày 17/8/2023	2674/QĐ-ĐHKHTN ngày 17/8/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	8	H10.10.01.08	Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	581/HD-ĐHQGHN ngày 20/2/2020	Đại học Quốc Gia Hà Nội	
	9	H10.10.01.09	Hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan	2250/HD-ĐHKHTN ngày 24/7/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	10	H10.10.01.10	Mẫu phiếu khảo sát online về nhu cầu vị trí việc làm khi xây dựng CTĐT năm 2020	năm 2019	Khoa Địa lý	
	11	H10.10.01.11	Mẫu phiếu online lấy ý kiến về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo xây dựng mới năm 2020	năm 2019	Khoa Địa lý	
	12	H10.10.01.12	Mẫu phiếu online lấy ý kiến về Khung chương trình đào tạo xây dựng mới năm 2020	năm 2019	Khoa Địa lý	
	13	H10.10.01.13	Mẫu phiếu online lấy ý kiến về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo điều chỉnh năm 2023	năm 2023	Khoa Địa lý	
	14	H10.10.01.14	Mẫu phiếu online lấy ý kiến về Khung chương trình đào tạo điều chỉnh năm 2023	năm 2023	Khoa Địa lý	
	15	H10.10.01.15	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp		Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	16	H10.10.01.16	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần (cả trong quy định 581 và online)	581/HD-ĐHQGHN ngày 20/2/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	17	H10.10.01.17	Buổi đối thoại giữa Ban Giám hiệu và sinh viên (có sự tham gia của lãnh đạo khoa) các năm 2020-2024	3663/ĐHKHTN-CTSV ngày 26/10/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	18	H10.10.01.18	Biên bản Hợp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Địa lý về mở ngành đào tạo mới năm 2019, 2020 và điều chỉnh CTĐT năm 2023	ngày 15/12/2022	Khoa Địa lý	
	19	H10.10.01.19	Biên bản họp tổ bộ môn về điều chỉnh CTĐT năm 2023	Ngày 26/6/2023	Khoa Địa lý	
	20	H10.10.01.20	Đề án mở ngành CTĐT thí điểm trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020	năm 2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Quyết định số 723/QĐ-ĐHQGHN về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo CTĐT trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản (ngành thí điểm) ngày 06/03/2020	723/QĐ-ĐHQGHN ngày 6/3/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	21	H10.10.01.21	Báo cáo khảo sát của các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường ĐHKHTN năm 2021	3498//ĐHKHTN-TTPCĐBCL ngày 16/12/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Báo cáo khảo sát của các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường ĐHKHTN năm 2022	3635//ĐHKHTN-TTPCĐBCL ngày 2/12/2022	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Báo cáo khảo sát của các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường ĐHKHTN năm 2023	4205/ĐHKHTN-TTPCĐBCL ngày 1/12/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	22	H10.10.01.22	Quyết định ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh) ngành Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2023	3546/QĐ-ĐHKHTN ngày 18/10/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	23	H10.10.01.23	Kết quả tổng hợp khảo sát các bên liên quan về điều chỉnh CTĐT năm 2023 của khoa Địa lý	Năm 2023	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	H10.10.02.02	Thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	3	H10.10.02.03	- Đề cương chi tiết học phần cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2020	Năm 2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			- Đề cương chi tiết học phần cử nhân Quản lý phát triển đô thị và bất động sản năm 2023	Năm 2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	Lịch trình đào tạo của ĐHKHTN các năm học 2020-2021	2390/ĐHKHTN-ĐT ngày 1/8/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Lịch trình đào tạo của ĐHKHTN các năm học 2021-2022	2279/ĐHKHTN-ĐT ngày 10/8/2021		
			Lịch trình đào tạo của ĐHKHTN các năm học 2022-2023	2233/ĐHKHTN-ĐT ngày 12/08/2022		
			Lịch trình đào tạo của ĐHKHTN các năm học 2023-2024	2550/ĐHKHTN-ĐT ngày 11/8/2023		
	2	H10.10.03.02	Lịch trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS năm 2020	2390/ĐHKHTN-ĐT ngày 10/8/2010	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Lịch trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS năm 2021-2022	2279/ĐHKHTN-ĐT ngày 10/8/2021		
			Lịch trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS năm 2022-2023	2233/ĐHKHTN-ĐT ngày 12/8/2022		
			Lịch trình đào tạo ngành QLPTĐT&BDS năm 2023-2024	2550/ĐHKHTN-ĐT ngày 11/8/2023		
	3	H10.10.03.03	Thời khóa biểu của khoa Địa lý kỳ I và kỳ II năm 2021	Năm 2021	Khoa Địa lý	
			Thời khóa biểu của khoa Địa lý kỳ I và kỳ II năm 2022	Năm 2022	Khoa Địa lý	
			Thời khóa biểu của khoa Địa lý kỳ I và kỳ II năm 2023	Năm 2023	Khoa Địa lý	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	H10.10.03.04	Báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học của khoa Địa lý từ 2020-2021	ngày 30/6/2021	Khoa Địa lý	
			Báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học của khoa Địa lý từ 2021-2022	ngày 30/6/2022		
			Báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học của khoa Địa lý từ 2022-2023	ngày 30/6/2023		
			Báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học của khoa Địa lý từ 2023-2024	ngày 30/6/2024		
	5	H10.10.03.05	Kết quả đánh giá học phần của giảng viên ở nhiều năm học	năm 2022, 2023, 2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	6	H10.10.03.06	Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy học phần các năm 2020-2021	năm 2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy học phần các năm 2021-2022	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy học phần các năm 2022-2023	năm 2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	7	H10.10.03.07	THÔNG BÁO V/v tiếp tục triển khai dạy - học trực tuyến	ngày 6/5/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			THÔNG BÁO V/v tiếp tục triển khai công tác dạy - học trực tuyến	tháng 2/2021		
			THÔNG BÁO V/v triển khai dạy - học trực tuyến từ ngày 04/5/2021	tháng 5/2021		
			THÔNG BÁO Về việc tiếp tục giảng dạy trực tuyến các học phần thực hành, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp và tổ chức thi kết thúc các học phần học kỳ II năm học 2020-2021	tháng 7/2021		
			Triển khai công tác dạy - học của học kỳ I năm học 2020-2021	2630/ĐHKHTN-ĐT ngày 1/9/2020		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Điều chỉnh lịch trình đào tạo, tổ chức thi kết thúc học kỳ II và bảo vệ KLTN năm học 2020-2021	1410/ĐHKHTN-ĐT ngày 28/5/2021		
	8	H10.10.03.08	Trang website của khoa thông báo về nội dung hướng dẫn các môn tự học và học trực tuyến cho sinh viên trong giai đoạn nghỉ COVID 19	năm 2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	9	H10.10.03.09	Lịch thi học kỳ và các hình thức thi của HUS từ năm học 2020-2021 đến nay		Khoa Địa lý	
	10	H10.10.03.10	Thông báo về cảnh báo học vụ các năm học từ 2021-2024	-2883/QĐ-ĐHKHTN ngày 4/1/2022 -950/QĐ-ĐHKHTN ngày 31/3/2023 -951/QĐ-ĐHKHTN ngày 31/3/2023 -1132/QĐ-ĐHKHTN ngày 19/4/2024 -1319/QĐ-ĐHKHTN ngày 7/5/2024	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	11	H10.10.03.11	Thông báo của khoa Địa lý về cuộc họp với giáo viên chủ nhiệm để xét điểm rèn luyện và rà soát học vụ	tháng 9/2023	Khoa Địa lý	
	12	H10.10.03.12	- Thông báo Hội nghị khoa học sinh viên của trường ĐHKHTN năm 2021	-260/KHTN-KHCN ngày 28/1/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Thông báo Hội nghị khoa học sinh viên của trường ĐHKHTN năm 2022	3149/KHTN-KHCN ngày 15/11/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
			Thông báo Hội nghị khoa học sinh viên của trường ĐHKHTN năm 2023	572/ĐHKHTN-KHCN ngày 1/3/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Thông báo Hội nghị khoa học sinh viên của trường ĐHKHTN năm 2024	3068/ĐHKHTN-KHCN ngày 8/9/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
	13	H10.10.03.13	Quyết định thành lập hội đồng chấm báo cáo khoa học sinh viên 2024 của khoa Địa lý	Ngày 8/4/2024	Khoa Địa lý	
	14	H10.10.03.14	Quy định chấm báo cáo khóa luận tốt nghiệp của khoa Địa lý	năm 2024	Khoa Địa lý	
	15	H10.10.03.15	Quyết định thành lập Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của khoa Địa lý năm 2023-2024	ngày 31/5/2024	Khoa Địa lý	
	16	H10.10.03.16	Triển khai công tác đánh giá điểm rèn luyện của Trường và khoa Địa lý	năm 2022, 2023, 2024	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 10.4	1	H10.10.04.01	Danh mục các bài báo, đề tài giai đoạn 2021	năm 2021	Khoa Địa lý	
			Danh mục các bài báo, đề tài giai đoạn 2022	năm 2022		
			Danh mục các bài báo, đề tài giai đoạn 2023	năm 2023		
	2	H10.10.04.02	KLTN, NCKH có gắn với các đề tài	năm 2023	Khoa Địa lý	
	3	H10.10.04.03	Bài giảng có sử dụng các kết quả nghiên cứu			
	4	H10.10.04.04	Các bài báo có tên sinh viên (của ngành BDS)	năm 2022, 2024	Hội Địa lý Việt Nam, Hội Thảo GIS Toàn	
	5	H10.10.04.05	Danh sách các báo cáo NCKH sinh viên khoa Địa lý giai đoạn 2021-2024	năm 2021, 2022, 2023, 2024	Khoa Địa lý	
	6	H10.10.04.06	Sinh viên ngành QLPTĐT&BDS tham gia thực hiện khảo sát thực địa một số đề tài NCKH	năm 2023	Khoa Địa lý	
	7	H10.10.04.07	Seminar NCKH có sự tham gia của sinh viên ngành QLPTĐT&BDS	năm 2023	Khoa Địa lý	
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Báo cáo kết quả thanh tra thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học năm 2020	174/ĐHKHTN-TTrPC&DBCL ngày 21/1/20221	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Báo cáo kết quả thanh tra thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học năm 2024	năm 2024	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	
	2	H10.10.05.02	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học (TT Thông tin Thư viện)	số 77/TVTTS ngày 15/4/2022	TRUNG TÂM THƯ VIỆN VÀ TRI THỨC SỐ	
	3	H10.10.05.03	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học	2024	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	
	4	H10.10.05.04	Ảnh hòm thư góp ý của khoa Địa lý	2024	Khoa Địa lý	
	5	H10.10.05.05	Sổ góp ý tại phòng chờ giảng, mã QR code góp ý	2024	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	
	6	H10.10.05.06	Quyết định thành lập phòng TTPC và ĐBCL	973/QĐ-TCCB ngày 8/4/2009	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	
	7	H10.10.05.07	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2021	1904/BC-ĐHKHTN ngày 30/6/2021	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm học 2021-2022	2036/BC-ĐHKHTN ngày 26/7/2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học năm 2023	129/BC-TVTTS, ngày 26/6/2023	TRUNG TÂM THƯ VIỆN VÀ TRI THỨC SỐ	
			Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng thông qua phản hồi các bên liên quan năm học 2022 – 2023	176-ĐBCL-QTĐH ngày 28/9/2023	VIỆN ĐẢM BẢO CHẤT	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					LƯỢNG GIÁO DỤC	
			Báo cáo tổng hợp lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học 2020	157/BC-TTTV ngày 27/7/2020	TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN	
			BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỢT KHẢO SÁT NĂM 2023 VỀ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	129/BC-TVTTS ngày 26/6/2023	TRUNG TÂM THƯ VIỆN VÀ TRI THỨC SỐ	
	8	H10.10.05.08	Triển khai cổng thông tin điện tử hỗ trợ thủ tục hành chính một cửa cho sinh viên ngày 19/10/2022	3034 /ĐHKHTN-CTSV ngày 19/10/2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	9	H10.10.05.09	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban. Chức năng của VNU-HUS ngày 15/7/2015	tháng 7/2015	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	10	H10.10.05.10	Kế hoạch nâng cấp phòng Thí nghiệm, phòng học Thông báo về mua thiết bị mới của trường ĐHKHTN			
			Thông báo V/v thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thang máy nhà T1 tại trụ sở chính 334 Nguyễn Trãi, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	629/ĐHKHTN-QTBV ngày 14/3/20024	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	11	H10.10.05.11	Nhu cầu mua thiết bị mới của khoa Địa lý gần đây	năm 2022	Khoa Địa lý	
	12	H10.10.05.12	Danh mục thiết bị do Khoa Địa lý quản lý	năm 2024	Khoa Địa lý	
	13	H10.10.05.13	Quỹ học bổng hỗ trợ nghiên cứu khoa học của khoa Địa lý - Quỹ Khuyến khích nghiên cứu khoa học sinh viên từ năm 2012 - Quỹ Hợp tác doanh nghiệp – CarGIS năm 2024 Hình ảnh trao học bổng cho sinh viên	2022,2024	Khoa Địa lý	
			Quyết định Thành lập Quỹ Học bổng “Hợp tác doanh nghiệp – CARGIS”	Ngày 4/4/2024	Khoa Địa lý	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	14	H10.10.05.14	Hình ảnh các buổi Hội thảo định hướng nghề nghiệp của Trường và Khoa	Năm 2022	Khoa Địa lý	
	15	H10.10.05.15	Thông tin việc làm trên facebook của cựu sinh viên			
	16	H10.10.05.16	Cổng thông tin giới thiệu việc làm của VNU-HUS, của khoa Địa lý	năm 2024	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	17	H10.10.05.17	Cơ sở dữ liệu thư viện ĐHQGHN	năm 2024	Trung tâm Thư Viện và tri thức số	
	18	H10.10.05.18	Các thông báo về trụ sở VNU-HUS tại Hòa Lạc	Ngày 19/5/2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quyết định thành lập/đổi tên Phòng Thanh tra, Pháp chế và	973/QĐ-TCCB ngày 8/4/2009	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Các chức năng, nhiệm vụ của Phòng TTPT&ĐBCL	năm 2016	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			QĐ điều chỉnh tổ đảm bảo chất lượng	1426/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/5/2021	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	2	H10.10.06.02	Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2021	383/KH-ĐHKHTN ngày 23/2/2021	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2022	2444/KH-ĐHKHTN ngày 30/8/2022		
			Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2023	2987/KH-ĐHKHTN ngày 31/8/2023		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	H10.10.06.03	Báo cáo Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2020	2343/KHTN-TTr,PC&ĐBCL ngày 5/8/2020	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Báo cáo Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2021	1904/BC-ĐHKHTN ngày 30/6/2021	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Báo cáo Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2022	2036/BC-ĐHKHTN ngày 26/7/2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
			Báo cáo Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2023	176/ĐBCL-QTĐH ngày 28/9/2023	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	4	H10.10.06.04	Bản giải trình chỉnh sửa khung CTĐT ngành BDS năm 2023	năm 2023	Khoa Địa lý	
	5	H10.10.06.05	Mẫu phiếu lấy ý kiến giảng viên	PL I.I 3374/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/7/2024	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	6	H10.10.06.06	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học	77/TVTTS ngày 15/4/2022	Trung tâm Thư viện và tri thức số	
	7	H10.10.06.07	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	8	H10.10.06.08	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học tốt nghiệp về năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	9	H10.10.06.09	Mẫu Phiếu xin ý kiến về môi trường làm việc	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	10	H10.10.06.10	Mẫu Khảo sát nhu cầu hỗ trợ đổi mới hoạt động giảng dạy	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	11	H10.10.06.11	Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi nâng cao chất lượng công việc đối với cán bộ hành chính	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	12	H10.10.06.12	Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi về Công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo đơn vị đào tạo, nghiên cứu	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	13	H10.10.06.13	Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi về công tác lãnh đạo, quản lý của Ban Giám hiệu	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	14	H10.10.06.14	Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi về công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo phòng chức năng	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
	15	H10.10.06.15	Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập	năm 2022	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên	
Tiêu chuẩn 11	11					
Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quyết định bổ nhiệm GVCN, Trợ lý CTSV, Trợ lý Đào tạo	3500/QĐ-ĐKHTN ngày 17/11/2020; 3089/QĐ-	Trường ĐHKHTN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				ĐHKHTN ngày 9/11/2021 1/9/2021 (trợ lý CTSV và trợ lý đào tạo Khoa)	Khoa Địa lý	
	2	H11.11.01.02	Khung CTĐT cử nhân QLPTĐT&BDS		Trường ĐHKHTN	
	3	H11.11.01.03	CSDL cảnh cáo học vụ hàng năm	2020-2024	Trường ĐHKHTN	
	4	H11.11.01.04	CSDL thống kê sinh viên khoa Địa lý và trường ĐHKHTN tốt nghiệp năm 2020-2024			
	5	H11.11.01.05	Thống kê số lượng SV nghỉ học/thôi học	2020-2024		
	6	H11.11.01.06	Quy định về học bổng từ nguồn ngân sách cho sinh viên	3/10/2013; 15/9/2014	Trường ĐHKHTN	
	7	H11.11.01.07	Danh sách dự kiến học bổng ngoài ngân sách của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN	2020-2024		
	8	H11.11.01.08	Tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT (các đợt mở CTĐT, sửa CTĐT)			
Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Cổng thông tin đào tạo ĐHQGHN (http://daotao.vu.edu.vn)			
	2	H11.11.2.02	Quyết định công nhận GVCN, Trợ lý CTSV, Trợ lý Đào tạo	3500/QĐ-ĐKHTN ngày 17/11/2020; 3089/QĐ-ĐHKHTN ngày 9/11/2021 31/9/2021 (trợ lý CTSV và trợ lý đào tạo Khoa)	ĐHKHTN	
	3	H11.11.02.03	Quy định về học cải thiện các học phần (mục 5 Điều 20 Quy chế đào tạo ĐHQGHN)	5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014	ĐHQGHN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	CSDL về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết/đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân (2024)/			
Tiêu chí 11.4	1	H11.11.04.01	Thống kê, đánh giá các hoạt động NCKH của sinh viên khoa Địa lý từ 2020-2024			
	2	H11.11.04.02	Quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Địa lý			
	3	H11.11.04.03	Số lượng bài báo công bố của sinh viên ngành QLPTĐT&BDS			
Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	518/HD-ĐHQGHN ngày 20/2/2020	ĐHQGHN	
		H11.11.05.02	Hướng dẫn quy trình lấy biểu mẫu phản hồi từ các bên liên quan bằng biểu mẫu trực tuyến	4366/KHTN-TTr, PC&ĐBCL ngày 20/11/2015	ĐHKHTN	
	2	H11.11.05.03	Báo cáo tổng kết ý kiến phản hồi sinh viên về học phần, ý kiến phản hồi về chất lượng các hoạt động hỗ trợ, tổng hợp lấy ý kiến giảng viên (2020-2024)	2343/KHTN-TTr, PC&ĐBCL ngày 5/8/2020; 1904/ BC-ĐHKHTN ngày 30/6/2021 2022 2023	ĐHKHTN	
	3	H11.11.05.04	Kết quả khảo sát môi trường làm việc (2020-2024)			
	4	H11.11.05.05	Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của nhà tuyển dụng về chất lượng người học tốt nghiệp và báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của người học tốt nghiệp về năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra của CTĐT (2024)			